



**206 Bài Thuốc
Nhật Bản**

**206 All Drugs
JAPAN**



Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

206 BÀI THUỐC NHẬT BẢN

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

1

- [BÀI 1: AN TRUNG TÁN \(AN CHU SAN\) 9](#)
- [BÀI 2: VI PHONG THANG \(I FU TO\) 10](#)
- [BÀI 3: VI LINH THANG \(I REI TO\) 10](#)
- [BÀI 4: NHÂN TRẦN CAO THANG \(IN CHIN KO TO\) 11](#)
- [BÀI 5: NHÂN TRẦN NGŨ LINH TÁN \(IN CHIN GO REI SAN\) 12](#)
- [BÀI 6: ÔN KINH THANG \(UN KEI TO\) 12](#)
- [BÀI 7: ÔN THANH ÂM \(UN SEI IN\) 13](#)
- [BÀI 8: ÔN ĐĂM THANG \(UN TAN TO\) 13](#)
- [BÀI 9: DIỄN NIÊN BẢN HA THANG \(EN NEN HAN GE TO\) 14](#)
- [BÀI 10: HOÀNG KỶ KIẾN TRUNG THANG \(O GI KEN CHU TO\) 14](#)
- [BÀI 11: HOÀNG CẨM THANG \(O GON TO\) 15](#)
- [BÀI 12: ỨNG CHUNG TÁN \(O SHO SAN\) 15](#)
- [BÀI 13: HOÀNG LIÊN A GIAO THANG \(O REN A GYO TO\) 16](#)
- [BÀI 14: HOÀNG LIÊN GIẢI ĐỘC THANG \(O REN GE DOKU TO\) 16](#)
- [BÀI 15: HOÀNG LIÊN THANG \(O REN TO\) 17](#)
- [BÀI 16: ẮT TỬ THANG \(OTSU JI TO\) 17](#)
- [BÀI 17: HÓA THỰC DƯỠNG TÌ THANG \(KA SHOKU YO HI TO\) 18](#)
- [BÀI 18: HOẮC HƯƠNG CHÍNH KHÍ TÁN \(KAK KO SHO KI SAN\) 18](#)
- [BÀI 19: CÁT CẢN HOÀNG LIÊN HOÀNG CẨM THANG \(KAK KON O REN O GON TO\) 19](#)
- [BÀI 20: CÁT CẢN HỒNG HOA THANG \(KAK KON KO KA TO\) 19](#)
- [BÀI 21: CÁT CẢN THANG \(KAK KON TO\) 20](#)
- [BÀI 22: CÁT CẢN THANG GIA XUYỀN KHUNG TÂN DI \(KAK KON TO KA SEN KYU SHIN](#)

D) 20

- [BÀI 23: GIA VI ÔN ĐĂM THANG \(KA MI UN TAN TO\) 21](#)
- [BÀI 24: GIA VI QUY TÌ THANG \(KA MI KI HI TO\) 22](#)
- [BÀI 25: GIA VI GIẢI ĐỘC THANG \(KA MI GE DOKU TO\) 22](#)
- [BÀI 26: GIA VI TIÊU ĐAO TÁN \(KA MI SHO YO SAN\) 23](#)
- [BÀI 27: GIA VI TIÊU ĐAO TÁN HỢP TỬ VẬT THANG \(KA MI SHO YO SAN GO SHI MOTSU](#)

TO) 24

- [BÀI 28: GIA VI BÌNH VI TÁN \(KA MI HEI I SAN\) 24](#)
- [BÀI 29: CÁN KHƯƠNG NHÂN SÂM BẢN HA HOÀN \(KAN KYO NIN ZIN HAN GE GAN\) 24](#)
- [BÀI 30: CAM THẢO TẢ TÂM THANG \(KAN ZO SHA SHIN TO\) 25](#)
- [BÀI 31: CAM THẢO THANG \(KAN ZO TO\) 25](#)
- [BÀI 32: CAM MẠCH ĐAI TẢO THANG \(KAM BAKU TAI SO TO\) 26](#)
- [BÀI 33: CÁT CẢN THANG \(KI KYO TO\) 27](#)
- [BÀI 34: QUI KỶ KIẾN TRUNG THANG \(KI GI KEN CHU TO\) 27](#)
- [BÀI 35: QUY TỶ THANG \(KI HI TO\) 28](#)
- [BÀI 36: HƯƠNG THANH PHÁ ĐỊCH HOÀN \(KYO SEI HA TEKI GAN\) 28](#)
- [BÀI 37: KHUNG QUY GIAO NGẢI THANG \(KYU KI KYO GAI TO\) 29](#)
- [BÀI 38: KHUNG QUY ĐIỀU HUYẾT ÂM \(KYU KI CHYO KETSU IN\) 29](#)
- [BÀI 39: HẠNH TÔ TÁN \(KYO SO SAN\) 30](#)
- [BÀI 40: KHÔ SÂM THANG \(KU ZIN TO\) 30](#)
- [BÀI 41: KHU PHONG GIẢI ĐỘC TÁN THANG \(KU FU GE DOKU SAN\) 30](#)
- [BÀI 42: KINH GIỚI LIÊN KIỀU THANG \(KEI GAI REN GYO TO\) 31](#)
- [BÀI 43: KÊ CÁN HOÀN \(KEI KAN GAN\) 32](#)
- [BÀI 44: QUẾ CHI THANG \(KEI SHI TO\) 32](#)
- [BÀI 45: QUẾ CHI GIA HOÀNG KỶ THANG \(KEI SHI KA O GI TO\) 33](#)
- [BÀI 46: QUẾ CHI GIA CÁT CẢN THANG \(KEI SHI KA KAK KON TO\) 34](#)
- [BÀI 47: QUẾ CHI GIA HẦU PHÁC HẠNH NHÂN THANG \(KEI SHI KA KO BOKU KYO NIN](#)

TO) 34

[BÀI 48: QUẾ CHI GIA THƯỚC DƯỢC SINH KHƯƠNG NHÂN SÂM THANG \(KEI SHI KA SHAKU YAKU SHO KYO NIN ZIN TO\) 35](#)

[BÀI 49: QUẾ CHI GIA THƯỚC DƯỢC ĐAI HOÀNG THANG \(KEI SHI KA SHAKU YAKU DAI O TO\) 35](#)

[BÀI 50: QUẾ CHI GIA THƯỚC DƯỢC THANG \(KEI SHI KA SHAKU YAKU TO\) 36](#)

[BÀI 51: QUẾ CHI GIA TRUẬT PHU THANG \(KEI SHI KA JUTSU BU TO\) 36](#)

[BÀI 52: QUẾ CHI GIA LONG CỐT MẪU LÊ THANG \(KEI SHI KA RYU KOTSU BO REI TO\)](#)

37

[BÀI 53: QUẾ CHI NHÂN SÂM THANG \(KEI SHI NIN ZIN TO\) 38](#)

[BÀI 54: QUẾ CHI PHỤC LINH HOÀN \(KEI SHI BUKU RYO GAN\) 39](#)

[BÀI 55: QUẾ CHI PHỤC LINH HOÀN LIÊU GIA Ý DĨ NHÂN \(KEI SHI BUKU RYO GAN RYO KA YOKU I NIN\) 39](#)

[BÀI 56: KHẢI TỶ THANG \(KEI HI TO\) 40](#)

[BÀI 57: KINH PHÒNG BẠI ĐỘC TẤN \(KEI BO HAI DOKU SAN\) 41](#)

[BÀI 58: QUẾ MA CẮC BẢN THANG \(KEI MA KAK HAN TO\) 42](#)

[BÀI 59: KÊ MINH TẤN GIA PHỤC LINH \(KEI MEI SAN KA BUKU RYO\) 42](#)

[BÀI 60: KIẾN TRUNG THANG \(KEN CHU TO\) 43](#)

[BÀI 61: GIÁP TỬ THANG \(KO JI TO\) 43](#)

[BÀI 62: HƯƠNG SA BÌNH VI TẤN \(KO SHA HEI I SAN\) 44](#)

[BÀI 63: HƯƠNG SA LỤC QUẦN TỬ THANG \(KO SHA RIK KUN SHI TO\) 44](#)

[BÀI 64: HƯƠNG SA DƯƠNG VI THANG \(KO SHA YO I TO\) 45](#)

[BÀI 65: HẬU PHÁC SINH KHƯƠNG BẢN HA NHÂN SÂM CAM THẢO THANG \(KO BOKU SHO KYO HAN GE NIN ZIN KAN ZO TO\) 46](#)

[BÀI 66: HƯƠNG TÔ TẤN \(KO SO SAN\) 46](#)

[BÀI 67: NGŨ HỒ THANG \(GO KO TO\) 47](#)

[BÀI 68: NGŨ TẮT TẤN \(GO SHITSU SAN\) 47](#)

[BÀI 69: NGŨ XA THÂN KHÍ HOÀN \(GO SHA ZIN KI GAN\) 48](#)

[BÀI 70: NGŨ THỦ DU THANG \(GO SHU YU TO\) 48](#)

[BÀI 71: NGŨ TÍCH TẤN \(GO SHAKU SAN\) 49](#)

[BÀI 72: NGŨ VẬT GIẢI ĐỘC TẤN \(GO MOTSU GE DOKU SAN\) 50](#)

[BÀI 73: NGŨ LÂM TẤN \(GO RIN SAN\) 50](#)

[BÀI 74: NGŨ LINH TẤN \(GO REI SAN\) 50](#)

[BÀI 75: SÀI HẨM THANG \(SAI KAN TO\) 51](#)

[BÀI 76: SÀI HỒ GIA LONG CỐT MẪU LÊ THANG \(SAI KO KA RYU KOTSU BO REI TO\) 52](#)

[BÀI 77: SÀI HỒ QUẾ CHI CAN KHƯƠNG THANG \(SAI KO KEI SHI KAN KYO TO\) 53](#)

[BÀI 78: SÀI HỒ QUẾ CHI THANG \(SAI KO KEI SHI TO\) 53](#)

[BÀI 79: SÀI HỒ THANH CAN THANG \(SAI KO SEI KAN TO\) 54](#)

[BÀI 80: SÀI THƯỚC LỤC QUẦN TỬ THANG \(SAI SHAKU RIK KUN SHI TO\) 54](#)

[BÀI 81: SÀI PHÁC THANG \(SAI BOKU TO\) 55](#)

[BÀI 82: SÀI LINH THANG \(SAI REI TO\) 55](#)

[BÀI 83: TẢ ĐỐT CAO \(SHA TOTSU KO\) 56](#)

[BÀI 84: TAM HOÀNG TẢ TÂM THANG \(SAN O SHA SHIN TO\) 56](#)

[BÀI 85: TOAN TẢO NHÂN THANG \(SAN SO NIN TO\) 57](#)

[BÀI 86: TAM VẬT HOÀNG CẨM THANG \(SAN MOTSU O GON TO\) 58](#)

[BÀI 87: TỬ ẨM GIẢNG HÒA THANG \(JI IN KO KA TO\) 58](#)

[BÀI 88: TỬ ẨM CHỈ BẢO THANG \(JI IN SHI HO TO\) 59](#)

[BÀI 89: TỬ VẤN CAO \(SHI UN KO\) 59](#)

[BÀI 90: TỬ NGHỊCH TẤN \(SHI GYAKU SAN\) 61](#)

[BÀI 91: TỬ QUẦN TỬ THANG \(SHI KUN SHI TO\) 62](#)

[BÀI 92: TỬ HUYẾT NHUẬN TRẮNG THANG \(JI KETSU JUN CHYO TO\) 62](#)

[BÀI 93: THẮT VẬT GIẢNG HA THANG \(SHICHI MOTSU KO KA TO\) 63](#)

[BÀI 94: THỊ ĐỆ THANG \(SHI TEI TO\) 63](#)

[BÀI 95: TỬ VẬT THANG \(SHI MOTSU TO\) 64](#)

[BÀI 96: TỬ LINH THANG \(SHI REI TO\) 64](#)

[BÀI 97: CHÍCH CAM THẢO THANG \(SHA KAN ZO TO\) 65](#)

[BÀI 98: TAM VI GIÁ CÔ THÁI THANG \(SHA KO SAI TO\) 66](#)

[BÀI 99: THƯỚC DƯỢC CAM THẢO THANG \(SHAKU YAKU KAN ZO TO\) 66](#)

[BÀI 100: XÀ SÀNG TỬ THANG \(JIA SHO SHI TO\) 67](#)

[BÀI 101: THẬP TOÀN ĐẠI BỒ THANG \(JU ZEN TAI HO TO\) 67](#)
[BÀI 102: THẬP VI BẠI ĐỘC THANG \(JU MI HAI DOKU TO\) 68](#)
[BÀI 103: NHUẬN TRĂNG THANG \(JUN CHYO TO\) 69](#)
[BÀI 104: CHUNG NHÂN NHẤT PHƯƠNG \(JO GAN IP PO\) 69](#)
[BÀI 105: SINH KHƯƠNG TẢ TÂM THANG \(SHO KYO SHA SHIN TO\) 70](#)
[BÀI 106: TIÊU KIẾN TRUNG THANG \(SHO KEN CHU TO\) 70](#)
[BÀI 107: TIÊU SÀI HỒ THANG \(SHO SAI KO TO\) 71](#)
[BÀI 108: TIÊU SÀI HỒ THANG GIA CÁT CẢNH THẠCH CAO \(SHO SAI KO TO KA KI KYO SEK KO\) 72](#)
[BÀI 109: TIÊU THỪA KHÍ THANG \(SHO JO KI TO\) 72](#)
[BÀI 110: TIÊU THANH LONG THANG \(SHO SEI RYU TO\) 73](#)
[BÀI 111: TIÊU THANH LONG THANG GIA THẠCH CAO \(SHO SEI RYU TO KA SEK KO\) 74](#)
[BÀI 112: TIÊU THANH LONG THANG HỘP MA HẠNH CAM THẠCH THANG \(SHO SEI RYU TO GO MA KYO KAN SEKI TO\) 74](#)
[BÀI 113: TIÊU BẢN HẠ GIA PHỤC LINH THANG \(SHO HAN GE KA BUKU RYO TO\) 74](#)
[BÀI 114: THẮNG MA CÁT CẢN THANG \(SHO MA KAK KON TO\) 75](#)
[BÀI 115: TIÊU MAI THANG \(SHO BAI TO\) 76](#)
[BÀI 116: TIÊU PHONG TẤN \(SHO FU SAN\) 76](#)
[BÀI 117: TIÊU ĐAO TẤN \(SHO YO SAN\) 77](#)
[BÀI 118: TẤN DI THANH PHỄ THANG \(SHIN I SEI HAI TO\) 78](#)
[BÀI 119: TẤN GIAO KHƯƠNG HOẠT THANG \(JIN GYO KYO KATSU TO\) 78](#)
[BÀI 120: TẤN CỬU PHÒNG PHONG THANG \(JIN GYO BO FU TO\) 78](#)
[BÀI 121: SÂM TÔ ẤM \(JIN SO IN\) 79](#)
[BÀI 122: THẦN BÍ THANG \(SHIM PI TO\) 79](#)
[BÀI 123: SÂM LINH BẠCH TRUẬT TẤN \(JIN REI BYAKU JUTSU SAN\) 80](#)
[BÀI 124: THANH CƠ AN HỒI THANG \(SEI KI AN KAI TO\) 81](#)
[BÀI 125: THANH THẬP HÓA ĐÀM THANG \(SEI SHITSU KE TAN TO\) 81](#)
[BÀI 126: THANH THỦ ÍCH KHÍ THANG \(SEI SHO EK KI TO\) 82](#)
[BÀI 127: THANH THƯỜNG QUYÊN THỐNG THANG \(SEI JO KEN TSU TO\) 82](#)
[BÀI 128: THANH THƯỜNG PHÒNG PHONG THANG \(SEI JO BO FU TO\) 83](#)
[BÀI 129: THANH TÂM LIÊN TỬ ẤM \(SEI SHIN REN SHI IN\) 83](#)
[BÀI 130: THANH PHỄ THANG \(SEI HAI TO\) 83](#)
[BÀI 131: CHIẾT TRUNG ẤM \(SES SHO IN\) 84](#)
[BÀI 132: XUYỀN KHUNG TRẢ ĐIỀU TẤN \(SEN KYU CHA CHYO SAN\) 84](#)
[BÀI 133: THIÊN KIM KÊ MINH TẤN \(SEN KIN KEI MEI SAN\) 85](#)
[BÀI 134: TIỀN THI BẠCH TRUẬT TẤN \(ZEN SHI BYAKU JUTSU SAN\) 85](#)
[BÀI 135: SỞ KINH HOẠT HUYẾT THANG \(SO KEI KAK KET TO\) 86](#)
[BÀI 136: TÔ TỬ GIẢNG KHÍ THANG \(SO SHI KO KI TO\) 86](#)
[BÀI 137: ĐẠI HOÀNG CAM THẢO THANG \(DAI O KAN ZO TO\) 87](#)
[BÀI 138: ĐẠI HOÀNG MẪU ĐÓN BỈ THANG \(DAI O BO TAN PI TO\) 88](#)
[BÀI 139: ĐẠI KIẾN TRUNG THANG \(DAI KEN CHU TO\) 88](#)
[BÀI 140: ĐẠI SÀI HỒ THANG \(DAI SAI KO TO\) 89](#)
[BÀI 141: ĐẠI BẢN HẠ THANG \(TAI HAN GE TO\) 90](#)
[BÀI 142: TRÚC NHƯ ỒN ĐÀM THANG \(CHIKU JO UN TAN TO\) 90](#)
[BÀI 143: TRI ĐÁ PHOC NHẤT PHƯƠNG \(JI DA BOKU IP PO\) 91](#)
[BÀI 144: TRI ĐẦU SANG NHẤT PHƯƠNG \(JI ZU SO IP PO\) 92](#)
[BÀI 145: TRUNG HOÀNG CAO \(CHU O KO\) 92](#)
[BÀI 146: ĐIỀU VI THỪA KHÍ THANG \(CHYO I JO KI TO\) 93](#)
[BÀI 147: ĐÌNH HƯƠNG THI ĐỀ THANG \(CHYO KO SHI TEI TO\) 94](#)
[BÀI 148: ĐIỀU ĐĂNG TẤN \(CHYO TO SAN\) 94](#)
[BÀI 149: TRƯ LINH THANG \(CHYO REI TO\) 95](#)
[BÀI 150: TRƯ LINH THANG HỘP TỬ VẬT THANG \(CHYO REI TO GO SHI MOTSU TO\) 95](#)
[BÀI 151: THÔNG ĐAO TẤN \(TSU DO SAN\) 96](#)
[BÀI 152: ĐÀO HẠCH THỪA KHÍ THANG \(TO KAKU JO KI TO\) 96](#)
[BÀI 153: ĐƯƠNG QUY ẤM TỬ \(TO KI IN SHI\) 97](#)
[BÀI 154: ĐƯƠNG QUY KIẾN TRUNG THANG \(TO KI KEN CHU TO\) 98](#)
[BÀI 155: ĐƯƠNG QUY TẤN \(TO KI SAN\) 99](#)
[BÀI 156: ĐƯƠNG QUY TỬ NGHỊCH THANG \(TO KI SHI GYAKU TO\) 99](#)

[BÀI 157: ĐƯƠNG QUY TỬ NGHỊCH GIA NGŨ THÙ DU SINH KHƯƠNG THANG \(TO KI SHI GYAKU KA GO SHU YU SHO KYO TO\) 100](#)

[BÀI 158: ĐƯƠNG QUY THƯỚC DƯỢC TẤN \(TO KI SHAKU YAKU SAN\) 101](#)

[BÀI 159: ĐƯƠNG QUY THANG \(TO KI TO\) 102](#)

[BÀI 160: ĐƯƠNG QUY BỐI MẪU KHỔ SÂM HOÀN LIÊU \(TO KI BAI MO KU JIN GAN RYO\)](#)

102

[BÀI 161: ĐỘC HOẠT CÁT CĂN THANG \(DOK KATSU KAK KON TO\) 102](#)

[BÀI 162: ĐỘC HOẠT THANG \(DOK KATSU TO\) 103](#)

[BÀI 163: NHI TRUẬT THANG \(NI JUTSU TO\) 103](#)

[BÀI 164: NHI TRẦN THANG \(NI CHIN TO\) 104](#)

[BÀI 165: NỮ THẦN THANG \(NYO SHIN TO\) 105](#)

[BÀI 166: NHẬN SÂM DƯỠNG VINH THANG \(NIN JIN YO EI TO\) 105](#)

[BÀI 167: NHẬN SÂM THANG \(NIN JIN TO\) 106](#)

[BÀI 168: BÀI NÙNG TẤN \(HAI NO SAN\) 107](#)

[BÀI 169: BÀI NÙNG THANG \(HAI NO TO\) 107](#)

[BÀI 170: MẠCH MÔN ĐÔNG THANG \(BAKU MON DO TO\) 108](#)

[BÀI 171: BÁT VI ĐỊA HOÀNG HOÀN \(HACHI MI JI O GAN\) 108](#)

[Bài 172: BÁT VI TIÊU ĐAO TẤN \(HACHI MI SHO YO SAN\) 110](#)

[BÀI 173: BẮN HA HẦU PHÁC THANG \(HAN GE KO BOKU TO\) 111](#)

[BÀI 174: BẮN HA TẢ TÂM THANG \(HAN GE SHA SHIN TO\) 111](#)

[BÀI 175: BẮN HA BẠCH TRUẬT THIÊN MA THANG \(HAN GE BYAKU JUTSU TEN MA TO\)](#)

112

[BÀI 176: BẠCH HỒ THANG \(BYAK KO TO\) 113](#)

[BÀI 177: BẠCH HỒ GIA QUẾ CHI THANG \(BYAK KO KA KEI SHI TO\) 114](#)

[BÀI 178: BẠCH HỒ GIA NHẬN SÂM THANG \(BYAK KO KA NIN JIN TO\) 114](#)

[BÀI 179: BẮT HOẢN KIM CHÍNH KHÍ TẤN \(FU KAN KIN SHO KI SAN\) 114](#)

[BÀI 180: PHỤC LINH ÂM \(BUKU RYO IN\) 115](#)

[BÀI 181: PHỤC LINH ÂM HỘP BẮN HA HẦU PHÁC THANG \(BUKU RYO IN GO HAN GE KO BOKU TO\) 116](#)

[BÀI 182: PHỤC LINH TRẠCH TẢ THANG \(BUKU RYO TAKU SHA TO\) 117](#)

[BÀI 183: PHỤC LONG CÁN THANG \(BUKU RYU KAN TO\) 117](#)

[BÀI 184: PHÂN TIÊU THANG \(BUN SHO TO\) 118](#)

[BÀI 185: BÌNH VI TẤN \(HEI I SAN\) 119](#)

[BÀI 186: PHÒNG KỶ HOÀNG KỶ THANG \(BO I O GI TO\) 120](#)

[BÀI 187: PHÒNG KỶ PHỤC LINH THANG \(BO I BUKU RYO TO\) 121](#)

[BÀI 188: PHÒNG PHÒNG THÔNG THÁNH TẤN \(BO FU TSU SHO SAN\) 121](#)

[BÀI 189: BỘ KHÍ KIẾN TRUNG THANG \(HO KI KEN CHU TO\) 122](#)

[BÀI 190: BỘ TRUNG ÍCH KHÍ THANG \(HO CHU EK KI TO\) 123](#)

[BÀI 191: BỘ PHỄ THANG \(HO HAI TO\) 123](#)

[BÀI 192: MA HOÀNG THANG \(MA O TO\) 124](#)

[BÀI 193: MA HẠNH CAM THẠCH THANG \(MA KYO KAN SEKI TO\) 125](#)

[BÀI 194: MA HẠNH Ý CAM THANG \(MA KYO YOKU KAN TO\) 125](#)

[BÀI 195: MA TỬ NHẬN HOÀN \(MA SHI NIN GAN\) 125](#)

[BÀI 196: DƯƠNG BẠCH TẤN \(YO HAKU SAN\) 126](#)

[BÀI 197: Ý DĨ NHẬN THANG \(YOKU I NIN TO\) 127](#)

[BÀI 198: ỨC CÁN TẤN \(YOKU KAN SAN\) 127](#)

[BÀI 199: ỨC CÁN TẤN GIA TRẦN BỈ BẮN HA \(YOKU KAN SAN KA CHIN PI HAN GE\) 128](#)

[BÀI 200: LẬP CÔNG TẤN \(RIK KO SAN\) 128](#)

[BÀI 201: LỤC QUÂN TỬ THANG \(RIK KUN SHI TO\) 129](#)

[BÀI 202: LONG ĐÁM TẢ CÁN THANG \(RYU TAN SHA KAN TO\) 129](#)

[BÀI 203: LINH KHƯƠNG TRUẬT CAM THANG \(RYO KYO JUTSU KAN TO\) 130](#)

[BÀI 204: LINH QUẾ CAM TẢO THANG \(RYO KEI KAN SO TO\) 131](#)

[BÀI 205: LINH QUẾ TRUẬT CAM THANG \(RYO KEI JUTSU KAN TO\) 131](#)

[BÀI 206: LỤC VI HOÀN \(ROKU MI GAN\) 132](#)

BÀI 1: AN TRUNG TÁN (AN CHU SAN)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 3-5, Hồi hương 1,5-2g, Súc sa 1-2g, Cam thảo 1-2g, Lương khương 0,5-1g, Phục linh 0,5g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* Tán cả thành bột, hòa với rượu hâm nóng, hoặc ngâm loãng với nước ấm để uống, mỗi lần 1-2g . Ngày uống 2-3 lần.

2. *Sắc:* Ngày 1 thang.

Công dụng: Trị đau dạ dày hoặc đau bụng và những bệnh viêm dạ dày do thần kinh, viêm dạ dày mạn tính và mất trương lực dạ dày đôi lúc đi kèm theo những triệu chứng ợ nóng, ợ hơi, chán ăn hoặc buồn nôn, ... Ngoài ra còn làm giảm cơn đau bụng kinh, giảm đau dạ dày do ung thư.

Giải thích:

Theo *Hòa tễ cục phương:* Đây là bài thuốc giảm đau cho người đau dạ dày mạn tính, cơ bụng giảm trương lực, gầy, thích ăn ngọt.

Theo *Phương hàm loại tự:* Đây là chủ dược cho chứng tích nang (mất trương lực giãn dạ dày) làm giảm đau bụng do đau dạ dày, ung thư dạ dày, đau bụng kinh nguyệt kịch phát.

Bài thuốc này rất có hiệu nghiệm với đau bụng do hư hàn tì vị, khí huyết không lưu thông với những triệu chứng: gầy, da gân cốt nhão, mạch hư hoặc yếu, đau tức vùng tim, đầy bụng, ...

BÀI 2: VỊ PHONG THANG (I FU TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 2,5-3g, Thược dược 3g, Xuyên khung 2,5-3g, Nhân sâm 3g, Phục linh 3-4g, Quế chi 2-3g, Túc (Thóc) 2-3g.

Cách dùng và lượng dùng: *Thang.*

Công dụng: Có tác dụng trị viêm ruột cấp và mạn tính, ỉa lỏng do bị lạnh ở những người có sắc mặt kém, ngại ăn, dễ bị mệt mỏi.

Giải thích:

Theo *Hòa tễ cục phương*: dùng cho những người bụng dạ yếu gặp lạnh là bị đi lỏng, những người mệt mỏi và suy nhược vì bị bệnh ỉa chảy mạn tính. Đại tiện ra phân sống, phân lỏng như nước, phân có mùi hoặc phân có lẫn ít máu. Trong chương về bệnh tả, lý viết: Thuốc trị cho cả người lớn và trẻ em, phong lạnh thừa hư mà nhập vào tì vị khiến máu ú thức ăn không tiêu hóa được, dẫn tới đi tả như tháo, bụng đầy trướng, sôi bụng và lâm râm đau, thấp độ trong tì vị tháo ra như nước đậu ép bất kể ngày đêm.

Sách *Vật ngộ phương hàm khẩu quyết* viết: Thuốc này dùng để chữa cho những người ăn không tiêu dẫn tới đi ngoài và xuất huyết không ngừng, mặt mày xanh xao kéo dài.

Sách *Phương hàm loại tụ* viết: Thuốc này dùng cho những người uống phải nước không hợp hoặc không tiêu hóa được thức ăn, bị đi lỏng hoặc do bụng dạ không ổn mà đi lỏng.

BÀI 3: VỊ LINH THANG (I REI TO)

Thành phần và phân lượng: Thương truật 2,5-3g, Hậu phác 2,5-3g, Trần bì 2,5-3g, Trư linh 2,5-3g, Trạch tả 2,5-3g, Thược dược 2,5-3g, Bạch truật 2,5-3g, Phục linh 2,5-3g, Quế chi 2-2,5g, Đại táo 1,5-3g, Can sinh khương 0,5-2g, Cam thảo 1-2g, Súc sa 2g, Hoàng liên 2g (có thể không dùng Thược dược, Súc sa, Hoàng liên).

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* Mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 1,5-2g.

2. *Thang.*

Công dụng: Trị đi ngoài, nôn mửa, trúng độc thức ăn không tiêu, bị trúng thử, ra khí, nước, đau bụng do lạnh, viêm ruột, dạ dày cấp tính, đau bụng kèm theo miệng khát và lượng tiểu tiện ít.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Đây là bài thuốc kết hợp bài Ngũ linh tán và Bình vị tán dùng để trị cho những người vốn dĩ khả năng thải nước kém, do bụng bị tổn thương cho nên kém hấp thu nước, thức ăn vào không tiêu hóa được, tháo ra như nước, người có những triệu chứng miệng khát, trong dạ dày ọc ách nước và bụng căng tức, lượng nước tiểu ít.

Sách *Phương hàm loại tỳ* viết: Thuốc gồm 8 vị Hậu phác, Quất bì, Cam thảo, Thương truật, Trư linh, Trạch tả, Phục linh và Quế chi dùng để trị cho những người bị ngộ độc thức ăn hoặc không tiêu hoá nổi thức ăn mà đi tả, hoặc những người tỳ vị bất an mà đi tả. Gia vị linh thang gồm 11 vị: Thương truật, Trư linh, Phục linh, Trạch tả, Hậu phác, Quất bì, Tô diệp thảo, Mộc hương, Bạch truật, Sinh khương, trị rất công hiệu tất cả những bệnh với liều lượng tùy theo chứng bệnh, trị những người đi tả do thức ăn không tiêu. Thuốc còn được dùng sau khi thương hàn và đặc biệt công hiệu đối với bị gió sau khi đi tả.

BÀI 4: NHÂN TRẦN CAO THANG (IN CHIN KO TO)

Thành phần và phân lượng: Nhân trần cao 4-6g, Sơn chi tử 2-3g, Đại hoàng 0,8-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Có công dụng đối với bệnh mày đay (nettle-rush) và viêm khoang miệng ở những người miệng khát, tiểu tiện ít và bí đại tiện.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận* và *Kim quỹ yếu lược*, đây là một bài thuốc nổi tiếng dùng để chữa bệnh hoàng đản, dùng trị các bệnh do phân ly thực nhiệt gây ra. Do đó, thuốc này dùng cho những người có triệu chứng như bụng trên đầy tức, có cảm giác tức và khó chịu ở vùng từ dưới tim đến vùng ngực, khô cổ bí đại tiện, bụng hơi đầy trướng, lượng tiểu tiện giảm, ra mồ hôi đầu, chóng mặt da vàng, da có cảm giác ngứa khó chịu, v.v...

Theo sách *Phương hàm loại tự*: Nhân trần trị vàng da, Chi tử, Đại hoàng có tác dụng lợi tiểu, bài thuốc trên dùng lúc bệnh sơ phát, còn sau đó phải dùng bài Nhân trần ngũ linh tán.

Trong sách *Thương hàn luận* (phần bàn về bệnh dương minh) có viết: "Những người bị bệnh dương minh, người nóng và ra mồ hôi thì nhiệt ở phần lý theo mồ hôi truyền ra ngoài da, là chứng trạng không phát vàng. Tuy nhiên, những người đầu ra mồ hôi mà người không có mồ hôi, tiểu tiện ít, khát và háo nước đây là nhiệt uất trệ ở phần lý thân thể tất phát vàng dùng nhân trần cao thang làm chủ. Những người sau 18 ngày thương hàn, khắp người trở thành màu vàng như màu quả cam, tiểu tiện ít và bụng hơi đầy trướng thì dùng Nhân trần cao thang".

Trong sách *Kim quỹ* (phần bàn về bệnh hoàng đản) viết: Đó là bệnh cốc đản, người lúc cảm thấy nóng lúc cảm thấy lạnh, không muốn ăn. Khi ăn vào lập tức chóng mặt, tim đập không đều, lâu dần phát ra màu vàng và trở thành bệnh cốc đản. Lúc đó phải dùng Nhân trần cao thang. Cốc đản có nghĩa là mặc dầu trong bụng bị nước nhưng vẫn ăn hạt ngũ cốc cho nên sinh ra nhiệt trong dạ dày. Nước cùng với nhiệt và thức ăn kết hợp với nhau phát ra bệnh hoàng đản. Điều đó có nghĩa là bệnh hoàng đản phát ra từ 3 nguồn độc: thực độc, thủy độc, nhiệt độc.

BÀI 5: NHÂN TRẦN NGŨ LINH TÁN (IN CHIN GO REI SAN)

Thành phần và phân lượng: Trạch tả 4,5g-6g, Phục linh 3-4,5g, Trư linh 3-4,5g, Truật 3-4,5g, Quế chi 2-3g, Nhân trần cao 3-4g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* Trường hợp tán: dùng các vị trong bài Nhân trần ngũ linh tán. Trừ Nhân trần cao, bằng 1/8 lượng của trường hợp dùng thang (mỗi ngày uống 3 lần).

2. *Thang.*

Công dụng: Dùng trị các chứng nôn mửa, mày đay, buồn nôn kéo dài, sung phù, những người miệng khát, tiểu tiện ít.

Giải thích:

Theo sách *Kim quỹ yếu lược* thì nội dung của bài thuốc này là bài Ngũ linh tán có thêm Nhân trần cao, dùng trị các chứng miệng khát, tiểu tiện giảm, bí đại tiện, đầy bụng và mạch phù. Còn bài Nhân trần ngũ linh tán thì chữa chứng miệng khát, lượng tiểu tiện ít, nhưng không bí đại tiện, bệnh tình nhẹ hơn, mạch trầm. Vốn dĩ bài thuốc này là bài thuốc tán, song cũng có nhiều người dùng ở dạng thang.

Theo *Thực tế chẩn liệu:* Trị các chứng hoàng đản, viêm chảy ở những người miệng khát và lượng tiểu tiện ít, chứng hoàng đản ở những người nghiện rượu và chứng phù thũng.

Theo *Chẩn liệu y điển:* Trong các chứng bệnh mà bài thuốc này điều trị có chứng miệng khát và lượng tiểu tiện ít, nhưng không có hiện tượng bí đại tiện. Thuốc được dùng cho bệnh viêm gan, viêm thận, bệnh hư thận, bụng chướng nước, ... Người ta thường dùng hỗn hợp với bài Tiểu sài hồ thang và Đại sài hồ thang.

BÀI 6: ÔN KINH THANG (UN KEI TO)

Thành phần và phân lượng: Bán hạ 3-5g, Mạch môn đông 3-10g, Đương quy 2-3g, Xuyên khung 2g, Nhân sâm 2g, Quế chi 2g, A giao 2, Mẫu đơn bì 2g, Cam thảo 2g, Can sinh khương 1g, Sinh khương 1-2g, Ngô thù du 1-3g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng kinh nguyệt không thuận, kinh nguyệt khó, bạch đới, những chứng bệnh thời kỳ mãn kinh, mất ngủ, bệnh thần kinh, eczema, cước chân, lạnh thắt lưng, cước chân tay ở những người chân tay cảm thấy nóng, môi khô.

Giải thích:

Theo sách *Kim quỹ yếu lược* thì thành phần các vị thuốc của bài này tương tự với các bài Đương quy kiến trung thang, Khung quy giao ngải thang, Đương quy tứ nghịch gia ngô thù du sinh khương thang, Đương quy thực dược tán, Quế chi phục linh hoàn. Bài thuốc này có tác dụng làm ấm cái hàn trong cơ thể, loại trừ ứ huyết và bồi bổ sức cho thân thể. Đặc biệt, bệnh bạch đới nếu chỉ do nguyên nhân vì lạnh vùng lưng gây ra thì thuốc này rất có hiệu nghiệm, nhưng nếu do vi trùng gây ra thì nên dùng bài Long đàm tả can thang.

Các tài liệu tham khảo khác như *Thực tế chẩn liệu*, *Chẩn liệu y điển*, *Đông y lâm sàng*, ... cũng thống nhất về công dụng của bài thuốc này như trên. Ngoài ra nó còn có tác dụng cho những phụ nữ khí huyết hư (nguyên khí suy và thiếu máu), thượng nhiệt hạ hàn, miệng khô, lòng bàn tay nóng khô, phiền nhiệt và các chứng bệnh phụ khoa.

BÀI 7: ÔN THANH ẨM (UN SEI IN)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3-4g, Địa hoàng 3-4g, Thược dược 3-4g, Xuyên khung 3-4g, Hoàng liên 1,5-2g, Hoàng cầm 1,5-3g, Sơn chi tử 1,5-2g, Hoàng bá 1,5-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng trị các chứng kinh nguyệt không đều, kinh nguyệt khó, các chứng về đường kinh, bệnh mãn kinh và chứng thần kinh ở những người da xin và chóng mặt do nhiệt dồn lên đầu.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*, bài thuốc này kết hợp bài Tứ vật thang và Hoàng liên giải độc thang, dùng cái ôn của Tứ vật thang để làm máu lưu thông và dùng cái thanh của Hoàng liên giải độc thang để giải huyết nhiệt và loại trừ ứ huyết. Cho nên người ta đặt tên bài thuốc này là Ôn thanh ẩm.

Thuốc dùng cho những người về thể chất thì da có màu xám đen hoặc xám vàng giống như màu giấy quét nước cây và có chiều hướng khô da, về bệnh trạng thì ngứa, mề mòi hoặc viêm loét niêm mạc và có chiều hướng máu dồn lên đầu và xuất huyết.

Theo nhiều tài liệu tham khảo như *Chẩn liệu y điển*, *Thực tế trị liệu*, *Thực tế ứng dụng*, v.v... bài thuốc này dùng trị thiếu máu, xuất huyết tử cung, kinh nguyệt ra nhiều, viêm loét đường tiêu hóa chảy máu, viêm bàng quang, phù thũng, lao thận, suy gan, các bệnh da (viêm da, eczema, mày đay, trứng cá) và các bệnh thần kinh, huyết áp cao.

BÀI 8: ÔN ĐẢM THANG (UN TAN TO)

Thành phần và phân lượng: Bán hạ 4-6g, Phục linh 4-6g, Sinh khương 3g, Can sinh khương 1-2g, Trần bì 2-3g, Trúc nhự 2-3g, Chi thực 1-2g, Cam thảo 1-2g, Hoàng liên 1g, Toan táo nhân 3g, Đại táo 2g (cũng có trường hợp không có Hoàng liên, Toan táo nhân, Đại táo).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị mất ngủ và chứng thần kinh của những người suy nhược vị tràng.

Giải thích:

Theo sách *Tam nhân phương* và sách *Thiên kim phương*: có thể xem đây là bài Phục linh tán (Phục linh, Truật, Nhân sâm, Sinh khương, Quất bì, Chi thực) bỏ các vị Truật và Nhân sâm, thay vào đó là thêm Bán hạ, Cam thảo, Trúc nhự. Bỏ Truật để thêm Cam thảo cho thấy là mức độ ứ nước trong dạ dày nhẹ hơn bài Phục linh ẩm, và sự có mặt của Bán hạ cho thấy là có nước ở trong thành ngực. Người xưa cho rằng việc ứ đọng thủy ẩm làm cho đờm lạnh và dẫn tới tinh thần bất an.

Ngay trong việc trị chứng mất ngủ do hư phiền thì thuốc này cũng nhằm vào việc trị ứ nước chứ không phải nhằm vào chứng thiếu máu giống như bài Toan táo nhân thang. Bài thuốc này cũng có thể coi là bài Nhị trần thang có sửa đổi.

Tham khảo:

Trong phần giải thích dựa vào *Tam nhân phương* người ta gọi bài thuốc có 9 vị thuốc là bài Ôn đả m thang. Trong các sách *Tập phân lượng các vị thuốc*, *Trăm mẩu chuyện về đông y*, *Đông y đại y điển*, coi đây là bài Ôn đả m thang có tăng vị. Còn trong các sách *Thực tế ứng dụng*, *Các bài thuốc đơn giản*, coi xuất xứ bài thuốc này là ở Thiên kim phương, bớt đi các vị Hoàng liên, Toan táo nhân và Đại táo.

BÀI 9: DIỄN NIÊN BÁN HẠ THANG (EN NEN HAN GE TO)

Thành phần và phân lượng: Bán hạ 4-5g, Sài hồ 2-3g, Thổ biệt giáp 3-4g, Cát cánh 3g, Tân lang tử (Hạt cau) 3g, Nhân sâm 0,8-2g, Can sinh khương 1-2g, Chi thực 1-2g, Ngô thù du 0,5-1g.

Cách dùng và lượng dùng: *Thang.*

Công dụng: Trị các chứng viêm dạ dày mạn tính, đau dạ dày và ăn uống không ngon miệng ở những người có cảm giác đau tức ở vùng thượng vị, đau vai và chân lạnh.

Giải thích: Theo sách *Ngoại đài bí yếu phương*: Đây là bài thuốc dùng cho những người có bệnh dạ dày mạn tính, khi chân lạnh, vai trái đau và phần ngực dưới bên trái đau.

Bài thuốc này với các vị chính là Bán hạ, Cát cánh, Tiên hồ có tác dụng loại trừ đờm quái trong ngực để làm tiêu tán những cơn co thắt ở vùng ngực. Theo giải thích của Wada, tất cả những bài thuốc có Ngô thù du là dùng cho những người có những triệu chứng đau ở bên trái cơ thể, bài thuốc này cũng được dùng cho những người bị đau thần kinh liên sườn mà mục tiêu là trị những cơn co thắt và đau ở vùng ngực trái.

Những bệnh trạng mà bài thuốc này có hiệu nghiệm có thể liệt kê theo thứ tự sau:

1. Chứng bệnh về dạ dày.
2. Đau vai trái.
3. Lạnh chân.

4. Vùng sườn trái hoặc vùng ngực dưới vú trái bị đau hoặc có cảm giác gằn như đau (chẳng hạn như cảm giác căng tức). Ngoài ra, cũng còn có thể kể ra những chứng bệnh sau dùng để tham khảo: khuynh hướng bí đại tiện, căng gân bụng có chiều hướng thể hiện mạnh ở phía trái cơ thể, suy từ mạch, lưỡi và thấy thể trạng hơi yếu đi, ...

BÀI 10: HOÀNG KỶ KIẾN TRUNG THANG (O GI KEN CHU TO)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 3-4g, Sinh khương 3-4g, Đại táo 3-4g, Thược dược 6g, Cam thảo 2-3g, Hoàng kỳ 3-4g, A giao 20g (không có A giao cũng được)

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Phương pháp bào chế: Sắc chung tất cả các vị thuốc thực vật, sau đó bỏ bã rồi trộn 20g A giao, sau đó tiếp tục đun sôi thêm 5 phút nữa. Uống lúc nước còn ấm.

Công dụng: Trị các chứng thể chất suy nhược, suy nhược sau khi bị ốm nặng hoặc đổ mồ hôi trộm ở những người thể chất yếu và dễ mệt mỏi.

Giải thích:

Theo sách *Kim quĩ yếu lược*: Bài thuốc này vốn là bài Tiểu kiến trung thang có thêm Hoàng kỳ.

Theo những tài liệu tham khảo như *Thực tế trị liệu*, *Thực tế ứng dụng*, *Các bài thuốc đơn giản*, bài thuốc này còn có tác dụng:

1. Trị các chứng trẻ con gầy yếu, đái đêm, khóc đêm, viêm phúc mạc mạn tính nhẹ, đổ mồ hôi trộm, đau bụng và viêm tai giữa mạn tính ở những người có thể trạng yếu dễ mệt mỏi.
2. Dùng để trị cho những đứa trẻ suy nhược, những người suy nhược sau khi ốm nặng, trĩ rò và các dạng trĩ khác, viêm tai giữa mạn tính, viêm xương mạn tính (Karies), loét mạn tính và các chứng viêm có mũ khác.
3. Dùng cho những người thể chất yếu dễ mệt mỏi, thành bụng mỏng, cơ thẳng bụng co thắt, đổ mồ hôi trộm và dễ cải thiện thể trạng suy yếu.

BÀI 11: HOÀNG CẨM THANG (O GON TO)

Thành phần và phân lượng: Hoàng cầm 4,0g, Thược dược 3,0g, Cam thảo 3,0g, Đại táo 4,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng để trị các chứng ỉa chảy, viêm vị tràng có kèm theo các triệu chứng như cảm thấy lạnh, sốt, đau bụng, tức ở vùng hõm thượng vị, v.v...

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*: Thuốc này dùng để trị ỉa lỏng cấp tính và đau bụng thì dùng Hoàng cầm thang, còn những người có mửa thì phải dùng Hoàng cầm gia bán hạ sinh khương thang.

Các tài liệu tham khảo khác như *Chẩn liệu y điển*, *Liệu pháp ứng dụng*, *Cổ phương dược nang*, v.v... đều cho biết: Bài thuốc này dùng trị viêm đường tiêu hóa sau cảm sốt, ăn uống không tiêu, bụng đầy trướng, ỉa lỏng bụng quặn đau, cơ thể nóng trong, miệng khát, không muốn ăn.

BÀI 12: ỨNG CHUNG TÁN (O SHO SAN)

Thành phần và phân lượng: Đại hoàng 1,0g, Xuyên khung 2,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Trong trường hợp dùng theo cách tán thì uống ngày một lần.

Trong trường hợp thang: số lượng ở thành phần trên là lượng dùng của một ngày.

Công dụng: Dùng khi bí đại tiện hoặc bị chứng máu dâng lên mặt gây ra choáng váng và đau vai đi kèm theo bí đại tiện.

Giải thích:

Bài thuốc này còn có tên là Khung hoàng tán, dùng kết hợp với các thuốc khác cho các chứng bệnh ở vùng mặt và vùng đầu. Theo *Chẩn liệu y điển*, tất cả những bệnh về mắt người ta cũng thường dùng kết hợp bài thuốc này. Bài thuốc này cần thiết cho việc giải độc ở phần trên của thân thể như vùng mặt và vùng đầu. Đặc biệt, trong trường hợp những bài thuốc có thêm Quế chi, người ta thêm Xuyên khung, Đại hoàng, hoặc là dùng kết hợp với Khung hoàng tán.

Đối với những bệnh viêm tuyến nước mắt cấp và mạn tính, viêm kết mạc cấp và mạn tính, mắt hột và đục thủy tinh thể dùng kết hợp với Cát căn thang.

BÀI 13: HOÀNG LIÊN A GIAO THANG (O REN A GYO TO)

Thành phần và phân lượng: Hoàng liên 3-4g, Thược dược 2-2g,5, Hoàng cầm 2,0g, A giao 3,0g, lòng đỏ trứng 1 quả.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Theo *Giải thích các bài thuốc và tập Những bài thuốc đông y* thì cách dùng cụ thể như sau:

* 1: Cho ba vị, trừ A giao và lòng đỏ trứng, vào 600 ml nước đun lấy 300 ml, bỏ bã rồi cho A giao vào đun cho tan, để hơi nguội rồi cho vào 1 lòng đỏ trứng khuấy đều và chia uống làm 3 lần.

* 2: Bỏ các vị Hoàng liên, Hoàng cầm, Thược dược vào 240 phần nước đun lấy 80 phần, bỏ bã rồi cho A giao vào đun cho tan, để nguội một chút rồi cho lòng đỏ trứng vào khuấy đều; chia uống làm 3 lần.

Công dụng: Thuốc dùng để trị các chứng đỏ máu cam, mất ngủ, da khô và ngứa ở những người bị lạnh, chóng mặt có chiều hướng bị mất ngủ.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*, đây là bài Tả tâm thang có thêm vị dùng trị các bệnh có triệu chứng sốt, suy nhược, tức ngực, chóng mặt, tâm phiền khó ngủ, các dạng xuất huyết, ngứa ngoài da, ỉa chảy mà dùng Tả tâm thang vẫn không thuyên giảm.

Sách *Phương hàm loại tụ* viết: Thuốc dùng để trị cho những người thổ huyết, khái huyết, tâm phiền khó ngủ, hoặc dùng trị ỉa ra máu, ỉa lỏng do cảm không dùng, bị đậu mùa rồi ỉa chảy và mất ngủ, thì rất hiệu nghiệm.

Các tài liệu tham khảo khác cho biết bài thuốc này còn trị bệnh phát ban hoặc có nốt ác tính ở đầu và mặt, cơ thể suy nhược, tiểu tiện lượng ít, nước tiểu đỏ.

BÀI 14: HOÀNG LIÊN GIẢI ĐỘC THANG (O REN GE DOKU TO)

Thành phần và phân lượng: Hoàng liên 1,5-2g, Hoàng bá 1,5-3g, Hoàng cầm 3,0g, Sơn chi từ 2-3g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* mỗi lần uống 1,5-2 gam, ngày uống 3 lần.

2> *Thang.*

Công dụng: Dùng để trị các chứng đở máu cam, mất ngủ, thần kinh, viêm dạ dày, sau lậu, bệnh về huyết đạo kinh, chóng mặt, tim đập nhanh ở những người thể lực tương đối tốt, mặt đỏ do sung huyết, người bồi hồi.

Giải thích:

Theo *Chẩn liệu y điển, Thực tế trị liệu, Bách khoa về thuốc dân gian*, v.v... bài thuốc trên dùng cho người có thể lực tốt (thường to béo) bị tăng huyết áp với triệu chứng mặt đỏ, trống ngực dồn dập, tâm trạng hoảng hốt bồi hồi không yên, mất ngủ.

Ngoài ra dùng điều trị:

- Trường hợp bị xung huyết và những trường hợp viêm nhiễm do thực nhiệt ở vùng tam tiêu hoặc tạp bệnh mạn tính gây thực nhiệt.
- Xuất huyết đường hô hấp, đường tiêu hóa, đường tiết niệu.
- Phụ nữ rối loạn thời kỳ tiền mãn kinh.
- Dị giác do bông, đỏ mũi.
- Trúng độc thuốc.

BÀI 15: HOÀNG LIÊN THANG (O REN TO)

Thành phần và phân lượng: Hoàng liên 3,0g, Cam thảo 3,0g, Can khương 1-3g, Nhân sâm 2-3g, Quế chi 3,0g, Đại táo 3,0g, Bán hạ 5-6g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị viêm dạ dày cấp tính, viêm trong miệng ở những người có cảm giác đầy tức trong dạ dày, thức ăn không tiêu.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận* và những tài liệu tham khảo khác như *Chẩn liệu y điển*, *Thực tế ứng dụng*, *Bách khoa thuốc dân gian*, ... bài thuốc này dùng điều trị cho những bệnh nhân bị trên nhiệt giữa hàn (tức là phần ngực thì nhiệt còn phần dạ dày thì hàn) do lạnh mà dẫn tới nôn mửa, đau bụng, không muốn ăn, miệng hôi dẫn tới lưỡi có rêu vàng tức là triệu chứng phức hợp của viêm dạ dày cấp. Ngoài ra bệnh nhân còn có cảm giác thượng vị bị đầy tức, quanh rốn đau tức khó chịu, đại tiện khi lỏng khi táo bón.

Bài thuốc này còn được dùng khi viêm dạ dày ruột do ngộ độc thức ăn, viêm dạ dày có sốt, đau bụng dữ dội do thừa toan.

Với bệnh nhân có những triệu chứng trên mà bí đại tiện thì thêm Đại hoàng, những người có đi ỉa lỏng thì thêm Phục linh.

BÀI 16: ẤT TỰ THANG (OTSU JI TO)

Thành phần và phân lượng:

Đương qui 4,0-6,0g, Sài hồ 4,0-6,0g, Hoàng cầm 3,0g, Cam thảo 2,0-3,0g, Thăng ma 1,0-2,0g, Đại hoàng 0,5-1,5g (trường hợp không có Đại hoàng cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng trĩ nội, trĩ ngoại, bí đại tiện ở những người phân khô có chiều hướng bí đại tiện. Tuy nhiên, trong các sách không thấy ghi những triệu chứng có thể điều trị trong trường hợp không có vị Đại hoàng.

Giải thích:

Sách *Nguyên nam dương*: Bài thuốc này do Asada Munetaka cải tiến bài thuốc gốc của Nguyên nam dương vốn là bài cải tiến Tiêu sài hồ thang bao gồm các vị Sài hồ, Hoàng cầm, Đại táo, Sinh khương, Cam thảo, Thăng ma, Đại hoàng, bài cải tiến của Asada bỏ Đại táo, Sinh khương mà thêm Đương qui. Nguyên nam dương cho nhiều Sài hồ và Thăng ma vì nó có tác dụng giải trừ nhiệt và thấp, Thăng ma còn được dùng để thay thế Tê giác, có tác dụng cầm máu. Thông thường, bài thuốc này được dùng cho những người bị đau vì trĩ nội, nếu cơ thể không bị suy nhược thì thuốc này dùng cho những người bị bệnh trĩ tình trạng chưa nặng lắm, máu mất chưa nhiều, thể lực còn tốt.

Sách *Phương hàm loại tự* viết: Thuốc này dùng để trị cho những người bị các loại bệnh trĩ, Thăng ma là vị dùng thay cho Tê giác có hiệu quả cầm máu, nếu dùng nhiều Cam thảo sẽ không có hiệu quả.

Các tài liệu tham khảo khác đều thống nhất đây là bài thuốc trị trĩ cho những trường hợp bệnh chưa nặng. Bài thuốc có thể bỏ hoặc thêm Đại hoàng là tùy theo tình trạng đại tiện của bệnh nhân.

BÀI 17: HÓA THỰC DƯỠNG TÌ THANG (KA SHOKU YO HI TO)

Thành phần và phân lượng: Nhân sâm 4,0g, Truật 4,0g, Phục linh 4,0g, Bán hạ 4,0g, Trần bì 2,0g, Đại táo 2,0g, Thần khúc 2,0g, Mạch nha 2,0g, Sơn tra tử 2,0g, Súc sa 1,5g, Can sinh khương 1,0g, Cam thảo 1,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Có công dụng đối với các chứng viêm dạ dày, mất trương lực dạ dày, sa dạ dày, ăn không tiêu, không muốn ăn, đau dạ dày, nôn mửa ở những người bụng dạ yếu không muốn ăn, vùng thượng vị đầy tức, dễ mệt mỏi, tay chân dễ bị lạnh do thiếu máu.

Giải thích: Theo sách Chứng trị đại hoàn: Đây là bài Lục quân tử thang có thêm các vị Súc sa, Thần khúc, Mạch nha, Sơn tra tử, dùng trị chứng không muốn ăn ở những người thể chất yếu.

Tất cả các tài liệu tham khảo đều viết rằng đây là bài Lục quân tử thang có thêm 1,5g Súc sa, Thần khúc, Mạch nha, Sơn tra tử mỗi thứ 2g.

Thực tế chẩn liệu cho rằng đây là bài thuốc dùng cho người bị mất trương lực dạ dày với những triệu chứng giống như trong bài Bình vị tán nhưng tình trạng bệnh nặng hơn, mặt thiếu sắc, mạch yếu, thành bụng mỏng và rão, sau khi ăn thì cảm thấy mệt mỏi, buồn ngủ, đầu đau, chóng mặt.

Thuốc dùng trị bệnh sa dạ dày với những triệu chứng như thể chất yếu, thành bụng mềm, da nhũn và xanh xao, dạ dày có cảm giác nặng nề, không muốn ăn, đầu đau, chóng mặt chân tay mỏi.

Bài này dùng trị chứng giãn dạ dày ở những người có triệu chứng toàn thân bị suy nhược, thiếu máu, da mỏng và nhũn, chân tay dễ bị lạnh, mạch yếu, vùng dưới tim đầy tức, không muốn ăn.

BÀI 18: HOẮC HƯƠNG CHÍNH KHÍ TÁN (KAK KO SHO KI SAN)

Thành phần và phân lượng: Bạch truật 3,0g, Bán hạ 3,0g, Phục linh 3,0g, Hậu phác 2,0g, Trần bì 2,0g, Cát cánh 1,5g, Bạch chỉ 1-1,5g, Tử tô diệp 1,0g, Hoắc hương 1,0g, Đại phúc bì 1,0g, Đại táo 1-2g, Can sinh khương 1,0g, Cam thảo 1,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Chữa cảm mạo mùa hè, kém ăn do nóng, ỉa chảy, mệt mỏi toàn thân.

Giải thích: Theo sách *Hòa tễ cục phương*: Bài thuốc này thuộc loại thuốc tiêu đạo làm thông các cơ quan trong cơ thể, dùng để trị cả nội thương lẫn ngoại thương và có hiệu quả phát tán. Thuốc này được dùng nhiều vào mùa hè khi bên trong thì bị lạnh, bên ngoài cảm thử thấp, trong bụng thức ăn thức uống không tiêu, do đó dẫn tới đau đầu, đi tả, nôn mửa, vùng dưới tim đầy tức, bụng đau, người sốt nhưng không ra mồ hôi. Thuốc có tác dụng làm tiêu tán thử thấp, làm tiêu hóa thức ăn thức uống.

Thuốc được sử dụng cho những người thể chất còn tương đối khá bị trúng thử, bị viêm chảy ruột dạ dày vào mùa hè, đau bụng do thần kinh ở những người phụ nữ trước hoặc sau khi đẻ, dùng để chữa ho, đau mắt, đau răng, đau họng do thức ăn không tiêu ở trẻ em, và người ta thêm nhiều ý dĩ nhân để chữa mụn cơm.

BÀI 19: CÁT CĂN HOÀNG LIÊN HOÀNG CẨM THANG (KAK KON O REN O GON TO)

Thành phần và phân lượng: Cát căn 5-6g, Hoàng liên 3,0g, Hoàng cầm 3,0g, Cam thảo 2,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Sắc với 8 thăng nước giảm còn 3 thăng rồi bỏ 3 vị kia vào sắc tiếp lấy 2 thăng, bỏ bã, chia uống làm hai lần khi thuốc còn ấm.

Công dụng: Dùng trong trường hợp bị viêm cấp tính, viêm miệng, viêm lưỡi, đau vai, mất ngủ.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*: thuốc dùng trong trường hợp bị sốt có ỉa chảy, cổ và vai đau, vùng lõm thượng vị đầy tức, đồ mồ hôi và thở có tiếng khô khè.

Theo *Đông y đồ đày*: bài Cát căn hoàng liên hoàng cầm thang còn trị sỏi với triệu chứng sốt cao, ho và ỉa chảy.

Theo các tài liệu tham khảo khác, bài thuốc này còn dùng điều trị tăng huyết áp, hoặc dùng trong trường hợp lý nhiệt dữ dội, biểu cũng nhiệt và do biểu lý uất nhiệt mà thượng vị bị đầy tức, ỉa chảy, xuyên thở, ra mồ hôi, mạch đập tăng nhanh.

BÀI 20: CÁT CĂN HỒNG HOA THANG (KAK KON KO KA TO)

Thành phần và phân lượng: Cát căn 3,0g, Thược dược 3,0g, Địa hoàng 3,0g, Hoàng liên 1,5g, Sơn chi tử 1,5g, Hồng hoa 1,0g, Đại hoàng 0,5-1,0g, Cam thảo 1,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị bệnh mũi đỏ, râm da.

Giải thích: Theo sách *Phương dư nghệ*: Đây là thuốc chuyên dụng chữa bệnh mũi đỏ, thuốc này phải dùng liên tục một thời gian dài.

Các tài liệu tham khảo đều cho thấy: Đây là bài thuốc dùng để "trị bệnh mũi đỏ". Đối với những người bị nặng thì vừa uống thuốc này vừa dùng Tứ vật lưu hoàng tán để bôi ngoài. Đối với những người bệnh trạng chưa nặng hoặc còn nhẹ thì chỉ cần uống thuốc này một thời gian. Ngoài ra, có thể dùng phương pháp thich lạc (đưa kim vào tĩnh mạch ở khớp để lấy máu) để rút máu độc. Có thể uống liên tục một thời gian bài Hoàng liên giải độc thang cũng được.

Đây là bài thuốc chuyên trị bệnh mũi đỏ.

BÀI 21: CÁT CĂN THANG (KAK KON TO)

Thành phần và phân lượng: Cát căn 8,0g, Ma hoàng 4,0g, Đại táo 4,0g, Quế chi 3,0g, Thược dược 3,0g, Cam thảo 2,0g, Can sinh khương 1,0g, hoặc Cát căn 4,0g, Ma hoàng 3,0g, Đại táo 3,0g, Quế chi 2,0g, Thược dược 2,0g, Cam thảo 2,0g, Can sinh khương 1,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

* Trong sách này viết là sắc Cát căn và Ma hoàng trước nhưng nhìn chung là người ta sắc đồng thời tất cả các vị.

* Cho Cát căn và Ma hoàng vào 400 ml nước sắc bớt đi 80ml, hớt bỏ bọt trắng rồi cho các vị khác vào sắc tiếp còn lại 120 ml bỏ bã, chia uống làm 3 lần.

Công dụng: Dùng để chữa cảm mạo, sổ mũi, đau đầu, đau tê vai, đau cơ, đau tay.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận* và sách *Kim quỹ yếu lược*: Đây là bài Quế chi thang thêm các vị Cát căn và Ma hoàng. Thuốc dùng cho những người ớn lạnh sốt mà không ra mồ hôi, đau đầu, cổ và lưng cảm thấy cứng, những người cảm thấy có những chỗ trên cơ thể bị cứng, và ngay cả trong trường hợp không ớn lạnh sốt nhưng có những triệu chứng nói trên thì người ta vẫn dùng rộng rãi thuốc này. Nhưng đối với những người bụng dạ yếu, không muốn ăn, nôn mửa, buồn nôn lợm giọng thì không nên dùng.

Sách *Phương hàm loại tỳ* viết: Thuốc dùng trị ngoại cảm, lưng đau cứng, thêm Thương truật và Phụ tử để trị cổ và lưng đau, thêm Xuyên khung và Đại hoàng để chữa chứng tích mủ, đau mắt, đau tai, thêm Kinh giới và Đại hoàng để trị các chứng ngứa hoặc đau ở bộ phận sinh dục.

Theo các tài liệu tham khảo: Đây là bài thuốc cảm nổi tiếng mục tiêu là nhằm vào thái dương bệnh, nhưng không chỉ chữa cảm, thuốc còn được sử dụng cho người mạch phù khẩn, vùng gáy lưng có cảm giác căng trong trường hợp bị sốt, ớn lạnh. Thuốc này cũng được dùng cho những người mạch phù khẩn và có cảm giác căng ở lưng ngay cả khi không có sốt ớn lạnh.

BÀI 22: CÁT CĂN THANG GIA XUYÊN KHUNG TÂN DI (KAK KON TO KA SEN KYU SHIN I)

Thành phần và phân lượng: Ngoài các thành phần của bài Cát căn thang, thêm Xuyên khung 2-3g, Tân di 2-3g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Chữa tắc mũi, chứng tích mủ, viêm mũi mạn tính.

Giải thích:

Theo sách *Bản triều kinh nghiệm*: Đây là bài thuốc dân gian, người ta thêm các vị Tân di thường được dùng trị bệnh tắc mũi và tích mủ, Xuyên khung có tác dụng làm giảm đau và có tác dụng với não vào bài Cát căn thang. Vốn dĩ bài thuốc này được dùng cho những người bị tắc mũi, viêm mũi mạn tính là những chứng của bài Cát căn thang, sau đó bài thuốc thường được dùng như một bài thuốc chữa các bệnh viêm mũi nói chung và chứng tích mủ. Các sách ngày nay chỉ ghi đây là bài Cát căn thang có thêm hai vị Xuyên khung và Tân di chứ không ghi rõ phân lượng của hai vị này, do đó, chúng tôi đã tham khảo phân lượng của Xuyên khung và Tân di trong các bài thuốc khác.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Trong bài Tân di thanh phế thang, phân lượng của Tân di là 2,0g.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Sách này ghi rằng đối với những người bị bệnh về mũi thì thêm hai vị Xuyên khung và Tân di. Nhưng không ghi phân lượng của vị Tân di.

Theo *Đông y đại tự điển*: Phân lượng của Tân di là 2,0g và đối với những người có chiều hướng bí đại tiện thì thêm 2,0g Xuyên khung.

Theo *Những bài thuốc lâm sàng đông y*: Trong bài Cát căn thang gia cát cánh thạch cao tân di thì phân lượng của Tân di là 3,0g.

BÀI 23: GIA VỊ ÔN ĐẢM THANG (KA MI UN TAN TO)

Thành phần và phân lượng: Bán hạ 4-6g, Phục linh 4-6g, Trần bì 2-3g, Trúc nhự 2-3g Can sinh khương 2g, Chỉ thực 1-2g, Cam thảo 1-2g, Viễn chí 2,0g, Huyền sâm 2,0g, Nhân sâm 2,0g, Địa hoàng 2,0g, Toan táo nhân 2,0g, Đại táo 2,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các bệnh thần kinh và mất ngủ ở những người vị tràng hư nhược.

Giải thích:

Theo sách Thiên kim phương: Đây là bài Ôn đảms thang có thêm một số vị khác đều xuất hiện trong các sách Thiên kim phương, Vạn bệnh hồi xuân và Cổ kim y giám, cho nên trong các sách hiện đại đều được các tác giả nhắc đến cùng tên bài thuốc này với nội dung cấu thành có khác nhau chút ít.

So với bài Ôn đảms thang, thì bài thuốc này hiệu nghiệm hơn đối với người mà các chứng bệnh thần kinh dễ trở nên nặng hơn, đặc biệt là có tác dụng chữa cho những người suy nhược cơ thể và mất ngủ do bệnh mạn tính hoặc sau khi bị ốm.

Trong tập Phân lượng các vị thuốc ghi cả bài thuốc trong sách Vạn bệnh hồi xuân: ngoài các vị thuốc ghi trên, còn thêm các vị Mạch môn đông 3,0g, Đương quy và Sơn chi tử mỗi thứ 2,0g, Thần sa 1,0g.

Thuốc dùng để trị các bệnh thần kinh, mất ngủ, sa dạ dày, mất trương lực dạ dày và các chứng hư phiền do cơ thể suy nhược sau khi ốm dậy.

Tham khảo:

Về các bài thuốc có gia giảm cùng loại, trong sách Vạn bệnh hồi xuân có ghi bài Trúc nhự ôn đảms thang gồm các vị: Sài hồ 5,0g, Cát cánh, Trần bì, Bán hạ, Trúc nhự, Phục linh mỗi thứ 3,0g, Hương phụ tử, Nhân sâm, Hoàng liên mỗi thứ 2,0g, Chỉ thực, Cam thảo và Can sinh khương mỗi thứ 1,0g.

Trong sách Thiên kim phương có bài Thiên kim ôn đảms thang gồm các vị Bán hạ 5,0g, Trần bì 3,0g, Cam thảo, Trúc nhự mỗi thứ 2,0g.

Trong sách Cổ kim y giám có bài Thanh tâm ôn đảms thang gồm các vị Bán hạ, Phục linh, Trần bì, Bạch truật mỗi thứ 3,0g, Đương quy, Xuyên khung, Thược dược, Mạch môn, Viễn chí, Nhân sâm, Trúc nhự mỗi thứ 2,0g, Hoàng liên, Chỉ thực, Hương phụ, Xương bồ, Cam thảo mỗi thứ 1,0g.

BÀI 24: GIA VỊ QUY TÌ THANG (KA MI KI HI TO)

Thành phần và phân lượng: Nhân sâm 2-3g, Truật 2-3g, Phục linh 2-3g, Toan táo nhân 2-3g, Long nhãn nhục 2-3g, Hoàng kỳ 2-3g, Đương quy 2,0g, Viễn chí 1-2g, Sài hồ 3,0g, Sơn chi tử 2,0g, Cam thảo 1,0g, Mộc hương 1,0g, Đại táo 1-2g, Can sinh khương 1,0g (Sinh khương 1,5g); Mẫu đơn bì 2,0g (Mẫu đơn bì không có cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Thuốc dùng để trị các chứng thiếu máu, mất ngủ, tinh thần bất an, bệnh thần kinh ở những người suy nhược, thể chất yếu và huyết sắc kém.

Giải thích:

Theo sách *Tế sinh toàn thư*: Đây là bài thuốc được dùng cho những người có chứng bệnh giống như trong bài Quy tì thang cộng thêm các chứng về huyết ở trạng thái nhiệt, bài thuốc được thêm các vị Sài hồ và Sơn chi tử. Bài Quy tì thang chính là bài Tứ quân tử thang chủ trị các chứng suy nhược tì vị cộng thêm các vị thuốc bổ huyết, an thần và cầm máu để dùng cho những người tì vị yếu lại hoạt động tinh thần quá mức dẫn tới cả cơ thể lẫn tinh thần đều bị mệt mỏi quá mức, sinh ra các chứng xuất huyết, đái ra máu, albumin niệu, chức năng của thận bị rối loạn khiến cho tinh thần bất an, mất ngủ, có các chứng thần kinh, thiếu máu. Do đó, bài này cũng còn được dùng để trị các chứng xuất huyết và bệnh về máu như xuất huyết trong ruột, xuất huyết tử cung, loét dạ dày, đái ra máu v.v...; bệnh máu trắng, kinh nguyệt thất thường, thuốc này cũng được dùng để chữa các bệnh thần kinh như chứng hay quên, mất ngủ, đánh trống ngực do thần kinh, hysteria, suy nhược thần kinh, di tinh, v.v...

Theo các tài liệu tham khảo: Thuốc dùng cho những người gầy yếu, thể lực giảm sút, sắc mặt xấu, thiếu máu không rõ nguyên nhân, thiếu máu ác tính, thiếu máu khó hồi phục, tâm thần bất an, đánh trống ngực dồn dập, nói trước quên sau, đêm khó ngủ, lo nghĩ vẩn vơ, sốt, đổ mồ hôi trộm hoặc nằm li bì, chân tay mỏi mệt, bí đại tiện, hoặc phụ nữ kinh nguyệt thất thường, âm môn nóng và ngứa. Thuốc cũng dùng cho những người bị các chứng về máu như hạ huyết, xuất huyết, thổ huyết, cơ thể suy nhược, sốt, di tinh, lậu (bạch trọc).

BÀI 26: GIA VỊ TIÊU DAO TÁN (KA MI SHO YO SAN)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3,0g, Thược dược 3,0g, Truật 3,0g, Phục linh 3,0g, Sài hồ 3,0g, Mẫu đơn bì 2,0g, Sơn chi tử 2,0g, Cam thảo 1,5-2g, Cam thảo 1,5-2g, Can sinh khương 1,0g, Bạc hà diệp 1,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Thuốc dùng cho phụ nữ có thể chất yếu, vai tê mỏi, người dễ mệt, tâm thần bất an, đặc biệt là các chứng lạnh, thể chất suy nhược, kinh nguyệt thất thường, kinh nguyệt khó, các chứng thời kỳ mãn kinh, các bệnh về huyết đạo ở những người có chiều hướng bí đại tiện.

Giải thích:

Theo sách *Hòa tễ cục phương*: Đây là bài Tiêu dao tán thêm các vị Mẫu đơn bì, Sơn chi tử, cho nên thuốc này còn có tên là Đơn chi tiêu dao tán. Thuốc này dùng cho những người có thể lực suy yếu hơn là những người trong bài Tiêu sài hồ thang. Thuốc còn dùng cho những người mà triệu chứng của bài Tiêu dao tán rõ ràng: tê mỏi vai, máu dồn lên mặt, đau đầu, người có chứng nhiệt nhẹ. Thuốc được dùng rộng rãi để trị các chứng về huyết đạo.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc trị hư chứng của thiếu dương bệnh, bệnh nằm ở gan, tức là thuốc dùng để trị các hư chứng của bài Sài hồ thang, đặc biệt là dùng để trị các bệnh đi liền với bệnh thần kinh ở phụ nữ. Bài thuốc này rất hiệu nghiệm với các bệnh phụ khoa. Các triệu chứng chủ yếu là chân tay cảm thấy mệt mỏi rã rời, đau đầu, chóng mặt, mất ngủ, hay cáu gắt, lúc sốt lúc không, kinh nguyệt thất thường, chiều đến máu dồn lên mặt gây ra chứng đỏ mặt, lưng cảm thấy lạnh và hâm hấp sốt gây ra đổ mồ hôi.

BÀI 27: GIA VỊ TIÊU DAO TÁN HỢP TỨ VẬT THANG (KA MI SHO YO SAN GO SHI MOTSU TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3,0g, Thược dược 3,0g, Truật 3,0g, Phục linh 3,0g, Sài hồ 3,0g, Xuyên khung 3,0g, Địa hoàng 3,0g, Cam thảo 1,5-2g, Mẫu đơn bì 2,0g, Sơn chi tử 2,0g, Can sinh khương 1,0g, Bạc hà diệp 1,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng lạnh, thể chất hư nhược, kinh nguyệt thất thường, kinh nguyệt khó, các chứng của thời kỳ mãn kinh, các chứng về huyết đạo, eczema, râm da, ở những người phụ nữ thể trạng suy nhược, da khô, nước da xấu, vai tê mỏi, rối loạn vị tràng, dễ mệt mỏi, tinh thần bất an, các chứng tinh thần thần kinh và đôi khi có chiều hướng bí đại tiện.

Giải thích: Theo sách *Hòa tễ cục phương*: Đây là bài thuốc kết hợp giữa bài Gia vị tiêu giao tán với bài Tứ vật thang, thêm các vị Xuyên khung và Địa hoàng vào bài Gia vị tiêu dao tán, chủ yếu dùng để chữa bệnh da bị cứng ở phụ nữ, những người vị tràng yếu dễ bị đi tả. Những người uống thuốc vào thấy kém ăn ngon miệng thì không được dùng thuốc này.

Thuốc này được dùng để trị cho những người mắc bệnh viêm vùng xung quanh khớp vai: Ban đêm khi đi ngủ thì cánh tay mỏi và có cảm giác đau, hoặc cho tay vào trong chăn thì thấy phiền nhiệt, bỏ tay ra ngoài chăn lại thấy lạnh đau cho nên người lúc nào cũng bứt rứt khó chịu, ngủ không ngon giấc. Chứng bệnh này thường thấy ở phụ nữ.

Theo các tài liệu tham khảo: Gia vị tiêu dao tán dùng để trị các bệnh về da, cho những người phụ nữ bị suy nhược, thiếu máu, lạnh ở chân và vùng thắt lưng, bệnh eczema mạn tính, da khô cứng, ngứa ngáy khó chịu. Khám bụng thì vùng bụng trên hơi bị cứng. Thuốc này cũng thường được dùng để trị chứng râm da do chức năng gan bị rối loạn, tùy theo chứng bệnh, bài thuốc có thêm Địa hoàng, Xuyên khung, Kinh giới, Địa cốt bì v.v... Bài thuốc này cũng có thể trị chứng mày đay mạn tính ở những phụ nữ bị suy nhược, chân và vùng thắt lưng lạnh, tùy chứng bệnh có thể thêm Địa hoàng, Xuyên khung

BÀI 28: GIA VỊ BÌNH VỊ TÁN (KA MI HEI I SAN)

Thành phần và phân lượng: Truật 4-6g, Hậu phác 3-4,5g, Trần bì 3-4,5g, Cam thảo 1-1,5g, Sinh khương 2-3g, Đại táo 2-3g, Thần khúc 2-3g, Mạch nha 2-3g, Sơn tra tử 2-3g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Đây là bài Bình vị tán thêm Thần khúc, Mạch nha, Sơn tra tử, được coi là bài thuốc của cuốn *Y phương khảo*, nhưng trong sách này thì bài thuốc không có vị Sơn tra tử. Bình vị tán dùng làm thuốc kích thích tiêu hóa trong trường hợp ăn uống không tiêu vì ăn phải thức ăn mất vệ sinh hoặc khi ăn uống kém ngon.

BÀI 29: CAN KHƯƠNG NHÂN SÂM BÁN HẠ HOÀN (KAN KYO NIN ZIN HAN GE GAN)

Thành phần và phân lượng: Can khương và chỉ dùng Can khương 1-3g, Nhân sâm 1-3g, Bán hạ 2-6g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 1-1,5g.

2. *Thang:* Khối lượng ghi trên là lượng dùng trong 1 ngày.

Công dụng: Thuốc dùng cho những người ốm nghén, viêm hoặc mất trương lực dạ dày ở những người thể lực yếu, nôn mửa và mửa liên tục.

Giải thích:

Theo sách *Kim quỹ yếu lược*: Đây là bài Tiểu bán hạ thang có thêm và bớt một số vị, bỏ gừng tươi để thay bằng gừng khô, thêm Nhân sâm. Thuốc dùng cho những người ốm nghén, nôn mửa kéo dài.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Bị nôn mửa kéo dài, nhất là nôn mửa trong thời kỳ nghén thì dùng bài Can khương nhân sâm bán hạ hoàn chung với bài Ô mai hoàn sẽ có hiệu quả rõ rệt. Sách *Kim quỹ yếu lược* có ghi: Những người khi chữa nôn mửa không dứt thì phải dùng Can khương nhân sâm bán hạ hoàn. Nôn mửa nên dùng Tiểu bán hạ thang, Tiểu bán hạ gia phục linh thang mà vẫn không dứt thì dùng bài thuốc này.

Ốm nghén ngày càng nặng, người khó chịu, nôn mửa kéo dài, có triệu chứng suy nhược toàn thân, bụng nhũn yếu, mạch tế nhược, ăn uống vào nôn ra ngay, ăn không được, uống thuốc cũng không được thì dùng thuốc này rất hiệu nghiệm.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Thuốc dùng cho những người nôn mửa không dứt, vùng thượng vị đầy tức. Trong trường hợp đó, đảm bảo thuốc này sẽ có hiệu nghiệm.

BÀI 30: CAM THẢO TẢ TÂM THANG (KAN ZO SHA SHIN TO)

Thành phần và phân lượng: Bán hạ 4-5g, Hoàng cầm 2,5-3 g, Can khương 2-2,5g, Nhân sâm 2,5g, Cam thảo 3-4,5g, Đại táo 2,5g, Hoàng liên 1,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng viêm vị tràng, viêm khoang miệng, hơi thở hôi, chứng mất ngủ và chứng thần kinh ở những người cảm thấy đầy tức hãm thượng vị.

Giải thích:

Theo *Thương hàn luận* và *Kim quỹ yếu lược*: Đây là bài Bán hạ tả tâm thang thêm Cam thảo. Thuốc được dùng khi vùng thượng vị có cảm giác đầy tức, bụng sôi lụp bụp, ỉa lỏng hoặc khi tâm thần bất an không ngủ được. Trong bài thuốc này người ta dùng Can khương, nhưng có thể dùng Sinh khương cũng được.

Theo các tài liệu tham khảo như *Chẩn liệu y điển*, *Đông y đó đây*, v.v... thuốc này dùng để trị đầy cứng vùng thượng vị, sôi bụng và ỉa lỏng, nhưng không phải là kiết lỵ và bụng cũng không đau lắm. Bài thuốc này dùng để trị các chứng của bài Bán hạ tả tâm thang: bụng sôi, ăn không tiêu, ỉa lỏng hoặc không ỉa lỏng nhưng người bồn chồn không yên. Bài này còn được dùng trị các bệnh viêm ruột, viêm khoang miệng, bệnh thần kinh, bệnh mộng du và chứng mất ngủ khi vị tràng suy nhược vì nóng khiến cho mơ mộng liên tục không thể ngủ ngon giấc.

Thuốc này còn được dùng trị viêm niêm mạc ruột mạn tính.

BÀI 31: CAM THẢO THANG (KAN ZO TO)

Thành phần và phân lượng: Cam thảo 5-8g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 0,5g.

2. *Thang.*

Cách dùng cụ thể: Sắc với 300 ml nước, lấy 200ml, uống mỗi lần 100ml. Khi uống họng đau, ngâm cam thảo một lúc rồi nhai nuốt ít một.

Công dụng hoặc hiệu quả: Giảm ho, giảm đau họng.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*: Người đau họng nên dùng Cam thảo thang, nếu không đỡ thì dùng Cát cánh thang. Đây là bài thuốc một vị được dùng rộng rãi trị các chứng đau họng, viêm họng cấp tính, nó còn được coi là bài Vong ưu thang hoặc Độc thăng tán. Cam thảo là vị thuốc có tác dụng làm giảm bệnh trạng cấp bách, cho nên không chỉ trị đau họng, mà cam thảo còn được sử dụng rộng rãi khi da hoặc niêm mạc đau đớn dữ dội, chẳng hạn như khi họng đau cấp dữ dội, ho dữ, đau bụng và đau răng cấp, đau trĩ hoặc lở loét tới mức không chịu nổi, chân tay đau như có kim châm, thì bài thuốc này cũng khá hiệu nghiệm. Do đó, cam thảo không chỉ dùng làm thuốc uống trong mà còn dùng nước thuốc sắc để chườm chỗ đau. Theo các tài liệu tham khảo, đây là bài thuốc có tác dụng hòa hoãn dùng làm giảm tình trạng cấp bách do khí nghịch (hưng phần thần kinh) gây ra, đôi khi được dùng để chống co thắt dạ dày, ho có tính chất do co thắt, khàn tiếng, tức thở, bí tiểu tiện, đau đường tiết niệu, ngộ độc thuốc và các loại ngộ độc khác. Cam thảo làm dịu cơn đau nhưng có người vì nó mà bệnh lại thể hiện dưới dạng phù, tăng huyết áp hoặc ợ nóng.

Cam thảo thang là tên khác của bài Độc thăng tán và bài Vong ưu thang có tác dụng hòa hoãn dùng làm giảm tình trạng cấp bách do hưng phần thần kinh gây ra, đôi khi còn được dùng khi co thắt dạ dày. Thuốc này uống để chữa các chứng viêm nhiễm, sưng tấy nhẹ, họng đau dữ, ho nhiều có tính co thắt. Dùng làm thuốc chườm nóng bên ngoài khi trĩ nội hoặc lở loét đau dữ, khi bộ phận sinh dục sưng lên hoặc đau dữ. Thuốc này còn dùng để uống khi viêm họng cấp tính, dạ dày co thắt, ho, đau răng, tức thở, bí tiểu tiện, đau đường tiết niệu, khàn tiếng, ngộ độc thuốc và các loại ngộ độc khác; dùng ngoài khi trĩ nội, đau lở loét, v.v...

Thuốc có tác dụng trị đau dữ dội, bài thuốc được ứng dụng trong các trường hợp đau họng cấp, ho cấp và đau bụng cấp.

Thuốc dùng để chữa đau bụng cũng có tác dụng rõ rệt. Gần đây, người ta cho rằng cam thảo có tác dụng trị viêm loét dạ dày, song cam thảo dùng để trị tất cả các dạng đau cấp tính. Khi bị đau dữ dội vì viêm loét dạ dày, dùng cam thảo có thể làm dịu được cơn đau, nhưng cũng có người vì vậy, bệnh lại thể hiện dưới dạng phù thũng hoặc huyết áp tăng hoặc ợ khí nóng, trong bệnh thiếu âm có các chứng như chức năng chuyển hóa bị suy yếu, tay chân lạnh, mạch trầm tế, thiếu sinh khí.

BÀI 32: CAM MẠCH ĐẠI TÁO THANG (KAM BAKU TAI SO TO)

Thành phần và phân lượng: Cam thảo 5,0g, Đại táo 6,0g, Tiểu mạch 20,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Chữa khóc đêm và co giật.

Giải thích: Theo *Kim quĩ yếu lược*, trong phần "Các triệu chứng và trị liệu tạp bệnh của phụ nữ" ở chương 22 có viết: Người phụ nữ mắc chứng tạng táo (hysteria) đôi lúc kêu khóc rất thảm thương, người trông như moi mệt vì chuyện gì đó, ngáp vặt liên tục. Những người như vậy nên dùng Cam mạch đại táo thang. Nhưng trong đông y, người ta ứng dụng bài thuốc này để chữa nhiều bệnh khác nữa.

Theo các tài liệu tham khảo như *Chân liệu y điển*, *Thực tế trị liệu*, ... thuốc này có tác dụng làm dịu sự hưng phấn thần kinh, làm dịu những cơn co giật cấp tính. Thuốc trị các chứng hysteria, bệnh múa giật, tâm thần (bệnh buồn, bệnh cuồng loạn, bệnh khóc, bệnh cười), bệnh mộng du, trẻ em khóc đêm, chứng mất ngủ, động kinh, co thắt dạ dày, co thắt tử cung, ho có tính chất co thắt, có cảm giác dị vật ở đầu cuống họng.

Đây là bài thuốc dùng cho phụ nữ và trẻ em, đàn ông dùng ít hiệu nghiệm.

BÀI 33: CÁT CÁNH THANG (KI KYO TO)

Thành phần và phân lượng: Cát cánh 2,0g, Cam thảo 1,0-3,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Sắc hai vị, chia uống ngày 2 lần hoặc ngâm rồi nuốt dần.

Công dụng: Trị các chứng viêm amidan và viêm vùng quanh amidan, viêm họng sung tấy và đau.

Giải thích:

Theo *Thương hàn luận* và *Kim quỹ yếu lược*: Đây là bài Cam thảo thang thêm Cát cánh dùng để trị viêm họng, nhưng thuốc này không uống luôn mà nên ngâm rồi nuốt dần.

Các tài liệu tham khảo khác như *Thực tế chẩn liệu*, *Chẩn liệu y điển*, v.v...: Bài thuốc này dùng tiếp khi người bệnh dùng bài Cam thảo thang không đỡ, nghĩa là nó dùng cho viêm họng hoặc viêm amidan cấp: ho, tức ngực, ho đờm mủ kéo dài. Thuốc cũng dùng ở giai đoạn đầu bệnh trạng còn nhẹ của viêm phế quản, áp xe phổi. Nếu bệnh nhân bị cảm mạo, sốt có ớn lạnh, họng đau, phần nhiều thuộc thái dương bệnh, người ta thường dùng các bài thuốc Cát căn thang, Cát căn gia Cát cánh Thạch cao.

BÀI 34: QUI KỶ KIẾN TRUNG THANG (KI GI KEN CHU TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 4,0g, Quế chi 4,0g, Sinh khương 4,0g, Đại táo 4,0g, Thược dược 5-6g, Cam thảo 2,0g, Hoàng kỳ 2-4g, Giao di 20,0g (Giao di không có cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng thể trạng suy nhược, suy nhược sau khi ốm dậy và đổ mồ hôi trộm ở những người cơ thể suy nhược, dễ mệt mỏi.

Giải thích:

Đây là một bài thuốc gia truyền của gia đình Hanaoka Seishu, một danh y nổi tiếng của Nhật Bản (1760-1835).

Khi bệnh nhân quá yếu thì dùng thêm Giao di.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Chữa trẻ em suy nhược, những người suy nhược sau khi ốm nặng, trĩ lậu và các loại trĩ, viêm tai giữa mạn tính, bệnh mục xương (caries), lở loét mạn tính và các loại mụn nhọt có mủ khác. Dùng như Hoàng kỳ kiến trung thang.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Tiêu kiến trung thang thêm Hoàng kỳ thì thành Hoàng kỳ kiến trung thang, do đó có thể nói đây là bài Hoàng kỳ kiến trung thang được thêm Đương quy. Vì vậy, bài thuốc này được dùng cho những người bệnh trạng nặng hơn trong bài Hoàng kỳ kiến trung thang.

Theo *Đông y đồ đây*: Thuốc dùng cho những người tâm tì hư, mặt nhợt nhạt, bụng và mạch đều mềm yếu, nguyên khí suy, sức khỏe suy giảm, luôn cảm thấy mệt mỏi, thiếu máu và suy nhược do xuất huyết trong ruột, xuất huyết tử cung, đái ra máu ít nhiều kèm theo các chứng bệnh về thần kinh, những người mắc bệnh hay quên, mất ngủ v.v...

Ngoài ra, thuốc này cũng được ứng dụng để trị các chứng đánh trống ngực dồn dập do thần kinh, ăn uống kém ngon miệng, kinh nguyệt thất thường, hysteria, suy nhược thần kinh, di tinh, lậu mạn tính, tràng nhạc, v.v...

Theo các tài liệu tham khảo khác: Thuốc còn trị bệnh ưu uất, trị các chứng mất trương lực dạ dày, suy nhược thần kinh, sung tuyến vòm miệng, thổ huyết, xuất huyết hậu môn, di tinh.

BÀI 35: QUY TỶ THANG (KI HI TO)

Thành phần và phân lượng: Nhân sâm 2-3g, Bạch truật 2-3g, Phục linh 2-3g, Toan táo nhân 2-3g, Long nhãn nhục 2-3g, Hoàng kỳ 2-3g, Đương quy 2,0g, Viễn chí 1-2g, Cam thảo 1,0g, Mộc hương 1,0g, Đại táo 1-2g, Can sinh khương 1-1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng thiếu máu, mất ngủ ở những người thể chất hư nhược, huyết sắc kém.

Giải thích:

Theo *Tế sinh phương*: Bài thuốc này dùng cho những người hư yếu, thể lực bị giảm sút, sắc mặt kém, thiếu máu, tinh thần bất an, đánh trống ngực dồn dập, hay quên, đêm ít ngủ, chỉ lo nghĩ vẩn vơ, hoặc bị sốt, đổ mồ hôi trộm, hoặc trái lại, ngủ li bì, chân tay mệt mỏi, đại tiện có chiều hướng khó, ở phụ nữ thì kinh nguyệt thất thường. Thuốc này cũng dùng cho những người hay lo nghĩ nhiều, hoặc bị hạ huyết, thổ huyết và xuất huyết.

Vốn dĩ đây là bài thuốc dùng cho những người thể chất hư nhược, vị tràng yếu bị các loại xuất huyết dẫn đến thiếu máu, hay quên và các chứng thần kinh do lao lực lao tâm quá nhiều.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Dùng trong các trường hợp xuất huyết, như chảy máu ruột, chảy máu tử cung, loét dạ dày, đái ra máu, v.v... Ngoài ra, bài thuốc này còn được ứng dụng trong các trường hợp thiếu máu, hay quên, mất ngủ, đánh trống ngực dồn dập do thần kinh, ăn uống không ngon miệng, kinh nguyệt thất thường, hysteria, thần kinh suy nhược, di tinh, lậu mạn tính, tràng nhạc mưng loét.

Theo *Thực tế trị liệu*: Dùng cho những người hư chứng, thể lực cũng như khí lực đều suy nhược.

BÀI 36: HƯƠNG THANH PHÁ ĐỊCH HOÀN (KYO SEI HA TEKI GAN)

Thành phần và phân lượng: Liên kiều 2,5g, Cát cánh 2,5g, Cam thảo 2,5g, Đại hoàng 1,0g, Súc sa 1,0g, Xuyên khung 1,0g, Kha tử 1,0g, A tiên dược 2,0g, Bạc hà diệp 4,0g (không có Đại hoàng cũng được).

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* mỗi lần uống từ 2-3g, ngày uống nhiều lần.

- Cách dùng khác: Nghiền nhỏ các vị thuốc trên, dùng lòng trắng trứng nhào và viên thành các viên nhỏ, mỗi lần uống 1 viên. Nằm ngửa ngâm cho tan rồi nuốt dần.

2. *Thang.*

Công dụng:

Đây là bài thuốc của *Vạn bệnh hồi xuân*, "trị cho những người mất tiếng vì ca hát, quát tháo". Nó còn có tác dụng đối với những người ngày thường họng xấu, dễ bị mất tiếng. Nên ngâm thuốc trong miệng rồi nuốt dần dần. Bài thuốc này có cả Đại hoàng, nhưng có thể bỏ Đại hoàng và vẫn làm thành thuốc viên cho bệnh nhân sử dụng. Bài thuốc này dùng cho những người bị cảm, họng cảm thấy khó chịu cũng tốt.

BÀI 37: KHUNG QUY GIAO NGẢI THANG (KYU KI KYO GAI TO)

Thành phần và phân lượng: Xuyên khung 3,0g, Cam thảo 3,0g, Ngải diệp 3,0g, Đương quy 4-4,5g, Thược dược 4-4,5g, Địa hoàng 5-6g, A giao 3,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Cách dùng cụ thể: Bỏ toàn bộ các vị thuốc là thực vật vào sắc chung với nhau, bỏ bã, sau đó cho thêm A giao vào đun lại cho tan. Thuốc uống khi còn ấm.

Giải thích:

Theo sách *Kim quỹ yếu lược* và *Chẩn liệu y điển*: Mục đích của bài thuốc này là chống các loại xuất huyết đặc biệt xuất huyết ở phần nửa dưới của cơ thể. Mục tiêu là trị căn bệnh vì có khuynh hướng ứ máu mà xuất huyết kéo dài và có chiều hướng bị thiếu máu.


Theo *Thực tế chẩn liệu*: Dùng khi bị xuất huyết tử cung sau khi đẻ, xuất huyết do trĩ, xuất huyết trong ruột, đái ra máu, xuất huyết trong và sau khi bị thương ngoài, bị bầm tím và các chứng thiếu máu.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Dùng khi xuất huyết ở phần nửa dưới cơ thể, khi do bị ứ máu mà xuất huyết kéo dài và có chiều hướng bị thiếu máu, khi bị xuất huyết sau đẻ.

Theo *Y học đông y*: Thuốc này dùng trong các trường hợp xuất huyết tử cung, xuất huyết do trĩ, xuất huyết trong ruột, đái ra máu và các chứng thiếu máu.

Theo *Nhập môn đông y hiện đại*: Thuốc dùng trong các trường hợp xuất huyết tử cung, đái ra máu, xuất huyết do trĩ, thiếu máu.

BÀI 38: KHUNG QUY ĐIỀU HUYẾT ẨM (KYU KI CHYO KETSU IN)

Thành phần và phân lượng: Đương quy, Xuyên khung, Địa hoàng, Truật, Phục linh, Trần bì, Ô dược, Hương phụ tử, Mẫu đơn bì mỗi thứ 2,0g, ch mẫu thảo, Đại táo mỗi thứ 1,5g, Cam thảo 1,0g, Can sinh khương 1-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Thuốc dùng khi mắc các chứng thần kinh sau khi đẻ, thể lực giảm sút, kinh nguyệt thất thường. Dựa vào bài thuốc này, người ta có thể thêm Thục dược, Đào nhân, Hồng hoa, Chi thực, Quế chi, Ngưu tất, Mộc hương, Diên hồ sách mỗi thứ 1,5g để thành bài Khung quy điều huyết ẩm đệ nhất gia giảm có tác dụng trong các trường hợp trị bệnh vì huyết đạo giảm sút sau khi đẻ, kinh nguyệt thất thường.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Bài thuốc này dùng để bổ huyết, loại trừ ứ huyết sau khi đẻ, tăng cường khả năng hoạt động của tỳ vị và bộ máy tiêu hóa, trị các chứng thần kinh liên quan đến bệnh về huyết đạo, có tác dụng hơn Bát trân thang và Thập toàn đại bổ là những bài thuốc kết hợp Tứ quân tử thang và Tứ vật thang.

Khung quy điều huyết ẩm đệ nhất gia giảm là một bài thuốc theo kinh nghiệm, dùng để điều hòa cơ thể sau khi đẻ.

Các tài liệu tham khảo khác như *Thực tế chẩn liệu*, *Trăm mẫu chuyện về đông y* đều nhận định: Đây là bài thuốc dùng để khôi phục nguyên khí, trị các chứng về huyết đạo, huyết cước khí, sau khi đẻ huyết hơi không xuống, thiếu sữa, các chứng chóng mặt, ù tai, mạch đập mạnh đau lưng, ăn không ngon sau khi đẻ.

BÀI 39: HẠNH TÔ TÁN (KYO SO SAN)

Thành phần và phân lượng: Tử tô điệp 3,0g, Ngũ vị tử 2,0g, Đại phúc bì 2,0g, Ô mai 2,0g, Hạnh nhân 2,0g, Trần bì 1,0g, Cát cánh 1,0g, Ma hoàng 1,0g, Tang bạch bì 1,0g, A giao 1,0g, Cam thảo 1,0g, Tử uyển 1,0g (về A giao, có thể dùng gelatin, keo hoặc keo súc vật loại tốt cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: (về nguyên tắc là *thang*).

Công dụng: Trị ho và đờm.

Giải thích:

Theo sách *Trực chỉ phương*: Hạnh tô ẩm trị các chứng máu dồn lên mặt, ho đờm, phù thũng. Giã nát các vị thuốc sống rồi cứ 3 tiền cho vào 5 lát gừng để sắc uống.

BÀI 40: KHỔ SÂM THANG (KU ZIN TO)

Thành phần và phân lượng: Khổ sâm 6-10g.

Cách dùng và lượng dùng: Sắc với 500-600ml nước, lấy 250-300ml dùng để bôi ngoài.

Công dụng: Trị hắc lào, toét mắt, rôm sảy, ngứa.

Giải thích:

Theo *Kim quĩ yếu lược*: Thuốc dùng để trị các chứng sưng loét vùng hạ bộ, eczêma, hắc lào, ghẻ, ngứa.

Các tài liệu tham khảo khác như *Thực tế chẩn liệu*, *Bách khoa thuốc dân gian*, cho rằng: Chủ trị các bệnh ngứa da hoặc mụn nhọt có tính chất viêm nhiễm. Thuốc này còn được ứng dụng để chữa các bệnh ghẻ, rôm sảy, viêm tuyến bạch mạch (lymphadenitis), loét da do nấm nhiều ở một tư thế.

BÀI 41: KHU PHONG GIẢI ĐỘC TÁN THANG (KU FU GE DOKU SAN)

Thành phần và phân lượng: Phòng phong 3,0g, Ngưu bàng tử 3,0g, Liên kiều 5,0g, Kinh giới 1,5g, Khương hoạt 1,5g, Cam thảo 1,5g, Cát cánh 3,0g, Thạch cao 5-10g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Đặc điểm của thuốc này là ngậm và nuốt dần ít một.

Công dụng: Dùng trị các chứng họng sưng và đau do viêm amidan và vùng quanh amidan.

Giải thích: Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân* và các tài liệu tham khảo.

Bảng 2

Tên thuốc sống Tên tài liệu tham khảo	Phòng phong	Ngưu bàng tử	Liên kiều	Kinh giới	Khương hoạt	Cam thảo	Cát cánh	Thạch cao
Chẩn liệu y điển (1)	3	3	5	1,5	1,5	1,5	3	5
Giải thích các bài thuốc (2)	3	3	5	1,5	1,5	1,5	3	5
Thực tế trị liệu (3)	3	3	5	1,5	1,5	1,5	3	10
Thực tế ứng dụng (4)	3	3	5	1,5	1,5	1,5	3	10
Thực tế chẩn liệu (5)	3	3	5	1,5	1,5	1,5	3	5
Tập các bài thuốc (6)	3	3	5	1,5	1,5	1,5	3	6
Bách khoa về thuốc dân gian (7)	3	3	5	1,5	1,5		3	5
Tập phân lượng các vị thuốc	3	3	5	1,5	1,5	1,5		

Thuốc còn dùng để trị bạch hầu, viêm tuyến mang tai, viêm amidan cấp tính. Nếu đau họng thì dùng uống một nửa còn một nửa dùng để ngậm. Thông thường khi sưng và đau họng người ta vẫn hay dùng Cát cánh gia cát cánh thạch cao, nhưng nếu họng không khỏi vẫn bị sưng thì dùng bài thuốc này.

BÀI 42: KINH GIỚI LIÊN KIỀU THANG (KEI GAI REN GYO TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 1,5g, Thược dược 1,5g, Xuyên khung 1,5g, Địa hoàng 1,5g, Hoàng liên 1,5g, Hoàng cầm 1,5g, Hoàng bá 1,5g, Sơn chi tử 1,5g, Liên kiều 1,5g, Kinh giới 1,5g, Phòng phong 1,5g, Bạc hà diệp 1,5g, Chi xác (hoặc Chi thực) 1,5g, Cam thảo 1-1,5g, Bạch chỉ 1,5-2,5g, Cát cánh 1,5-2,5g, Sài hồ 1,5-2,5g (Địa hoàng, Hoàng liên, Hoàng bá, Bạc hà diệp không có cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng tích mủ, viêm mũi mạn tính, viêm amidan mạn tính, trứng cá.

Giải thích:

Theo sách *Nhật quán đường kinh nghiệm phương*: Đây là bài thuốc dùng theo kinh nghiệm để cải thiện thể chất hay bị mắc các chứng do chức năng gan bị giảm sút gây ra hoặc thể chất hay bị các chứng bệnh về các tuyến.

Vốn dĩ đây là bài thuốc gia giảm bài Kinh giới liên kiều thang trong phần về bệnh tai, bệnh mũi trong sách *Vạn bệnh hồi xuân*, được dùng để chữa các chứng tích mủ và viêm tai giữa, v.v... Bài thuốc này sau đó được ứng dụng để trị những bệnh phát sinh ở những người có thể chất nói trên. Theo các tài liệu tham khảo như *Chẩn liệu y điển*, *Thực tế ứng dụng*, v.v... thuốc dùng trong trường hợp da xám, toàn bộ cơ thẳng to bụng căng và trong nhiều trường hợp cơ bụng tương ứng Can kinh và Vị kinh bị co thắt.

Thuốc dùng để cải thiện thể chất của những người hay mắc các chứng bệnh về tuyến trong cơ thể ở tuổi thanh niên, các chứng viêm tai giữa mạn tính và cấp tính, viêm mũi cấp tính và mạn tính hàm trên, viêm lam phù tấy mũi, v.v... Ngoài ra thuốc còn được dùng chữa các chứng viêm amidan, đốm máu cam, trứng cá, lao phổi, suy nhược thần kinh, hói đầu, v.v...

BÀI 43: KÊ CAN HOÀN (KEI KAN GAN)

Thành phần và phân lượng: Kê can (gan gà) 1 lá sấy khô trộn với bột; Sơn dược (Hoài sơn) trọng lượng gấp 2-3 lần trọng lượng Kê can đã sấy khô, nghiền cả hai thành bột nhỏ rồi dùng hồ gạo trộn để hồ hoàn.

Cách dùng và lượng dùng: Hoàn, mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 2,0g.

Công dụng: Dùng trong trường hợp thể chất suy nhược gầy yếu.

Giải thích:

Trong đông y người ta dùng bài này để bổ sung vitamin A.

Theo các tài liệu tham khảo như *Chẩn liệu y điển*, *Thực tế chẩn liệu*: Đối với bệnh mắt quáng gà, hiện nay người ta dùng dầu gan động vật, nhưng trong đông y thì dùng gan gà, gan bò, gan lợn. Việc bổ sung vitamin A là việc làm xưa nay vẫn không thay đổi. Căn bệnh này người ta dùng kết hợp bài Ngũ kinh tán với Kê can hoàn, hoặc kết hợp bài Linh quế truyệt cam thang với Kê can hoàn.

BÀI 44: QUẾ CHI THANG (KEI SHI TO)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 3-4g, Thược dược 3-4g, Đại táo 3-4g, Sinh khương 4,0g, Cam thảo 2,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng trong giai đoạn đầu của bệnh cảm mạo (phong tà) khi thể lực bị suy nhược.

Giải thích:

Bài thuốc này còn có tên là Dương đán thang, xuất hiện lần đầu tiên trong sách *Thương hàn luận*, có tác dụng làm máu lưu thông, làm ấm thân thể và tăng cường chức năng của các cơ quan trong cơ thể. Khi dùng thuốc này để chữa các bệnh có sốt, chẳng hạn như cảm mạo, thì mục tiêu của nó là trị ớn lạnh, sợ gió, phát sốt, đau đầu và mạch phù nhược. Trong trường hợp này, thuốc có thể dùng cả khi có đở mồ hôi lẫn không đở mồ hôi. Bài thuốc này trị các chứng của tạp bệnh nói chung không có nhiệt bởi vì tuy không có ớn lạnh, sợ gió, nhưng mạch nhược.

Thuốc này cũng còn được dùng trong các trường hợp cảm mạo, đau thần kinh, đau đầu, đau bụng lạnh, thể chất gầy yếu suy nhược, bị nôn do nghén, v. v...

Quế chi thang là bài thuốc đầu tiên của sách *Thương hàn luận* và nó là cơ sở của nhiều bài thuốc khác. Trong sách *Thương hàn luận* có tới 60 bài thuốc có thành phần Quế chi, trong đó có tới 30 bài thuốc Quế chi là thành phần chủ đạo. Lương y Isada Muhetaka cho rằng bài thuốc này là ông tổ của các bài thuốc khác, trong các bài thuốc cổ có tới hàng trăm bài thuốc bắt nguồn từ bài thuốc này. Quế chi thang được ứng dụng chữa các bệnh cảm mạo, đau thần kinh, đau đầu, đi tả, đau bụng do lạnh, v.v...

Trường hợp dùng Quế chi thang là những bệnh thể hiện biểu hư đó là bệnh tà ở biểu, người lại gầy yếu, gân cốt yếu. Do đó, người dễ đở mồ hôi và phần nhiều là những người thường ngày cơ thể hư nhược. Những người như vậy nếu uống thuốc giải nhiệt làm cho đở mồ hôi thì mồ hôi lại ra không dứt, nhiệt độ cơ thể có giảm xuống nhưng người mệt mỏi rã rời. Triệu chứng của những người dùng bài Quế chi thang này không dứt khoát là cứ phải đở mồ hôi mà đôi khi không có mồ hôi. Sách *Thương hàn luận* cho rằng những lúc như vậy nên uống Quế chi thang khi thuốc còn nóng, lấy chăn đắp cho ra chút ít mồ hôi. Như vậy, Quế chi thang có tác dụng cầm mồ hôi ở những người đở mồ hôi và kích thích ra mồ hôi ở những người không ra mồ hôi để hạ nhiệt và làm lạnh bệnh. Sách *Thương hàn luận* gọi tác dụng này là "giải cơ".

BÀI 45: QUẾ CHI GIA HOÀNG KỶ THANG (KEI SHI KA O GI TO)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 3-4g, Thược dược 3-4g, Đại táo 3-4g, Sinh khương 4,0g, Cam thảo 2,0g, Hoàng kì 3-4g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị đở mồ hôi trộm và rôm sảy ở những người thể lực suy yếu.

Giải thích:

Theo sách *Kim quỹ yếu lược*:

(1) Đây là bài Quế chi thang có thêm Hoàng kì.

(2) Dùng cho những người da có thủy khí, đàn hồi kém, đở mồ hôi trộm, có cảm giác tê, v.v...

Theo các tài liệu tham khảo như:

Chẩn liệu y điển: Hoàng kì có tác dụng làm căng da, loại trừ thủy khí loại mù, bồi bổ và thúc đẩy quá trình lên mầm thịt. Do đó, Hoàng kì được dùng trị cảm mạo ở trẻ hư nhược, chữa bệnh da, đở mồ hôi trộm, viêm tai giữa, liệt thần kinh mặt.

Thực tế chẩn liệu: Thuốc dùng để chữa cảm mạo ở trẻ hư nhược, đở mồ hôi trộm.

Thực tế ứng dụng: Thuốc dùng để trị các chứng đở mồ hôi trộm, rôm sảy, bệnh ngứa sẩn của trẻ em, các bệnh về da ở những người gầy yếu.

Nhập môn đông y hiện đại: Chữa cảm mạo ở trẻ em hư nhược, đở mồ hôi trộm, viêm tai giữa, chứng tích mù, hoàng đản, phù thũng.

BÀI 46: QUẾ CHI GIA CÁT CĂN THANG (KEI SHI KA KAK KON TO)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 3-4g, Thược dược 3-4g, Đại táo 3-4g, Sinh khương 4,0g, Cam thảo 2,0g, Cát căn 6,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Chữa đau tê vai, đau đầu trong giai đoạn đầu của cảm mạo do phong tà ở những người thân thể hư nhược.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*:

(1) Đây là bài Quế chi thang thêm cát căn; (2) Dùng trị các chứng của Quế chi thang, những người có cảm giác căng cứng từ gáy xuống tận lưng, (3) Cát căn có tác dụng giảm bớt sự căng thẳng của gân cơ.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Dùng cho những người có triệu chứng của bài Quế chi thang: Gáy lưng căng, vai cứng, và những chứng bệnh của Cát căn thang, mạch khẩn trương nhược, hoặc mạch phù nhược ở những người có thể chất yếu hay ra mồ hôi. ứng dụng của bài thuốc này là những ứng dụng của bài Quế chi thang và Cát căn thang

a. Quế chi thang: Cảm mạo, đau thần kinh, đau đầu, đau bụng, ỉa lỏng.

b. Cát căn thang: Cảm mạo, thấp khớp, đau thần kinh, viêm chảy đại tràng.

Theo *Thực tế chẩn liệu*: Thuốc chủ trị các chứng của Quế chi thang, căng da từ vùng gáy xuống tới lưng. Cát căn có tác dụng làm giảm sự căng thẳng của cơ.

BÀI 47: QUẾ CHI GIA HẬU PHÁC HẠNH NHÂN THANG (KEI SHI KA KO BOKU KYO NIN TO)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 3-4g, Thược dược 3-4g, Đại táo 3-4g, Sinh khương 3-4g, Cam thảo 2,0g, Hậu phác 1-4g, Hạnh nhân 3-4g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị ho ở những người cơ thể gầy yếu.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*: Bài thuốc này còn có tên là Quế chi gia hậu phác hạnh tử thang. Đây là bài Quế chi thang thêm hậu phác và hạnh nhân. Thuốc dùng cho những người cảm, ho nhưng không đổ nước mũi và đờm loãng.

Theo các tài liệu tham khảo như:

Thực tế chẩn liệu: Bài này dùng để trị các chứng của bài Quế chi thang. Những người bị ho và hội đủ các triệu chứng của bài Quế chi thang dùng bài thuốc này rất hiệu nghiệm.

Những người gầy yếu, cứ bị cảm là ho mà không dùng được Ma hoàng thì sử dụng bài thuốc này.

108 bài thuốc chọn lọc: Những người có các triệu chứng của bài Quế chi thang, cứ bị cảm là ho khúng khắng thì người ta thêm hậu phác và hạnh nhân. Trường hợp bệnh thái dương chữa nhầm khiến bệnh tình thêm nặng và ho thì cho dùng bài thuốc này.

Thương hàn luận: Khi dùng Quế chi thang, biểu tà không hư ở lý, chuyển vào ngực sinh ra hen nhẹ thì dùng bài thuốc này. Bài thuốc có tác dụng chủ yếu là làm tiêu tán biểu tà, giải uất trệ trong ngực và trị hen nhẹ.

BÀI 48: QUẾ CHI GIA THỰC DƯỢC SINH KHƯƠNG NHÂN SÂM THANG (KEI SHI KA SHAKU YAKU SHO KYO NIN ZIN TO)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 3-4g, Đại táo 3-4g, Thực dược 4-6g, Sinh khương 4-5,5g, Cam thảo 2,0g, Nhân sâm 3-4,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng khi đầy tức vùng thượng vị, đau bụng, đau chân tay.

Giải thích:

Theo *Thương hàn luận*: Đây là bài Quế chi gia thực dược thang thêm Sinh khương và Nhân sâm, dùng khi đầy tức ở vùng thượng vị, đau người.

Sau khi cho ra mồ hôi thì trong người bị mất nước, trở nên hư táo và đau người, mạch trầm và trì, biểu tà chưa giải hết, dư tà tập trung vào phần thượng vị. Bài thuốc này dùng vào trường hợp như vậy, chủ yếu là để làm cho cơ thể khỏi hư táo và điều hòa khí huyết.

Theo các tài liệu tham khảo: Sau khi phát hãn, mình mẩy đau nhức, mạch thấy trầm trì lại không có triệu chứng của bệnh thiếu âm thì dùng bài này. Những người có những chứng biểu tà thịnh và đau người, mạch phù và khẩn là các chứng của bài Ma hoàng thang, uống phát hãn khỏi.

Bài thuốc này dùng để trị các chứng khí huyết không lưu thông. Đau người chứng tỏ máu lưu thông kém, đau là tình trạng khí không lưu thông. Bị tháo mồ hôi thì khí huyết lưu thông chậm, nước thoát ra khắp bề mặt cơ thể. Nếu không đổ mồ hôi thì mạch phù và khẩn, đó là những triệu chứng của bài Ma hoàng thang. Do bị tháo mồ hôi, người bị hao nước, mạch trầm và trì, máu lưu thông chậm, khí trương lên thể hiện lên mạch.

BÀI 49: QUẾ CHI GIA THUỘC DƯỢC ĐẠI HOÀNG THANG (KEI SHI KA SHAKU YAKU DAI O TO)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 4,0g, Thuộc dược 6,0g, Đại táo 4,0g Sinh khương 3-4g, Can sinh khương 1-2g, Cam thảo 2,0g, Đại hoàng 1-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị bí đại tiện và kiết lỵ ở những người bụng căng trướng, bụng đau và bí đại tiện.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*: Bài này còn có tên là Quế chi gia Đại hoàng thang, là bài thuốc hạ (hạ ở đây là xô - puzgatif, có thuốc ôn hạ và thuốc hàn hạ) trong đông y. Trong đông y có thuốc ôn hạ và thuốc hàn hạ. Thuốc hàn hạ có Đại thừa khí thang và Tiểu thừa khí thang với các vị thuốc hàn như Đại hoàng và Mang tiêu là chủ vị, còn thuốc ôn hạ là những bài thuốc tuy cũng dùng những bài thuốc hàn tương tự nhưng có phối hợp thêm các vị thuốc ôn như Tế tân, Phụ tử, Quế chi v.v...

Trong sách *Thương hàn luận*, bài thuốc này là cái xương sống để phát triển các bài thuốc khác, nó là một trong những bài thuốc gia giảm của Quế chi thang: Cơ bụng co thắt, bụng đau, đầy bụng, bí đại tiện và viêm ruột kết, v.v...

Theo *Chẩn liệu y điển*: Dùng cho những người bụng căng muốn đi ngoài nhưng khó đi, những người viêm trực tràng, hẹp trực tràng, viêm đại tràng, bí đại tiện nhưng nếu cho dùng thuốc nhuận tràng mạnh thì lại đau bụng.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Dùng để trị ỉa lỏng, bí đại tiện lâu ở những người thể chất hư nhược không chỉ mất trương lực dạ dày mà ruột cũng bị mất trương lực cơ sau khi kiết lỵ, viêm ruột, đau đầu, sốt, đau tê vai.

Theo *Tập các bài thuốc đông y*: Thuốc dùng cho những người bụng đầy và đau của hư chứng, bí đại tiện hoặc ỉa lỏng, viêm ruột cấp và mạn tính, viêm chảy đại tràng, viêm ruột thừa cấp và mạn tính, bí đại tiện thường xuyên, trĩ.

BÀI 50: QUẾ CHI GIA THỰC DƯỢC THANG (KEI SHI KA SHAKU YAKU TO)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 4,0g, Thực dược 6,0g, Đại táo 4,0g, Sinh khương 4,0g, Cam thảo 2,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Thuốc dùng để chữa kiết lỵ và đau bụng ở những người có cảm giác đầy chướng bụng.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*: Quế chi gia thực dược thang là bài thuốc tăng lượng Thực dược trong bài Quế chi thang, trị thái âm trong khi Quế chi thang trị bệnh thái dương. Người xưa cho rằng Quế chi trợ dương, Thực dược trợ âm, cho nên tăng lượng Thực dược trợ âm này để trị các chứng của bệnh thái âm như đầy bụng, đau bụng.

Trong loại bệnh này, cũng có những người có chiều hướng bí đại tiện, lại cũng có người phân lỏng và lại cũng có người bị kiết lỵ. Phần nhiều những người bị các chứng bệnh này cơ bụng căng, nhìn chung thành bụng kém đàn hồi, da mỏng. Bài thuốc này dùng cho những người vị tràng yếu, mất trương lực dạ dày, sa dạ dày, viêm đại tràng, viêm phúc mạc mạn tính, v.v...

Các tài liệu tham khảo như *Chẩn liệu y điển*, *Thực tế trị liệu*, v.v... đều có nhận định chung: Thuốc dùng cho người đau bụng vì bị lạnh, viêm đại tràng co thắt hoặc bụng đầy trướng ở những người hư nhược, kiết lỵ, sa dạ dày, thoát vị âm nang, thoát vị bẹn, trĩ nội. Ngoài ra bài thuốc này còn hiệu nghiệm trong trường hợp đau đầu, trị đờ mồ hôi, sốt ớn lạnh.

BÀI 51: QUẾ CHI GIA TRUẬT PHỤ THANG (KEI SHI KA JUTSU BU TO)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 4,0g, Thược dược 4,0g, Đại táo 4,0g, Sinh khương 4,0g, Cam thảo 2,0g, Truật 4,0g, Phụ tử 0,5-1g.

Bài này có thể thêm 4,0g Phục linh (Quế chi gia linh truật phụ thang).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Chữa đau khớp, đau thần kinh.

Giải thích:

Bảng

Tên thuốc sống Tên tài liệu tham khảo	Quế chi	Thược dược	Đại táo	Sinh khương	Cam thảo	Truật	Phụ tử
Chẩn liệu y điển (1)	4	4	4	4	2	4 (thương truật)	0,5- 1
Thực tế trị liệu	4	4	4	4	2	4	0,5
Thực tế ứng dụng (2)	4	4	4	4	2	4	0,5
Thực tế chẩn liệu (3)	4	4	4	4	2	4	0,5- 1
Tập các bài thuốc (4)	3	3	3	3	2	4 (thương truật)	1
Bách khoa về thuốc dân gian	4	4	4	4	2	3	1
Tập phân lượng các vị thuốc	4	4	4	4	2	4 (thương truật)	1

Theo *Chẩn liệu y điển*: Dùng để trị đau thần kinh, thấp khớp, đau bụng do lạnh, bán thân bất toại, liệt trẻ em.

Theo *Thực tế ứng dụng*: ớn lạnh, đồ mồ hôi, tiểu tiện khó, hoặc đái vặt, khớp chân tay đau và sưng tấy, chân tay vận động khó khăn. Thuốc chủ trị cho những người sức yếu, cơ bụng không căng, tuy mạch có người mạch phù người mạch trầm.

Thuốc được dùng để trị thấp khớp, đau thần kinh, bán thân bất toại (sau khi xuất huyết não), viêm khớp, thống phong.

BÀI 52: QUẾ CHI GIA LONG CỐT MẪU LỆ THANG (KEI SHI KA RYU KOTSU BO REI TO)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 3-4g, Thược dược 3-4g, Đại táo 3-4g, Sinh khương 3-4g, Cam thảo 2,0g, Long cốt 2,0g, Mẫu lệ 3,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng trị chứng thần kinh dễ bị kích thích, mất ngủ ở những người thể chất gầy yếu, dễ mệt và dễ hưng phấn, trẻ em khóc đêm, trẻ em đái dầm, thị lực yếu môi mắt.

Giải thích:

Theo sách *Kim quĩ yếu lược*: Trong chương 6 có nêu ra chứng "thất tinh" và ghi rằng những người dễ bị "thất tinh" thì bụng dưới bị co thắt, đầu dương vật bị lạnh, chóng mặt, mí mắt đau, rụng tóc, mạch cực hư, khô, trĩ, thức ăn không tiêu hóa, mất máu, thất tinh. Những người mạch vi khẩn, nếu nam thì thất tinh, nếu nữ thì mơ giao hợp. Những người mắc chứng bệnh này thì dùng bài Quế chi gia long cốt mẫu lệ thang.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Dùng cho những người ốm yếu hư nhược, thần kinh dễ bị hưng phấn, người dễ mệt mỏi. Mạch nhìn chung là yếu, ở vùng quanh rốn phần nhiều là có tiếng máy động dồn dập. Ngoài ra, thuốc còn được dùng trong các bệnh thần kinh, liệt dương, xuất tinh sớm, không có tinh, tinh đục yếu, đái dầm, chứng máy cơ, v.v...

Theo *Thực tế trị liệu*: Thuốc dùng trong trường hợp cơ thể yếu, thần kinh quá nhạy cảm dễ hưng phấn, dễ bị chóng mặt, đầu nhiều gàu trắng, rụng tóc. Thuốc dùng trị chứng tinh lực yếu, dễ quên, đái dầm, mất ngủ.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Thuốc dùng để hồi phục nguyên khí trong trường hợp sinh hoạt tinh đục quá mức, bị liệt dương, di tinh, v.v...

Ngoài ra, bài thuốc này dùng trong các trường hợp thần kinh suy nhược, thần kinh về tinh đục bị suy nhược, dương vật cường trực, tràn máu não, tăng huyết áp.

BÀI 53: QUẾ CHI NHÂN SÂM THANG (KEI SHI NIN ZIN TO)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 4,0g, Nhân sâm 3,0g, Truật 3,0g, Cam thảo 3,0g, Can khương 2,0g (không được dùng Sinh khương).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Sách *Thương hàn luận* hướng dẫn cách điều chế bài thuốc này như sau: trước hết cho 4 vị Cam thảo, Bạch truật, Nhân sâm và Can khương vào sắc với 9 bát nước lấy 5 bát, sau cho Quế chi vào sắc tiếp lấy 3 bát, bỏ bã lấy 1 bát uống lúc thuốc còn nóng.

Công dụng: Trị các chứng đau đầu, đánh trống ngực, viêm dạ dày ruột mạn tính, mất trương lực dạ dày ở những người bụng dạ yếu.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*: Bài thuốc này chính là bài Lý trung hoàn (Nhân sâm thang) có thêm Quế chi. Lý trung hoàn trị các chứng thổ tả, thêm vào đó là đau đầu, sốt, người đau, trong khi đó lý hàn không cần nước. Quế chi giải hự chứng của biểu, tức là tự đổ mồ hôi dẫn tới mạch phù nhược.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Dùng cho những người có biểu nhiệt nhưng trong bụng thì lạnh, chức năng các cơ quan tiêu hóa bị suy yếu dẫn tới bị nôn hoặc ỉa lỏng. Thuốc còn dùng trị viêm dạ dày ruột cấp tính, đau đầu, hồi hộp và khó thở do bụng dạ yếu. Thuốc được ứng dụng trong các trường hợp đánh trống ngực dồn dập do thần kinh, các bệnh tim, đau đầu thường xuyên.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Thuốc này dùng cho những người đau đầu, sốt, đổ mồ hôi, ớn lạnh, biểu nhiệt, vùng bụng trên rắn, ỉa chảy, những người hư chứng dễ bị ỉa chảy do lạnh.

Theo Thực tế ứng dụng: Thuốc dùng cho những người có chiều hướng đau đầu, sốt, đổ mồ hôi, chân tay mệt mỏi, vùng thượng vị đầy cứng, ỉa chảy như tháo nước. Thuốc được dùng trong các trường hợp ỉa chảy do cảm mạo cơ quan tiêu hóa bị rối loạn do uống thuốc cảm

BÀI 54: QUẾ CHI PHỤC LINH HOÀN (KEI SHI BUKU RYO GAN)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 4,0g, Phục linh 4,0g, Mẫu đơn bì 4,0g, Đào nhân 4,0g, Thược dược 4,0g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* Trộn đều với mật ong làm thành hoàn. Ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 2,0-3,0g.

2. *Thang:* Sắc uống.

Công dụng: Thuốc dùng trị các chứng kinh nguyệt không thuận, kinh nguyệt lạ thường, đau khi có kinh, các chứng của thời kỳ mãn kinh và các chứng về huyết đạo mà có các triệu chứng người không được khỏe mạnh, đôi lúc đau bụng dưới, vai đau tê, nặng đầu, chóng mặt, máu dồn lên mặt và chân tay lạnh; cùng với các chứng bầm tím, bệnh cước và râm da.

Giải thích:

Theo *Kim quỹ yếu lược:* Trong các bài trị chứng ứ huyết có Đại hoàng mẫu đơn bì thang, Đào hạch thừa khí thang, Đương quy thược dược tán, Tứ vật thang, v.v..., bài này là một trong những bài thường được dùng nhất. Đây là thuốc trực ứ huyết, các chứng xuất huyết, huyết trệ. Những người dùng thuốc này thường có những triệu chứng như có cục gì ở bụng dưới, có những cơn đau rất dữ dội (chủ yếu ở bụng dưới bên trái) do ứ huyết, thể lực tương đối, nhiều trường hợp bị chứng máu dồn lên đầu làm đỏ mặt. Thuốc này dùng để trị chóng mặt, máu dồn lên đầu, đau đầu, đau tê vai, ù tai, đánh trống ngực dồn dập, chân lạnh v.v..., song bệnh trạng chưa nặng lắm và không kèm theo hiện tượng bí đại tiện.

Theo *Thực tế chân liệu* và các tài liệu tham khảo khác: ở bụng dưới có cục cứng và đau dữ dội, đó là do chứng ứ huyết sinh ra. Bụng của những người như vậy phần nhiều là đàn hồi tốt, căng, không có chiều hướng thiếu máu và ít có người bị khô lúc nào cũng muốn ngâm nước. Đi đại nhiều. Thân nhiệt không tăng nhưng toàn thân hoặc từng chỗ cảm thấy nóng, xung quanh môi và lưỡi có màu tím xám, da xám đen hoặc xuất hiện những đám râm như là những vết bần. Phân đen và rất thối.

a. Nổi gân xanh hoặc có chiều hướng bị xuất huyết.

b. Có những biểu hiện của các loại xuất huyết: xuất huyết từ cung, đổ máu cam, chảy máu chân răng, xuất huyết dưới niêm mạc da, v.v...

c. ở phụ nữ thì bị các dạng kinh nguyệt dị thường như kinh nguyệt thất thường, không có kinh nguyệt hoặc kinh nguyệt ra quá nhiều hoặc quá ít, đau bụng khi có kinh và các dạng kinh nguyệt khó khác, chứng vô sinh hoặc dễ sảy thai, đau bụng dưới hoặc bị bạch đới.

d. Các biểu hiện ở bụng: có u cục gì rắn ở bụng dưới và hay đau dữ, nhưng cần phải phân biệt giữa u cục do sung với những đám khí tụ lại.

e. Mạch thì phần nhiều là trầm.

BÀI 55: QUẾ CHI PHỤC LINH HOÀN LIỆU GIA Ý DĨ NHÂN (KEI SHI BUKU RYO GAN RYO KA YOKU I NIN)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 4,0g, Phục linh 4,0g, Mẫu đơn bì 4,0g, Đào nhân 4,0g, Thược dược 4,0g, ý dĩ nhân 10g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Nghiền các vị Quế chi, Phục linh, Mẫu đơn bì, Đào nhân và Thược dược thành bột rồi luyện với mật ong, uống ngày 3 lần mỗi lần 2g. Hoặc dùng theo thuốc sắc với số lượng gấp 2-3 lần thuốc hoàn cũng được. Nên thêm vào đó 10g ý dĩ nhân thuốc sẽ có tác dụng rất nhanh đối với bệnh trứng cá ở thanh niên.

Công dụng: Dùng trị các chứng kinh nguyệt thất thường, các chứng về huyết đạo, trứng cá, râm da, tay chân khô ráp ở những người thể lực tương đối khá, thỉnh thoảng đau bụng dưới, vai đau tê, nặng đầu, chóng mặt, máu dồn lên mặt khiến chân tay lạnh.

Giải thích:

Đây là bài Quế chi Phục linh hoàn có thêm ý dĩ nhân là vị thuốc dân gian thường được dùng trị chứng râm da, thuốc này được dùng để chữa các chứng râm da, trứng cá và các bệnh về da do sự ứ máu gây ra.

Thuốc dùng cho những người có thể lực tương đối tốt, dùng thuốc thang Thượng phòng phong thang và A kinh giới liên kiều thang không có hiệu quả mà có chiều hướng máu dồn lên mặt sinh ra chứng ứ máu, môi và lưỡi bị thâm, bụng dưới phía trái có u cục cứng và đau dữ, có trứng cá do ứ máu gây ra.

Theo *Chẩn liệu y điển* hay *Phương pháp chẩn liệu*: Thuốc dùng trị các chứng viêm tuyến giáp trạng, thoát vị đĩa đệm do ứ máu, mụn nhọt, râm da, viêm tinh hoàn, ung thư tử cung (ở giai đoạn đầu thể lực vẫn chưa bị suy sụp, cảm thấy có vật gì chướng ở phần bụng dưới, bắt đầu xuất hiện bạch đới thì nên uống thuốc kết hợp với trị liệu bằng quang tuyến, cho 10,0g ý dĩ nhân), mụn ngứa (những người có thể chất có máu ứ, có những mụn nhỏ như đầu kim có vành đỏ, ngứa, thì dùng 5,0g ý dĩ nhân), chứng tiểu bì (cuticula) ở bàn tay có tính chất lan truyền (thường xuất hiện ở những người phụ nữ thể chất khỏe mạnh mắc chứng đa huyết, bụng dưới bị ứ máu, có cục cứng và đau dữ ở bụng dưới và hay đau bụng kinh, thì cho 6g ý dĩ nhân), trứng cá (thường có ở những người có thể chất bị ứ huyết), ở phụ nữ thì máu thường dồn lên mặt, môi tím, bụng dưới có vật cứng và đau, kinh nguyệt khác thường. Những người có chiều hướng bí đại tiện thì dứt khoát phải thêm Đại hoàng, bệnh cứng da (thêm 10g ý dĩ nhân).

Ngoài các chứng về bụng, bài thuốc này rất có tác dụng đối với các bệnh Raynaud (rối loạn tuần hoàn kích phát đối xứng quan sát chủ yếu trên bàn tay ở đản bà), bệnh râm da, bạch tạng, chai sạn chân tay, các bệnh về tuyến sữa.

BÀI 56: KHẢI TỶ THANG (KEI HI TO)

Thành phần và phân lượng: Nhân sâm 3,0g, Truật 4,0g, Phục linh 4,0g, Liên nhục 3,0g, Sơn dược 3,0g, Sơn tra tử 2,0g, Trần bì 2,0g, Trạch tả 2,0g, Đại táo 1,0g, Sinh khương 3,0g, Cam thảo 1,0g (không có Đại táo và Sinh khương cũng được).

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* Mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 1-2g.

2. *Thang.*

Công dụng: Trị các chứng yếu bụng dạ, viêm dạ dày ruột mạn tính, tiêu hóa kém và ỉa lỏng ở những người gầy yếu, sắc mặt kém, ăn uống không ngon miệng và có chiều hướng bị ỉa chảy.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Có lẽ bài thuốc này cơ bản dựa theo bài Tứ quân tử thang, hoặc cũng tương tự với bài Sâm linh bạch truật tán trong Hòa tễ cục phương, thuốc được dùng để chữa ỉa lỏng, nhất là ỉa lỏng ở trẻ con. Vốn bài thuốc này gọi là Khải tỳ hoàn.

Khải tỳ hoàn có tác dụng kích thích tiêu hóa, cầm ỉa chảy, chống nôn mửa, tiêu cam, tiêu hoàng đản, chống chướng bụng, chống đau bụng, bổ tỳ vị. Nghiền mịn các vị thuốc, luyện với mật ong thành hoàn như hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20-30 hoàn với nước cơm hoặc cháo vào lúc đói. Trẻ em hay ốm, kém ăn, uống vào khỏi ngay.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Đối với người lớn bài thuốc này cũng có thể sử dụng để trị viêm dạ dày, ruột mạn tính, lao ruột ở người tì vị hư nhược.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Thuốc dùng trong trường hợp bị ỉa lỏng mạn tính giống như chứng bệnh của Chân vũ thang và Vị phong thang, nhưng thuốc này được dùng khi những thuốc nói trên không đem lại hiệu quả. Những người bị ỉa lỏng mạn tính như vậy thường không phải là kiệt li, bụng không đau và nếu có thì cũng nhẹ. Phân đông là ỉa lẫn nhiều bọt cùng với không khí, số lần đi cũng ít, mỗi ngày khoảng vài ba lần. Triệu chứng của bệnh này rất giống với triệu chứng trong bài Sâm linh bạch truật tán, khó mà phân biệt được.

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*, thuốc này được luyện với mật ong thành hoàn, mỗi lần uống từ 1 đến 2g với nước cháo, hoặc có thể hòa bột thuốc vào nước cháo uống cũng được. Nhưng nhìn chung, người ta sắc để uống.

Thuốc thường được dùng để trị chứng ỉa lỏng do tì vị hư nhược, trẻ em tiêu hóa kém. Thuốc còn được dùng cho những trẻ em ăn uống kém, người lớn bị viêm dạ dày ruột mạn tính và lao ruột, dùng làm thuốc cường tráng vị tràng sau khi ốm dậy.

Bài thuốc này dùng cho trẻ em tiêu hóa kém, ỉa lỏng kéo dài, suy nhược dinh dưỡng, gân cốt mất trương lực, thiếu máu, ngại ăn, nôn, chướng bụng.

Những người bị viêm chảy ruột, dạ dày vốn dĩ do bụng dạ yếu, nếu ăn uống hơn ngày thường một chút là bị đi ỉa liền thì dùng bài Lục quân tử thang. Chứng bệnh cũng giống như chứng bệnh của bài Chân vũ thang (bụng hơi đau nhưng miệng không khát, không nôn, mỗi ngày chỉ đi vài ba lần do lạnh bụng) mà dùng bài Chân vũ thang vẫn không khỏi, da lại khô thì nên dùng bài Khải tỳ thang hoặc Sâm kinh bạch truật tán, cả hai bài này đều là thuốc kích thích tiêu hóa, cải thiện toàn thân.

Bài thuốc này có thể sắc hoặc dùng hoàn cũng được. Cũng giống như bài Tứ quân tử thang trong số các bài thuốc hậu thế và bài Nhân sâm thang trong số các bài thuốc cổ, bài Khải tỳ thang được dùng khi bị ỉa lỏng kèm theo nôn mửa vì lạnh bụng trở thành mạn tính, mạch cũng như cơ bụng mềm nhũn, ngại ăn và về thần kinh cũng xuất hiện hiện tượng mà người ta thường gọi là "động kinh tính". Thuốc này cũng còn được dùng làm thuốc tăng cường chức năng của các cơ quan tiêu hóa, phần nhiều dùng cho trẻ em và nếu bài thuốc này không có hiệu quả thì người ta nghĩ tới các bài Cam thảo tả tâm thang, Chân vũ thang.

BÀI 57: KINH PHÒNG BẠI ĐỘC TÁN (KEI BO HAI DOKU SAN)

Thành phần và phân lượng: Kinh giới 1,5-2g, Phòng phong 1,5-2g, Khương hoạt 1,5g, Độc hoạt 1,5-2g, Sài hồ 1,5-2g, Bạc hà diệp 1,5-2g, Liên kiều 1,5-2g, Cát cánh 1,5-2g, Chi xác 1,5-2g, Xuyên khung 1,5-2g, Tiền hồ 1,5-2g, Kim ngân hoa 1,5-2g, Cam thảo 1-1,5g, Can sinh khương 1,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng trong giai đoạn đầu của bệnh da mung mủ cấp tính.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Thuốc dùng để trị mụn nhọt trong giai đoạn ban đầu người bị sốt ớn lạnh, đau đầu, chỗ mụn sưng tấy đỏ đau. Thuốc còn được ứng dụng để chữa mụn nhọt, viêm tuyến sữa, ung thư vú, lở đầu, eczêma, ghê, nấm da, mày đay, hốc vòm miệng trên hóa mù.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Dùng cho những người bị các loại mụn nhọt khiến cho phát sốt, ớn lạnh, đau đầu, người vật vã và có những triệu chứng giống như thương hàn. Thuốc được ứng dụng để chữa các chứng mụn nhọt, lở loét, bị đĩnh mặt, viêm tuyến vú, v.v...

BÀI 58: QUẾ MA CÁC BÁN THANG (KEI MA KAK HAN TO)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 3-3,5g, Thược dược 2,0g, Sinh khương 2,0g, Cam thảo 2,0g, Ma hoàng 2,0g, Đại táo 2,0g, Hạnh nhân 2-2,5g (trong trường hợp dùng Can sinh khương thì phân lượng là 1,0g).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Chữa cảm mạo, ho, ngứa.

Giải thích: Theo sách *Thương hàn luận*: Đây là tên gọi tắt của Quế chi ma hoàng các bán thang, kết hợp các bài Quế chi thang và Ma hoàng thang với tỉ lệ một nửa lượng của mỗi bài thuốc trên. Thuốc dùng cho những người có thể lực tương đối yếu, chữa ho và ngứa da khi đầu đau và có sốt, có lạnh.

Thái dương bệnh: được 8-9 ngày, bệnh trạng giống như bệnh sốt rét, người phát sốt, ớn lạnh, nóng nhiều lạnh ít, người bệnh không nôn, tiểu tiện trong, ngày 2-3 lần bị sốt rét, những người mạch vi hoãn thì bệnh muốn khỏi, những người mạch vi lại ớn lạnh thì cả âm dương đều hư, không thể phát hãn, cho đi ngoài và cho nôn nữa, phân đông có kèm những người mặt đỏ là chưa giải. Không ra được ít mồ hôi thì người tắt ngứa và nên dùng bài thuốc này.

Theo *Chẩn liệu y điển*: bài thuốc trị bệnh mảy đay, dùng trong trường hợp mới phát ban giai đoạn đầu, rất ngứa và hơi sốt. Chứng ngứa da: dùng trong trường hợp giai đoạn đầu bệnh trạng bên ngoài không nặng nhưng rất ngứa và hơi bị sốt.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Dùng cho những người có biểu chứng, thể lực không khỏe lắm, mạch không khẩn trương và có ho. Biểu chứng thể hiện ở đau đầu, ớn lạnh, phát sốt và mạch phù. Thuốc này dùng có hiệu nghiệm đối với những người không ra mồ hôi, da ngứa.

BÀI 59: KÊ MINH TÁN GIA PHỤC LINH (KEI MEI SAN KA BUKU RYO)

Thành phần và phân lượng: Tân lang tử (hạt cau 4,0g); Mộc qua 3,0g, Quất bì 2-3g, Cát cánh 2-3g, Phục linh 4-6g, Ngô thù du 1,0g, Tử tô diệp 1,0g, Can sinh khương 1,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Cho thuốc vào 2 bát tô nước đun lấy một bát rưỡi, lại cho nước và đun tiếp lấy một bát con, hòa hai loại thuốc với nhau, chia uống làm 3-5 lần trong một ngày khi thuốc nguội, trong các tháng mùa đông có thể đun ấm lên uống cũng được. Uống thuốc vào đến sáng hôm sau đi ngoài ra phân đen, đó là độc khí của cảm hàn thấp trong thận, đến bữa ăn sáng đau vẫn còn nhưng phù thũng đã tiêu tan, tuy nhiên nên ăn sáng muộn đi một chút dùng thuốc sẽ rất hiệu nghiệm. Thuốc này uống không phải kiêng khem gì.

Công dụng: Dùng cho những người có cảm giác mỗi chân, trí giác kém, bắp chân căng và đau, đánh trống ngực dồn dập, chân bị phù thũng và cước khí.

Giải thích: Theo sách *Thời phương ca quát*: Bài thuốc này, cùng với bài Cửu vị tân lang thang, được dùng để chữa cước khí, do đó bài thuốc này cũng được dùng cho những bệnh trạng tương tự như bài Cửu vị tân lang thang. Đây là bài thuốc số một dùng để trị cước khí, bất kể nam nữ đều uống được. Những người bị cước khí giống như cảm phong thấp lưu trú, chân đau không thể chịu nổi, gân mạch phù thũng uống thuốc này rất hiệu nghiệm.

Theo *Các bài thuốc đơn giản*: Nguồn gốc của bài thuốc này là một bài thuốc quan thái y nhà Đường xuất hiện trong sách *Ngoại đài bị yếu phương* (gồm 6 vị), thêm Cát cánh vào bài thuốc đó trở thành bài Kê minh tán, và thêm Phục linh nữa trở thành bài thuốc này. Xưa kia bài thuốc này được coi là "bài thuốc số một trị cước khí, bất kể nam nữ đều có thể uống được" và trên thực tế bài thuốc này dùng để trị cước khí hư chứng hơn là bài Cửu vị tân lang thang. Các chứng bệnh mà bài thuốc này điều trị gồm có phù thũng liệt chân, đánh trống ngực dồn dập, bụng có cảm giác bị ép nặng.

BÀI 60: KIẾN TRUNG THANG (KEN CHU TO)

Thành phần và phân lượng: Bán hạ 5,0g, Phục linh 5,0g, Cam thảo 1-1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng trị các chứng viêm ruột mạn tính và đau bụng ở những người thân thể gầy yếu.

Giải thích:

Theo sách *Thiên kim phương*: Đây là bài Lương chi thang bỏ các vị Chi thực, Lương khương và thêm Thược dược, Can khương, trị các triệu chứng gần giống triệu chứng của bài Tiểu kiến trung thang có kèm theo buồn nôn.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Bài thuốc này là bài Quế chi thang bổ sung thêm Bán hạ và Phục linh, dùng cho những người cơ thẳng bụng căng, nhưng sức đàn hồi của cơ bụng yếu, vùng thượng vị có tiếng óc ách, dạ dày đau và nôn mửa. Nếu có thêm Ngô thù du và Mẫu lệ thì càng tốt. Bài thuốc này còn được ứng dụng trị loét dạ dày, loét hành tá tràng, v.v...

Bài thuốc này được coi là bài dùng để "trị các chứng hư lao nội thương, hàn nhiệt, nôn mửa, thổ huyết". Bài thuốc này chủ yếu được dùng trong các trường hợp loét dạ dày, loét hành tá tràng, viêm dạ dày mạn tính, giãn dạ dày, và cũng có thể dùng cho những người bị các bệnh trạng như do bị mạn tính nên thành bụng mỏng và căng, cơ bụng đàn hồi kém, bị ứ nước trong ruột, ăn xong bụng đau, nôn và buồn nôn.

BÀI 61: GIÁP TỰ THANG (KO JI TO)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 4,0g, Phục linh 4,0g, Mẫu đơn bì 4,0g, Đào nhân 4,0g, Thược dược 4,0g, Cam thảo 1,5g, Can sinh khương 1,0g.

Cách dùng và lượng dùng: *Thang.*

Công dụng: Thuốc dùng để trị các chứng kinh nguyệt thất thường, kinh nguyệt dị thường, đau khi có kinh, mắc các chứng của thời kỳ mãn kinh, các chứng về huyết đạo ở những người thể lực tương đối khá lại có các triệu chứng như thỉnh thoảng bị đau bụng dưới, vai đau tê, nặng đầu, chóng mặt, thượng khí và lạnh chân; trị chứng đau tê vai, chóng mặt, nặng đầu, người bầm tím, cước và râm da.

Giải thích: Theo sách *Nguyên nam dương*: Đây là bài Quế chi phục linh hoàn có thêm Sinh khương và Cam thảo. Nguyên nam dương gọi bài thuốc này là bài thuốc chữa tràng ung (viêm ruột thừa). Bài thuốc này cũng dùng chữa thấp khớp và đau thần kinh do ứ máu gây ra.

BÀI 62: HƯƠNG SA BÌNH VỊ TÁN (KO SHA HEI I SAN)

Thành phần và phân lượng: Truật 4-6g, Hậu phác 3-4g, Trần bì 3-4,5g, Cam thảo 1-1,5g, Súc sa 1,5-2g, Hương phụ tử 2-4g, Sinh khương 2-3g, Đại táo 2-3g, Hoắc hương 1g (không có Hoắc hương cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng không muốn ăn, giãn dạ dày ở những người có chiều hướng bị đầy bụng.

Giải thích:

Đây là bài Bình vị tán thêm Hương phụ tử, Súc sa, Hoắc hương. Bài thuốc này được coi là của sách *Vạn bệnh hồi xuân*, nhưng trong sách đó thì bài thuốc này không có Hậu phác và Đại táo, mà lại có Chỉ thực và Mộc hương, cho nên không rõ xuất xứ của bài thuốc này ở đâu. Có thể coi đây là bài Bình vị tán được dùng để kích thích tiêu hóa giống như bài Gia vị bình vị tán, đôi khi bài thuốc này cũng còn có tác dụng điều tiết thực dục.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Thuốc dùng cho những người ăn xong không tiêu, thức ăn đọng lại ở vùng thượng vị, hoặc sau khi ăn bụng bị sôi, đi ỉa và khó chịu. Người ta nói bài thuốc này chủ trị cho những người bị đau ngực và đau bụng dữ dội, nhưng qua thử nghiệm, thuốc không có hiệu nghiệm đối với những người đau bụng. Bài thuốc này thêm Hương phụ tử và Sa nhân để dùng cho những người bụng trên bị tức, thức ăn không tiêu hoặc tim đập mạnh. Như vậy, đã trở thành bài Hương sa bình vị tán. Thời sau giải thích là Hương phụ tử và Súc sa làm tiêu những thức ăn không tiêu.

Theo *Hội đồng y*: Hương sa bình vị tán có tác dụng điều chỉnh các chức năng của vị tràng, vì như vậy, người ta cho rằng phải chắt thuốc sẽ khiến cho người ta lại muốn ăn uống trở lại. Hiện nay, khi vấn đề người già ngày càng trở thành vấn đề phổ biến thì bài thuốc này lại có cơ hội được sử dụng nhiều.

BÀI 63: HƯƠNG SA LỤC QUÂN TỬ THANG (KO SHA RIK KUN SHI TO)

Thành phần và phân lượng: Nhân sâm 3-4g, Truật 3-4g, Phục linh 3-4g, Bán hạ 3-4g, Trần bì 2,0g, Hương phụ tử 2,0g, Đại táo 1,5-2g, Sinh khương 1,5-2g, Cam thảo 1,0g, Súc sa 1-2g, Hoắc hương 1-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng trị các chứng viêm dạ dày, mất trương lực dạ dày, sa dạ dày, tiêu hóa kém, đau dạ dày và nôn ở những người bụng dạ yếu không muốn ăn, bụng trên dễ bị đầy tức, chân tay dễ bị lạnh do thiếu máu.

Giải thích: Theo sách *Nội khoa trích dụng*: Đây là bài thuốc gần giống các bài thuốc Nhân sâm thang, Tứ quân tử thang, Lục quân tử thang và Hương sa lục quân tử thang, và sự cấu thành bài thuốc này như sau:

Bảng

Tên thuốc sống Tên bài thuốc	Nhân sâm	Cam thảo	Truật	Sinh khương	Can khương	Phục linh	Đại táo	Trần bì	Bán hạ	Hương phụ tử
Độc sâm thang (1)	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8
Nhâm sâm thang										
(Lý trung thang) (2)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Tứ quân tử thang (3)	4	1,5	4	1,5	1,5	4	1,5	1,5	4	4
Lục quân tử thang (4)	4	1	4	2	2	4	2	2	4	4
Hương sa lục quân tử thang (5)	4	1	4	2	2	4	2	2	4	2

(1) Theo *Tiết hóa thập lục chủng*, (2): Theo sách *Thương hàn luận* và sách *Kim quỹ yếu lược*; (3): Theo sách *Hòa tễ cục phương*, (4): Theo sách *Hòa tễ cục phương*, (5): Theo sách *Hội khoa trích dụng*.

Nếu những bài thuốc trên lấy Nhân sâm thang (2) là cơ bản thì mục tiêu sử dụng của nó là dùng cho những người do chứng lạnh sắc mặt bị kém, vị tràng yếu bị nôn hoặc đi ngoài, (3) ngoài các chứng bệnh nói trên, bài thuốc còn trị chứng đầy bụng ăn vào không tiêu, (4) dùng cho những người bị ứ nước trong dạ dày và không muốn ăn, (5) dùng cho những người bụng trên bị tức nặng và bị chứng khí uất.

Theo các tài liệu tham khảo: Dùng cho những người có các triệu chứng chân tay lạnh, vị tràng yếu, nước đọng lại trong dạ dày, nhất là vùng bụng trên đầy tức, người cảm thấy bức bối khó chịu, ăn không tiêu, đầy bụng. Thuốc còn được dùng để trị các chứng viêm dạ dày ruột mạn tính, dạ dày yếu, sau khi ốm dậy không muốn ăn, nôn mửa, viêm phúc mạc mạn tính, ốm nghén, cảm mạo ở những đứa trẻ gầy yếu, suy nhược thân kinh, loét dạ dày (sau khi cầm máu), v.v...

Bài này được ứng dụng làm bài thuốc dưỡng sinh đối với những người già gầy yếu, hư nhược, ăn xong là buồn ngủ, đầu nặng, chân tay mỏi.

BÀI 64: HƯƠNG SA DƯƠNG VỊ THANG (KO SHA YO I TO)

Thành phần và phân lượng: Bạch truật 3,0g, Phục linh 3,0g, Thương truật 2,0g, Hậu phác 2,0g, Trần bì 2,0g, Hương phụ tử 2,0g, Bạch đậu khấu 2,0g (cũng có thể thay bằng Tiểu đậu khấu), Nhân sâm 2,0g, Mộc hương 1,5g, Súc sa nhân 1,5g, Cam thảo 1,5g, Đại táo 1,5g, Can sinh khương 1,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng cho những người dạ dày yếu, mất trương lực dạ dày, viêm vị tràng mạn tính.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Bài thuốc này kết hợp bài Bình vị tán và Tứ quân tử thang có thêm các vị Hương phụ tử, Súc sa, Mộc hương và Bạch đậu khấu, dùng trị chứng không muốn ăn ở những người vị tràng yếu.

Theo tài liệu tham khảo "*Giải thích các bài thuốc quan trọng hậu thế*": Những người vị tràng hư nhược mà triệu chứng chủ yếu là không muốn ăn, thì bài thuốc này một mặt giúp tăng cường khí lực cho vị tràng, mặt khác tiêu hóa và bài tiết những đồ ăn thức uống đọng trong dạ dày, do đó giúp đẩy mạnh chức năng của vị tràng và kích thích ăn uống.

Trong *Y liệu chứng phương quy củ* có viết: "Bài thuốc này kết hợp giữa bài Bình vị tán với bài Tứ quân tử thang có thêm Sa nhân, Hương phụ tử, Bạch đậu khấu và Mộc hương. Do đó thuốc có tác dụng loại trừ thấp đờm, bổ tì vị, thúc đẩy tiêu hóa. Thuốc được dùng trong các trường hợp có triệu chứng đầy bụng, mất lạnh ngực, ngại ăn, tì vị hư lạnh và bất hòa, đặc biệt là trong dạ dày có hàn đờm. Khi bị những bệnh khác khiến ngực lạnh và không muốn ăn thì ngừng uống thuốc trị bệnh đó mà dùng bài thuốc này để kích thích tiêu hóa, sau đó lại tiếp tục cho dùng thuốc bệnh. Tuy nhiên, khi uống thuốc này vẫn không giúp làm ngực ấm lên được thì cho dùng thuốc Hoàn loại chỉ truyệt".

Trong *Nguru son phương khảo* có ghi rằng: "Bài thuốc này có tác dụng đối với những người tì vị bất hoà, không muốn ăn uống, ăn uống không biết ngon, tức bụng khó chịu, hoặc ngày đêm đi tả tới 5-6 lần, ngực lạnh, họng khô, hoặc là những người già ngực và bụng đau, hoàn toàn không muốn ăn, mạch bình và nếu uống các thuốc khác vào là bị nôn".

BÀI 65: HẬU PHÁC SINH KHƯƠNG BÁN HẠ NHÂN SÂM CAM THẢO THANG (KO BOKU SHO KYO HAN GE NIN ZIN KAN ZO TO)

Thành phần và phân lượng: Hậu phác 3,0g, Sinh khương 2-3g, Bán hạ 4,0g, Nhân sâm 1,5-2g, Cam thảo 2-2,5g.

Cách dùng và lượng dùng: *Thang.*

Công dụng: Trị chứng viêm chảy dạ dày ruột.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*: Bài Hậu phác sinh khương bán hạ cam thảo nhân sâm thang thông thường được gọi là Hậu phác sinh khương bán hạ nhân sâm cam thảo thang. Thuốc được dùng trong trường hợp sau khi phẫu thuật bụng ăn vào bị nôn ra.

Theo *Thực tế ứng dụng*:

a. Thuốc dùng khi sự vận động của dạ dày và tiết dịch vị rất kém, hơi và nước đọng lại trong bụng khiến cho vùng thượng vị và bụng căng lên và đau, thức ăn không tiêu được, ăn vào là bị nôn và không thông đại tiện;

b. Dùng khi bị sa dạ dày, giãn dạ dày, cổ tràng (ruột phình chướng do hơi), viêm chảy dạ dày ruột cấp tính, thổ tả cấp tính thường dễ xảy ra sau khi phát hãn, sau khi ỉa chảy, sau khi phẫu thuật bụng, v.v...

c. Thuốc cũng được ứng dụng trong các trường hợp sau khi bị tràn máu não, trong trường hợp khó tiêu sau khi cắt dạ dày

BÀI 66: HƯƠNG TÔ TÁN (KO SO SAN)

Thành phần và phân lượng: Hương phụ tử 3,5-6g, Tử tô điệp 1-2g, Trần bì 2-3g, Cam thảo 1-1,5g, Can sinh khương 1-2g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 1-2g.

2. *Thang.*

Công dụng: Dùng trong giai đoạn đầu cảm do phong tà ở những người vị tràng yếu, thần kinh nhạy cảm.

Giải thích:

Theo sách *Hòa tễ cục phương*: Đây là bài thuốc được dùng gấp khi những người bụng dạ lúc nào cũng yếu, vùng thượng vị bị đầy tức, tinh thần không thoải mái cảm thấy đau đầu, sốt ớn lạnh, có triệu chứng của cảm mạo. Bài thuốc này là loại thuốc bổ tì vị có hương thơm, nhưng có lẽ có tác dụng đối với cả những bệnh trạng thần kinh khác. Bài thuốc này có thể dùng dưới dạng bột thô đem sắc uống mỗi ngày 3 lần, hoặc dùng bột mịn cho thêm muối ăn vào sắc uống cũng được.

Bài thuốc này không được dùng khi bị cảm ra mồ hôi hoặc người quá yếu.

Theo *Kỳ hiệu lương phương*: Bài thuốc này còn có tên là Hương tô ẩm, dùng để trị thương hàn bốn mùa, đau đầu, sốt ớn lạnh, thuốc uống làm một lần, cho thuốc vào 2 gáo nước, 5 lát gừng tươi, 3 củ hành tươi sắc lấy 1 gáo để uống, những người đau đầu nhiều thì cho thêm Xuyên khung và Bạch chỉ gọi là Khung chi hương tô ẩm.

Theo *Giải thích bài thuốc*: Bài thuốc này dùng trị bệnh cảm mạo dạng nhẹ, nếu sử dụng Cát căn thang thì quá mạnh. Thuốc này hiếm khi được dùng cho những bệnh có sốt bệnh trạng nặng mà người ta thường gọi là ôn dịch thương hàn. Thuốc có tác dụng phát tán khí uất cho nên dùng rất có hiệu quả đối với những người vừa bị cảm mạo vừa bị khí uất. Mạch nhìn chung là trầm tế yếu. Những triệu chứng của bệnh biểu hiện qua các hiện tượng ngực và bụng đầy tức, nếu bị nặng thì bụng đau, đầu óc cảm thấy nặng nề, ngại hoạt động, đau đầu, nặng đầu, chóng mặt, ù tai, chân tay mỏi mệt, tất cả những hiện tượng đó là do khí huyết không lưu thông gây ra. Nếu dùng thuốc này để chữa cảm mạo cho những người ngày thường bị ợ chua, nôn mửa thì nhất định có hiệu nghiệm. Phụ nữ bị các chứng bệnh về huyết đạo dùng các thuốc chữa về huyết không có hiệu quả thì phần nhiều dùng thuốc này có hiệu quả.

BÀI 67: NGŨ HỔ THANG (GO KO TO)

Thành phần và phân lượng: Ma hoàng 4,0g, Hạnh nhân 4,0g, Cam thảo 2,0g, Thạch cao 10,0g, Tang bạch bì 2-3g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị ho, hen phế quản.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Đây là bài Ma hạnh cam thạch thang thêm Tang bạch bì, dùng trị ho trong trường hợp không ớn lạnh phát sốt, đờ mề hôi và miệng khát.

Vốn dĩ bài thuốc này có thêm Tế trà, Sinh khương và Hành củ cho lẫn vào sắc uống nóng, nhưng nhìn chung không nên cho thêm những vị này.

Thuốc còn trị thương hàn, xuyên cấp, nếu có đờm thì cho thêm Nhị trần thang, cắt các vị thuốc này rồi cho vào 3 lát Sinh khương, 3 củ hành sắc lên uống khi thuốc còn nóng, sau dùng Tiểu thanh long thang thì thêm Hạnh nhân.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Vốn dĩ bài thuốc này có chè vụn, nhưng thông thường người ta không dùng. Nếu thêm Tang bạch bì vào Ma hạnh cam thạch thang thì thành bài thuốc gọi là Ngũ hổ thang, đời sau thường dùng làm bài thuốc chữa viêm phế quản. Những bệnh nhân dùng bài thuốc này cũng có béo tốt, trông bề ngoài có vẻ khỏe mạnh và rất hay uống nước.

BÀI 68: NGUU TẮT TÁN (GO SHITSU SAN)

Thành phần và phân lượng: Nguru tất 3,0g, Quế chi 3,0g, Thược dược 3,0g, Đào nhân 3,0g, Đương qui 3,0g, Mẫu đơn bì 3,0g, Diên hồ sách 3,0g, Mộc hương 1,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Thuốc dùng trị các chứng kinh nguyệt khó, kinh nguyệt thất thường và đau khi có kinh ở những phụ nữ thể lực tương đối tốt.

Giải thích:

Theo *Phụ nhân lương phương*: Bài thuốc này kết hợp hai bài Quế chi phục linh hoàn và Tứ vật thang, bỏ Phục linh, Địa hoàng, Xuyên khung mà thêm Diên hồ sách, Mộc hương, Nguru tất. Nếu bỏ Mộc hương, thêm Xuyên khung, Hồng hoa thì thành bài Chiết xung ẩm là một bài thuốc có quan hệ gia giảm đối với bài thuốc này. Chiết xung ẩm dùng trị đau bụng dưới do viêm phần phụ gây ra, có kèm theo hiện tượng bạch đới do đau sinh lý, còn bài thuốc này dùng để trị chứng đau sinh lý ở những người kinh nguyệt ít.

Theo *Thực tế chẩn liệu*: Những người bị bệnh kinh nguyệt khó khăn, tức là kinh ra rất ít, lại bị ứ máu ở bụng dưới, vùng xung quanh rốn rất đau, hoặc vùng bụng dưới và chỗ thắt lưng đau co thắt, đôi khi đau lan cả lên vùng ngực thì dùng bài thuốc này.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Những người bị bệnh kinh nguyệt khó khăn, tức là kinh ra rất ít, lại bị ứ máu ở bụng dưới, vùng xung quanh rốn rất đau hoặc đau co giật ở bụng dưới và vùng thắt lưng, đôi lúc cả vùng ngực cũng đau thì bài thuốc này rất hiệu nghiệm.

BÀI 69: NGUU XA THẬN KHÍ HOÀN (GO SHA ZIN KI GAN)

Thành phần và phân lượng: Địa hoàng 5-6g, Sơn thù du 3,0g, Quế chi 1,0g, Phụ tử gia công 0,5-1g, Ngưu tất 2-3g, Xa tiền tử 2-3g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang. Hoàn.

Công dụng: Thuốc dùng trị các chứng đau chân, đau lưng, tê, mờ mắt ở người già, ngứa, đái ít, đái luôn, phù thũng ở những người dễ mệt mỏi, tứ chi dễ bị lạnh, lượng tiểu tiện ít hoặc đi đái rất và đôi khi miệng khát.

Giải thích:

Theo *Tế sinh phương*: Đây là bài Bát vị hoàn thêm Ngưu tất và Xa tiền tử, dùng để tăng cường tác dụng của Bát vị hoàn. Những người vị tràng yếu có chiều hướng bị ỉa chảy, những người đang bị chứng nước ứ trong dạ dày hoặc những người nếu dùng thuốc này mà ăn kém ngon miệng thì không được dùng thuốc này.

Theo *Thực tế chẩn liệu, Chẩn liệu y điển, Giải thích bài thuốc*, cách làm hoàn như sau:

- Dùng mật ong luyện tất cả các vị thành hoàn để uống mỗi ngày 3 lần, mỗi lần 2,0g. Đây là bài Bát vị hoàn (Thận khí hoàn) thêm Ngưu tất, Xa tiền tử mỗi thứ 3,0g.

- Trộn đều bột các vị thuốc, dùng mật ong luyện thành hoàn nhỏ như hạt ngô đồng, uống mỗi ngày 2 lần, mỗi lần 15 hoàn cùng với rượu, uống tăng dần số lượng lên tới 25 hoàn

BÀI 70: NGÔ THÙ DU THANG (GO SHU YU TO)

Thành phần và phân lượng: Ngô thù du 3-4g, Nhân sâm 2-3g, Đại táo 3-4g, Sinh khương 4-6g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng trị đau đầu và nôn, hắt hơi kèm theo đau đầu ở những người vùng thượng vị bị đầy trướng, chân tay lạnh.

Giải thích: Theo sách *Thương hàn luận* và sách *Kim quỹ yếu lược*: Bài thuốc này dùng cho những người phần lý có hàn âm do chứng âm hư. Tương tự với bài thuốc này còn có các bài Tứ nghịch thang và Bán hạ bạch truật thiên ma thang. Tứ nghịch thang chủ yếu dùng để trị ỉa chảy, Bán hạ bạch truật thiên ma thang trị chóng mặt, còn bài này chủ trị nôn.

Chứng đau đầu trong bài thuốc này là đau dữ dội có tính chất bột phát, phần nhiều là đau ở một bên đầu.

Đây là một bài thuốc sắc rất khó uống.

Các tài liệu tham khảo như *Thực tế chẩn liệu*, *Giải thích các bài thuốc*, v.v... đều thống nhất đây là bài thuốc dùng cho những người bị hư chứng, mắc chứng lạnh, đau đầu cấp mạn tính, đau một bên đầu, nôn mửa do nhiều nguyên nhân khác nhau, ốm nghén nôn khan (do thường tăng urê huyết, dạ dày nhiều toan, kinh giạt), hắt hơi, cước khí xung tâm, chóng mặt, ngộ độc thuốc, những người bị chứng nôn, những người bị chứng nôn tháo nước rãi, động kinh nhẹ.

BÀI 71: NGŨ TÍCH TÁN (GO SHAKU SAN)

Thành phần và phân lượng: Phục linh 2,0g, Truật 3-4g, Xuyên khung 1-2g, Hậu phác 1-2g, Bạch chỉ 1-2g, Chi xác (hoặc Chi thực) 1-2g, Cát cánh 1-2g, Can sinh khương 1-2g, Quế chi 1-2g, Ma hoàng 1-2g, Đại táo 1-2g, Cam thảo 1-2g, Hương phụ tử 1,2g (không có Hương phụ tử cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: (về nguyên tắc là *thang*).

Cách cấu thành bài thuốc và cách bào chế các vị thuốc của bài Ngũ tích tán ghi trong *Hòa tễ cục phương* như sau:

Bài thuốc này chỉ dùng 12 vị: 14 lạng Thương truật (dùng nước gạo rửa và cạo vỏ), 12 lạng Cát cánh (bỏ vỏ), 6 lạng Ma hoàng (bỏ rễ), Chi xác (bỏ cùi, chặt ra thành từng đoạn rồi sao), Trần bì (bỏ phần tinh trắng), (Hậu phác bỏ vỏ thô bên ngoài) mỗi thứ này 3 lạng, 3 phân Bán hạ (rửa 7 lần), Cam thảo 3 phân (sau khi sao rồi mới chặt thành từng đoạn), Bạch chỉ 3 phân, Bạch thược 3 phân, Xuyên khung 3 phân, Nhục quế 3 phân (cạo bỏ vỏ thô bên ngoài).

Công dụng: Thuốc dùng để trị các chứng sau đã trở thành mạn tính và bệnh trạng không nghiêm trọng: vị tràng, đau lưng, đau thần kinh, đau khớp, đau khi có kinh, đau đầu, bị chứng lạnh, chứng của thời kỳ mãn kinh, cảm mạo.

Giải thích:

Theo sách *Hòa tễ cục phương*: Tên của bài thuốc được đặt như vậy với ý nghĩa để trị 5 thứ tích: khí, huyết, đàm, hàn, thực (chỉ 5 thứ độc tích tụ trong cơ thể con người).

Thuốc được dùng trị các chứng ở những người về thể chất tì hư nhược do hàn ôn sinh ra. Trong bài thuốc này, Thương truật, Trần bì, Hậu phác và Cam thảo, tức là bài Bình vị tán có tác dụng làm tiêu tán sự ứ đọng thức ăn thức uống, Bán hạ, Phục linh, Trần bì, Cam thảo, tức là bài Nhị trần thang, cùng với Chi xác loại trừ nước ứ trong dạ dày và đàm ẩm, Đương quy, Thược dược, Xuyên khung, tức là bài Tứ vật thang bỏ Địa hoàng có tác dụng hành huyết, bổ máu; Can khương, Ma hoàng, Bạch chỉ, Cát cánh có tác dụng làm ấm cái hàn, làm tiêu tán phong tà và làm khí huyết lưu thông.

Cấu tạo của bài thuốc khá phức tạp dùng để thay thế chức năng của nhiều bài thuốc hợp thành như bài Nhị trần thang, Bình vị tán, Tứ vật thang, Quế chi thang, Tục mệnh thang, Bán hạ hậu phác thang, dùng để trị các chứng bệnh sinh ra do 5 thứ tích nói trên.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc dùng trị các chứng do hàn lạnh và khí ẩm sinh ra, những người thiếu máu, nửa thân trên thì nhiệt, còn lưng, đùi, bụng dưới và nửa thân dưới bị lạnh.

Thuốc được dùng trong các trường hợp viêm dạ dày, ruột, đau eo lưng, đau thần kinh, sưng khớp, kinh nguyệt khó khăn, bạch đới, cước khí, bầm tím, chứng lạnh, sán khí (sa đi), đau khi có kinh nguyệt, các chứng về van tim, trúng phong, cảm mạo nhẹ ở người già.

BÀI 72: NGŨ VẬT GIẢI ĐỘC TÁN (GO MOTSU GE DOKU SAN)

Thành phần và phân lượng: Xuyên khung 5,0g, Kim ngân hoa 2,0g, Thập dược 2-3g, Đại hoàng 1,0g, Kinh giới 1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng để chữa ngứa và eczema.

Giải thích:

Theo sách *Bản triều kinh nghiệm*: Đây là bài Ngũ tinh thang có thêm Kinh giới, dùng làm thuốc giải độc khi bị eczema và giang mai bẩm sinh khó trị.

Theo *Thực tế chẩn liệu và Chẩn liệu y điển*: Sau khi bệnh lậu đỡ, toàn thân cảm thấy ngứa ngáy, nổi nhiều mẩn nhỏ, đó là do dư độc chưa dứt, có thể dùng bài thuốc này để giải độc, tiêu những dư độc đó. Bài thuốc này được dùng làm thuốc giải độc cho bệnh giang mai bẩm sinh.

BÀI 73: NGŨ LÂM TÁN (GO RIN SAN)

Thành phần và phân lượng: Phục linh 5-6g, Đương quy 3,0g, Hoàng cầm 3,0g, Cam thảo 3,0g, Thược dược 2,0g, Sơn chi tử 2,0g, Địa hoàng 3,0g, Trạch tả 3,0g, Mộc thông 3,0g, Hoạt thạch 3,0g, Sa tiền tử 3,0g (các vị từ Địa hoàng trở xuống không có cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng đái rắt, đái buốt và cảm giác đái không hết nước.

Giải thích:

Theo sách *Hòa tễ cục phương*, *Chẩn liệu y điển*, *Thực tế ứng dụng*: Thuốc dùng cho những người bị đái rắt, lượng nước giải mỗi lần đi rất ít, hoặc khi đi giải niệu đạo đau, nước giải đục và những người đái ra máu. Thuốc dùng trị các chứng viêm bàng quang, viêm niệu đạo, sỏi niệu quản. Có những người vị tràng không chịu được những bài thuốc như Bát vị tán có thêm Địa hoàng, những người như vậy thì nên dùng bài Ngũ lâm thang (tuy nhiên, những người bụng dạ yếu thì dùng Thanh tâm liên tử ẩm).

BÀI 74: NGŨ LINH TÁN (GO REI SAN)

Thành phần và phân lượng: Trạch tả 5-6g, Trư linh 3-4,5g, Phục linh 3-4,5g, Truật 3-4,5g, Quế chi 2-3g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* Mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 1-1,5g.

2. *Thang.*

Công dụng: Dùng trị các chứng ỉa chảy thủy tả, viêm dạ dày ruột cấp tính (những người bị kiết lỵ không được dùng), trướng thử khí, đau đầu, phù thũng có kèm một trong những hiện tượng sau: cổ khô, lượng tiểu tiện ít, buồn nôn, nôn mửa, đau bụng, đau đầu, phù thũng.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận* và sách *Kim quỹ yếu lược*: Đây là bài thuốc dùng khi ứ nước trong dạ dày, trị các chứng thủy độc ứ trong phân lý, vì nhiệt tà ở biểu thủy độc, chảy ngược ra biểu hoặc chuyển động loạn xạ ở trong dạ dày. Do đó, bài thuốc này dùng chủ yếu cho những người miệng khát, lượng tiểu tiện ít và kèm theo mô tả trong các chứng sau: sốt, đau đầu, chóng mặt, đau bụng, ỉa lỏng, phù thũng, uống nước vào bị ói ra ngay.

Sách *Phương hàm loại tu* viết: "Thuốc có 5 vị: Trư linh, Trạch tả, Phục linh, Quế chi, Thương truật. Ngoài 5 vị trên, thêm Xa tiên tử, ý dĩ để trị chứng sung đỏ và đau chướng bùi, thêm Phụ tử và Thương lục để trị sung phù. Bài thuốc này chủ yếu dùng để trị chứng tiểu tiện ít, nhưng cũng còn được dùng khi bị ói nước. Bị sán khí nếu dùng Ô đầu quế chi thang và Đương quy tứ nghịch thang vẫn không khỏi thì dùng Ngũ linh tán thêm Hồi hương sẽ rất hiệu nghiệm vì nó có tác dụng loại trừ nước và khí ứ trong vị tràng".

Theo các tài liệu tham khảo: Thuốc dùng cho những người có biểu tà nhiệt, phân lý bị ứ nước. Thuốc dùng trong các trường hợp:

a. Miệng khát và lượng tiểu tiện giảm, hoặc kèm theo một trong các chứng như nôn mửa, ỉa chảy, đau đầu, phù thũng. Trong trường hợp này, cũng có người bị cấp tính có sốt và cũng có người bị mạn tính không sốt;

b. Những người sau khi bị sốt, ra mồ hôi thì người bị hao, bồn chồn không ngủ được, lúc nào cũng muốn uống nước, lượng tiểu tiện giảm, mạch phù để bắt;

c. Những người bị sốt do trướng thử khí, đau đầu, đau người, miệng khát lúc nào cũng muốn uống nước;

d. Những người do uống thuốc nhuận tràng mà bụng dưới đâm ra bị đầy chướng, uống Tả tâm thang vẫn không khỏi, cổ khô, miệng khô hao khó chịu, lượng tiểu tiện giảm;

e. Những người tim đập mạnh, nhịp động mạch bụng tăng vọt, nôn ra đờm rãi, chóng mặt, các chứng này thường thấy ở người gầy.

BÀI 75: SÀI HÃM THANG (SAI KAN TO)

Thành phần và phân lượng: Sài hồ 5-7g, Bán hạ 5g, Hoàng cầm 3g, Đại táo 3g, Nhân sâm 2g-3g, Cam thảo 1,5-2g, Sinh khương 3-4g, Qua lâu 3g, Hoàng liên 1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng để chữa ho, đau ngực do ho.

Giải thích:

Theo *Bản triều kinh nghiệm*: Bài thuốc này nổi tiếng vì là đặc hiệu đối với bệnh viêm màng phổi, người ta gọi là thuốc chữa đau ngực. Đây là bài kết hợp Tiểu sài hồ thang với Tiểu hãm hung thang, mục tiêu là dùng cho những người do trong ngực có nhiệt tà, trong dạ dày có thấp độc nên dẫn tới đau nhói ở vùng dạ dày và xương sườn, ho nôn ra đờm, ngực đau. Cách dùng không khác gì Tiểu sài hồ thang, còn Sài hãm thang dùng cho những người bị đau ngực.

Sách *Phương hàm loại tu* ghi: "Đây là bài kết hợp giữa Tiểu sài hồ thang và Tiểu hãm hung thang, nếu vùng thượng tiêu thịnh nhiệt và ho ra đờm thì thêm Trúc nhự, hoặc thêm Trúc nhự và Miết giáp hoặc thêm Hạnh nhân và Mạch môn đông. Trị đau ngực dữ dội người ta dùng Đại hãm hung thang, song nhìn chung bài thuốc này cũng có thể được".

Thuốc dùng cho những người có chung triệu chứng của Tiểu sài hồ thang và triệu chứng của Tiểu hãm hung thang. Gia đình lương y Sada thường cho những người bị viêm màng phổi dùng Sài hãm thang.

Do tà khí hư, cho nên những thức ăn thức uống ứ lại ở bụng trên, ở vùng thượng vị, như vậy thì dẫn dắt nhiệt tà trong ngực kết hợp với nước ứ ở bụng trên mà sinh bệnh. Nếu muốn dùng trong giai đoạn đầu của bệnh bạch hầu (mã tỳ phong) thì thêm Trúc nhự, thuốc có thể dùng để trị đau ngực khi bị ho ra đờm.

BÀI 76: SÀI HỒ GIA LONG CỐT MÃU LỆ THANG (SAI KO KA RYU KOTSU BO REI TO)

Thành phần và phân lượng: Sài hồ 4-5g, Bán hạ 4g, Phục linh 2-3g, Quế chi 2-3g, Đại táo 2-2,5g; Nhân sâm 2-2,5g, Long cốt 2-2,5g, Mỗ lệ 2-2,5g, Sinh khương 2-3g, Đại hoàng 1g, Hoàng cầm 2,5g, Cam thảo 2g (Hoàng cầm và Cam thảo không có cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Sắc với 500ml nước, lấy 300ml bỏ bã, đun lại còn 200ml, chia uống làm 3 lần khi thuốc còn ấm.

Công dụng: Thuốc dùng để trị các chứng đi liền với tăng huyết áp (tim đập mạnh, bồn chồn, mất ngủ), các chứng về thần kinh, các chứng thần kinh thời kỳ mãn kinh, trẻ em khóc đêm kèm theo tình trạng tinh thần bất an, tim đập nhanh, mất ngủ, v.v...

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*.

(1): Thuốc dùng cho những người có triệu chứng ở bụng giống với những triệu chứng trong bài Tiểu sài hồ thang, ngoài ra, vùng hoành cách đầy tức khó chịu, có cảm giác bụng trên bị đầy, phần bụng và đặc biệt là vùng xung quanh rốn có tiếng đập máy động. Về bệnh trạng thì đó là thần kinh quá mẫn cảm, hưng phấn, tim đập mạnh, tức thở, mất ngủ và nhiều khi gây ra tình trạng rối loạn tinh thần.

(2): Bài thuốc này được ứng dụng trong các bệnh về nhiệt lao phổi, viêm màng phổi, viêm phúc mạc, các bệnh thần kinh, huyết đạo, mất ngủ, các bệnh tinh thần, động kinh, tăng huyết áp, tim đập mạnh bột phát, cực khí, các chứng bệnh về van tim, suy tim, hẹp van tim, nhồi máu cơ tim, v.v...

Theo các tài liệu tham khảo: Đây là thuốc cải thiện thể chất hư nhược, có hiệu nghiệm với những người thể chất gầy yếu hơn ở bài Sài hồ Quế chi thang, người kém ăn, từ vùng thượng vị đến ngực bị đầy tức khó chịu, đau, bị chứng máu dồn lên mặt, miệng và lưỡi khô, lượng tiểu tiện ít, đồ mồ hôi đều hoặc ra mồ hôi trộm, bụng có những tiếng đập máy động, người lúc nóng lúc lạnh, các chứng thần kinh. Ngoài việc ứng dụng trị các chứng của thời kỳ mãn kinh, bài thuốc này còn được ứng dụng để chữa cảm mạo, viêm túi mật, dạ dày quá nhiều toan, loét dạ dày, chứng mày đay, xuyên, tràng nhạc, viêm màng phổi, viêm thận cấp tính, hư thận, v.v...

Thuốc có hiệu nghiệm đối với những người khó ngủ, mơ màng liên miên và hoảng hốt trong giấc mơ. Thuốc còn được dùng cho những người bị lao phổi, tim đập mạnh, tức thở, xuyên, trong đờm có lẫn máu. Thuốc không dùng trong trường hợp ho ra nhiều máu. Điều đáng chú ý ở đây là vị Qua lâu căn trong bài thuốc này, Qua lâu căn là rễ củ của Hoàng Ô qua, nhưng đôi khi người ta bán Thổ qua căn mà bảo là Qua lâu căn. Thổ qua căn có vị hơi đắng, nếu cho vào bài thuốc này sẽ khiến cho buồn nôn lợm giọng và nôn mửa.

BÀI 77: SÀI HỒ QUẾ CHI CAN KHƯƠNG THANG (SAI KO KEI SHI KAN KYO TO)

Thành phần và phân lượng: Sài hồ 5g, Quế chi 3g, Qua lâu căn 3-4g, Hoàng cầm 3g, Mẫu lệ 3g, Can khương 2g (không dùng Sinh khương); Cam thảo 2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Thuốc dùng cho người có thể lực yếu, bị lạnh, thiếu máu, các chứng thuộc huyết đạo, mất ngủ ở người thân kinh quá mẫn.

BÀI 78: SÀI HỒ QUẾ CHI THANG (SAI KO KEI SHI TO)

Thành phần và phân lượng: Sài hồ 5g, Bán hạ 4g, Quế chi 2-3g, Thược dược 2-3g, Hoàng cầm 2g, Nhân sâm 2g, Đại táo 2g, Cam thảo 1,5-2g, Can sinh khương 1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Thuốc dùng để trị viêm dạ dày ruột phần nhiều là kèm theo đau bụng, trị các chứng của giai đoạn sau của cảm mạo, phong tà có rét nhẹ, đau đầu, buồn nôn, v.v...

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*, sách *Kim quỹ yếu lược* và các tài liệu tham khảo khác:

Đây là bài kết hợp hai bài Tiểu sài hồ thang và Quế chi thang cho nên thuốc nhằm vào các biểu chứng và các triệu chứng của bài Tiểu sài hồ thang (bản biểu bản lý: nội tạng). Thuốc dùng trong trường hợp có cả triệu chứng của Tiểu sài hồ thang (nội tạng nhiệt, do đó miệng đắng không muốn ăn uống, ngực sườn đầy tức khó chịu, lợm giọng, nôn mửa, v.v...) và các triệu chứng của bài Quế chi thang (đau đầu, sốt, đổ mồ hôi, ớn lạnh, v.v...). Bài thuốc này không kết hợp nguyên phân lượng của cả hai bài, mà kết hợp 1/2 phân lượng của các vị chung của hai bài, tức là thêm vào Tiểu sài hồ thang một nửa phân lượng của các vị Quế chi và Thược dược.

Bài thuốc có phạm vi ứng dụng rất rộng rãi: nhằm vào các chứng biểu nhiệt (thái dương chứng), đau đầu, nặng đầu, sốt, gai rét, đau các khớp trong người, mạch phù ở những người bị cảm cúm, viêm phổi, lao phổi, đau đầu, đau khớp, đau thần kinh liên sườn, v.v...; nhằm vào bệnh trạng căng thượng vị trong các trường hợp đau dạ dày, dạ dày quá thừa toan, chứng giảm toan, loét dạ dày, loét tá tràng, viêm ruột thừa cấp tính, viêm đại tràng cấp tính, viêm loét đại tràng, viêm tụy, sỏi mật, viêm gan, hoàng đản, sốt rét, rối loạn chức năng gan, viêm thận, viêm bể thận, v.v... Bài thuốc này còn được ứng dụng trị các bệnh về thần kinh như suy nhược thần kinh chức năng, suy nhược thần kinh, mất ngủ, hay cáu gắt, hysteria, các chứng về huyết đạo, động kinh, bệnh não, v.v...

Thuốc dùng cho những người mắc cả hai chứng bệnh thái dương và thiếu dương, tà khí thấm làm khí huyết nhiệt hoặc những bệnh sinh ra do nhiệt của hai loại bệnh thái dương và thiếu dương giao nhau gây ra. Bài thuốc này dùng để giải các loại nhiệt đó.

BÀI 79: SÀI HỒ THANH CAN THANG (SAI KO SEI KAN TO)

Thành phần và phân lượng: Sài hồ 2,0g, Đương quy 1,5g, Thược dược 1,5g, Xuyên khung 1,5g, Địa hoàng 1,5g, Hoàng liên 1,5g, Hoàng cầm 1,5g, Hoàng bá 1,5g, Sơn chi tử 1,5g, Liên kiều 1,5g, Cát cánh 1,5g, Ngưu bàng tử 1,5g, Qua lâu căn 1,5g, Bạc hà diệp 1,5g, Cam thảo 1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng cho các chứng thần kinh, viêm amidan mạn tính, eczema ở những trẻ nhỏ có chiều hướng cứng.

Giải thích:

Theo *Nhất quán đường phương*: Đây là bài kết hợp Tứ vật thang (trong *Hòa tễ cục phương*) và Hoàng liên giải độc thang (trong *Vạn bệnh hồi xuân*), tức là thêm vào Ôn thanh ẩm các vị Cát cánh, Bạc hà diệp, Ngưu bàng tử, Qua lâu căn.

Ôn thanh ẩm là bài thuốc dưỡng để giải nhiệt ứ, làm nhuận huyết, làm cho gan hoạt động tốt. Cát cánh có tác dụng giải nhiệt ở đầu và mắt, họng, hoành cách, Ngưu bàng tử có tác dụng nhuận phổi, giải nhiệt, lợi họng, giải độc phát ban trên da, Qua lâu căn có tác dụng tạo ra tân dịch, làm hạ hỏa, nhuận táo (làm cho cơ thể khỏi khô háo), tiêu nước phù thũng, loại trừ mù.

Cũng có những bài thuốc cùng tên nhưng khác vị sau:

Bảng 3

Tên thuốc sống	Sài hồ	Hoàng cầm	Địa hoàng	Hoàng liên	Đương quy	Mộ đơn bì	Chi tử	Xuyên khung	Thăng ma	C thảo
Sài hồ thanh can tán	3	3	3	2	2	2	2	2	1,5	1
Sài hồ thanh can thang	4	3					3	3		1

Bài thuốc tán được ghi trong *Thọ thế bảo nguyên*, bài thuốc thang ở trong *Ngoại khoa khu yếu*.

Theo các tài liệu tham khảo như *Chẩn liệu y điển*, *Cơ sở chẩn liệu*, *Phân lượng các vị thuốc*: Đây là bài thuốc dùng để cải tiến thể chất hư nhược dễ bị phù bạch mạch cổ, sưng amidan và sùi vòm họng ở những đứa trẻ có thể chất dễ mắc các bệnh của tuyến. Thuốc này cũng có thể chuyển sang dùng cho những trẻ bị cam nặng và chứng thần kinh mà sinh ra chứng mất ngủ, khóc đêm, kém ăn. Thuốc có thể ứng dụng để trị các chứng bệnh về tuyến, viêm bạch hạch rốn phổi, sùi vòm họng, phình to amidan, tràng nhạc, bệnh da.

BÀI 80: SÀI THƯỢC LỤC QUÂN TỬ THANG (SAI SHAKU RIK KUN SHI TO)

Thành phần và phân lượng: Nhân sâm 4,0g, Truật 4,0g, Phục linh 4,0g, Bán hạ 4,0g, Trần bì 2,0g, Đại táo 2,0g, Cam thảo 1,0g, Sinh khương 1,0g, Sài hồ 3-4g, Thược dược 3,0g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng viêm dạ dày, đờ dạ dày, sa dạ dày, tiêu hóa kém, không muốn ăn uống, đau dạ dày, nôn mửa ở những người vị tràng yếu, phần bụng trên bị đầy tức, ăn uống không ngon miệng, thiếu máu và có chiều hướng bị chứng lạnh.

Giải thích:

Theo sách *Bản triêu kinh nghiệm*: Đây là bài Lục quân tử thang có thêm Sài hồ và Thược dược, dùng trong những trường hợp có thể sử dụng Lục quân tử thang, vùng bụng giáp xương sườn có cảm giác đầy, nặng khó chịu, thần kinh dễ bị kích thích.

Các tài liệu tham khảo khác như *Chẩn liệu y điển*, *Thực tế ứng dụng*, *Giải thích các bài thuốc* đều nhận định rằng: Bài thuốc này được dùng trị các triệu chứng giống như trong bài Lục quân tử thang, thêm vào đó, bụng có cảm giác đầy khó chịu, cơ thắt bụng bị co thắt, v.v... Về hư thực thì tình trạng ở đây hư hơn trong bài Tiểu sài hồ thang, thuốc nên dùng trong trường hợp bị ứ nước trong dạ dày.

BÀI 81: SÀI PHÁC THANG (SAI BOKU TO)

Thành phần và phân lượng: Sài hồ 4-7g, Bán hạ 5-6g, Sinh khương 3-4g, Hoàng cầm 3g, Đại táo 2-3g, Nhân sâm 2-3g, Cam thảo 2g, Phục linh 5g, Hậu phác 3g, Tử tô diệp 2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Thuốc dùng để trị hen xuyên ở trẻ em, hen phế quản, viêm phế quản, ho, tâm thần bất an ở những người có cảm giác người bức bối khó chịu, có cảm giác như có dị vật ở họng và thực quản, đôi khi tim đập mạnh, chóng mặt, buồn nôn, v.v...

Giải thích:

Theo *Bản triều kinh nghiệm*: Bài thuốc còn có tên là Tiểu sài hồ hợp bán hạ hậu phác thang), một trong 7 phép gia giảm được nêu ở cuối cuốn *Thương hàn luận*.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Mục tiêu điều trị của thuốc là các triệu chứng đầy tức ngực, khó chịu, bụng trên đầy chướng ở dạng nhẹ. Phần đông những người bệnh này thường hơi gầy, vị tràng không lấy gì làm khỏe. Thuốc có thể ứng dụng để trị các chứng thần kinh tim, hô hấp khó khăn, v.v...

Thuốc dùng cho những đứa trẻ thần kinh mẫn cảm có nguy cơ bị ho gà bột phát, những người tinh thần bất an và có chiều hướng ăn uống kém ngon, những đứa trẻ bị ho gà, những người hô hấp khó khăn do cơn xuyên gây ra.

Theo các tài liệu tham khảo: Dùng để trị các chứng hen phế quản mà người ta nghĩ quá là phải chăng bị suy nhược thần kinh, rối loạn thần kinh chức năng, bị đột phát.

Thuốc dùng để phòng sự đột phát của ho và hen phế quản bị nặng lên do cảm cúm.

BÀI 82: SÀI LINH THANG (SAI REI TO)

Thành phần và phân lượng: Sài hồ 4-7g, Bán hạ 4-5g, Sinh khương 4g, Hoàng cầm 3g, Đại táo 2-3g, Nhân sâm 2-3g, Cam thảo 2g, Trạch tả 5-6g, Trư linh 3-4,5g, Phục linh 3-4,5g, Truật 3-4,5g, Quế chi 2-3g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị ỉa chảy, viêm dạ dày ruột cấp tính, trướng thử khí, phù thũng ở những người buồn nôn, không muốn ăn uống, khô cổ, lượng tiểu tiện ít, v.v...

Giải thích:

Xuất xứ ở sách *Đặc hiệu phương*: Đây là bài kết hợp Tiểu sài hồ thang với Ngũ linh tán, dùng để trị cho những người có những triệu chứng của hai bài thuốc kia. Ví dụ, bài thuốc này dùng cho những người do bị viêm thận mạn tính mà thỉnh thoảng bị buồn nôn, đau tê vai khiến thỉnh thoảng đau lưng, bụng nhìn chung hơi mềm, ở sườn bên phải như có vật gì cản. Cơ thắt bụng bên phải từ ngay dưới xương sườn tới dưới rốn bị co thắt, vùng rốn bên phải bị đau dữ, cơ bụng bên trái co giật dữ ở phía trái rốn. Những bệnh nhân loại này định cho dùng Ngũ linh tán, nhưng do phần bụng trên đây tức khó chịu cho nên đã cho dùng Sài linh thang là bài thuốc kết hợp giữa Tiểu sài hồ thang với Ngũ linh tán, và sau khoảng 4 tuần thì tình trạng toàn thân của bệnh nhân đã được cải thiện.

BÀI 83: TẢ ĐỘT CAO (SHA TOTSU KO)

Thành phần và phân lượng: Lịch thanh 800g, Hoàng lap (Sáp ong vàng) 220g, Mỡ lợn 58g, Dầu vừng 1000g.

Cách dùng và lượng dùng: Dùng bôi ngoài.

Công dụng: Dùng để trị mụn nhọt có mủ. Bài thuốc này dùng để bôi ngoài.

Giải thích:

Theo danh y Hanaoka Seishu:

Bảng

Tên thuốc sống Tên tài liệu tham khảo	Lịch thanh	Hoànglap	Mỡ lợn	Dầu vừng
Thực tế ứng dụng (1)	800	220	58	1000
Chất liệu y điển	800	220	58	1000

Dùng để bôi lên những mụn nhọt có mủ và những ung nhọt đã vỡ mủ, thuốc có tác dụng làm dóc thịt thối và giúp cho quá trình lên da non.

BÀI 84: TAM HOÀNG TẢ TÂM THANG (SAN O SHA SHIN TO)

Thành phần và phân lượng: Đại hoàng 1-2g, Hoàng cầm 1-1,5g, Hoàng liên 1-1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Dùng 120ml nước sắc cô lấy 40 ml uống trong 1 lần.

Trong trường hợp bào tễ thì cho vào đó 100 ml nước sôi đun sôi trong 3 phút, bỏ bã, uống trong 1 lần.

Trong trường hợp dùng vải bọc để sắc thì cho vào 100 ml nước sôi đun sôi trong 3 phút, bỏ bã, uống trong 1 lần. Khi bị thổ huyết, đờ máu cam, và các chứng xuất huyết khác (xuất huyết do trĩ, đái ra máu, xuất huyết dưới da) thì dùng vải bọc để sắc lấy nước, để nguội rồi mới uống. Bài này không được dùng cho những người bị xuất huyết kéo dài, thiếu máu rõ rệt và những người mạch vi nhược.

Công dụng: Thuốc dùng để trị các chứng đi liền với tăng huyết áp (chóng mặt, đau tê vai, ù tai, nặng đầu, mất ngủ, bồn chồn bất an), đờ máu cam, xuất huyết do trĩ, bí đại tiện, các chứng của thời kỳ mãn kinh, các chứng bệnh về huyết ở những người thể lực tương đối khá, hay bị chóng mặt, mặt đỏ từng cơn, tinh thần bất an và có chiều hướng bị bí đại tiện.

Giải thích:

Theo sách *Kim quỳ yếu lược*: Đây là bài thuốc gồm có ba vị có chữ hoàng và dùng để hạ tâm nhiệt cho nên người ta gọi là Tam hoàng tả tâm thang. Bài thuốc này cũng còn được gọi là Tả tâm thang.

Sách *Phương cực* ghi bài thuốc này dùng để "trị tình trạng tinh thần bất an, vùng thượng vị bị đầy tức, nhưng nếu ấn vào bụng thì thấy mềm". Sách *Y thánh phương cách* ghi "những người bị thổ huyết, đờ máu cam và các dạng xuất huyết khác mà phần bụng dưới bị đầy tức, người bút rút khó chịu, nhiệt phiền, phân khô, những người bị nặng thì lưỡi rộp vàng, mặt và mắt đỏ. Những người như vậy phải dùng Tả tâm thang". Cần phải nói rằng hai bài thuốc này dùng chủ yếu cho những người máu dồn lên mặt, mặt đỏ từng cơn, tâm trạng bất an, bí đại tiện và mạch căng, ... Thuốc được dùng khi bị sung huyết não, xuất huyết não, khạc ra máu, thổ huyết, đờ máu cam, xuất huyết tử cung, xuất huyết do trĩ; khi bị hoảng hốt và lo lắng vì chảy máu ngoại thương thì uống thuốc này liền một lần sẽ có tác dụng làm cho tinh thần trấn tĩnh và cầm được máu. Tuy nhiên, đối với những người ra máu kéo dài, thiếu máu rõ rệt và mạch vi nhược thì không nên dùng bài thuốc này. Ngoài những biểu hiện nói ở trên, bài thuốc này cũng còn được dùng trong các trường hợp tăng huyết áp, chứng thần kinh, mất ngủ, loét dạ dày, viêm dạ dày, bệnh về huyết đạo, các chứng của thời kỳ mãn kinh, bệnh da, bệnh mắt, động kinh, bệnh tinh thần, bông, v.v...

BÀI 85: TOAN TÁO NHÂN THANG (SAN SO NIN TO)

Thành phần và phân lượng: Toan táo nhân 7-15g, Tri mẫu 3g, Xuyên khung 3g, Phục linh 5g, Cam thảo 1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Còn có tên là Toan táo thang, có thể giảm Toan táo nhân đi một nửa cũng được. Cho Toan táo nhân vào 500ml nước đun lấy 400 ml, cho các vị thuốc khác vào đun tiếp lấy 300 ml, chia uống làm 3 lần khi thuốc còn ấm. Nhìn chung là người ta sắc chung cùng một lúc tất cả các vị thuốc, nhưng nên làm theo chỉ dẫn trong sách.

Công dụng: Thể xác và tinh thần mệt mỏi, suy nhược, mất ngủ.

Giải thích:

Theo sách *Kim quĩ yếu lược*: Xuất xứ của bài thuốc ghi là "những người hư lao, hư phiền, không ngủ được thì phải dùng Toan táo nhân thang", thuốc này được dùng cho những người thể xác và tinh thần mệt mỏi, thể lực suy yếu vì bệnh tật hay già cả, mất ngủ, cả đêm mắt mở chong chong không thể ngủ được. Thuốc này cũng được ứng dụng cho những người do hư lao mà mất ngủ, thần kinh suy nhược, đổ mồ hôi trộm, hay bị quên, hoảng hốt, mạch tim tăng vọt, chóng mặt, hay mơ mộng, bị chứng thần kinh v.v...

Toan táo nhân có tác dụng hoãn hạ cho nên những người bị ỉa chảy thì không nên dùng thuốc này. Thuốc này có tên là Toan táo thang. Cần phải phân biệt với chứng mất ngủ thực chứng của bài Tam hoàng tả tâm thang và Hoàng liên giải độc thang.

Theo các tài liệu tham khảo như *Y học đông y, Đông y đó đây*, v.v... thuốc dùng cho những người cơ thể và tinh thần bị mệt mỏi, không ngủ được. Bài thuốc này không tương ứng với loại thuốc ngủ như trong y học hiện đại, mà phải khám kỹ bệnh trạng của từng người mà cho thuốc thích hợp. Nếu thuốc thích hợp với chứng bệnh đó thì tự nhiên người sẽ ngủ được và không cần phải quan tâm đến tác dụng phụ của thuốc hoặc tình trạng quen thuốc như trong tây dược.

Thuốc có tác dụng đối với những người bị hư chứng cơ thể suy nhược và thần kinh bị mệt mỏi, đặc biệt là mệt mỏi về tinh thần, khiến cho không thể ngủ được. Thuốc có tác dụng dứt đổ mồ hôi trộm và thông đại tiện. Thuốc cũng còn được dùng cho cả những người háo ngủ. Thuốc rất tốt cho những người bị bệnh mạn tính, người hư nhược, già cả, đêm mắt mở chong chong không thể ngủ được.

BÀI 86: TAM VẬT HOÀNG CẨM THANG (SAN MOTSU O GON TO)

Thành phần và phân lượng: Hoàng cầm 3g, Khổ sâm 3g, Địa hoàng 6g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Chân tay nóng.

Giải thích:

Trong *Kim quỹ yếu lược*, nơi xuất xứ của bài thuốc này, ghi là bài thuốc nhằm vào những người bị phiền nhiệt chân tay, còn trong sách *Loại tụ quang nghĩa* của Odai thì nói là thuốc dùng trị phát sốt sau khi đê, sốt khi đê và ghê. Những lúc như vậy, nếu bị sốt thì người ta thích rút chân tay ra khỏi chăn và thích làm mát lòng bàn chân. Thuốc được ứng dụng chữa đau đầu do huyết nhiệt, một chứng của lao phổi, chứng thần kinh, mất ngủ, eczêma, ghê, cước, viêm trong miệng, v.v...

Theo các tài liệu tham khảo như *Y học đông y, Thực tế trị liệu*, v.v...: Chỉ định của bài thuốc này là phiền nhiệt chân tay. Những bệnh nhân loại này cảm thấy nóng khó chịu ở chân tay, thích cho chân tay ra khỏi chăn và thích đê lên những vật lạnh. Thuốc được ứng dụng để trị sốt khi đê, lao phổi, chứng mất ngủ, ghê lở, eczêma, viêm trong miệng.

Thuốc dùng cho những người không ngủ được vì phiền nhiệt chân tay, những người mà cổ nhân gọi là huyết nhiệt. Vì huyết nhiệt, chân tay phù thũng nặng nề. Thuốc rất có hiệu nghiệm đối với ghê.

BÀI 87: TU' ÂM GIÁNG HỎA THANG (JI IN KO KA TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 2,5g, Thược dược 2,5g, Địa hoàng 2,5g, Thiên môn đông 2,5g, Mạch môn đông 2,5g, Trần bì 2,5g, Truật 3g, Tri mẫu 1,5g, Hoàng bá 1,5g, Cam thảo 1,5g, Đại táo 1g, Sinh khương 1g, (Đại táo và Sinh khương không có cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Trong sách xuất xứ của bài thuốc hướng dẫn ngâm Đương quy vào rượu, Hoàng bá ngâm vào mật ong rồi xào, Cam thảo sao khô. Nhưng thông thường người ta đơn giản hóa cách điều chế bài thuốc này.

Công dụng: Dùng cho những người cổ khô, ho khan không đờm.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Bài thuốc này có tên như vậy vì nó có tác dụng nuôi dưỡng âm (tư âm) và hạ hỏa (giáng hỏa) ở can và thận vì "dương dư và âm bất túc như chu Đan Khê". Những chứng bệnh mà bài thuốc này điều trị cũng giống như bài cổ phương Mạch môn đông thang, và do người ta thêm vào bài thuốc đó các vị bổ huyết cho nên bài thuốc này nhằm vào những người da khô, ngăm đen, người hay bí đại tiện. Bài thuốc này tuyệt đối cấm đối với những người da xanh tái, đồ mồ hôi, thổ đờm nhiều, vị tràng yếu dễ bị ỉa chảy.

Theo các tài liệu tham khảo: Trị lao phổi dạng tăng thực, viêm màng phổi khô.

Dùng cho những người bị viêm phế quản mạn tính, nhiệt tiêu hao kéo dài, chất dịch trong cơ thể bị hư hao, da trở nên khô, ho khan không có đờm hoặc ho không dứt, hay bị bí đại tiện, có tiếng khò khè lạ tai kéo dài.

BÀI 88: TƯ ÂM CHÍ BẢO THANG (JI IN SHI HO TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 2-3g, Thược dược 2-3g, Truật 2-3g, Phục linh 2-3g, Trần bì 2-3g, Sài hồ 1-3g, Tri mẫu 2-3g, Hương phụ từ 2-3g, Địa cốt bì 2-3g, Mạch môn đông 2-3g, Bối mẫu 1-2g, Bạc hà diệp 1g, Cam thảo 1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị ho và ra đờm mạn tính ở những người hư nhược.

Giải thích:

Bài này khác với bài Tư âm chí bảo thang trong *Vạn bệnh hồi xuân*.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc dùng để trị chứng giãn phế quản (trường hợp phế quản đi liền với lao phổi, ho, có đờm, ăn uống kém ngon, đồ mồ hôi trộm, người suy nhược), lao phổi (trường hợp đã trở thành mạn tính, bệnh tình tiến triển, có ho, miệng khát, đồ mồ hôi trộm. Những bệnh nhân nữ phần nhiều là đi kèm theo kinh nguyệt thất thường).

Tham khảo:

Bài Tư âm chí bảo thang trong *Vạn bệnh hồi xuân* gồm Đương quy 2,5g, Thược dược 2,5g, Truật 3g, Trần bì 2,5g, Tri mẫu 1,5g, Cam thảo 1,5g, Địa hoàng 2,5g, Thiên môn đông 2,5g, Hoàng bá 1,5g, Sinh khương 1g. Bài này dùng trị ho mạn tính ở những người thể lực bị suy giảm. Theo *Chứng phương quy cú*, thuốc này trị cho phụ nữ bị các chứng bệnh tiêu hao, các đường kinh lạc và huyết mạch không điều hòa, người và chân tay gầy yếu, kinh nguyệt thất thường, thuốc có tác dụng bồi bổ sức lực bị mất mát, kích thích tiêu hóa, dưỡng tâm phế, loại trừ những đau đớn trên cơ thể.

BÀI 89: TỬ VÂN CAO (SHI UN KO)

Thành phần và phân lượng: Dầu vừng 1000g, Mật lạp (Sáp ong) 300-400g, Mỡ lợn 20-30g, Đương quy 60-100g, Tử căn 100-120g.

Cách dùng và lượng dùng: Dùng ngoài.

Trước hết cho dầu vừng đun sôi rồi cho mật lạp (sáp ong), mỡ lợn đun cho tan đều, sau đó cho Đương quy vào. Đến độ Đương quy nổi màu, cho Tử căn đun sôi 2-3 lần, cho đến khi màu tía tươi nổi lên thì nhanh chóng hạ lửa, dùng vải để lọc thuốc có màu tía tươi là thuốc tốt. Nhiệt độ khi cho Tử căn vào đạt khoảng 140(là tốt. Mật lạp cho nhiều vào mùa hè, mùa đông giảm đi.

Công dụng: Dùng để bôi nẻ, nứt, cước, chai, rôm sảy, loét, ngoại thương, bỏng, đau do trĩ ngoại, rách hậu môn, viêm da do dị ứng thuốc.

Giải thích:

Phần "Ngoại khoa chính tông" trong cuốn *Các bài thuốc gia truyền* của Hanaoka Seishu thuốc còn có tên là Nhuận cơ cao.

Bảng

Tên thuốc sống Tên tài liệu tham khảo	Dầu vừng	Mật lạp	Mỡ lợn	Đương quy	Tử căn
Kim sáng sao dược chư phương (1)	40 tiền	15 tiền	1 tiền	5 tiền	4 tiền
Giải thích các bài thuốc (2)	1000	380	25	100	100
Chất liệu y điển (3)	1000	380	25	100	100
Thực tế trị liệu (4)	1000	380	25	100	100
Thực tế ứng dụng (5)	1000	380	25	100	100
Thuốc đông y (6)	1000	380	25	100	100
Tập các bài thuốc (7)	1000	380	25	100	100
Bách khoa về thuốc dân gian (8)	1 lít	380	25	100	100
Các bài thuốc đơn giản (9)	1000	300- 400	30	80	120
Nhập môn thuốc đông y (10)	1000	300- 400	30	80	120
Dược cục phương thứ 7 (11)	1000	300- 400	30	60	120
Dược cục phương thứ 3 (13)	1000	300- 400	20	60	120
Tập phân lượng các vị thuốc	1000	300- 400	25	100	100

Thuốc dùng khi bị khô, ráp da, lở loét và những tình trạng da dị thường dạng tầng thực, nhưng thuốc không chỉ dùng cho những người bị khô da, còn làm nhuận và chữa da, làm ngang bằng thịt chỗ bị lõm hoặc bôi lên chỗ da bị biến màu.

Thuốc rất có hiệu quả đối với bệnh eczêma, ghẻ khô, ghẻ, chai chân, mụn nhọt, trứng cá, phỏng nước, mụn cóc, nứt nẻ da, viêm da do dị ứng thuốc, bỏng, viêm lỗ chân lông, bệnh favus, các loại ngoại thương (xây xước, rách da, bầm tím da), cước, mề đay (do nằm lâu một phía), bỏng, lở loét, lở chân trĩ, trĩ lậu, lòi rôm, và những bệnh dưới da.

Theo các tài liệu tham khảo như Thực tế ứng dụng, Thực tế trị liệu, v.v...: Nếu dùng để rịt những vết ngoại thương thì thuốc có tác dụng cầm máu, giảm đau, đối với những vết thương tổn da thì thuốc có tác dụng làm cho lành da nhanh (lên da non). Nếu dùng để chữa các vết xây xước thì thuốc làm cho da nhanh chóng hồi phục. Nếu dùng để chữa vết bỏng thì lập tức hết đau, nếu vết bỏng không nặng thì nó không để lại một tí vết sẹo nào. Nhưng, khi dùng thuốc để chữa bỏng, điều quan trọng là phải rịt thuốc đủ rộng để trùm hết chỗ bị thương tổn. Khi dùng để chữa trĩ và lòi rôm thì phải rửa sạch vết thương rồi mới bôi thuốc.

Thuốc dùng để chữa ngoại thương, nứt nẻ da, cước, bỏng, loét da, eczema, rôm sảy, trĩ ngoại, xuất huyết trĩ, lòi rôm, rách hậu môn, lở loét, khô ráp da mặt.

Thuốc dùng để trị hư chứng, các loại bệnh da ngoại thương mang tính chất thiếu máu và khô, ngoài ra, thuốc cũng còn có tác dụng chống thối thịt, kích thích lên da non, v.v...

Thuốc nhằm chữa cho các vết thương chưa thành mủ, chất bài tiết ra không nhiều, vết thương không sâu. Thuốc cũng còn được ứng dụng để chữa cho những người phụ nữ da khô ráp (cách điều trị cơ bản là phải uống thuốc trừ ứ huyết).

BÀI 90: TỨ NGHỊCH TÁN (SHI GYAKU SAN)

Thành phần và phân lượng:

1. *Thang*: Sài hồ 2-5g, Thược dược 2-4g, Chỉ thực 2g, Cam thảo 1-2g.

2. *Tán*: Sài hồ 1,5-2g, Thược dược 1,5-2g, Chỉ thực 1,5-2g, Cam thảo 1,5-2g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Thang*.

2. *Tán*: Mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 2-2,5g.

Công dụng: Dùng để chữa đau dạ dày, viêm dạ dày, đau bụng khi ở vùng bụng có cảm giác nặng nề khó chịu.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*:

(1) Bài thuốc này gồm có Cam thảo, Sài hồ, Thược dược, Chỉ thực, mỗi vị 10g. (2) Thuốc tán hòa vào nước cháo để uống. (3) Đây là vị thuốc được dùng vào những trường hợp xếp giữa dùng Tiểu sài hồ thang với Đại sài hồ thang. (4) Bài thuốc này dùng Cam thảo để thay cho Hoàng cầm, Bán hạ, Đại hoàng, Sinh khương, Đại táo trong Đại sài hồ thang, cho nên thuốc được dùng trong trường hợp vùng bụng dưới đau dữ dội nhưng không có hiện tượng nôn mửa và bí đại tiện.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc dùng để chữa viêm túi mật, sỏi mật, viêm dạ dày, loét dạ dày, viêm mũi, chứng thần kinh, bệnh đường kinh nguyệt.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Thuốc dùng để trị các chứng viêm dạ dày, viêm tá tràng, loét dạ dày và tá tràng, viêm túi mật, sỏi mật, chứng thần kinh, viêm mũi có mủ (súc nùng).

BÀI 91: TỨ QUÂN TỬ THANG (SHI KUN SHI TO)

Thành phần và phân lượng: Nhân sâm 4g, Truật 4g, Phục linh 4g, Cam thảo 1-2g, Sinh khương 3-4g, Đại táo 1-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng trị các chứng vị tràng hư nhược, viêm dạ dày mạn tính, đầy bụng, nôn mửa, ỉa chảy ở những người gầy, sắc mặt xấu, không muốn ăn, người dễ mệt mỏi.

Giải thích:

Theo sách *Hòa tễ cục phương*: Đây là bài thuốc gần với bài Nhân sâm thang trong các bài thuốc cổ, bỏ Can khương mà thêm Phục linh. Phần nhiều là người ta thêm Sinh khương và Đại táo để dùng. Đây là bài thuốc cơ bản dùng cho những người vị tràng yếu, có chiều hướng thiếu máu, sức khỏe yếu. Tuy nhiên, những người tuy có chiều hướng vị tràng hư nhược nhưng sắc mặt hồng hào, uống thuốc này vào mà có tâm trạng như khí huyết dồn lên đầu thì không nên dùng bài thuốc này.

Thuốc này nhằm vào những người sức khỏe yếu, vị tràng hư nhược, thiếu máu và dùng để chữa nhiều bệnh khác nhau. Mạch nhuyễn nhược, hồng đại, và vô lực hoặc mảnh mà dồn dập, bụng rão, mềm yếu mất trương lực. Trong dạ dày bị ú nước, ăn uống không ngon miệng, toàn thân sức khỏe bị suy nhược. Nếu có 5 chứng như cổ nhân nói: thiếu máu, mặt nhợt nhạt, tiếng nói bệt bặt, chân tay rã rời, mạch yếu thì dùng bài Tứ quân tử thang. Thuốc này dùng cho nhiều bệnh khác nhau, dùng trong trường hợp toàn thân suy nhược nặng, nhất là những người do vị tràng hư nhược mà hoàn toàn không muốn ăn uống, hoặc nôn mửa mà ăn không được, cả mạch lẫn bụng đều hư nhược. Khí hư có nghĩa là nguyên khí hư nhược, và cũng có nghĩa là vị khí bị suy nhược vô lực.

Thuốc dùng cho những người gầy, sắc mặt kém, chức năng tiêu hóa của vị tràng bị suy yếu. Cơ bụng yếu và trong bụng có tiếng nước ó ách. Sau khi ăn, chân tay mỏi, buồn ngủ.

BÀI 92: TƯ HUYẾT NHUẬN TRÀNG THANG (JI KETSU JUN CHYO TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 4g, Địa hoàng 4g, Đào nhân 4g, Thược dược 3g, Chi thực 2-3g, Cửu (hệ) 2-3g, Đại hoàng 1-3g, Hồng hoa 1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng để trị bí đại tiện, khí huyết dâng lên đầu kèm theo bí đại tiện, vai tê cứng ở những người thân thể hư nhược.

Giải thích:

Theo *Thông chí*: Xuất xứ của bài thuốc này là bài thuốc "trị chứng huyết khô tử huyết trong ruột, thức ăn không tiêu và bị táo kết", thuốc thích ứng với những người thường xuyên bị bí đại tiện, thể lực suy nhược mà không dùng được loại thuốc nhuận tràng mạnh như Đại hoàng tễ, thuốc cũng còn được ứng dụng chữa ung thư thực quản và dạ dày. Nhuận tràng thang (trong *Vạn bệnh hồi xuân*) dùng trị chứng bí đại tiện và sơ cứng động mạch ở người già gần giống với bài thuốc này, nhưng thiếu các vị: Hẹ, Hồng hoa, Thược dược mà lại thêm Hạnh nhân, Hậu phác, Hoàng cầm, Ma tử nhân, do đó nó gần với bài Ma tử nhân hoàn (của sách *Thương hàn luận*).

Theo *Thực tế chẩn liệu* và các tài liệu tham khảo: Đây là bài thuốc trị khô máu. Là bài thuốc trị chứng máu chết trong ruột, thức ăn thức uống không xuống được, bị táo kết bí đại tiện, cho nên bài thuốc này được dùng cho những người bị bí đại tiện do ung thư thực quản, ung thư dạ dày, những người do viêm loét dạ dày mà bệnh tình tiến triển, bí đại tiện mà không dùng được thuốc nhuận tràng như Đại hoàng.

BÀI 93: THẤT VẬT GIÁNG HẠ THANG (SHICHI MOTSU KO KA TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3-4g, Thược dược 3-4g, Xuyên khung 3-4g, Địa hoàng 3-4g, Điều đẳng (Câu đẳng) 3-4g, Hoàng kỳ 2-3g, Hoàng bá 2g.

Cách dùng và lượng dùng: *Thang.*

Công dụng: Trị các chứng bệnh kèm theo bệnh tăng huyết áp (như khi huyết dồn lên đầu, vai tê cứng, ù tai, nặng đầu) ở những người có chiều hướng thân thể bị hư nhược.

Giải thích:

Theo sách *Tu cầm đường*: Bài thuốc này do Otsuka sáng tạo ra và tên bài thuốc do Baba đặt. Đây là bài Tứ vật thang có thêm Hoàng bá, Điều đẳng, Hoàng kỳ, do đó những người uống Tứ vật thang mà sinh ra ăn uống kém ngon, đau bụng hoặc ỉa chảy thì không được dùng bài thuốc này. Bài thuốc này đặc biệt có công hiệu đối với những người bị bệnh tăng huyết áp hư chứng mà không thể dùng được thuốc Sài hồ và Đại hoàng, thận có vấn đề.

Theo các tài liệu tham khảo như *Tập phân lượng các vị thuốc*, *Chẩn liệu y điển*, *Thực tế ứng dụng v.v....*: Thêm vào bài thuốc này 3g Đỗ trọng thành Bát vật giáng hạ thang.

Thuốc có tác dụng đối với những người vì bị bệnh tăng huyết áp mà huyết áp tối thiểu áp lực tâm trương cao, đầy mắt hay bị xuất huyết, chân mỏi, người mệt mỏi rã rời, đau đầu, đổ máu cam và đổ mồ hôi trộm.

Thuốc dùng cho những người bị hư chứng mà vị tràng hoạt động tốt bị chứng huyết áp tăng vọt, chứng tăng huyết áp thực thể, tăng huyết áp do thận gây ra, chứng viêm thận mạn tính, xơ cứng động mạch.

BÀI 94: THỊ ĐẾ THANG (SHI TEI TO)

Thành phần và phân lượng: Đinh tử 1-1,5g, Thị đế 5g, Sinh khương 4g.

Cách dùng và lượng dùng: *Thang.*

Công dụng: Trị hắt hơi.

Giải thích: Tế sinh phương.

Tùy theo mức độ hư hàn mà sử dụng các bài theo tuần tự: Bán hạ tả tâm thang đ Quất bì trúc nhự thang đ Thị đế thang đ Đinh tử thị đế thang.

Theo các tài liệu tham khảo như *Chẩn liệu y điển, Thực tế ứng dụng* v.v...: bài thuốc này dùng cho những người bị hắt hơi do hư nhược hàn trong dạ dày gây ra.

Bài thuốc này có công hiệu đối với những người dùng Ngô thù du thang và Quất bì trúc nhự thang mà không khỏi.

Thuốc dùng trị hắt hơi, nên dùng khi dùng Quất bì trúc nhự thang không có hiệu quả. Danh y Asada Sohaku (1813-1894) cho rằng sự khác nhau giữa hai bài thuốc này là sự chênh nhau về hàn nhiệt, nhưng chưa rõ trong thực tế nên phân biệt như thế nào.

BÀI 95: TỨ VẬT THANG (SHI MOTSU TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3-4g, Thược dược 3-4g, Xuyên khung 3-4g, Địa hoàng 3-4g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1,5-2g.

Theo *Thực tế chẩn liệu:* Thông thường thuốc được dùng dưới dạng thang, nhưng các thuốc trong bài thuốc được sử dụng trong các bài thuốc hoàn tán như Đương quy thược dược tán, Bát vị hoàn v.v..., cho nên tiêu chuẩn sử dụng của bài thuốc này được xây dựng trên cơ sở thuốc tán.

2. *Thang.*

Công dụng: Có tác dụng hồi phục sức khỏe sau khi đẻ hoặc sau khi sảy thai, kinh nguyệt thất thường, chứng lạnh, cước, râm da, các bệnh về đường của huyết ở những người có thể chất da khô táo, xỉn và vị tràng không có vấn đề gì.

Giải thích:

Theo sách *Hòa tễ cục phương:* Đây là bài Khung quy giao ngải thang trong *Kim quỹ yếu lược* có sửa đổi, bỏ 3 vị A giao, Ngải diệp và Cam thảo trong bài thuốc này. Bài thuốc này được coi là thánh dược của phụ nữ, nó có tác dụng làm thông đường dẫn huyết, nhưng phần nhiều là người ta sử dụng dưới các dạng gia giảm. Bài kết hợp giữa Tứ vật thang với Linh quế truyệt cam thang được gọi là Liên châu âm, thường được dùng để các chứng do thiếu máu và xuất huyết gây ra, bài kết hợp với Tứ quân tử thang được gọi là Bát vật thang (Bát trân thang) được dùng cho những người cả khí lẫn huyết đều hư, vị tràng hư nhược, sức khỏe kém, thiếu máu cho nên da khô táo.

Nếu dùng riêng thì bài thuốc này được dùng cho các chứng bệnh của phụ nữ như kinh nguyệt dị thường, chứng vô sinh, các bệnh của phụ nữ như kinh nguyệt dị thường, chứng vô sinh, các bệnh đường dẫn huyết các chứng trước và sau khi đẻ, ngoài ra nó còn được ứng dụng để trị các chứng về da như râm da, khô da, cước, tê chân, viêm xương v.v...

Theo các tài liệu tham khảo như *Thực tế trị liệu, Thực tế chẩn liệu, Giải thích các bài thuốc chủ yếu hậu thế:* Đây là thánh dược trị các bệnh phụ khoa. Mục tiêu của bài thuốc là trị cho những người có chứng thiếu máu khiến cho da khô, mạch trầm và nhược, bụng giã, quanh rốn máy động, và thuốc được dùng cho những người kinh nguyệt không đều, hệ thần kinh thực vật bị rối loạn. Thuốc được ứng dụng để chữa các chứng kinh nguyệt dị thường, chứng vô sinh, các bệnh của huyết đạo, các chứng bệnh trước và sau khi đẻ (chân yếu sau khi đẻ, lưỡi phồng sau khi đẻ, cước khí máu sau khi đẻ), các bệnh da (mang tính chất thô), chân tê không vận động được, viêm xương v.v...

Bài Thất vật giáng hạ thang, tức là Tứ vật thang có thêm Hoàng bá, Hoàng kỳ và Điều đẳng (bài thuốc theo kinh nghiệm của danh y Otsuka) dùng cho những người bị hư chứng mà sinh ra các chứng tăng huyết áp, thận kém và đái ra albumin mà không dùng được Sài hồ và Đại hoàng thì có hiệu quả rõ rệt. Nếu thêm Đỗ trọng nữa thì trở thành Bát vật giáng hạ thang.

BÀI 96: TỨ LINH THANG (SHI REI TO)

Thành phần và phân lượng: Trạch tả 4g, Phục linh 4g, Truật 4g, Trư linh 4g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Thang.*

2. *Tán:* Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1-1,5g.

Công dụng: Dùng để chữa chứng thử, viêm vị tràng cấp tính, phù thũng kèm theo một trong những hiện tượng như: khát, khô cổ và dù uống nước vào thì lượng tiểu tiện vẫn ít, buồn nôn, nôn mửa, đau bụng, phù thũng v.v...

Giải thích:

Theo sách *Ôn dịch luận*: Đây là bài Ngũ linh tán bỏ Quế chi được các thầy thuốc dùng, nhưng thông thường người ta dùng bài Ngũ linh tán.

Theo các tài liệu tham khảo: *Ushiyama phuong khảo* bỏ Nhục quế trong Ngũ linh tán và đặt tên cho bài thuốc là Tứ linh, "dùng cho những người bị trúng thử, người rất khát và run bắn người lên".

Danh y Asada Sohaku viết: Thuốc "trị chứng phiền khát muốn uống nước. Nên uống một ít nước rồi dùng bài thuốc này, nếu uống nhiều nước quá thì cảm thấy nước óc ách ở bụng trên. Bài Tứ linh tán dùng để trị chứng ứ nước này, nếu dùng Hoa thương truật sẽ có tác dụng chữa cả bệnh quáng gà. Tứ linh tán tức là Ngũ linh tán bỏ Quế chi".

BÀI 97: CHÍCH CAM THẢO THANG (SHA KAN ZO TO)

Thành phần và phân lượng: Chích thảo (Cam thảo nướng) 3-4g, Sinh khương 1-3g (nếu dùng Can sinh khương thì trong vòng 1,5g trở lại); Quế chi 3g, Ma tử nhân 3g, Đại táo 3-5g, Nhân sâm 2-3g, Địa hoàng 4-6g, Mạch môn đông 6g, A giao 2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Cho 140-150 ml rượu ngang vào 300-350 ml nước rồi bỏ tất cả các vị thuốc, trừ A giao, đun còn 120-250ml, bỏ bã rồi cho A giao vào cho hòa tan, phân ngày uống làm 3 lần. Những người ghét rượu thì có thể cho vào sắc với nước lã như các thuốc khác và thông thường thì người ta dùng phương pháp sắc này. Tuy nhiên, đối với những trường hợp bị bệnh nặng thì dứt khoát phải sắc với rượu. Tuyệt đối cấm dùng thuốc này đối với những người vị tràng hư nhược, không muốn ăn và hay bị ỉa chảy, hoặc những người uống thuốc này vào thì bị ỉa chảy.

Đây là lượng dùng một lần, thông thường mỗi ngày uống 2-3 lần. Ma tử nhân nên bỏ vỏ hoặc giã ra rồi dùng.

Công dụng: Dùng để trị chứng tim đập mạnh và tức thở ở những người thể lực bị suy yếu, dễ mệt mỏi.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận* và sách *Kim quỹ yếu lược*: Đây là bài thuốc được cấu thành bằng cách sau khi gia giảm phân lượng của Quế chi khử Thược dược thang, rồi thêm Địa hoàng, Nhân sâm, Mạch môn đông, Ma tử nhân và A giao. Điều đáng chú ý là trong bài thuốc này, Cam thảo và Đại táo đã được tăng khối lượng. Do được dùng cho những người tim đập mạnh, tức thở và thể lực bị suy yếu và những người đồng thời mạch kết trệ, cho nên bài thuốc này còn được gọi là Phục mạch thang (Fukumyakuto).

Theo các tài liệu tham khảo: Thuốc dùng để trị chứng nhịp đập tim tăng vọt và mạch ngừng trệ, nhưng cũng có thể sử dụng trong trường hợp mạch không bị ngừng trệ. Những người dùng bài thuốc này là những người bị suy dinh dưỡng, da khô, táo, dễ mệt mỏi, chân tay phiền nhiệt, miệng khô v.v...

Thuốc dùng trong trường hợp mạch bị kết trệ và tim đập mạnh, nhưng mạch tuy không bị kết trệ nhưng nếu tim đập mạnh thì dùng cũng tốt cho những người mắc chứng tim đập mạnh và mạch kết trệ chẳng hạn như bệnh Basedow và bệnh tim dùng bài thuốc này.

"Những người bị khái nghịch, thượng khí, trong đờm có máu, lưỡi khô, tim đập mạnh, hoặc đau họng, mạch ngưng trệ, bụng trên đầy tức và buồn nôn, những người dễ mệt mỏi thì phải dùng chích cam thảo thang".

BÀI 98: TAM VỊ GIÁ CÔ THÁI THANG (SHA KO SAI TO)

Thành phần và phân lượng: Hải nhân thảo 3-5g, Đại hoàng 1-1,5g, Cam thảo 1-1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng để tẩy giun.

Giải thích:

Toát yếu phương hàm: Trong dân gian gọi là thuốc tẩy giun, uống vào lúc bụng đói buổi sáng.

Theo các tài liệu tham khảo như *Chẩn liệu y điển*, *Giải thích các bài thuốc*: Thuốc này là thuốc tẩy giun thường được dùng, nhưng khi giun vào dạ dày không có hiệu quả, mà phải dùng khi giun còn ở trong ruột. Cũng thường được dùng để phòng giun. Nếu bị sán, thì cùng với thuốc này, nên dùng dấm ăn để tẩy ruột. Thuốc dùng để tẩy giun. Thuốc dùng rất có hiệu quả đối với những người đã quen thuốc tẩy giun santonin và thuốc santonin không có hiệu lực nữa.

Sách *Cổ phương kiểm dụng hoàn tán phương* có viết: "Thuốc dùng cho những người có giun, bị nôn mửa và nhiều chứng khác. Những người thường bị giun quấy, nôn ra bọt rãi, sinh ra đau bụng".

BÀI 99: THUỘC DƯỢC CAM THẢO THANG (SHAKU YAKU KAN ZO TO)

Thành phần và phân lượng: Thuộc dược 3-6g, Cam thảo 3-6g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị đau đớn đi liền với co giật cơ xảy ra một cách đột phát và nặng.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận* và các tài liệu tham khảo như *Tập các bài thuốc*, *Thực tế ứng dụng* v.v...: Thuốc được dùng rộng rãi với mục đích làm dịu đau và những cơn co giật trong những trường hợp: sau khi ra quá nhiều mồ hôi, tà khí nhập vào trong cơ thể gây ra những cơn co giật ở các cơ bắp và ở cơ lưng, ở đùi.

Bài thuốc này còn được ứng dụng trong các trường hợp: lên cơn co thắt cơ bụng chân, đau thần kinh tọa, đau cơ lưng, đau tức ngực, đau vùng quanh vai, thấp khớp cơ, đau mắt cá chân, cước khí, kinh giật dạ dày, tắc ruột, đau sỏi mật, đau sỏi thận, viêm gan, cứng lưỡi, đau cổ khi ngủ, đái đau buốt, ho có tính chất kinh giật, trẻ em khóc đêm, xuyên phế quản, đau trĩ, đau bàng quang, đau răng, đau bụng ở trẻ em v.v...

Phần nhiều thuốc này được dùng kết hợp với các thuốc khác, chẳng hạn như Đại sài hồ thang, Đại hoàng phụ tử thang, Quế chi gia Thuộc dược Đại hoàng thang v.v...

BÀI 100: XÀ SÀNG TỬ THANG (JIA SHO SHI TO)

Thành phần và phân lượng: Xà sàng tử 10g, Đương quy 10g, Uy linh tiên 10g, Khổ sâm 10g.

Cách dùng và lượng dùng: Cho vào 1000 ml nước đem cô đặc lấy 700 ml, dùng để bôi ngoài.

Cho vào 5 bát nước để đun sôi nhiều lần, nghiêng chậu cho phần bị bệnh lên chậu để xông hơi, khi thuốc nguội cho phần bị bệnh vào để rửa.

Công dụng: Trị lở loét, ngứa, hắc bào.

Giải thích:

Theo sách *Ngoại khoa chính tông*: Đây là thuốc bôi ngoài dùng để trị ngứa ở bộ phận sinh dục.

Người đưa ra bài thuốc này hướng dẫn là thuốc sắc bôi lên chỗ bị bệnh khi thuốc còn nóng, khi thuốc nguội thì ngâm bộ phận bị bệnh vào để rửa, nhưng thông thường người ta dùng vải sạch cho vào nước thuốc sắc còn nóng để chườm lên chỗ bị bệnh.

Theo các tài liệu tham khảo như *Ngoại khoa chính tông*, *Y tông toàn gian*: Bài thuốc này được ghi trong mục Bệnh hắc bào trong sách *Ngoại khoa chính tông*: dùng vải cho vào nước thuốc còn ấm để đắp lên hoặc dùng những chỗ bị lở loét, hoặc những chỗ rất ngứa. Cho các vị thuốc trên vào 1000 ml nước đun lấy khoảng 700 ml., lấy nước thuốc thấm vào vải sạch để đắp hoặc dùng để rửa.

Đây không phải là bài thuốc uống mà là thuốc dùng để bôi ngoài, được ghi trong mục bệnh hắc bào trong sách *Ngoại khoa chính tông*. Thuốc chủ yếu dùng để chữa hắc bào, nấm da, nốt ruồi (những vết nhỏ), ngứa, những chỗ cứ gãi là đau. Thuốc nên dùng để rửa.

Cho 4 vị Xà sàng tử, Đương quy, Uy linh tiên và Khổ sâm vào thành từng gói, mỗi gói 10g, cho vào túi đun với khoảng 1000 ml nước, dùng nước thuốc nóng đó vào vải sạch đắp lên hạ bộ của nam giới, còn đối với nữ thì ngâm cả phần ngứa của cơ quan sinh dục ngoài vào. Thuốc đặc biệt có hiệu quả đối với những trường hợp cơ quan sinh dục ngoài ngứa không thể chịu nổi. Tuy nhiên, bài thuốc này phải dùng liên tục từ 10 ngày trở lên.

BÀI 101: THẬP TOÀN ĐẠI BỔ THANG (JU ZEN TAI HO TO)

Thành phần và phân lượng: Nhân sâm 2,5-3g, Hoàng kỳ 2,5-3g, Truật 3g, Phục linh 3g, Đương quy 3g, Thục dược 3g, Địa hoàng 3g, Xuyên khung 3g, Quế chi 3g, Cam thảo 1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: (về nguyên tắc là) *Thang*.

Công dụng: Thuốc dùng trong các trường hợp thể lực bị suy yếu sau khi ốm dậy, người mệt mỏi rã rời, ăn uống không ngon miệng, đổ mồ hôi trộm, lạnh chân tay, thiếu máu.

Giải thích:

Theo sách *Hòa tễ cục phương*: Đây là bài Bát trân thang (kết hợp Tứ vật thang - gồm Đương quy, Thục dược, Địa hoàng, Xuyên khung với Tứ quân tử thang - gồm Phục linh, Truật, Nhân sâm, Cam thảo) có thêm Quế chi và Hoàng kỳ. Các chứng bệnh mà bài thuốc này trị cũng tương tự như những chứng bệnh của Nhân sâm dưỡng vinh thang, nhưng trong các chứng bệnh của bài thuốc này điều trị còn có chứng ho, cho nên có thể phân biệt được giữa hai bài thuốc.

Bài này dùng trị các hư chứng ở thời kỳ toàn thân suy nhược vì những bệnh mạn tính, mục tiêu của bài thuốc này là trị chứng thiếu máu, ăn uống kém ngon, da khô. Thuốc này không dùng cho những người nhiệt cao và năng hoạt động, hoặc những người sau khi dùng thuốc này thì ăn uống kém ngon, ỉa chảy, sốt.

Bài thuốc này nhìn chung có tác dụng bổ sung những phần hư về khí huyết, âm dương, biểu lý, nội ngoại, và với ý nghĩa có tác dụng toàn diện như thế cho nên bài thuốc này có tên là Thập toàn đại bổ thang.

Bài thuốc này còn dùng cho những trường hợp cả khí lẫn huyết đều hư, người sốt rét, tháo mồ hôi, đổ mồ hôi trộm, suy nhược sau đẻ, sau phẫu thuật, sau khi bị các bệnh nhiệt, thị lực giảm sau khi bị các chứng bệnh xuất huyết, lòi dom, tràng nhạc, v.v.

BÀI 102: THẬP VỊ BẠI ĐỘC THANG (JU MI HAI DOKU TO)

Thành phần và phân lượng: Sài hồ 2-3g, Anh bì 2-3g hoặc Phác tốc; Cát cánh 2-3g, Xuyên khung 2-3g, Phục linh 2-4g, Độc hoạt 1,5-3g, Phòng phong 1,5-3g, Cam thảo 1-1,5g, Sinh khương 1-3g, Kinh giới 1-1,5g, Liên kiều 2-3g (Liên kiều không có cũng được).

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* Mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 1,5-2g.

2. *Thang.*

Công dụng: Thuốc dùng trong giai đoạn đầu của những người mắc bệnh da có mủ và bệnh da cấp tính, bệnh mảy đay, eczema cấp tính, ghẻ.

Giải thích:

Thuốc gia truyền của danh y Hanaoka Seishu.

Bài Thập vị bại độc của Hanaoka Seishu chính là bài Kinh phòng bại độc tán trong *Vạn bệnh hồi xuân* bỏ các vị Khương hoạt, Tiền hồ, Bạc hà diệp, Liên kiều, Chỉ xác, Kim ngân hoa mà thêm Anh nhự.

Danh y Asada Sohaku đã thay Anh nhự bằng Phác tốc và gọi bài thuốc này là Thập vị bại độc thang.

Bài thuốc này có tác dụng làm vượng chức năng của cơ quan giải độc và loại trừ các độc tố. Thông thường, người ta thêm Liên kiều vào để dùng. Bài thuốc được dùng vào giai đoạn đầu của chứng mụn nhọt, nếu bệnh nhẹ thì tự nó sẽ tiêu đi, và nếu không tiêu được thì nó cũng có tác dụng làm giảm độc tính. Đối với những mụn độc mủ bùng lên xẹp xuống, thì bài thuốc này được dùng với mục đích cải thiện thể chất. Đối với chứng eczema, nhiều khi thuốc này cũng có hiệu quả rõ rệt, thuốc này cũng được ứng dụng để chữa mảy đay.

Theo các tài liệu tham khảo: Bài thuốc này thường có Liên kiều, dùng cho những người có thể chất giống ở Tiểu sài hồ thang và đòi hỏi tác dụng giải độc. Với ý nghĩa đó, bài thuốc này được ứng dụng chữa mụn, nhọt, eczema, ngoài ra nhiều khi được dùng để chữa chứng lao rôn phổi, viêm thận, bệnh đái đường, giang mai, ghẻ, suy nhược thần kinh.

Thuốc được ứng dụng chữa viêm tuyến sữa, viêm vòm hàm trên, trứng cá, viêm tai giữa, mụn chấy, viêm tai ngoài.

Bài thuốc này dùng vào giai đoạn đầu của các loại mụn nhọt có tính chất viêm ở những người đã dùng Cát căn thang gia cát cánh thạch cao nhưng không có hiệu quả.

BÀI 103: NHUẬN TRÀNG THANG (JUN CHYO TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3g, Thục địa 3g, Can địa hoàng 3g, (Địa hoàng 6g); Ma tử nhân 2g, Đào nhân 2g, Hạnh nhân 2g, Chi thực 0,5-2g, Hoàng cầm 2g, Hậu phác 2g, Đại hoàng 1-3g, Cam thảo 1-1,5g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* Mỗi ngày uống từ 1 đến 3 lần, mỗi lần 2-3g.

2. *Thang:* Giống như lượng tán.

Công dụng: Chữa bí đại tiện.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Dùng cho những người thể lực tương đối kém, thường xuyên bí đại tiện, đặc biệt thường dùng cho những người già bí đại tiện. Vốn dĩ đây là bài thuốc hoàn được luyện bằng mật ong, nhưng nên dùng theo thuốc tán.

Nhuận tràng hoàn dùng để trị táo bón, bí đại tiện. Cho tất cả các vị trên sắc với nước, uống lúc bụng đói khi thuốc còn nóng. Nếu đại tiện đã thông rồi thì lập tức ngừng thuốc, không thể uống nhiều. Thuốc này cũng có thể dùng dưới dạng hoàn và gia giảm các vị. Nghiền tất cả các vị trên thành bột, luyện với mật ong, làm thành những hoàn nhỏ như hạt ngô đồng, mỗi ngày uống 50 hoàn với nước lã đun sôi khi bụng đói, tuyệt đối kiêng các thức ăn cay và nóng. Nếu táo bón thực nhiệt thì dùng bài thuốc này, nếu phát sốt thì thêm Sài hồ, nếu đau bụng thì thêm Mộc hương, nếu táo do hư huyết thì thêm Đương quy, Thục địa, Đào nhân, Hồng hoa, nếu táo do phong thì thêm úc lý nhân, Tào giáp, Khương hoạt; nếu táo do khí hư thì thêm Nhân sâm, úc lý nhân; nếu táo do khí thực thì thêm Tân lang, Mộc hương, táo do đàm hỏa thì thêm Qua lâu, Trúc lịch; nếu bí đại tiện do ra nhiều mồ hôi, tiểu tiện nhiều, nước bọt khô thì thêm Nhân sâm, Mạch môn đông, nếu bí đại tiện do khí huyết già cả, khô háo thì thêm Nhân sâm, Tỏa dương, Mạch môn đông, úc lý nhân, tăng thêm lượng Đương quy, Thục địa, Sinh địa, dùng ít Đào nhân đi; nếu táo bón nặng sau khi đẻ thì thêm Nhân sâm, Hồng hoa, tăng thêm lượng Đương quy, Thục địa, bỏ Hoàng cầm, Đào nhân. Bài thuốc này nếu thêm Tân lang thì trở thành bài Thông linh thang.

Theo các tài liệu tham khảo: Bài thuốc này dùng trong trường hợp bị táo bón thường xuyên dạng nhẹ có chiều hướng hư chứng, và cũng có thể dùng trong trường hợp táo bón lúc nặng lúc nhẹ. Mục tiêu của bài thuốc là nhằm vào những người do thể dịch bị khô háo tạo ra nhiệt trong ruột, ruột bị khô, dẫn tới bí đại tiện thường xuyên, phân bị táo như phân thỏ, da khô, thành bụng chùng. Bài thuốc này chính là bài gia giảm của bài thuốc cổ Ma tử nhân hoàn. Theo mục tiêu trên, bài thuốc này cũng có thể ứng dụng để chữa chứng táo bón thường xuyên, nhất là táo bón ở những người già, táo bón kèm theo các chứng tăng huyết áp, xơ cứng động mạch, viêm thận mạn tính, và những khi dùng các bài thuốc hạ tử khác không có tác dụng.

BÀI 104: CHỨNG NHÃN NHẤT PHƯƠNG (JO GAN IP PO)

Thành phần và phân lượng: Bạch phàn (hoặc Minh phàn) 2g, Cam thảo 2g, Hoàng liên 2g, Hoàng bá 2g, Hồng hoa 2g.

Cách dùng và lượng dùng: Sau khi trộn đều tất cả các thuốc sống, cho vào 300 ml nước để sắc lấy 200 ml. Thuốc dùng để rửa mắt hoặc chườm nóng.

Công dụng hoặc hiệu quả: Dùng để trị mụn chấy, toét mắt, viêm kết mạc dịch tể.

Giải thích:

Bảng

Tên thuốc sống Tên tài liệu thảo khảo	Bạch phàn	Cam thảo	Hoàng liên	Hoàng bá	Hồng hoa
Thực tế chẩn liệu (1)	2	2	2	2	2
Chẩn liệu y điển (2)	2	2	2	2	2

(1) và (2): Dùng vải chườm nóng lên chỗ toét mắt.

BÀI 105: SINH KHƯƠNG TẢ TÂM THANG (SHO KYO SHA SHIN TO)

Thành phần và phân lượng: Bán hạ 4-6g, Nhân sâm 2-3g, Hoàng cầm 2-3g, Cam thảo 2-3g, Đại táo 2-3g, Hoàng liên 1g, Can khương 1-2g (không được dùng Can sinh khương); Sinh khương 2-4g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Thuốc dùng để trị các chứng ăn uống không ngon miệng, ợ nóng, buồn nôn, nôn mửa, ỉa chảy, viêm ruột, hôi mồm kèm theo cảm giác bị đầy tức ở vùng lõm thượng vị và ợ nóng.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*: Đây là bài Bán hạ tả tâm thang giảm bớt lượng Can khương và thêm vị Sinh khương, dùng trong những trường hợp dùng bài Bán hạ tả tâm thang đặc biệt là khi ợ và ợ nóng nhiều.

Theo các tài liệu tham khảo như *Cơ sở và chẩn liệu*, *Chẩn liệu y điển* thì: Trong *Phương cực phụ ngôn* viết: "bài thuốc này trị các chứng của bài Bán hạ tả tâm thang mà lại bị nôn mửa", còn trong *Y thánh phương cách* có viết: "Những người bệnh cảm thấy đầy tức ở bụng dưới, ợ hơi thức ăn và những người nặng thì bị nôn mửa và bụng dưới bị ứ nước, sôi bụng, ỉa chảy thì phải dùng Sinh khương tả tâm thang".

Đây là bài thuốc bệnh dạ dày. Thuốc có hiệu nghiệm đối với những người không muốn ăn, vùng lõm thượng vị cảm thấy đầy tức, buồn nôn, đặc biệt là những người bị ợ, lưỡi bị rộp trắng, sôi bụng và ỉa chảy. ỉa chảy ở đây là loại ỉa chảy do sự lên men gây ra (trong phân có lẫn hơi).

BÀI 106: TIỂU KIẾN TRUNG THANG (SHO KEN CHU TO)

Thành phần và phân lượng: Quế chi 3-4g, Sinh khương 3-4g, Đại táo 3-4g, Thược dược 6g, Cam thảo 2-3g, Mạch nha 20g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Bỏ tất cả các vị (trừ Mạch nha) vào sắc, sau đó bỏ bã rồi cho Mạch nha vào sắc tiếp trong vòng 5 phút.

Công dụng: Dùng để trị các chứng thể chất hư nhược ở trẻ em, mệt mỏi rã rời, chứng thần kinh dễ bị kích thích, viêm ruột mạn tính, trẻ con đái dầm, khóc đêm ở những người thể chất hư nhược, dễ mệt mỏi, huyết sắc kém kèm theo một trong các triệu chứng: đau họng, tim đập mạnh, chân tay lúc nóng lúc lạnh, đái rất hoặc đái nhiều.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận* và sách *Kim quỹ yếu lược*: Có thể nói đây là một bài thuốc bổ cho những người có thể chất hư nhược, nhất là dùng để cải thiện thể chất hư nhược cho trẻ con.

Bài thuốc này là bài Quế chi gia thược dược thang có thêm Mạch nha, với tác dụng bổ dưỡng và làm dịu những cơn đau kịch phát của Mạch nha, cho nên bài thuốc này được ứng dụng rộng rãi hơn là việc dùng để trị chứng kiết lị và đau bụng của bài Quế chi gia Thược dược thang.

Lưu ý: Bài thuốc này không được dùng cho những người bị nôn mửa và những người bị viêm cấp tính.

Theo các tài liệu tham khảo như *Kim quỹ yếu lược*, *Chẩn trị y điển*, v.v...: Bệnh thương hàn, mạch dương sáp, mạch lâm huyền se ọc có chứng bụng thường đau thắt, trước hết hãy dùng Tiểu kiến trung thang, nếu không khỏi thì dùng Tiểu sài hồ thang làm chủ. Bệnh thương hàn qua hai ba ngày sau, người rất phiền muộn vì tim đập mạnh mà phiền, dùng Tiểu kiến trung thang làm chủ.

Thuốc dùng cho những người hư lao, biểu cấp, tim đập mạnh, bụng đau, mộng tinh, chân tay đau, bàn chân bàn tay nóng khó chịu, họng khô, miệng khát. Nam giới da vàng vọt, tiểu tiện bất lợi thì thường dùng Tiểu kiến trung thang. Phụ nữ đau bụng cũng nên dùng Tiểu kiến trung thang.

Thuốc dùng cho những người thường ngày cơ thể hư nhược, dễ mệt mỏi, hoặc những người bình thường khỏe mạnh, nhưng hoạt động quá sức, người quá mệt mỏi. Những chứng bệnh chủ yếu mà bài thuốc này trị là người mệt mỏi rã rời, bụng đau. Bài thuốc cũng được dùng khi nhịp tim tăng vọt, đổ mồ hôi trộm, đổ máu cam, mộng tinh, bàn chân bàn tay nóng khó chịu, tứ chi có cảm giác mệt mỏi đau nhức, miệng khô, tiểu tiện bất lợi. Phạm vi ứng dụng của bài thuốc khá rộng rãi, phần nhiều là được dùng cho trẻ còn bú, cải thiện thể chất của những đứa trẻ gầy yếu, trị chứng đái dầm, khóc đêm, viêm dạ dày, cảm mạo ở trẻ em, lên sởi, viêm phổi và đau bụng kịch phát. Thuốc cũng có hiệu nghiệm đối với bệnh viêm phúc mạc mạn tính dạng nhẹ, lao phổi dạng nhẹ, viêm xương, viêm khớp, chứng thần kinh, thoát vị ở trẻ sơ sinh, xuyên, chàm tím, viêm kết mạc, xuất huyết đáy mắt.

BÀI 107: TIÊU SÀI HỒ THANG (SHO SAI KO TO)

Thành phần và phân lượng: Sài hồ 4-7g, Bán hạ 4-5g, Sinh khương 4g, Hoàng cầm 3g, Đại táo 2-3g, Nhân sâm 2-3g, Cam thảo 2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Thuốc dùng trong các trường hợp bị buồn nôn, ăn uống không ngon miệng, viêm dạ dày, hư nhược vị tràng, cảm thấy mệt mỏi và các chứng của giai đoạn sau của cảm cúm.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận* và sách *Kim quỹ yếu lược*: Bài thuốc này còn có tên là Sankinto (Tam cảm thang).

Đây là bài thuốc tiêu biểu của các bệnh nhiệt ngực và cũng là bài thuốc cơ bản trong các bài thuốc Sài hồ. Thuốc này được dùng cho những người có cảm giác tức tối khó chịu từ vùng lõm thượng vị cho tới mạng sườn như là nén vào xương sườn, lưỡi có rêu trắng, miệng đắng, dẻo, bụng đầy cứng, buồn nôn, người lúc nóng lúc lạnh, phần nhiều những người mắc các chứng của bài thuốc này thường hay kiêng khem. Đây là bài thuốc cải thiện thể chất và được ứng dụng rộng. Bài thuốc này có tên là Tam cảm thang là do xuất phát từ "bệnh trạng phải cảm 3 thứ: hãn, thổ, hạ".

Sách *Phương hàm loại tụ* ghi: "bài thuốc này nhằm vào những người đầy tức ngực sườn, người lúc nóng lúc lạnh, ăn uống kém ngon, nôn, ù tai".

Theo các tài liệu tham khảo: Bài thuốc này dùng khi biểu tà đã tiêu tan, bệnh đã tiến vào phần thiếu dương, tức là ở khoảng bán biểu bán lý, thể hiện dưới dạng đầy tức ở ngực sườn. Phần thiếu dương nằm ở xung quanh màng hoành cách, chỗ phế quản, màng sườn, phúc mạc, gan và mật, dạ dày. Ngực sườn đầy tức là vì khu vực xung quanh rё cuối cùng xương sườn, ở các phần da, cơ và các tổ chức dưới da của sườn bị viêm và bị cản dị thường gây ra, người cảm thấy đầy tức khó chịu như có cái gì chèn đầy ngực, nếu ấn tay vào vùng cánh cung của xương sườn thì thấy chồi và đau nhói. Hiện tượng này là do sự sung tấy thành các cục rắn ở các vị trí nói tên vì nhiệt bên trong gây ra, ngay tuyến bạch mạch thành ngực cũng sinh ra hiện tượng sung tấy thành các cục rắn này. Ngoài ra, mạch trầm và huyền, ăn uống không thấy ngon miệng, miệng đắng, lưỡi có rêu trắng, nôn mửa, người lúc nóng lúc lạnh, tim đập mạnh, cổ cứng, tai ù. Và theo đường kinh lạc của Can và Đờm, cái đau kéo từ cổ xuống tới tận hạ bộ. Bài thuốc này cũng có thể dùng khi không nhất thiết là có sốt rét và nôn mửa, và cũng có thể dùng khi chứng đầy tức ở vùng mạng sườn không thể hiện rõ rệt lắm.

BÀI 108: TIÊU SÀI HỒ THANG GIA CÁT CÁNH THẠCH CAO (SHO SAI KO TO KA KI KYO SEK KO)

Thành phần và phân lượng: Sài hồ 4-7g, Bán hạ 4-7g, Sinh khương 4g, Hoàng cầm 3g, Đại táo 2-3g, Nhân sâm 2-3g, Cam thảo 2g, Cát cánh 3g, Thạch cao 10g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Cho vào sắc với 600 ml nước, lấy 350 ml, bỏ bã, sau đó cho nước thuốc lên cô lại lấy 200cc, chia uống làm 3 lần. Nếu dùng Can sinh khương thì dùng 1g.

Công dụng: Trị các chứng viêm amidan và viêm vùng xung quanh amidan mà họng bị sưng và đau.

Giải thích:

Bài thuốc này được ứng dụng rất rộng rãi trong các khoa tai mũi họng và hô hấp, là những chứng của bài Tiêu sài hồ thang. Đây là bài Tiêu sài hồ thang có thêm Cát cánh và Thạch cao, cho nên thuốc được dùng trong trường hợp cổ khô, niêm mạc đã bị viêm nặng hoặc có đờm và mủ. Thuốc được ứng dụng trong các trường hợp viêm tuyến dưới tai, viêm tuyến bạch mạch cổ, viêm xoang, viêm amidan, viêm vùng xung quanh amidan, bị chứng có mủ và đờm trong giai đoạn sau của cảm cúm. Mục tiêu của bài thuốc là chứng thiếu dương: Mạch trầm và huyền, ăn uống không ngon miệng, đắng miệng, lưỡi có rêu trắng, nôn mửa, lúc nóng lúc lạnh, tim đập mạnh, phần cổ tê cứng, tai điếc v.v...

Theo *Thực tế chẩn liệu*: Khi tuyến dưới tai bị sưng, thân nhiệt lúc tăng lúc giảm ở mức trên dưới 38 độ, trên lưỡi có những đốm rêu trắng, ít nhiều bị đầy tức ở vùng mạng sườn, nếu dùng liên tục cho tới khi thân nhiệt xuống thì phần nhiều là có thể chữa khỏi và có thể ngăn chặn được những chứng kèm theo. Những người viêm tai giữa dạng mủ cấp tính, khi bệnh phát 2-3 ngày thì người bị sốt và rét, miệng đắng, lưỡi có những rêu trắng, tai đau, khó nghe, ra nước mủ, miệng khô rất khó chịu. Thuốc cũng dùng cho những người có triệu chứng của bệnh sùi vòm họng, ở vùng mạng sườn có cảm giác đầy tức, tuyến bạch mạch cổ bị sưng và có chiều hướng mắc chứng thần kinh.

BÀI 109: TIÊU THỪA KHÍ THANG (SHO JO KI TO)

Thành phần và phân lượng: Đại hoàng 2-4g, Chi thực 2-4g, Hậu phác 2-3g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị bí đại tiện.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận* và sách *Kim quỹ yếu lược*:

(a) Phân lượng của các vị là 4 lạng Đại hoàng, 3 quả Chi thực và 2 lạng Hậu phác;

(b) Thừa khí có nghĩa là thuận khí, tức là làm cho khí lưu thông tốt hơn, nhờ đó trị được chứng đầy bụng và bí đại tiện. Hậu phác, Chi thực có tác dụng trị căng chướng bụng, Đại hoàng có tác dụng tiêu viêm và làm thông đại tiện;

(c) Đây là bài thuốc dùng cho những bệnh nhân bị thực chứng, song đó là bài thuốc dùng cho những người có thể lực khá, vùng xung quanh rốn và bụng nhìn chung là đầy trướng, có lực đàn hồi, mạch khỏe và bí đại tiện.

Những chú ý khi sử dụng:

(a) Bài thuốc này cấm dùng cho những người mặc dù bị bí đại tiện nhưng mạch lại yếu, chướng hạn bụng tuy đầy trướng nhưng không được dùng khi bụng bị cổ trướng và viêm phúc mạc;

(b) Đây là bài Đại thừa khí thang bỏ Mang tiêu, được dùng cho những người bệnh trạng nhẹ hơn trong bài Đại thừa khí thang.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Bài thuốc này được dùng nhiều khi bệnh viêm phổi cấp tính và sốt phát ban đang tiến triển, ngoài ra còn được dùng để trị chứng béo phì, tăng huyết áp, táo bón thường xuyên, ngộ độc thức ăn v.v...

Theo *Thực tế ứng dụng*: Bài thuốc này dùng để tháo dần dần những thứ ứ trệ trong dạ dày, nhưng trên thực tế, thuốc còn có tác dụng tháo những thứ ứ trệ trong ruột chứ không chỉ trong dạ dày. Thuốc cũng còn được dùng trị chứng tăng huyết áp, phát phì, bí đại tiện, ngộ độc thức ăn, viêm phổi cấp tính và các bệnh nhiệt khác.

BÀI 110: TIÊU THANH LONG THANG (SHO SEI RYU TO)

Thành phần và phân lượng: Ma hoàng 2-3g, Thược dược 2-3g, Can khương 2-3g, Cam thảo 2-3g, Quế chi 2-3g, Tế tân 2-3g, Ngũ vị tử 1,5-3g, Bán hạ 3-6g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Về nguyên tắc, sắc Ma hoàng trước, bỏ bột, rồi cho các vị khác vào sắc tiếp. Nhìn chung, người ta bỏ cả tất cả các vị vào sắc cùng một lúc.

Công dụng: Thuốc dùng để trị ho ra đờm loãng, viêm mũi, viêm phế quản, hen phế quản, đổ nước mũi.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận* và sách *Kim quỹ yếu lược*: Đây là bài Ma hoàng thang biến hóa thành, dùng cho người có tà bệnh ở biểu, bụng trên có thủy độc, Ma hoàng là thuốc chủ lực. Bài thuốc này dùng để trị chứng ho kèm theo những tiếng hò khè thì thông thường không thể là ho khan được mà có đờm loãng như nước rãi và có chiều hướng rất nhiều. Bài thuốc này không dùng cho người ho ra đờm đặc hoặc đờm dạng mù. Ngoài ra, cũng không nên dùng thuốc này cho những người gầy, thiếu máu, bụng mềm nhão, không muốn ăn, bàn chân bàn tay lạnh, mạch nhỏ và yếu.

Theo các tài liệu tham khảo: Mục tiêu chủ yếu của thuốc là nhằm vào biểu chứng (sốt, ớn lạnh, đau đầu, không ra mồ hôi, nôn khan v.v...) và thủy chứng (đờm loãng, nước mũi, nước dãi, lượng tiểu tiện nhiều, đái đêm, phù thũng, ho hen). Thuốc được dùng để trị chứng hen xuyên ở trẻ em, ho gà, viêm thận cấp tính (phù thũng), eczema, viêm kết mạc cấp tính.

BÀI 111: TIỂU THANH LONG THANG GIA THẠCH CAO (SHO SEI RYU TO KA SEK KO)

Thành phần và phân lượng: Ma hoàng 2-3g, Thược dược 2-3g, Can khương 2-3g, Cam thảo 2-3g, Quế chi 2-3g, Tế tân 2-3g, Ngũ vị tử 1,5-3g, Bán hạ 3-6g, Thạch cao 5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Thuốc dùng để trị các chứng viêm phế quản, hen phế quản, đở nước mũi, ho có đờm hoảng, viêm mũi ở những người khô cổ.

Giải thích: Theo sách *Kim quỹ yếu lược*: Đây là bài Tiểu thanh long thang có thêm Thạch cao.

Theo các tài liệu tham khảo: Dùng cho những người bị các chứng của Tiểu thanh long thang mà lại bị phiền táo hoặc ho, khí thượng sung bệnh trạng nặng, người bị phù thũng, người khô háo, miệng khát.

BÀI 112: TIỂU THANH LONG THANG HỢP MA HẠNH CAM THẠCH THANG (SHO SEI RYU TO GO MA KYO KAN SEKI TO)

Thành phần và phân lượng: Ma hoàng 4g, Thược dược 2-3g, Can khương 2-3g, Cam thảo 2-3g, Quế chi 2-3g, Tế tân 2-3g, Ngũ vị tử 1,5-3g, Bán hạ 3-6g, Hạnh nhân 4g, Thạch cao 10g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng hen phế quản, hen ở trẻ em, ho.

Giải thích:

Đây là bài thuốc kết hợp giữa Tiểu thanh long thang và Ma hạnh cam thạch thang, không rõ xuất xứ của bài thuốc này ở đâu. Ho, xuyên, tức thở ở trong bài thuốc này ở trong tình trạng nặng hơn là ở bài Tiểu thanh long thang, bài thuốc được dùng khi miệng khát.

Theo các tài liệu tham khảo: Đây là bài thuốc thuộc cùng loại với Tiểu thanh long thang thêm vào bài Tiểu thanh long thang gia thạch cao mỗi thang 5g Thạch cao. Thuốc dùng trong trường hợp khí thượng nghịch nặng, người phiền táo, miệng khát do kết hợp với Thạch cao và Ma hoàng, bài thuốc này dùng để trị cả chứng ra mồ hôi dầu (du hãn), chứ không phải không ra mồ hôi như bài thuốc gốc. Honma rất hay dùng bài thuốc này với ý nghĩa là bài thuốc kết hợp Tiểu thanh long thang với Ma hạnh cam thạch thang.

BÀI 113: TIÊU BÁN HẠ GIA PHỤC LINH THANG (SHO HAN GE KA BUKU RYO TO)

Thành phần và phân lượng: Bán hạ 5-8g, Sinh khương 5-8g, Phục linh 3-5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Nếu uống nhiều trong một lần sẽ bị nôn, nên uống từ từ làm nhiều lần.

Công dụng: Trị ốm nghén, nôn mửa và buồn nôn.

Giải thích:

Theo sách *Kim quỹ yếu lược*: Trong các thuốc đông y thì Bán hạ và Sinh khương là những vị thuốc tiêu biểu có tác dụng trị nôn mửa. *Kim quỹ yếu lược* ghi rằng hai vị này có tác dụng khơi thông dạ dày, hạ khí, chặn nôn mửa", do thuốc trực tiếp tác dụng vào dạ dày, làm dịu bớt những cơn co thắt ở vùng môn vị và hạ khí cho nên người ta cho rằng thuốc có cả những tác dụng ở trung khu (vùng trung tâm). Ngày nay, qua thực nghiệm, người ta đã biết được rằng Bán hạ có tác dụng hạ nôn mửa ở cả vùng trung khu lẫn vùng đầu mút.

Bài thuốc này dùng để chống nôn mửa, nhưng cần phải phân biệt với chứng mửa ói nước trong bài Ngũ linh tán. Có nghĩa là, nôn mửa trong Ngũ linh tán thì miệng rất khát, nhưng uống nước vào là lập tức bị ói nước, và sau khi ói rồi lại rất khát, uống nước vào lại bị ói, tiểu tiện kém, nhưng bài thuốc này dùng cho những người không khát lắm mà lại rất buồn nôn.

Theo các tài liệu tham khảo: Thuốc được dùng khi vùng lõm thượng vị bị đầy tức, bụng bị ứ nước, đôi khi bị chóng mặt, tim đập mạnh, nôn mửa, miệng khát, nôn mửa trong giai đoạn đầu của ốm nghén, các loại nôn mửa, viêm dạ dày ruột cấp tính. Thuốc còn có hiệu nghiệm với trẻ bị trớ sữa.

BÀI 114: THĂNG MA CÁT CẦN THANG (SHO MA KAK KON TO)

Thành phần và phân lượng: Cát cần 5-6 g, Thăng ma 1-3 g, Sinh khương 1-3g, Thược dược 3g, Cam thảo 1,5-3g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang .

Công dụng: Dùng để trị viêm da và giai đoạn đầu của cảm mạo.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Thuốc dùng trong giai đoạn đầu của bệnh sởi khi sởi không mọc, có nguy cơ chạy hậu có tác dụng thúc cho sởi lên đều và làm cho bệnh sởi diễn ra suôn sẻ. Thuốc dùng rất tốt cho tới khi sởi đã mọc đều.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: thuốc dùng vào giai đoạn đầu của các bệnh sốt kèm theo phát ban như sởi, đậu mùa, tinh hồng nhiệt, người bị cảm đầu đau dữ dội như bị bệnh não, "khi bị các loại bệnh dịch thời tiết thì người sốt, đau đầu, người và chân tay đau và chưa phát ban". Những người bị các bệnh trên cũng có khi khô mũi, đổ máu cam, mất ngủ. Thuốc cũng được ứng dụng để chữa cúm, lên sởi, tinh hồng nhiệt, thủy đậu, đổ máu cam, mắt xung huyết, bệnh da, viêm amidan.

Theo các tài liệu tham khảo: Thuốc dùng để trị các bệnh thời khí ôn dịch ở người lớn, trẻ em, đau đầu, người bị sốt, người và chân tay đau. Thuốc uống trong quãng thời gian chưa phát ban. Dùng cho những người bị trúng phong thương hàn dương minh, đau đầu, người đau, sốt rét, không ra được mồ hôi, miệng khát, mắt đau, mũi khô không nằm ngửa được, phát ban dương minh muốn mọc mà không mọc được. Kinh túc dương minh, đi gần dưới mắt và giáp mũi nên mắt cộm, mũi khô và do đó không thể ngủ được.

Đây là bài thuốc dùng để giải nhiệt trong dạ dày và nhiệt trong máu, dùng trị biểu tà của dương minh kinh. Những người bị các loại bệnh nhiệt, mắt đau, mũi khô, mất ngủ, không ra được mồ hôi, sốt ớn lạnh là những chứng nhiệt dương minh kinh. Thuốc này được dùng cho giai đoạn đầu các loại bệnh nhiệt kèm theo phát ban như đậu mùa, sởi, tinh hồng nhiệt, hoặc những người bị cúm đầu đau dữ dội như bị bệnh não. Thuốc thích hợp đối với những trường hợp chưa phát ban hoặc có nguy cơ sởi không mọc được.

Bài thuốc này còn được ứng dụng trong các trường hợp bị cảm, cúm, sởi, viêm quầng (erysipelas), tinh hồng nhiệt, thủy đậu, đổ máu cam, xung huyết mắt, viêm amidan và bệnh da v.v... Cách gia giảm:

- (a) Nếu đau đầu thì cho thêm ít Thông bạch, Hành hoa;
- (b) Nếu ho thì thêm 3g Tang bạch bì;
- (c) Nếu nóng ở vùng ngực thì thêm 3g Hoàng cầm và 2g Bạch hà diệp;
- (d) Nếu không ra được mồ hôi thì thêm 3g Ma hoàng
- (e) Nếu đau họng thì thêm 3g Cát cánh;
- (g) Nếu bị viêm quầng màu vàng thì thêm 2g Huyền sâm.

BÀI 115: TIÊU MAI THANG (SHO BAI TO)

Thành phần và phân lượng: Ô mai 2g, Sơn tiêu 2g, Tân lang tử (Hạt cau) 2g; Chi thực 2g, Mộc hương 2g, Súc sa 2g, Hương phụ tử 2g, Quế chi 2g, Xuyên luyện tử (vỏ xoan) 2g, Hậu phác 2g, Cam thảo 2g, Can khương 2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng để tẩy giun.

Giải thích:

Thuốc dùng để trị giun sán. Tác giả của bài thuốc, danh y Asada Sohaku nói bài thuốc này dùng cho những người bị bệnh giun sán có kèm theo các bệnh về bụng mà các thuốc tẩy giun thông thường không có tác dụng. Bài thuốc này có Ô mai và Sơn tiêu là chủ lực, cộng với Tân lang tử và Xuyên luyện tử là những vị thuốc đông y có tác dụng tẩy giun, bài thuốc phụ thêm khí tể (có tác dụng làm cho dạ dày khỏe mạnh và làm cho ruột hoạt động đều) có hương thơm như Chi thực Mộc hương, Súc sa, Hương phụ tử, Quế chi, Hậu phác và Can khương, do đó, thuốc được ứng dụng để chữa bệnh giun thường xuất hiện nhiều ở những người ngày thường ăn quá nhiều chất prôtêin nhưng lại thiếu các chất gia vị cho nên bị ợ hơi, hôi miệng, ợ nóng.

Theo *Vật ngộ phương hàm khẩu quyết*: Bài này trị chứng đau bụng do giun sán, có tác dụng đối với những người không hợp các loại thuốc tẩy giun khác.

BÀI 116: TIÊU PHONG TÁN (SHO FU SAN)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3g, Địa hoàng 3g, Thạch cao 3-5g, Phòng phong 2g, Truật 2-3g, Mộc thông 2-5g, Ngu bàng tử 2g, Tri mẫu 1,5g, Hồ ma 1,5g, Thiên thoái 1g, Khô sâm 1g, Kinh giới 1g, Cam thảo 1-1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng trị eczêma mạn tính (với những người chất tiết nhiều)

Giải thích:

Theo sách *Ngoại khoa chính tông*: Bài thuốc này phần nhiều được dùng trị chứng eczêma mạn tính và bán cấp tính dai dẳng ở những người trẻ tuổi và khoẻ mạnh, không có hiện tượng thiếu máu, trong trường hợp bệnh thay đổi rõ rệt và tiến triển, rất ngứa. Bài thuốc này vốn là thuốc tán, nhưng thuốc thường được dùng dưới dạng sâyec uống.

Sách *Phương hàm loại tỵ* viết: "Thuốc này dùng để trị cho những người phong thấp thấm vào huyết mạch gây ra ngứa ngáy. Nhất là ở những phụ nữ lứa tuổi 30, về mùa hè, toàn thân mọc nhiều mụn nước độc, da xù xì như vỏ cây, ngứa ngáy nếu gãi thì lại phỏng nước ngứa không chịu được. Nếu dùng thuốc này thì trong một tháng sẽ đỡ, dùng trong 3 tháng sẽ khỏi hoàn toàn".

Sách *Ngoại khoa chính tông* (phần về bệnh lở ngứa) viết: "Thuốc dùng trị cho những người phong thấp ngấm vào huyết mạch sinh ra lở loét ngứa ngáy không ngừng. Thuốc có tác dụng đối với cả người lớn lẫn trẻ con bị phong nhiệt thấm vào người sinh ra ngứa, trên mặt da lúc thì xuất hiện những vẩy da, lúc lại biến mất những vẩy đó. Bị lở đầu, rôm sảy và ngứa da do phong thấp (Nữ khấu phong) thì dùng Tiêu phong tán".

Theo *Thực tế ứng dụng*: thuốc dùng trị chứng eczêma mạn tính và bán cấp. Mục đích của bài thuốc này là nhắm vào những người trên da mọc dày đặc những mụn nhỏ, khi đỡ làm cho da đỏ hồng lên mọc nước, rất ngứa ngáy, hoặc rất khát nước hoặc sinh ra những đám vẩy da dày trông rất bẩn. Bệnh tiến triển rất nhanh.

BÀI 117: TIÊU DAO TÁN (SHO YO SAN)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3g, Thục dược 3g, Sài hồ 3g, Truật 3g, Phục linh 3g, Cam thảo 1,5-2g, Can sinh khương 1g, Bạc hà diệp 1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Thuốc dùng để trị các chứng lạnh, thể chất hư nhược, kinh nguyệt thất thường, kinh nguyệt khó khăn, các chứng của thời kỳ mãn kinh và các chứng về đường kinh nguyệt.

Giải thích:

Theo sách *Hòa tễ cục phương*: Bài thuốc này được đặt tên là Tiêu dao tán là vì bài thuốc này có tác dụng làm dịu cơn bệnh khiến cho con người thanh thản thoải mái.

Đây là bài thuốc được dùng cho những bệnh do gan bị tổn thương gây ra trên những người có thể chất hư chứng của bệnh thiếu dương, nhất là những chứng bệnh kèm theo của tình trạng hư lao và các chứng tinh thần ở phụ nữ. Bài thuốc này nằm ở vị trí giữa Tiêu sai hồ thang và Bồ trung ích khí thang.

Thông thường, phần nhiều người ta thêm Mẫu đơn bì và Sơn tri tử để dùng dưới dạng Gia vị tiêu dao tán (Đơn tri tiêu dao tán).

Sách *Hòa tễ cục phương* viết: "Thuốc dùng cho những người bị huyết hư, mỗi mệt, ngũ tâm phiền nhiệt, người và chân tay đau nhức, đầu nặng, chóng mặt, miệng khát họng khô, người sốt đổ mồ hôi trộm, ăn uống kém chỉ muốn nằm, huyết nhiệt, kinh nguyệt không đều, bụng căng cứng và đau, sốt rét. Thuốc cũng trị cho những người phụ nữ huyết nhược âm hư, thiếu dinh dưỡng, người nóng, cơ thể gầy yếu, ho đờm".

Sách *Vạn bệnh hồi xuân* viết: "Bài thuốc này trị các chứng can tỳ huyết hư, người sốt, đổ mồ hôi trộm, đau đầu, chóng mặt, thần kinh suy nhược, má đỏ, miệng khô, kinh nguyệt không đều, bụng trên đau, bụng dưới nặng, niệu đạo đau hoặc phù nề hoặc có mủ khiến cho nóng trong và khát".

Sách *Y phương tập giải* viết: "Thuốc này trị các chứng huyết hư, gan táo, cốt chùng lao nhiệt, sốt cơn lúc nóng lúc lạnh, bí đại tiện, kinh nguyệt không đều. Cốt chùng triều nhiệt trở thành can huyết hư. Can hóa ảnh hưởng tới phế sinh ra ho. Tà của thiếu dương, cho nên người lúc nóng lúc lạnh. Hỏa thịnh khắc kim khiến cho không sinh ra thủy, do đó miệng khát, táo bón, can tăng huyết, can ngừng hoạt động kiến cho kinh nguyệt không đều".

BÀI 118: TÂN DI THANH PHẾ THANG (SHIN I SEI HAI TO)

Thành phần và phân lượng: Tân di 2-3g, Trí mẫu 3g, Bách hợp 3g, Sơn tri từ 1,5-3g, Mạch môn đông 3-6g, Thạch cao 5-6g, Thăng ma 1-1,5g, Tỳ bà diệp 1-3g, Hoàng cầm 3g.

Cách dùng và lượng dùng: *Thang.*

Công dụng: Trị các chứng tắc mũi, viêm mũi mạn tính, viêm amidan chứng tích mủ.

Giải thích:

Theo sách *Ngoại khoa chính tông*: Dùng cho những người phế nhiệt, trong mũi có cục thịt lúc đầu như hạt lựu sau lớn dần làm tắc lỗ mũi khiến cho không khí không qua lại dễ dàng được nữa. Thuốc được ứng dụng chữa tắc mũi, viêm phình mũi, thành mủ hốc vòm họng trên. Thuốc nên dùng khi các bài thuốc khác không có hiệu quả.

Theo *Đông y đồ đây*: thuốc dùng khi bị bệnh có rất nhiều mủ, chỉ cần mở miệng ra là đã trông thấy mủ.

BÀI 119: TẦN GIAO KHƯƠNG HOẠT THANG (JIN GYO KYO KATSU TO)

Thành phần và phân lượng: Tần giao 3g, Khương hoạt 5g, Hoàng kỳ 3g, Phòng phong 2 g, Thăng ma 1,5g, Cam thảo 1,5g, Ma hoàng 1,5g, Sài hồ 1.5g, Cáo mộc 0.5g, Tế tân 0.5g, Hồng hoa 0.5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị bệnh trĩ có ngứa.

Giải thích:

Theo *Chân liệu y điển* trong phần trĩ dò của sách "*Chứng phương quy cú*" có ghi: "Tần giao khương hoạt thang dùng để trị trĩ dò đã lòi ra ngoài và ngứa không chịu được".

Tham khảo: *Đại từ điển y học Trung Quốc* (của Tạ Quang) viết: Thuốc này trị trĩ dò đã thành cục lòi ra ngoài vì ngứa không chịu được.

BÀI 120: TẦN CỬU PHÒNG PHONG THANG (JIN GYO BO FU TO)

Thành phần và phân lượng: Tần cửu 2g, Trạch tả 2g, Trần bì 2g, Sài hồ 2g, Phòng phong 2g, Đương quy 3g, Truật 3g, Cam thảo 1g, Hoàng bá 1g, Thăng ma 1g, Đại hoàng 1g, Đào nhân 3g, Hồng hoa 1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Theo *Chân liệu y điển*: uống lúc đói.

Công dụng: Dùng cho những người đi ngoài đau do bị trĩ ngoại.

Giải thích:

Theo sách *Lan thất bí tàng*: Thuốc này dùng cho những người có chiều hướng bí đại tiện, khi đi ỉa rất đau, đôi khi ra lẫn với mủ, thể lực tương đối khá. Thuốc không chỉ dùng cho người bị trĩ dò mà còn dùng cho cả những người bị đau và chảy máu do trĩ ngoại. Tùy theo tình hình đại tiện như thế nào mà gia giảm lượng Đại hoàng.

Thuốc dùng để trị trĩ dò bị đau mỗi khi đi đại tiện. (Mục Thuốc đông y Nhật bản của Koizumi Eijiro).

Trung Quốc y học đại từ điển (do Tạ Quan biên soạn) viết: "Thuốc này dùng để trị trĩ dò đau mỗi khi đi đại tiện".

BÀI 121: SÂM TÔ ẤM (JIN SO IN)

Thành phần và phân lượng: Tử tô diệp 1-1.5g, Chi thực 1-1.5g, Cát cánh 2g, Trần bì 2g, Cát căn 2g, Tiền hồ 2g, Bán hạ 3g, Phục linh 3g, Nhân sâm 1.5g, Đại táo 1.5g, Sinh khương 1.5g (Can khương 1g); Mộc hương 1-1.5g, Cam thảo 1g (Nhân sâm và Mộc hương không có cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng để trị cảm mạo, ho.

Giải thích:

Theo sách *Hòa tễ cục phương*: Thuốc dùng cho những người bị tứ thời cảm mạo, người sốt, đau đầu, ho có đờm, nói khó khăn, đổ nước mũi, vùng lõm thượng vị bị đầy tức nôn mửa và ói nước. Thuốc cũng được dùng cho những người bị ho có đờm khi bị cảm thời tiết, mà những ngày thường vị tràng yếu, nếu dùng Cát căn thang và Quế bì thang thì thấy tức ngực.

Tô diệp dùng trong đông y là *frutescens* Brit. Var. *crispa* Decne, song Tô diệp dùng trong bài thuốc của *Hòa tễ cục phương* là Bạch tô, *Perylla frutescens*, trong phân loại học, và không có Đại táo và Sinh khương.

Theo các tài liệu tham khảo: Thuốc được ứng dụng để chữa viêm phế quản, viêm phổi, ngộ độc rượu, chứng khí uất, xuyên, các chứng thần kinh, không muốn ăn do thần kinh v.v...

BÀI 122: THẦN BÍ THANG (SHIM PI TO)

Thành phần và phân lượng: Ma hoàng 3-5g, Hạnh nhân 4g, Hậu phác 3g, Trần bì 2.5-3g, Cam thảo 2g, Sài hồ 2-4g, Tử tô diệp 1.5-3g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị hen trẻ em hen phế quản, viêm phế quản.

Giải thích:

Theo sách *Ngoại đài bí yếu phương* và sách *Các bài thuốc gia truyền của Asada*:

Xuất xứ của bài thuốc ở *Ngoại đài bí yếu phương* không có các vị Hậu phác, Cam thảo nhưng trong các bài thuốc gia truyền của gia đình Asada và các bài thuốc thường dùng ở Nhật bản lại có Hậu phác và Cam thảo. Bài thuốc này được cấu tạo bằng cách kết hợp Ma hạnh cam thạch dùng để chữa ho xuyên bỏ Thạch cao với Bán hạ hậu phác thang dùng để chữa ho và tức ở cổ họng bỏ Bán hạ, Phục linh, Sinh khương, sau đó thêm Sài hồ và Trần bì, do đó bài thuốc được ứng dụng chữa hen và viêm phế quản ở những người có thể chất như trong bài Tiểu sài hồ thang. Vì vậy bài thuốc chủ yếu dùng cho những người hô hấp khó khăn, bị chứng thần kinh do khí uất và cho trẻ em, những người dùng thuốc này, vì nước ứ ít cho nên đờm cũng ít.

Những đối tượng chủ yếu của bài thuốc này là:

(a) Hô hấp khó khăn;

(b) Ho;

(c) Vị tràng khỏe.

Những mục tiêu điều trị đã được xác nhận của bài thuốc là:

(a) Ho ít đờm

(b) Hen và chứng sợ hãi bột phát.

Asada cho rằng nếu dùng bài thuốc này liên tục trong một thời gian dài thì sẽ trị được tận gốc hen. Nhưng nếu chẩn đoán nhầm thì lại gây ra hiện tượng tức thở. Người ta cho rằng nguyên nhân của hiện tượng đó phải chăng là trong các bài thuốc cổ đã kết hợp hai vị thuốc tuyệt đối không thích hợp là Sài hồ và Ma hoàng. Bài thuốc này thích hợp cho những người vị tràng khỏe, trong các cơ quan tiêu hóa ít nước ứ.

Đây là thuốc chữa hen hiệu nghiệm với những người hen (xuyên) mạn tính, hô hấp khó khăn và ít đờm "trị ho kéo dài, hen nặng, chỉ ngồi chứ không nằm được, bên trong phổi có tiếng cò cữ, khó thở". Bài thuốc này được vận dụng để cải thiện thể chất của những người bị hen nhất là ở trẻ em.

BÀI 123: SÂM LINH BẠCH TRUẬT TÁN (JIN REI BYAKU JUTSU SAN)

Thành phần và phân lượng: Nhân sâm 3g, Sơn dược 1,5-3g, Truật 3-4g, Phục linh 3-4g, ý dĩ nhân 5-8g, Biên đậu 2-4g, Liên nhục 2-4g, Cát cánh 2-2,5g, Súc sa 2g, Cam thảo 1,5g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 1,5-2g.

Nghiên thành bột, uống mỗi lần 1,5-2g, mỗi ngày uống 3 lần với nước táo sắc hoặc nước ấm. Hoặc cũng có thể uống với nước cháo gạo nứt, hoặc sắc uống cũng được. Trong phần giải thích sơ lược ghi rằng nghiên thuốc thành bột uống mỗi lần 2,0-3,0g với nước táo sắc hoặc với nước ấm hoặc nước cháo. Bất đắc dĩ mới sắc uống.

2. *Thang.*

Công dụng: Trị các chứng ăn uống không ngon miệng, ỉa chảy mạn tính, thể lực giảm sút sau khi ốm dậy, người mệt mỏi rã rời ở những người gầy, sắc mặt kém, không muốn ăn và có chiều hướng bị ỉa chảy thường xuyên.

Giải thích:

Theo sách *Hòa tễ cục phương*: Đây là bài thuốc gia giảm của Tứ quân tử thang, cách dùng giống như Tứ quân tử thang, dùng cho những người vị tràng yếu, ăn uống không ngon miệng, nôn mửa và ỉa chảy, nhưng điều đáng chú ý là không có sốt và lạnh. Thuốc tán thì dùng uống với nước ấm, nước cháo gạo lứt, hoặc nước sắc của đại táo.

Theo nhiều tài liệu tham khảo: Thuốc dùng cho những người vị tràng hư nhược, hơi một tí là bị ỉa chảy, không muốn ăn uống, cả mạch lẫn bụng đều mềm và yếu, người thiếu máu, dễ mệt mỏi và bị chứng lạnh. Những người này phần nhiều là đi ỉa ngày 2-3 lần phân lỏng như nước, cũng có khi thức ăn vào đến dạ dày một cái là đi ỉa chảy liền. Bụng hơi đầy, sôi bụng, bụng bị ứ hơi, nhưng hầu như không kèm theo đau bụng.

BÀI 124: THANH CƠ AN HỒI THANG (SEI KI AN KAI TO)

Thành phần và phân lượng: Sài hồ 4-7g, Bán hạ 4-5g, Sinh khương 4g, Nhân sâm 2-3g, Hoàng cầm 3g, Cam thảo 2g, Hải nhân thảo 3g, Mạch môn đông 3g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng để tẩy giun.

Giải thích:

Theo *Man nan lục*: Đây là bài Tiểu sài hồ thang bỏ Đại táo, thêm Hải nhân thảo (giá cô thái), Mạch môn đông.

Bảng

Tên thuốc sống Tên tài liệu tham khảo	Sài hồ	Bán hạ	Sinh khương	Nhân sâm	Hoàng cầm	Cam thảo	Hải nhân thảo	Hải mạch môn
Chẩn liệu y điển	7	5	4	3	3	2	3	3
Tập các bài thuốc (1)	6	6	3	3	3	2	3	3
Thực tế chẩn liệu	7	5	4	3	3	2	3	3
Tập phân lượng các vị thuốc	7	5	4	3	3	2	3	3

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc dùng cho những người bị giun sán, người lúc sốt lúc lạnh, da khô, người mệt mỏi giống như bị bệnh sốt và rét, hoặc cho trẻ em bị giun sán mà bị sốt và rét.

BÀI 125: THANH THẤP HÓA ĐÀM THANG (SEI SHITSU KE TAN TO)

Thành phần và phân lượng: Thiên nam tinh 3g, Hoàng cầm 3g, Sinh khương 3g, Bán hạ 4g, Phục linh 4g, Trần bì 2-3g, Khương hoạt 1,5g, Bạch chi 1,5g, Bạch giới tử 1,5g, Cam thảo 1-1,5g, Truật 4g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng đau thần kinh, đau khớp, đau cơ ở những người cảm thấy lạnh ở lưng.

Giải thích:

Theo *Thọ thế bảo nguyên*: Đây là bài thuốc tuyệt diệu cho những người "lưng lạnh như một cục băng, mạch hoạt như là lăn viên bi", song không nhất thiết cứ phải câu nệ vào đặc điểm trên.

Vốn dĩ, đây là bài thuốc dùng cho những người mà nơi này hay nơi khác của cơ thể bị đau vì thấp, và cũng được ứng dụng để trị đau ở vùng ngực. Thuốc được dùng để chữa đau thần kinh liên sườn, đau vùng ngực và vùng lưng. Mục tiêu của thuốc này là trị chứng nếu ho thì vùng dưới nách đau co thắt lại, đờm ứ đầu ngực khiến rất khó chịu, thuốc cũng còn được dùng trong trường hợp đau di chuyển nơi này nơi khác trong cơ thể chứ không chỉ ở vùng ngực.

Theo các tài liệu tham khảo: Dùng trị đau thần kinh liên sườn do thủy độc gây ra. Thuốc cũng còn được dùng nhiều để trị các chứng mất trương lực dạ dày, sa dạ dày. Thuốc còn trị phù sữa, cảm mạo, chứng môi tê vai và đau ngực thường thấy ở những người da trắng bủng, mọng nước. Thuốc cũng có thể dùng cho những người cổ có cục cứng to như quả mai khô.

Thuốc dùng để trị chứng đau ngực vì đờm khô khó khạc ra, chứng đau các cơ và lạnh lưng. Thuốc cũng được ứng dụng trị chứng đau thần kinh liên sườn, viêm khớp cơ, phù bạch hạch, môi tê vai.

BÀI 126: THANH THỦ ÍCH KHÍ THANG (SEI SHO EK KI TO)

Thành phần và phân lượng: Nhân sâm 3-3,5g, Truật 3-3,5g, Mạch môn đông 3-3,5g, Đương quy 3g, Hoàng kỳ 3g, Trần bì 2-3g, Ngũ vị tử 1-2g, Hoàng bá 1-2g, Cam thảo 1-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng trúng thử và ăn uống không ngon miệng, ỉa chảy, mệt mỏi toàn thân, gầy vè mùa hè do nóng.

Giải thích:

Theo *Y học lục yếu*: Đây là bài Bổ trung ích khí thang cải biến, và đúng như tên gọi của nó, bài thuốc này có tác dụng loại trừ khí thử và ích khí.

Thuốc "trị những người bị cảm thử mùa hè kéo dài, chân tay mỏi mệt, người nóng, bồn chồn, tiểu tiện ít, phân nhão, người hoặc khát hoặc không khát nhưng không muốn ăn, đổ mồ hôi trộm".

Sách *Đông y bảo giám* viết: thuốc gồm: Thương truật 1,5 tiền, Hoàng kỳ và Thăng ma mỗi thứ 1 tiền, Nhân sâm, Bạch truật, Trần bì, Thần khúc, Trạch tả mỗi 5 phân, Tỳ hoàng bá, Đương quy, Thanh bì, Mạch môn đông, Can cát, Cam thảo mỗi thứ 3 phân, Ngũ vị tử 5 hạt, dùng cho những người bị trúng thấp và nhiệt, chân tay mỏi, tinh thần giảm, động tác chậm chạp, nước giải vàng người nóng, khát nước, ỉa chảy, không muốn ăn và đổ mồ hôi trộm.

BÀI 127: THANH THƯỜNG QUYÊN THỐNG THANG (SEI JO KEN TSU TO)

Thành phần và phân lượng: Mạch môn đông 2,5-6g, Hoàng cầm 3-5g, Khương hoạt 2,5-3g, Độc hoạt 2,5-3g, Phòng phong 2,5-3g, Truật 2,5-3g, Đương quy 2,5-3g, Xuyên khung 2,5-3g, Bạch chỉ 2,5-3g, Mãn kinh tử 1,5-2g, Tế tân 1g, Cam thảo 1g, Cáo mộc 1,5g, Cúc hoa 1,5-2g, Sinh khương 3g (Cáo mộc, Cúc hoa và Sinh khương không có cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị đau vùng mặt, đau đầu.

Giải thích:

Theo *Thọ thế bảo nguyên* (phần về đau đầu): Thuốc còn có tên khác là Khu phong xúc thống thang.

Các tài liệu tham khảo đều cho rằng: Đây là bài thuốc chủ yếu để trị tất cả các chứng đau đầu, đau đầu mạn tính, đau đầu các loại, đau dây thần kinh sinh ba trigeminal, còn gọi là dây thần kinh số 5, đau do sưng vùng hàm trên.

BÀI 128: THANH THUỜNG PHÒNG PHÒNG THANG (SEI JO BO FU TO)

Thành phần và phân lượng: Kinh giới 1-1,5g, Hoàng liên 1-1,5g, Bạc hà diệp 1-1,5g, Chi thực 1-1,5g, Cam thảo 1-1,5g, Sơn chi tử 1,5-3g, Xuyên khung 2-3g, Hoàng cầm 2-3g, Liên kiều 2-3g, Bạch chỉ 2-3g, Cát cánh 2-3g, Phòng phong 2-3g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng để chữa trứng cá.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Đây là bài thuốc dùng để làm phát tán và giải độc nhiệt ở vùng trên màng hoành cách, đặc biệt ở vùng mặt, thuốc được dùng trong trường hợp bài Kinh phòng bại độc tán thì quá nhẹ mà Phòng phong thông thánh tán thì quá mạnh.

Các vị Hoàng liên, Hoàng cầm, Sơn chi tử có tác dụng giải độc thân nhiệt cao kèm theo việc giảm tiêu tiện; Bạch chỉ, Cát cánh, Xuyên khung, Phòng phong, Kinh giới có tác dụng vào vùng nửa trên của cơ thể từ màng hoành cách trở lên và vùng mặt, có tác dụng khu phong, giải độc, bài độc; Liên kiều cùng Chi xác có tác dụng làm tiêu tán những chất độc hóa mủ.

Theo những mục tiêu trên, bài thuốc này được ứng dụng chữa trứng cá ở phần mặt do xung huyết ở nam nữ thanh niên, eczêma ở phần đầu, xung huyết mắt, mũi đỏ v.v...

Theo *Chẩn liệu y điển*: Dùng cho những người phát ban đỏ ở vùng mặt và cổ, hoặc nóng. Thuốc được ứng dụng trị trứng cá, eczêma ở phần đầu, xung huyết mắt, viêm kết mạc, bệnh vẩy nến (psoriasis) ở vùng mặt, mũi đỏ v.v...

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Thuốc dùng để trị các loại mụn có mủ ở phần đầu những người thể lực dồi dào, hoặc mụn lở, đinh và phát ban trên da. Ngoài ra, thuốc cũng còn được dùng để chữa viêm tai giữa, viêm lợi, viêm màng chân răng v.v...

BÀI 129: THANH TÂM LIÊN TỬ ẨM (SEI SHIN REN SHI IN)

Thành phần và phân lượng: Liên nhục 4g, Quan môn đông 4g, Phục linh 4g, Nhân sâm 3g, Sa tiền tử 3g, Hoàng cầm 3g, Hoàng kỳ 2g, Địa cốt bì 2g, Cam thảo 1,5-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị mất ngủ, an thần.

BÀI 130: THANH PHẾ THANG (SEI HAI TO)

Thành phần và phân lượng: Hoàng cầm 2g, Cát cánh 2g, Tang bạch bì 2g, Hạnh nhân 2g, Sơn chi tử 2g, Thiên môn đông 2g, Bối mẫu 2g, Trần bì 2g, Đại táo 2g, Trúc nhự 2g, Phục linh 3g, Đương quy 3g, Mạch môn đông 3g, Ngũ vị tử 0,5-2g, Sinh khương 0,5-2g (nếu là Can sinh khương thì dùng 1g), Cam thảo 1-1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng để trị ho ra nhiều đờm.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Bài thuốc này nhằm vào những người ho dữ, ra nhiều đờm, đờm rất khó ra và ho cho đến khi đờm ra mới thôi.

Theo các tài liệu tham khảo: Thuốc dùng cho những người bị đờm nhiều, ho dữ liên tục, và lại, đờm lại đặc rất khó ra. Nếu tình trạng trên kéo dài thì họng bị đau, khàn tiếng và ngứa cổ rất khó chịu. Đờm có khi màu vàng, có khi màu xanh, cũng có khi màu trắng, song đó là đờm đặc rất khó ra, ho liên tục cho tới khi ra được đờm mới thôi có khi ra đờm lẫn máu hoặc tức thở, cơ thể bị suy nhược. Trong sách *Vật ngộ dược thất phương hàm*, danh y Asada Sohaku viết: "Đây là bài thuốc chữa ho đờm, song là hư hỏa (ho do viêm đường hô hấp ở những người suy nhược và hư chứng). Nếu là đàm hỏa thuần thực (viêm ở những người thực chứng) và mạch hoạt sác thì cho dùng Qua quát chỉ thực thang. Thuốc này cũng có thể dùng cho những người phổi bị nhiệt, ho kéo dài. Do đó, thuốc này dùng cho những người dùng Tiểu thanh long thang gia thạch cao không có hiệu quả vẫn bị ho. Những người ho mãi không dứt, người ngày càng trở nên suy nhược thì phải uống ngay thuốc này".

BÀI 131: CHIẾT TRUNG ÂM (SES SHO IN)

Thành phần và phân lượng: Mẫu đơn bì 3g, Xuyên khung 3g, Thược dược 3g, Quế chi 3g, Đào nhân 4-5g, Đương quy 4-5g, Diên hồ sách 2-2,5g, Ngưu tất 2-2,5g, Hồng hoa 1-1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng để chữa kinh nguyệt thất thường và đau khi có kinh.

Giải thích:

Theo sách *Sân luận*: Đây là bài thuốc kết hợp hai bài Quế chi phục linh hoàn với Đương quy thược dược tán, bỏ Trạch tả, Phục linh, Bạch truật là những vị thuốc lợi thủy, mà thêm vào các vị Diên hồ sách, Ngưu tất, Hồng hoa. Thuốc này được dùng với mục đích trị các chứng kèm theo đau bụng ở phụ nữ do ứ huyết sinh ra, song đây cũng là bài thuốc làm cho khí huyết lưu thông, bổ máu, hồi phục sức khỏe của sản phụ sau khi đẻ.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Dùng cho những người bệnh trạng đang trở thành cấp tính nguy hiểm hoặc mạn tính, vùng bụng dưới có vật chướng và đau dội, đôi khi có đau tự phát kèm theo chứng bạch đới. Phần nhiều thuốc được dùng cho những người bị viêm phần phụ kéo dài.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Thuốc dùng cho những người bị đau ở vùng bụng dưới do ứ máu và có đau ở bên trong xương hông. Thuốc cũng có thể dùng cho những người bị xuất huyết trong giai đoạn đầu mang thai, hoặc tuy không phải trong thời kỳ có thai, nhưng có đau vì các chứng do ứ huyết, kinh nguyệt thất thường.

BÀI 132: XUYÊN KHUNG TRÀ ĐIỀU TÁN (SEN KYU CHA CHYO SAN)

Thành phần và phân lượng: Bạch chỉ 2g, Khương hoạt 2g, Kinh giới 2g, Phòng phong 2g, Bạc hà diệp 2g, Cam thảo 1,5g, Tế tân 1,5g, Xuyên khung 3g, Hương phụ tử 4g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị cảm cúm, các chứng về đường huyết đạo, đau đầu.

Giải thích:

Theo sách *Hòa tễ cục phương*: Đây là bài thuốc ít được dùng trong số các bài thuốc cổ, nhưng thời sau người ta thường dùng cho những phụ nữ bị đau đầu thường xuyên.

Theo *Thực tế chân liệu*: Dùng trị đau đầu và đau dây thần kinh sinh ba (dây thần kinh số V).

BÀI 133: THIÊN KIM KÊ MINH TÁN (SEN KIN KEI MEI SAN)

Thành phần và phân lượng: Đại hoàng 2g, Đào nhân 5g, Đương quy 5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Bài thuốc có tên là Kê minh tán. Dem nghiền nhỏ các vị thuốc rồi cho sắc với 1 bát rượu, lấy 6/10 bát, bỏ bã, uống vào lúc gà gáy, sau một ngày thì sẽ khỏi hẳn hiện tượng ứ huyết (hoặc tụ huyết).

Công dụng: Dùng chữa sưng và đau vết thương.

Giải thích:

Không rõ xuất xứ của bài thuốc này. Người ta nói bài thuốc này được ghi trong *Tam nhân phương* và *Thiên kim phương*, nhưng xem ra không có bài thuốc nào giống bài thuốc này. Bài thuốc này còn được gọi đơn giản là Kê minh tán, nhưng để phân biệt với bài thuốc cùng tên nhưng khác thành phần, nên bài thuốc này được gọi là Thiên kim kê minh tán. Thuốc dùng uống trong để trị đau dữ và sưng do bị thương và bong gân gây ra. Bài thuốc này nên sắc với rượu để uống.

Theo *Ngoại đài yếu phương*: Dùng cho những người bị ngã từ trên cao xuống bị sai khớp chảy máu, hoặc phụ nữ đang bị băng huyết. Hai vị bên nghiền thành bột uống với rượu ngày 3 lần.

Theo *Trung Quốc đại từ điển*: Tam nhân cực nhất bệnh chứng phương: trị các vết thương, tụ máu, tức thờ muốn chết, người nóng, đau đầu. Nghiền tơi cho sắc với 1 bát rượu lấy 6/10 bát, bỏ bã, uống vào lúc gà gáy, uống sau một ngày thì tụ huyết tan. Nếu thấy tắc thờ, không thể nói được nữa, nhưng kịp cho uống thuốc, phải cạy miệng đổ nước giải trẻ em còn nóng vào, sẽ khỏi ngay.

Theo *Chân liệu y điển*: Bài Kê minh tán (Thiên kim phương) này dùng rất hiệu nghiệm cho những người sau khi bị thương, vết thương sưng tấy lên và đau. Nên dùng ngay sau khi bị thương.

BÀI 134: TIỀN THỊ BẠCH TRUẬT TÁN (ZEN SHI BYAKU JUTSU SAN)

Thành phần và phân lượng: Truật 4g, Phục linh 4g, Cát căn 4g, Nhân sâm 3g, Mộc hương 1g, Hoắc hương 1g, Cam thảo 1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng cho trẻ em kém tiêu hóa, bị thổ tả khi cảm mạo.

Những điều cần chú ý khi sử dụng: Cần chú ý về lượng dùng cho trẻ em khi dùng cho trẻ em kém tiêu hóa.

Giải thích:

Theo sách *Tiểu nhi trực quyết*: Đây là bài Tứ quân tử thang có tác dụng bổ tỳ hư và làm tăng thêm sức cho vị tràng được bổ sung thêm các vị Cát căn, Hoắc hương, Mộc hương, dùng cho những người tỳ hư và thể dịch bị tiêu hao. Bài Ngũ linh tán dùng cho những người bị ứ nước trong dạ dày cho nên khát và nôn mửa, còn bài thuốc này dùng cho những người bị khô dịch dẫn tới khát và nôn mửa.

Trong sách *Vạn bệnh hồi xuân* viết rằng thuốc này dùng cho những người bị thổ tả, hoặc bị bệnh mà dẫn đến khô tân dịch, khát, thuốc có tác dụng làm dạ dày hoạt động điều hòa và cầm ỉa chảy. Thuốc cũng trị cho những người có nguy cơ bị kinh phong mạn tính.

Theo các tài liệu tham khảo: Dùng cho những trẻ em vị tràng hư nhược tiêu hóa kém, hơi bị sốt, những người bị thổ tả do cảm mạo. Thuốc cũng được ứng dụng cho những người bị đái đường, ăn uống cái gì cũng thấy nhạt nhẽo.

BÀI 135: SỞ KINH HOẠT HUYẾT THANG (SO KEI KAK KET TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 2g, Địa hoàng 2g, Xuyên khung 2g, Truật 2g, Phục linh 2g, Đào nhân 2g, Thược dược 2,5g, Ngưu tất 1,5g, Uy linh tiên 1,5g, Phòng kỷ 1,5g, Khương hoạt 1,5g, Phòng phong 1,5g, Long đằm 1,5g, Sinh khương 1-1,5g, Trần bì 1,5g, Bạch chi 1-1,5g, Cam thảo 1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng để trị các chứng đau khớp, đau thần kinh, đau lưng, đau cơ.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Đây là bài thuốc Tứ vật thang được phụ thêm các vị khác. Đương quy, Thược dược, Xuyên khung, Địa hoàng và Đào nhân trong bài Tứ vật thang gia Đào nhân có tác dụng làm tan ứ huyết ở vùng bụng dưới; Phục linh, Thương truật, Trần bì, Khương hoạt, Bạch chi cùng với Uy linh tiên, Phòng kỷ, Long đằm có tác dụng trừ phong và thấp ở vùng thắt lưng. Ngưu tất có tác dụng đặc biệt là trừ thấp và trị đau ở vùng thắt lưng và chân. Tức là, bài thuốc này dùng để trị đau ở chân, tay hoặc đau ở nửa trên của cơ thể ở những người thường ngày hay uống rượu và những người có ứ huyết.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Bài thuốc này được ứng dụng trị các chứng thấp khớp cơ, thống phong, viêm khớp đầu gối do dịch tương, đau vùng thắt lưng, đau thần kinh hông, tê liệt chân, cước khí, phù thũng, bán thân bất toại, tăng huyết áp, đau do máu đông trong mạch máu sau khi đẻ. Thuốc cũng rất có hiệu nghiệm đối với những người phụ nữ bị bệnh râm da kéo dài do thấp khớp gây ra.

Theo *Thực tế trị liệu*: Thuốc dùng để trị đau thần kinh và đau thần kinh hông ở những người thể lực bị suy nhược, đau đốn chuyển khắp người và cái đau đó đặc biệt dữ dội vào ban đêm vì uống rượu quá mức hoặc sinh hoạt tình dục quá mức.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Thuốc dùng để trị chứng tê phù sau khi đẻ, chân bị tê liệt, đau khớp đầu gối phải, đau cơ toàn thân.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Thuốc dùng để trị chứng đau dây thần kinh chân tay, thống phong và những di chứng sau khi tai biến mạch máu não.

BÀI 136: TÔ TỬ GIÁNG KHÍ THANG (SO SHI KO KI TO)

Thành phần và phân lượng: Hạt tô tử 3g, Bán hạ 4g, Trán bì 2.5g, Tiền hồ 2.5g, Quế chi 2.5g, Đương quy 2.5g, Hậu phác 2.5g, Đại táo 1-1.5g, Sinh khương 1-1.5g, Cam thảo 1g; (dùng Tử tô lá cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng cho những người có chứng lạnh chân bị viêm phế quản mạn tính cho nên có chiều hướng ít nhiều bị khó thở.

Giải thích:

Theo sách *Hòa tễ cục phương*: Đây là bài thuốc kết hợp bài Đương quy kiến trung thang dùng cho những người thể chất hư nhược, vùng trung tiêu dễ bị hư lại bị các chứng ứ huyết, bỏ Thược dược, với bài Bán hạ hậu phác thang thường dùng cho những người khí trệ, bỏ Phục linh. Bài thuốc này được dùng để trị ho cho những người già do chứng lạnh và khí huyết thượng xung gây ra. Bài thuốc này còn dùng cho những người ngày thường thể chất hư nhược, khí lực kém, chân và vùng thất lưng lạnh, mặt đỏ vì khí huyết thượng sung, ù tai, mũi đỏ, sung huyết mắt, nhiều đờm, ho và khó thở.

Bài thuốc này có hai bài thuốc tương tự: Tử tô thang (Thiên kim) gồm 8 vị là Tô tử, Hậu phác, Bán hạ, Sài hồ, Cam thảo, Đương quy, Quất bì, Quế chi và thêm Hạnh nhân và Tang bạch dùng để chữa chứng lạnh chân và xuyên, và bài Tô tử thang (Ngoại đài) gồm có 8 vị là Tô tử, Can khương, Quất bì, Phục linh, Bán hạ, Quế chi, Nhân sâm, Cam thảo dùng để trị các chứng hư, khí thượng nghịch xuyên.

Theo các tài liệu tham khảo: Bài thuốc này trị chứng lạnh chân và khó thở. Phần nhiều đó là những người thể chất hư nhược, người già cả, vùng hạ tiêu (vùng dưới rốn) yếu, tiểu tiện bất lợi, đờm nhiều, thở gấp, khí thượng xung, mạch huyền khẩn hồng đại yếu bụng nhìn chung bạc nhược, đầy tức ở vùng lôm thượng vị.

Trong sách *Kinh nghiệm bút ký* có viết: "Hai chứng lạnh chân và hen là đối tượng của bài thuốc này. Khi bị bệnh gì đó mà có hai triệu chứng lạnh chân và xuyên thì phải dùng thuốc này sẽ có hiệu quả. Nếu không có chứng lạnh chân thì thuốc này không hiệu quả lắm. Những bệnh mà bài thuốc này có hiệu quả là: thứ nhất là xuyên, thứ hai là ù tai, thứ ba là mũi đỏ, thứ tư là răng lung lay, thứ năm là thổ huyết, thứ sáu là loét khoang miệng, thứ bảy là phù nước ở những người bị xuyên nặng, thứ tám là ho có đờm dạng xuyên; những người bị các chứng trên nếu chân bị lạnh thì nhất định phải dùng bài thuốc này, 10 người khỏi 9".

BÀI 137: ĐẠI HOÀNG CAM THẢO THANG (DAI O KAN ZO TO)

Thành phần và phân lượng: Đại hoàng 4g, Cam thảo 1-2g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* Mỗi ngày uống 1-2 lần, mỗi lần 0,75-1,5g (nên dùng Đại hoàng với Cam thảo theo tỉ lệ 2/1).
2. *Thang:* Lượng ghi trên là lượng dùng cho 1 ngày.

Công dụng: Trị bí đại tiện.

Giải thích:

Theo sách *Kim quĩ yếu lược*: Bài thuốc này dùng trị nôn mửa và bí đại tiện. Trong sách cũng ghi rằng "Những người ăn vào liền bị ói ngay thì phải dùng Đại hoàng cam thảo thang", bài thuốc này tuy được dùng chữa nôn mửa, song dùng với ý nghĩa bài này có tác dụng tả hạ, nó đẩy tất cả những cái gì cản trở trong ruột xuống phía dưới làm cho dạ dày thông thoát để ngăn chặn nôn mửa, do đó, bài thuốc này không phải là dùng cho bất kỳ loại nôn mửa nào. Bài thuốc này nhìn chung là dùng cho những người bị bí đại tiện, nhất là những người bí đại tiện thường xuyên, bài thuốc cũng được dùng cho những người chỉ bị bí đại tiện chứ không bị bất kỳ chứng bệnh nào khác. Ngoài thuốc sắc, bài thuốc này cũng có thể được dùng ở dưới dạng hoàn tán, nếu là thuốc hoàn tán, bài thuốc được gọi là Đại cam hoàn.

Theo *Tọa đàm nhập môn Đông y*: Đây là bài thuốc chống nôn, song kỳ thực tác dụng của nó là hạ tể, nói theo đông y thuốc này có tác dụng thông khí trong dạ dày. Thức ăn vào chỗ dạ dày bị chèn chặt cho nên bị đẩy ngược trở ra. Bài thuốc này có tác dụng tháo đày dạ dày, chuyển những thứ tháo ra qua miệng sang tháo ra qua đường hậu môn.

Theo *Liệu pháp đông y thực dụng*: Thuốc có thể dùng rộng rãi cho những người thường xuyên bí đại tiện, không cần phải lo nghĩ nhiều tới thể lực khỏe hay yếu. Thuốc cũng có thể dùng trong trường hợp chỉ bí đại tiện chứ không có chứng gì khác. Nếu trước khi đi ngủ, uống khoảng 20 hoàn Đại cam hoàn mà sáng hôm sau đi đại tiện tốt thì uống tiếp một thời gian mỗi ngày với số lượng đó, sau không uống nữa thì đại tiện vẫn tốt.

BÀI 138: ĐẠI HOÀNG MẪU ĐƠN BÌ THANG (DAI O BO TAN PI TO)

Thành phần và phân lượng: Đại hoàng 1-2g, Mẫu đơn bì 4g, Đào nhân 4g, Mang tiêu 4g, Đông qua tử 4-6g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng trị các chứng kinh nguyệt bất thường, kinh nguyệt khó khăn, bí đại tiện và bệnh trĩ ở những người có thể lực tương đối khá, đau bụng dưới và hay bí đại tiện.

Giải thích:

Theo sách *Kim quỳ yếu lược*: Bài thuốc này còn có tên gọi khác là Đại hoàng mẫu đơn thang.

Theo *Chân liệu y điển*: Đây là một bài thuốc loại trừ ứ huyết, có thể dùng cho những người thể lực khá tốt, có các chứng bệnh giống với bài Đào hạch thừa khí thang nhưng bệnh trạng ít cấp bách, những người có chứng bệnh giống như trong bài Quế chi phục linh hoàn, nhưng thực chứng hơn ở bài Quế chi phục linh hoàn mà lại bị bí đại tiện.

Nếu khám bụng thì phần bụng dưới có vật chướng, đau dội và bí đại tiện. Những hiện tượng này thường xuất hiện ở bụng dưới phía tay phải, nhưng cũng không nhất thiết như vậy. Bài thuốc này được dùng để chữa viêm ruột thừa, nhưng trong trường hợp đau chỉ tập trung ở phần manh tràng, người bị sốt, miệng khát, bí đại tiện, mạch tri khẩn. Nếu mạch hồng sắc thì đó là triệu chứng báo hiệu đang bị lên mủ, bài thuốc này không có tác dụng.

Bài thuốc này phần nhiều được dùng để trị các chứng viêm ở nửa thân bên dưới, và ngoài trị viêm ruột thừa, bài thuốc này còn được dùng để chữa viêm vùng quanh hậu môn, viêm ruột kết, viêm trực tràng, trĩ, viêm tử cung và phần phụ, viêm tuyến sữa, sốt và các bệnh sau đẻ, viêm phúc mạc vùng xương chậu, sưng bạch hạch (bubo), lậu, viêm tiền liệt tuyến, viêm mào tinh hoàn do lậu, viêm bễ thận, sỏi niệu đạo, viêm bàng quang v.v...

Nếu uống thuốc này mà lại đau thêm, bực nước và cục cứng tăng thêm và bụng càng đầy trướng hơn thì phải tính tới bài thuốc khác. Có thể phải chuyển sang dùng bài ý dĩ phụ tử bại tương tán, Tràng ung thang.

BÀI 139: ĐẠI KIẾN TRUNG THANG (DAI KEN CHU TO)

Thành phần và phân lượng: Sơn tiêu (hạt sen) 1-2g, Can khương 3-5g, Nhân sâm 2-3g, Mạch nha 20g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Cho Sơn tiêu, Can khương và Nhân sâm vào sắc trước, sau đó bỏ bã rồi cho Mạch nha vào sắc lại cho tan đều, hạ lửa, thuốc uống khi còn nóng.

Sau khi uống thuốc khoảng 30 phút, nên húp khoảng 50g cháo nóng. Trong khi dùng thuốc này thì nên ăn các thức ăn mềm và nóng, và nên coi đây là phép dưỡng sinh trong trường hợp bị bệnh nặng.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Dùng cho những người lạnh bên trong, ruột nhu động gây ra tình trạng không ổn định khiến cho bụng đau. Khám bụng thì thấy vùng bụng mềm nhũn, yếu, dễ bị ứ nước và hơi, nhìn từ ngoài vào cũng có thể thấy sự nhu động của ruột. Khi nhu động tăng lên thì bụng đau và đôi khi bị cả nôn mửa. Trong bụng lạnh, mạch chậm và yếu, chân tay dễ bị lạnh. Nhưng khi hơi trong bụng rất đầy thì vùng bụng nhìn chung căng lên có khi không nhìn thấy sự nhu động của ruột nữa.

Sách *Phương cực phụ ngôn* nói: "Thuốc dùng để trị cho những người trong bụng rất đau, nôn mửa và không ăn uống được, da bụng căng ruột nhu động như giun bò". Sách *Y thánh phương cách viết*: "Những người trong bụng rất lạnh, đầy bụng, bụng thỉnh thoảng bị đau và nôn mửa, không ăn uống được, da bụng rất căng nổi hẳn, sự nhu động của ruột như những con giun bò thì phải dùng Đại kiến trung thang".

BÀI 140: ĐẠI SÀI HỒ THANG (DAI SAI KO TO)

Thành phần và phân lượng: Sài hồ 6g, Bán hạ 3-4g, Sinh khương 4-5g, Hoàng cầm 3g, Thược dược 3g, Đại táo 3g, Chi thúc 2g, Đại hoàng 1-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Trong sách *Thương hàn luận* thì không có Đại hoàng, còn trong sách *Kim quỹ yếu lược* thì lại có Đại hoàng. Cần phải gia giảm Đại hoàng tùy theo tình trạng đại tiện như thế nào. Cho các vị thuốc vào sắc với 700cc nước, lấy 400 cc, bỏ bã, sau đó cho nước thuốc lên cô tiếp lấy 300 cc, chia uống ngày 3 lần.

Trong trường hợp bệnh nhẹ thì Sài hồ và Bán hạ mỗi thứ 6g cũng có hiệu quả. Trong mục đầy và đau vùng lõm thượng vị sách *Kim quỹ yếu lược* có ghi Đại hoàng là 2g. Có lẽ cũng không nên tranh luận nên hay không nên cho Đại hoàng vào bài thuốc này, cũng không phải dứt khoát là phải có Đại hoàng, mà cũng có trường hợp cần cho Đại hoàng, cũng có trường hợp không cần cho Đại hoàng.

Công dụng: Thuốc dùng trị các chứng viêm dạ dày, bí đại tiện thường xuyên, mới tê vai (chứng toàn thân của bệnh cao huyết áp), đau đầu, táo bón, mới tê vai, phát phi ở những người to béo, thể lực tương đối khá và có chiều hướng bí đại tiện.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận* và sách *Kim quỹ yếu lược*: Bài thuốc có Sài hồ là thuốc dùng cho những người bị đầy tức ở vùng sườn ngực, song trong số các bài có Sài hồ, bài thuốc này được dùng cho những người bị thực chứng và có thể lực khá. Do đó, những người dùng Đại sài hồ thang thường là những người bệnh trạng nặng. Cả mình và người ngoài đều nhận biết được hiện tượng đầy trướng vùng sườn rất đau đớn khó chịu. Đối với những người bị sốt, buồn nôn và nôn mửa nặng, trên lưỡi đã xuất hiện rêu vàng, không muốn ăn uống và có chiều hướng bí đại tiện, hoặc những người tuy không sốt và bí đại tiện, nhưng những chứng bệnh nói trên nặng thì khi dùng bài thuốc này nên bỏ Đại hoàng.

Sách *Phương cực loại tu* viết: "Đối tượng của bài thuốc này là chứng đầy tức ở vùng bụng trên, người cảm thấy nặng nề, u uất, không muốn ăn uống, thuốc rất có hiệu quả đối với người bị tâm thần dạng u uất. Thuốc này cũng rất tốt đối với những người bị chứng tê cứng từ nách trái kéo xuống vùng bụng trên, hoặc gân mạch vùng nách trái bị co thắt, sờ tay vào rất đau, bí đại tiện, vui buồn thất thường. Hoặc, bài thuốc này rất có tác dụng đối với chứng rụng tóc do can hỏa. Và cũng có thể kể thêm chứng sốt, đầy trướng bụng trên, nôn mửa trong giai đoạn đầu của bệnh ỉa chảy cũng là đối tượng của bài thuốc này. Bài thuốc này thêm Nhân trần dùng để trị chứng hoàng đâm bụng trên đầy tức".

Theo các tài liệu tham khảo và *Giải thích các bài thuốc*: Thuốc dùng cho những trường hợp thực chứng, bệnh trạng nặng, về thể chất phần lớn là những người béo khỏe, gân cốt chắc chắn, cương tráng và căng. Thông thường đó là những người có mạch trầm, thực, nhưng chậm, phần bụng thì góc bụng trên rộng, da bụng trên dày, chắc và căng, tới mức lấy tay ấn vào bụng chỗ bên dưới rìa xương sườn cuối cùng cũng không lõm xuống. Do đó, ở vùng ngực có cảm giác căng, đầy tức, đau đớn, có chiều hướng bí đại tiện, khí bị chèn chặt ở bên trong không muốn thoát ra ngoài. Chính vì thế mà bị bí đại tiện, hoặc ỉa chảy, nôn mửa, xuyên, về mặt tinh thần thì lại hướng ra ngoài, hay quát tháo, to tiếng, dễ cáu gắt. Vùng ngực căng cho nên nếu thất lung thì thấy rất khó chịu, tức tối.

Sách *Vật ngộ phương hàm khẩu quyết* viết: "Ngoài việc rất hay dùng cho các chứng thiếu dương, đối tượng của bài thuốc này còn là trị chứng đầy tức ở vùng bụng trên, bài thuốc cũng rất có hiệu nghiệm với trường hợp mà người ta vẫn gọi là tâm trạng u uất trong các dạng bệnh tâm thần. Đối với những người bị bệnh này ở dạng nặng nhất, S. Emi cho thêm Hương phụ tử và Cam thảo, còn Takashina thì bỏ Đại táo, Đại hoàng, thêm Linh dương giác, Điều đẳng, Cam thảo. Dầu sao thì đây cũng là loại chủ dược đối với chứng động kinh. Đối với những người bán thân bất toại, cầm khâu thì trước kia người ta coi là hiện tượng giống như bị trúng phong, nhưng do can tích kinh mạch tắc nghẽn đường khí huyết hắc khiến cho khí huyết không lưu thông, cuối cùng dẫn tới bất toại, bài thuốc này có công hiệu đối với những người thuộc can thực. Bài thuốc này cũng còn trị chứng tê cứng vùng từ nách trái xuống đến vùng bụng trên, hoặc cơ và mạch ở nách trái bị co thắt, dùng tay ấn vào đó thấy đau, bí đại tiện, vui buồn thất thường v.v..."

BÀI 141: ĐẠI BÁN HẠ THANG (TAI HAN GE TO)

Thành phần và phân lượng: Bán hạ 4-7g, Nhân sâm 3g, Mật ong 20g.

Cách dùng và lượng dùng: *Thang.*

Công dụng: Trị nôn mửa.

Giải thích:

Theo sách *Kim quĩ yếu lược*: Do rối loạn chức năng đưa thức ăn của dạ dày, thức ăn đã đi vào dạ dày lại tháo ngược trở ra, người ta gọi đó là phản vị. Trong số các dạng nôn mửa, bài thuốc này rất có tác dụng đối với hiện tượng phản vị này nhờ tác dụng "sinh diêu dưỡng dục". Mục đích của bài thuốc là trị nôn mửa khiến cho vùng thượng vị bị đầy cứng. Đây là bài thuốc có tần số sử dụng khá ít.

Tham khảo:

Sách *Kim quĩ yếu lược* viết: "Những người nôn mửa do phản vị thì phải dùng Đại bán hạ thang". Còn sách *Ngoại đài bí yếu* viết: "Thuốc này dùng cho những người bị nôn mửa khiến cho vùng bụng trên bị đầy cứng".

BÀI 142: TRÚC NHỰ ÔN ĐẢM THANG (CHIKU JO UN TAN TO)

Thành phần và phân lượng: Sài hồ 3-5g, Trúc nhự 3g, Phục linh 3g, Mạch môn đông 3-4g, Sinh khương 3g, Bán hạ 3-5g, Hương phụ tử 2g, Cát cánh 2-3g, Trần bì 2-3g, Chi thực 1-2g, Hoàng liên 1-2g, Cam thảo 1g, Nhân sâm 1-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng cho những người sau khi bị cảm cúm, viêm phổi vẫn còn sốt dai dẳng, hoặc thân nhiệt đã trở lại bình thường nhưng người vẫn cảm thấy bức bối khó chịu, vẫn ho, ra nhiều đờm, ngủ không ngon giấc.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Người ta cho rằng bài thuốc này xuất phát từ Tiểu bán hạ gia Phục linh thang trong sách *Kim quỹ yếu lược*, được cải biến qua các bài Nhị trần thang trong sách *Hòa tễ cục phương* và bài Ôn đảam thang trong sách *Tam nhân phương*. Biểu thị quá trình tiến hóa của bài thuốc này, ta có thể diễn tả thành bảng sau:

Bảng 4

Tên thuốc sống Tên bài thuốc	Bán hạ	Phục linh	Sinh khương	Trần bì	Cam thảo	Trúc nhự	Chi thực	Hoàng liên	Toan táo nhân	Sài hồ
Tiểu bán hạ gia phục linh thang * 1	8	5	5(1,5)	-	-	-	-	-	-	-
Nhị trần thang * 2	5	5	3(1)	4	1	-	-	-	-	-
Ôn đảam thang * 3	6	6	-1	3	1	2	1	1	1-3	-
Trúc nhự ôn đảam thang * 4	3	3	1	3	1	3	1	2	-	5

Đây là các bài thuốc trong *Kim quỹ yếu lược*, *Hòa tễ cục phương*, *Tam nhân phương*, *Vạn bệnh hồi xuân*.

Do tôn trọng Bán hạ và Trần bì trong Nhị trần thang loại cũ, cho nên bài thuốc có tên như vậy, do đó, Bán hạ và Trần bì cùng dùng trong những bài thuốc liên quan này cần phải hiểu là loại cũ chứ không phải loại mới.

Vốn dĩ, bài thuốc này được dùng cho những người do bị ứ nước trong dạ dày mà sinh ra nôn mửa và buồn nôn. Trúc nhự có tác dụng làm tiêu nhiệt trong dạ dày và tác dụng làm trấn tĩnh tinh thần, Chi thực có tác dụng loại trừ hiện tượng đầy tức ở vùng lõm thượng vị và làm dịu tâm trạng lo lắng. Hoàng liên, Toan táo nhân và Nhân sâm càng làm dịu hơn nữa sự hưng phấn và căng thẳng thần kinh. Ngoài ra, Trúc nhự, Cát cánh và một số vị khác còn có tác dụng tiêu đờm.

Các tài liệu tham khảo đều cho thấy công dụng của Trúc nhự ôn đảam thang như trên.

BÀI 143: TRỊ ĐẢ PHỘC NHẤT PHƯƠNG (JI DA BOKU IP PO)

Thành phần và phân lượng: Xuyên khung 3g, Phác tặc 3g, Xuyên cốt 3g, Quế chi 3g, Cam thảo 1,5g, Đinh hương 1-1,5g, Đại hoàng 1-1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị sưng tấy và đau do vết thương.

Giải thích: Theo Kagawa.

Bảng

Tên thuốc sống Tên tài liệu tham khảo	Xuyên khung	Phác tặc	Bình liên	Quế chi	Cam thảo	Đinh hương	Đại hoàng
Giải thích các bài thuốc (1)	3	3	3	3	1,5	1	1
Thực tế chẩn liệu	3	3	3	3	1,5	1	1
Tập các bài thuốc (2)	3	3	3	3	1,5	1,5	1,5
Tập phân lượng các vị thuốc	3	3	3	3	1,5	1	1

(1): Uống khi bị sưng tấy và đau do vết thương gây ra.

(2): Dùng khi gân cốt đau đớn do vết thương.

BÀI 144: TRỊ ĐÀU SANG NHẤT PHƯƠNG (JI ZU SO IP PO)

Thành phần và phân lượng: Liên kiều 3g, Thương truật 3g, Xuyên khung 3g, Phòng phong 2g, Nhân đông 2g, Kinh giới 1g, Cam thảo 1g, Hồng hoa 1g, Đại hoàng 0,5g, (Đại hoàng không có cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng trị eczêma, mụn lờ và eczêma ở trẻ sơ sinh (chú ý lượng dùng của trẻ em).

Giải thích:

Đây là bài thuốc theo kinh nghiệm của Nhật Bản, bài thuốc còn được gọi là Đại khung hoàng thang. Bài thuốc gia truyền của nhà Fukui bỏ các vị Hồng hoa, Thương truật và thêm Hoàng cầm.

Chủ trị của bài thuốc là lở đầu ở trẻ em do thai độc, song bài thuốc được ứng dụng chữa eczêma ở phần mặt và hàm ở những người nhìn chung là thực chứng và bí đại tiện. Đối với những người không bí đại tiện bỏ Đại hoàng. Bài thuốc không chỉ dùng cho trẻ sơ sinh mà còn được ứng dụng cho cả thiếu niên và người lớn. Phân lượng là lấy lượng dùng của người lớn làm tiêu chuẩn, cho nên khi dùng cho trẻ sơ sinh thì cần chú ý giảm lượng sử dụng. Bài này chủ yếu có tác dụng giải độc, còn bài thuốc tương tự là Thanh thượng phòng phong thang có nhiều hàm tể tính hàn mà được tính là khô hàn cho nên chúng chủ yếu có tác dụng thanh nhiệt, vì thế công dụng hai thuốc này khác nhau.

Theo *Thực tế chẩn liệu*: Thuốc có tác dụng trung hòa và giải độc, trị lở đầu của trẻ em có chảy nhựa, ngứa, có sẹo, thuốc cũng còn được dùng cho cả thiếu niên và người lớn. Phần nhiều đó là những người thực chứng và thích hợp với các loại hạ tể. Đối với những người đại tiện thông thì bỏ Đại hoàng. Thuốc cũng dùng trị eczêma ở phần đầu của trẻ em, dùng để hạ thai độc và các loại eczêma. Bài thuốc cũng được ứng dụng rộng rãi để trị các mẩn đỏ, mụn nhọt, bọ nước, lở loét, và kết vảy ở phần mặt, hàm, hõm nách, hạ bộ.

Theo các tài liệu tham khảo khác: Đây là bài thuốc hàng đầu trị lở đầu, có tác dụng trị eczêma ở phần đầu và hạ thai độc ở trẻ em. Đây là bài thuốc chủ trị lở đầu của trẻ em do thai độc gây ra, song nó cũng rất có hiệu nghiệm trị các loại mụn lờ ở phần mặt và nửa thân trên. Bài Thanh thượng phòng phong thang có tác dụng chủ yếu thanh nhiệt, trong khi đó bài thuốc này mạnh về giải độc. Thuốc này cũng rất hiệu nghiệm đối với những người thuộc dạng thực chứng mà lại hợp với các loại hạ tể. Nếu dùng liên tục từ 1-2 tháng thì bệnh khỏi hẳn.

BÀI 145: TRUNG HOÀNG CAO (CHU O KO)

Thành phần và phân lượng: Dầu vừng 1000ml, Hoàng lap 380; Vũ kim 40g, Hoàng bá 20g;

Đun sôi kỹ Dầu vừng cho bay hết hơi nước, sau đó cho Hoàng lap vào đun cho chảy ra rồi dùng vải để lọc, khi tương đối nguội thì cho bột Vũ kim và bột Hoàng bá vào trộn cho đều, quấy cho thuốc đông chặt lại.

Cách dùng và lượng dùng: Dùng bôi, đắp ngoài.

Sách *Thuốc gia truyền nhà Hanaoka Seishu* hướng dẫn là cho 3 vị Vũ kim, Hoàng bá, Hoàng liên vào sắc với nước, bỏ bã rồi cho thêm Dầu vừng, Hoàng lap đun cho đến khi kiệt hết hơi nước, sau đó dùng vải sạch để lọc. Sách *Phương hàm* của Asada Sohaku hướng dẫn cho Dầu vừng và Hoàng lap vào đun cho kiệt hết hơi nước, dùng vải lụa lọc, khi thuốc tương đối nguội thì cho bột Vũ kim và Hoàng bá vào quấy đều (không có Hoàng liên).

Công dụng: Dùng trong giai đoạn đầu bị mụn có mủ dạng cấp tính, khi bị thương và bong gân.

Giải thích:

Thuốc gia truyền của Hanaoka Seishu. Đây là bài thuốc gia truyền của danh y Hanaoka Seishu, xuất xứ của bài thuốc này có Hoàng liên, nhưng trong sách *Phương hàm* của danh y Asada Sohaku lại bỏ Hoàng liên, và nhìn chung người ta dùng đây làm tiêu chuẩn. Bài thuốc này giống như Hoàng liên giải độc thang dưới dạng cao nhuyển, dùng để trị bệnh da mang tính nhiệt, mụn có mủ, bị thương, bong gân, thuốc có tác dụng loại nhiệt, rút mủ, làm dịu đau, cầm máu, làm tiêu tán ứ huyết. Dùng băng hoặc giấy mềm phết thuốc lên để đắp. Về mùa đông hoặc lạnh thì bớt lượng Hoàng lap, hoặc gia nhiệt làm cho thuốc mềm ra để dùng.

Theo sách *Vật ngộ phương hàm* của Asada Sohaku viết thuốc này có tác dụng tiêu độc và loại nhiệt ở các dạng mụn và vết thương bất kể có mủ hay không có mủ, mới bị hay bị đã lâu. Thuốc này trị các chứng độc huyết, độc trĩ, ghẻ độc, ghẻ và các chứng nhiệt thống.

Theo *Thực tế chẩn liệu:* Dùng trong giai đoạn đầu viêm vú sau khi đẻ, giai đoạn mụn sưng tấy đau đớn, thuốc có tác dụng rút độc, rút mủ.

Theo *Các bài thuốc đơn giản:*

(a) Thuốc dùng để trị mụn có mủ trong thời kỳ mụn còn tấy đỏ, đau nhưng chưa vỡ.

(b) Thuốc còn được dùng khi bị sốt và đau do các vết thương, bị động vật cắn, có mụn trong lỗ mũi, bị cước.

BÀI 146: ĐIỀU VỊ THỪA KHÍ THANG (CHYO I JO KI TO)

Thành phần và phân lượng: Đại hoàng 2-2,5g, Mang tiêu 1g, Cam thảo 1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Cho Đại hoàng và Cam thảo sắc rồi bỏ bã, cho Mang tiêu vào đun tiếp để sôi một lúc cho tan hết rồi uống. Nhìn chung, phần nhiều người ta cho cả 3 vị vào sắc đồng thời, nhưng đúng ra phải làm như hướng dẫn trên.

Theo *Thực tế chẩn liệu*: Thừa khí có nghĩa là thuận khí, tức là làm cho khí lưu thông tốt. Đại tiểu thừa khí thang cũng như Điều vị thừa khí thang này có tác dụng làm khí lưu thông và thông đại tiện, song so 3 bài, thì Điều vị thừa khí thang là có tác dụng nhẹ nhàng nhất. Điều vị thừa khí thang dùng để trị bí đại tiện sau khi ốm dậy, bí đại tiện ở người già, miệng và lưỡi khô, bụng hơi căng. Thuốc này cũng thường được dùng khi bị bí đại tiện vì bệnh nhiệt. Nhưng với điều kiện là mạch trầm, thực, bụng có sức đàn hồi.

Nangai viết: "Thuốc trị nội bệnh, nhiệt thực dồn vào tim. Triệu chứng của người bệnh là mê sảng, sốt hừng hực, đây là chứng thực nhiệt. Do đó dẫn tới tâm phiền, u uất khó chịu, nó tiến công vào tim. Những người bị nặng thì phân lỏng, ỉa chảy, bụng hơi đầy, hoặc bụng đầy, và do khí huyết bức bách tim dẫn tới chỗ nó không làm được chức năng tiêu hóa nước trong bụng".

Sách *Phương hàm* viết: "Thuốc dùng trị cho những người có chứng của Đại hoàng cam thảo thang dưới dạng thực chứng còn trong *Loại tụ phương* thì viết rằng: "xem ra, bài thuốc này chủ trị cho những người bị bệnh cấp bách, đại tiện không thông"

BÀI 147: ĐINH HƯƠNG THỊ ĐẾ THANG (CHYO KO SHI TEI TO)

Thành phần và phân lượng: Thị đế (Tai hồng) 3g, Quế chi 3g, Bán hạ 3g, Trần bì 3g, Đinh tử 1g, Lương khương 1g, Mộc hương 1g, Trâm hương 1g, Hồi hương 1g, Hoắc hương 1g, Hậu phác 1g, Súc sa 1g, Cam thảo 1g, Nhũ hương 1g.

Cách dùng và lượng dùng: *Thang.*

Công dụng: Trị các chứng hắt hơi, vị tràng hư nhược ở những người mới ốm dậy hoặc những người có thể chất hư nhược.

Giải thích:

Theo *Thọ thế bảo nguyên*:

(1) Bài thuốc này được dùng cho những người hư nhược có thể chất yếu hơn ở bài Thị đế thang.

(2) Trị hắt hơi liên tục ở những người thông thường vị tràng hư nhược, dễ ỉa chảy, nhìn chung thể chất yếu, bụng mềm, mạch khá yếu.

Tham khảo:

Sách *Vạn bệnh hồi xuân* viết: "Thuốc này chủ trị vị khẩu hư hàn, chân tay lạnh, mạch trầm tế. Nếu gặp lạnh bị hắt hơi thì dùng bài thuốc này".

BÀI 148: ĐIỀU ĐẰNG TÁN (CHYO TO SAN)

Thành phần và phân lượng: Điều đặng câu 3g, Quất bì 3g, Bán hạ 3g, Mạch môn đông 3g, Phục linh 3g, Nhân sâm 2g, Phòng phong 2g, Cúc hoa 2g, Cam thảo 1g, Thạch cao 5-7g, (Trần bì cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng cho những người từ trung niên trở lên bị đau đầu liên tục dạng mạn tính, hoặc những người có chiều hướng bị cao huyết áp.

Giải thích:

Theo *Bản sư phương*: Bài này dùng cho những người bị hư chứng, khí thượng xung mạnh, dùng vào các chứng trạng nặng khí phận xung, đau đầu, những người ngủ dậy là bị đau đầu. Thuốc được ứng dụng cho những người bị các chứng thần kinh như mỏi tê vai do khí thượng xung, ù tai, chóng mặt, đau đầu, xung huyết kết mạc nhãn cầu, v.v...

Sách *Phương hàm loại tự* cũng viết: "Thuốc này dùng cho những người bị động kinh khí nghịch nặng, chóng mặt, vai lưng cứng đờ, mắt đỏ, tâm trạng ủ rũ lầm lì".

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc dùng cho những người từ trung niên trở ra bị bệnh thần kinh, hơi bị hư trạng, đau đầu, chóng mặt, mỏi tê vai, lưng và vai co thắt. Đối tượng của bài thuốc là những người thần kinh dễ bị kích động mà người trước gọi là giản chứng, khí thượng xung mạnh và bệnh phát liên tục, đau đầu vào lúc sáng sớm hoặc suốt cả buổi sáng.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Thuốc có hiệu nghiệm đối với người già bị đau đầu dai dẳng kèm theo chóng mặt. Sách *Ngô trúc lâu khẩu quyết* viết rằng: "Thuốc này trị chứng đau đầu, chóng mặt do can quyết, những người bị chứng này phần nhiều do khu vực từ thái dương trái đến đuôi mắt bị đau". Còn theo *Sùng lan quán thí nghiệm phương khẩu quyết*, "do thượng xung (chứng khí huyết dồn lên phía trên), những người bị đau đầu và chóng mặt do can quyết là những người dễ cáu gắt. Do đó nó cũng giống như triệu chứng của ức can tán, nên dùng bài thuốc này cho những người đau đầu, chóng mặt".

BÀI 149: TRƯ LINH THANG (CHYO REI TO)

Thành phần và phân lượng: Trư linh 3g, Phục linh 3g, Hoạt thạch 3g, Trạch tả 3g, A giao 3g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Cách dùng theo *Tập phân lượng các vị thuốc*: Cho các vị Trư linh, Phục linh, Hoạt thạch và Trạch tả vào sắc, bỏ bã, A giao vào sắc tiếp cho tan hết rồi hạ lửa. Uống khi còn nóng.

Cách dùng theo *Giải thích các bài thuốc*: Cho 4 vị đầu vào sắc với 600 cc nước lấy 300cc, bỏ bã, cho A giao vào sắc tiếp cho tan đều. Chia uống làm 3 lần khi thuốc còn nóng. Nhìn chung, người ta cho tất cả các vị mỗi vị 4-5g sắc như bình thường.

Theo các tài liệu tham khảo như *Thực tế chẩn liệu, Chẩn liệu y điển, Thực tế ứng dụng v.v...*: Thuốc dùng cho những người mạch phù, lượng tiểu tiện giảm, đái khó, hoặc đái rắt, khi đái đường niệu đạo đau hoặc sau khi đái vẫn còn lại cảm giác đau tức ngực và khó chịu, miệng khát. Thuốc ứng dụng chữa viêm niệu đạo, viêm bàng quang, sỏi đường tiết niệu, viêm thận, thận hư, viêm bể thận, lao thận, lượng tiểu tiện giảm. Thuốc làm tăng lượng nước tiểu, chặn đứng đái khó, đái máu, đái đau. Thuốc còn trị chứng phù thũng từ thất lưng trở xuống.

BÀI 150: TRƯ LINH THANG HỢP TỬ VẬT THANG (CHYO REI TO GO SHI MOTSU TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3-4g, Thược dược 3-4g, Xuyên khung 3-4g, Địa hoàng 3-4g, Trư linh 3g, Phục linh 3g, Hoạt thạch 3g, Trạch tả 3g, A giao 3g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Thuốc trị các chứng đái khó, đái đau, cảm giác đái còn sót và đái vệt ở những người có thể chất da khô, xin và vị tràng yếu.

Giải thích:

Đúng như tên gọi, bài thuốc này là sự kết hợp giữa Trư linh thang với Tử vật thang. Nó dùng cho những người bị các chứng giống trong Trư linh tán nhưng bệnh trạng xấu hơn.

Theo *Thực tế chẩn liệu*: Chữa những người bị lao thận sinh ra trở ngại ở bàng quang khiến đi đái rất đái buốt. Thuốc cũng rất hiệu nghiệm đối với những người sau khi mổ thận, những trở ngại ở bàng quang vẫn còn.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc dùng cho những người bị lao thận và bàng quang cho nên người rất suy nhược, nhưng vị tràng không có vấn đề gì.

BÀI 151: THÔNG ĐẠO TÁN (TSU DO SAN)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3g, Đại hoàng 3g, Mang tiêu 3-4g, Chi thực 2-3g, Hậu phác 2g, Trần bì 2g, Mộc thông 2g, Hồng hoa 2g, Tô mộc 2g, Cam thảo 2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng kinh nguyệt thất thường, đau khi có kinh, những trở ngại trong thời kỳ mãn kinh, đau vùng thắt lưng, bí đại tiện, bị thương, các chứng kèm theo của bệnh tăng huyết áp (đau đầu, chóng mặt, mờ mắt) ở những người thể lực tương đối khá, hay đau ở vùng bụng dưới và bí đại tiện.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Đây là bài thuốc trừ huyết ứ, có thể sánh với bài thuốc cổ Đào hạch thừa khí thang. Thuốc dùng để đề phòng trước tình trạng xuất huyết trong trường hợp sự tổn thương do vết thương gây ra không nổi bật ở trên da, nhưng tổ chức dưới da và tổ chức tạng phủ bị tổn thương, xuất huyết dưới da diễn ra trong một phạm vi rộng.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Vết thương đòn: Ngày xưa, những người bị tội thường bị đòn roi dẫn tới hiện tượng xuất huyết dưới da trên một phạm vi rất rộng trên thân thể, và do hưng phấn, phần bụng trên bị dồn ép lên phía trên của cơ thể. Bài thuốc này được dùng trong những trường hợp như vậy. Nó rất có hiệu nghiệm đối với những người cơ bụng từ vùng lõm thượng vị trở lên căng, dẫn tới tức ngực và đau dữ dội.

Bệnh trạng này cũng thường xuất hiện cả khi bị ngã, bị xô, nếu dùng bài thuốc này thì sẽ thải ra phân đen và hiện tượng xuất huyết cầm ngay.

Theo *Nhất quán đường y học*: Thông đạo tán là bài thuốc loại trừ huyết ứ do bị đòn roi, và còn có thể dùng trong tất cả các trường hợp huyết ứ do những nguyên nhân khác mà có các triệu chứng của Thông đạo tán. Do đó, bài thuốc này được ứng dụng chữa các bệnh nội khoa, đặc biệt là các bệnh phụ khoa, còn phổ biến hơn cả các trường hợp bị đòn roi.

Bài thuốc được dùng trong các trường hợp tràn máu não, liệt nửa người, xuyên, bệnh dạ dày ruột, lao phổi, trĩ, lậu, các chứng bệnh thần kinh, xơ cứng động mạch, bí đại tiện thường xuyên, đau răng, các bệnh mắt, đau vùng thắt lưng, cước khí, tật bệnh các cơ quan tiết niệu, viêm ruột thừa, phát cuồng, bệnh tim, bệnh Basedow, v.v...

Đối với các bệnh phụ khoa, người ta vận dụng thuốc trừ huyết ứ trong hầu hết các bệnh phụ khoa, nhưng đặc biệt là dùng nhiều trong các trường hợp viêm tử cung, ống dẫn trứng và buồng trứng.

Tham khảo: Tuy chưa viết thành sách, nhưng các thầy thuốc bắt chước bài thuốc gia truyền Nhất quán đường, ngoài các vị thuốc ghi trên, đã thêm Mẫu đơn bì và Đào nhân mỗi vị 1g.

BÀI 152: ĐÀO HẠCH THỪA KHÍ THANG (TO KAKU JO KI TO)

Thành phần và phân lượng: Đào nhân 5g, Quế chi 4g, Đại hoàng 1-3g, Mang tiêu 1-2g, Cam thảo 1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Cách dùng theo *Giải thích các bài thuốc*: Cho các vị thuốc sống, trừ Mang tiêu, vào sắc với 600 cc nước lấy 300 cc, bỏ bã rồi cho Mang tiêu vào sắc tiếp cho tan hết, chia uống làm 3 lần khi thuốc còn nóng.

Công dụng: Trị các chứng kinh nguyệt thất thường, kinh nguyệt khó, tinh thần bất an khi có kinh hoặc sau khi đẻ, đau lưng, bí đại tiện, các chứng kèm theo của bệnh cao huyết áp (đau đầu, chóng mặt, mỏi tê vai) ở những người thể lực tương đối khá, hay bị khí huyết thượng xung và bí đại tiện.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*: Thuốc còn có tên Đào nhân thừa khí thang. Yoshikatsu nói vì chủ dược là đào nhân cho nên cần gọi tên thuốc là Đào nhân thừa khí thang.

Cũng giống như bài Điều vị thừa khí thang, bài thuốc này là thuốc loại trừ huyết ứ dùng cho những người bị huyết chứng. Bệnh nhân của bài thuốc này có triệu chứng cấp bách hơn ở bài thuốc trừ huyết ứ Quế chi phục linh hoàn, và có chiều hướng bí đại tiện.

Theo *Giải thích các bài thuốc* và các tài liệu tham khảo: Những người bị chứng ứ huyết thực nhiệt và khí huyết thượng xung. Thuốc được ứng dụng trị đau đầu, chóng mặt, ù tai, mỏi tê vai, khí thượng xung, đau phần thắt lưng, bí đại tiện, bị rối loạn thần kinh thực vật như phiền nhiệt, lạnh chân v.v... Thuốc cũng còn được dùng để trị các chứng tinh thần như hưng phấn, mất ngủ, chóng quên, như cuồng, nói sảng, chứng kinh nguyệt thất thường, kinh nguyệt khó, loạn thần kinh chức năng, hysteria, suy nhược thần kinh, xuất huyết não, xơ cứng động mạch, tăng huyết áp.

Dùng cho những người bị cấp kết có cục cứng ở bụng dưới, bí đại tiện và ói. Dùng trong những trường hợp hiện tượng khí huyết thượng xung và lạnh chân rõ hơn trong bài Quế linh hoàn, bệnh lại có tính chất cấp tính, động và dương tính.

Tham khảo:

Sách *Loại tụ phương quảng nghĩa* cho rằng thuốc này trị chứng huyết lưu thông không tốt, thượng xung, tim đập mạnh, bụng dưới có cục cứng đau dữ dội, chân tay tê mỏi, hoặc lạnh. Thuốc còn là thuốc lợi tiểu cho những người bụng dưới đau thắt, cái đau lan đến vùng thắt lưng và dưới đùi, trong dương vật đau buốt, tiểu tiện nhỏ giọt không thông. Dùng bài thuốc này thì lập tức đại tiện và tiểu tiện đều thông, đau đốn tiêu tán.

Sách *Phương dư nghệ* viết: "Những người bị ỉ, bụng đau dữ dội, muốn đi liên tục và đi ra phân màu tím đen thì đó là do huyết ứ, phi Đào nhân thừa khí thang thì không có hiệu quả. Bất kể trong thời kỳ đầu, giữa hay cuối của cơn bệnh, nếu đi ra phân màu đen tím hoặc màu nâu tuyền cá thì đều là hiện tượng ứ huyết và phải dùng bài thuốc này".

BÀI 153: ĐƯƠNG QUY ÂM TỬ (TO KI IN SHI)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 5g, Thược dược 3g, Xuyên khung 3g, Tật lê tử 3g, Phòng phong 3g, Địa hoàng 4g, Kinh giới 1,5g, Hoàng kỳ 1,5g, Hà thủ ô 2g, Cam thảo 1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị eczêma mạn tính (loại không có chất bài tiết) và ngứa ở những người bị chứng hàn.

Giải thích:

Theo *Tế sinh phương*: Đây là bài Tứ vật thang thêm Kinh giới là loại thuốc trị ngứa da, Tật lê tử là thuốc trị ngứa da phối hợp với Hà thủ ô và Hoàng kỳ là thuốc dinh dưỡng làm da cường tráng.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc được ứng dụng cho những người bị chứng ngứa da, phát mẩn ngứa và các bệnh da khác nhưng không có bọng nước và mụn, ít chất bài tiết, da khô và ngứa.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Đây là loại hư chứng và âm chứng cho nên không có nhiệt, người bệnh thường bị ngứa, nếu bị nặng thì tùy không phát ban đi nữa nhưng rất ngứa. Thuốc còn được dùng khi bị eczêma, mày đay, bệnh ngứa ở người già, chứng gẻ khô kinh niên ở người già, viêm da, v.v...

Theo *Giải thích các bài thuốc chủ yếu hậu thế*: Thuốc dùng rất có hiệu nghiệm đối với các cụ già và người hư nhược, da bị khô, chất bài tiết ít mà chủ yếu là ngứa.

BÀI 154: ĐƯƠNG QUY KIẾN TRUNG THANG (TO KI KEN CHU TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 4g, Quế chi 4g, Sinh khương 4g, Đại táo 4g, Thược dược 5-6g, Cam thảo 2g, Giao di 20g, (không có Giao di cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: *Thang.*

Công dụng: Trị các chứng đau khi có kinh, đau bụng dưới, trĩ, đau lòi rom ở những người dễ bị mệt, huyết sắc kém.

Giải thích:

Theo *Kim quỹ yếu lược*:

(a) Bài thuốc này là Tiểu kiến trung thang thay Giao di bằng Đương quy, nhưng đối với những người đại hư thì bài thuốc này có cả Giao di.

(b) Thuốc này trị cho phụ nữ sau khi đẻ người bị suy nhược, thể lực giảm sút, bụng luôn bị đau nhói, hô hấp nông, bụng dưới bị co thắt, cái đau truyền đến vùng thắt lưng và lưng, không ăn uống được.

(c) Các chứng về bụng giống như trong Tiểu kiến trung thang, nhìn chung cơ bụng mềm và yếu, cơ bụng thẳng ở hai bên bị co thắt.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Thuốc dùng cho:

(a) Những người phụ nữ hư nhược, đau bụng;

(b) Dễ mệt mỏi, hơi thiếu máu và có chứng lạnh;

(c) Đau bụng chủ yếu là ở bụng dưới, nhưng có khi đau cả ở lưng và thắt lưng;

(d) Các chứng xuất huyết ở nửa thân dưới;

(e) Đau đầu và thiên đầu thống ở những người phụ nữ trước và sau khi có kinh.

Thuốc còn được ứng dụng cho:

(a) Đau bụng của những người bị bệnh phụ khoa, đau bụng sau khi đẻ, viêm phúc mạc vùng xương chậu, đau bụng kịch liệt vì chứng kinh nguyệt khó, viêm phúc mạc sau khi gãi;

(b) Xuất huyết trĩ, xuất huyết ở trực tràng, xuất huyết tử cung v.v...;

(c) Đau bụng dưới và đau vùng thắt lưng ở cả nam lẫn nữ.

BÀI 155: ĐƯƠNG QUY TÁN (TO KI SAN)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3g, Thược dược 3g, Xuyên khung 3g, Hoàng cầm 3g, Truật 1,5g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1-2g.

2. *Thang.*

Công dụng: Trị những trở ngại trước và sau khi đẻ (thiếu máu, mỏi mệt, chóng mặt, phù thũng).

Giải thích:

Theo *Kim quỹ yếu lược*: Về bài Đương quy tán, trong *Nguyên điển* có ghi: "Nghiền 5 vị Đương quy, Thược dược, Xuyên khung, Hoàng kỳ, Bạch truật thành bột mịn, mỗi ngày uống hai lần, mỗi lần uống với một ly rượu. Trong thời gian có thai, nếu dùng thuốc này thường xuyên thì dễ đẻ, không có trở ngại gì đến thai nhi, tất cả những bệnh sau khi đẻ phải dùng bài Đương quy tán này". Vốn dĩ đây là bài thuốc tán, và lại phải uống với rượu.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Trong thời gian có mang nếu dùng thuốc này thường xuyên thì thai nhi phát triển tốt, dễ đẻ, có thể phòng ngừa được mọi bệnh tật. Nếu dùng thuốc này cho những người có tật sảy thai thì có thể đảm bảo sinh nở bình thường.

Theo *Thực tế trị liệu*: Thuốc dùng trong thời gian có thai, dùng để dưỡng sinh sau khi đẻ, và dùng để trị chứng vô sinh.

BÀI 156: ĐƯƠNG QUY TỬ NGHỊCH THANG (TO KI SHI GYAKU TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3-4g, Quế chi 3-4g, Thược dược 3-4g, Mộc thông 2-3g, Đại táo 3-6,5g, Tế tân 2-3g, Cam thảo 2-2,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng cước, đau vùng bụng dưới, đau vùng thắt lưng, ỉa chảy, đau khi có kinh, chứng lạnh ở những người chân tay lạnh.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*: Đây là bài thuốc gia giảm của Quế chi thang, bỏ Sinh khương, thêm Đại táo, Đương quy, Tế tân, Mộc thông. Cũng có thể coi đây là bài thuốc gia giảm của Đương quy kiến trung thang. Thuốc dùng trị tình trạng tuần hoàn máu bị cản trở do hư hàn ở bên ngoài (chẳng hạn như bệnh cước khí, sản thống v.v...).

Theo các tài liệu tham khảo khác: Đối tượng của bài thuốc này là những người chân tay bị lạnh, mạch tế. Thuốc còn dùng cho những người khi chân tay bị lạnh là hơi ứ lại trong bụng làm cho bụng đau, tức là những người mà người xưa gọi là bụng sản khí (sản khí phúc). Bài thuốc này cũng rất tốt đối với chứng cước, đau thần kinh hông, sản thống ruột, viêm phúc mạc mạn tính, thoát tử cung, đau bụng do tử cung và các phần phụ.

Cần phải xem đây là bài thuốc gia giảm của Đương quy kiến trung thang, đối tượng của nó là những người "bị lạnh chân tay, mạch tế". Bài thuốc này dùng cho chứng mà người xưa gọi là sản khí, tức là phần bụng nhìn chung là hư mãn, cơ thắt bụng của bụng căng, sờ vào bụng thì thấy phía ngoài bụng có vật chướng, song ấn tay xuống thì chỗ đó mềm, hơi dễ ứ lại trong bụng.

Sách *Y thánh phương cách* viết: "Những người bị thoát huyết (gọi chung tất cả những người thất thoát dịch phân) thức ăn thức uống ứ lại ở vùng bụng trên, đầu đau hoặc toàn thân đau thì phải dùng Đương quy tử nghịch thang".

BÀI 157: ĐƯƠNG QUY TỨ NGHỊCH GIA NGÔ THÙ DU SINH KHƯƠNG THANG (TO KI SHI GYAKU KA GO SHU YU SHO KYO TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3g, Quế chi 3g, Thược dược 3g, Mộc thông 3g, Tế tân 2g, Cam thảo 2g, Đại táo 5g, Ngô thù du 1-2g, Sinh khương 4g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Thương hàn luận hướng dẫn là cho các vị thuốc này sắc với lượng nước và rượu ngang nhau. Nhưng thông thường thuốc này được sắc với 400 cc nước cộng với 200 cc rượu sắc lấy 300 cc, bỏ bã, chia uống làm 5 lần.

Công dụng: Trị các chứng cước, đau đầu, đau vùng bụng dưới, đau vùng thắt lưng ở những người cảm thấy chân tay lạnh và nếu lạnh chân thì chân và bụng dễ bị đau.

Giải thích:

Theo *Thương hàn luận*: Đây là bài Đương quy tứ nghịch thang thêm Ngô thù du và Sinh khương. Ngô thù du có tác dụng làm máu lưu thông tốt, sưởi ấm cái lạnh ở chân tay, còn Sinh khương cũng là loại ô tễ có tác dụng mở dạ dày, ngăn ngừa nôn mửa.

Thông thường những người bị chứng lạnh thường bị các chứng đau mạn tính, cái đau đó do sự kích thích của hàn lãnh gây ra sự trục trặc về lưu thông máu ở bề ngoài cơ thể, biểu hiện bằng các chứng cước, đau vùng bụng dưới, đau vùng thắt lưng, đau lưng, đau đầu, đau chân tay. Đặc biệt, bài thuốc này nên dùng cho những người có kèm theo các thủy chứng như thở, ỉa chảy. Đây là những chứng bệnh thường xuất hiện nhiều ở phụ nữ trung niên hơn là ở nam giới. Bài thuốc này nên dùng trong trường hợp mặc dầu bệnh nhân rất khó chịu với bệnh, nhưng thầy thuốc lại xem nhẹ chỉ coi đó là do thần kinh gây ra.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc dùng trị các chứng lạnh chân tay, cước, sán thông ở ruột, đau thần kinh hông, viêm phúc mạc mạn tính, đau ăn da non sau khi phẫu thuật vùng bụng, đau từ vùng thắt lưng đến chân, liệt dương.

Theo *Thực tế trị liệu*: Thuốc dùng trị các chứng đau đầu thường xuyên, đau bụng dưới do chứng thần kinh và hysteria, đau vùng thắt lưng, đau chân, đau răng do lạnh, đau bụng sán khí, cước khí, lở dạng cước, đau bụng mà nửa thân dưới hàn và nửa thân trên nhiệt, bị chứng thượng xung, chứng hàn lãnh và chứng kinh nguyệt khó.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Thuốc trị các chứng thoát thư, bệnh Raynaud, bệnh da, giun, chín mé và các chứng xanh tím (cyanose), đau thần kinh, đau thoát vị (hernia).

Theo *Cơ sở và chẩn liệu*: Dùng trị cước khí và nếu dùng liên tục từ mùa thu thì thuốc có tác dụng phòng ngừa được bệnh này. Thuốc còn dùng để trị nhiều chứng bệnh ở phụ nữ, chứng dạ dày quá thừa toan.

BÀI 158: ĐƯƠNG QUY THUỘC ĐƯỢC TÁN (TO KI SHAKU YAKU SAN)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3g, Xuyên khung 3g, Thuộc dược 4-6g, Phục linh 4g, Truật 4g, Trạch tả 4-5g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* Mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 1-2g.

2. *Thang.*

Công dụng: Trị các chứng kinh nguyệt thất thường, kinh nguyệt dị thường, đau khi có kinh, những chứng ngại trong thời kỳ mãn kinh, những chứng trước và sau khi đẻ hoặc do sảy thai gây ra (thiếu máu, mệt mỏi, chóng mặt, phù thũng), chóng mặt, nặng đầu, mỏi tê vai, đau vùng thắt lưng, chứng lạnh chân và vùng thắt lưng, phù thũng, râm da ở những người thể lực tương đối yếu, bị chứng lạnh, có chiều hướng thiếu máu và dễ mệt mỏi, thỉnh thoảng bị đau bụng dưới, nặng đầu, chóng mặt, mỏi tê vai, ù tai, tim đập mạnh.

Giải thích:

Theo *Kim quỹ yếu lược:* Đây là thuốc trừ ứ huyết âm chứng. Thuốc dùng để trị chứng ứ huyết có Đại hoàng mẫu đơn bi thang, Đào hạch thừa khí thang, Quế chi phục linh hoàn v.v..., song bài thuốc này được dùng cho chứng huyết thủy hư chứng. Huyết chứng (trục trắc về quá trình chuyển hóa thủy phân) lại thể hiện ở phần bụng trên. Do đó, thuốc này dùng cho những người cơ tương đối mềm nhão, dễ mệt mỏi, có chiều hướng thiếu máu (bên trong mí mắt có màu trắng) vùng thắt lưng và chân dễ bị lạnh, đau đầu, chóng mặt, tê mỏi vai, ù tai, tim đập mạnh, mạch đập tăng vọt, mắt ngủ v.v... những phụ nữ đau bụng vì bệnh phụ khoa hoặc trong thời gian có thai. Đối với những người vị tràng yếu và những người dễ bị trục trắc ở vị tràng thì nên dùng kết hợp với các bài Nhân sâm thang hoặc vị Sài hồ.

Sách *Phương hàm loại tự* viết: "Thuốc này trị chứng đau bụng dữ dội liên tục ở phụ nữ. Tuy nhiên, vì có tác dụng điều huyết lại có tác dụng lợi thủy, cho nên bài thuốc này cũng có tác dụng đối với những người bị thủy khí trong bài Kiến trung thang hoặc những người bị kèm theo chứng đau đốn trong bài Tiêu dao tán, hoặc những người đau bụng động thai. Những người có thai mà đau bụng dưới hoặc vùng thắt lưng mà dùng Giao ngải thang không khỏi ngay thì đó là triệu chứng sắp trục thai".

Theo *Chân liệu y điển* và các tài liệu tham khảo khác: Bất kể già trẻ nam nữ, nếu bị chứng lạnh và có chiều hướng thiếu máu, cơ nhìn chung là mềm nhão dạng như phụ nữ, người dễ mệt mỏi, đau bụng xảy ra ở vùng bụng dưới, có khi cái đau lan đến vùng thắt lưng và dưới đó, và ngay cả không đau bụng đi nữa, thì dùng bài thuốc này cũng rất hiệu nghiệm. Cũng có khi là nặng đầu, chóng mặt, tê mỏi vai, ù tai, tim đập mạnh. Cũng có người dùng bài thuốc này thấy hại đến sự ngon miệng, cho nên những người ăn uống không ngon miệng, nôn mửa và buồn nôn thì không nên dùng bài thuốc này.

Thuốc dùng cho những người bị các chứng do ứ huyết hư chứng huyết hư và thủy độc gây ra có thể chất ở dạng âm hư chứng. Triệu chứng chủ yếu là thiếu máu và đau bụng. Nhìn chung, do thiếu máu, cơ không căng, người gầy, da trắng bủng, mạch trầm và yếu, thành bụng nhìn chung mềm, phần bụng trên phần nhiều có tiếng nước ọc ách, bụng dưới có vật chướng và lúc đau dội lúc không. Khám bụng thấy vùng quanh rốn bị co thắt, nếu ấn mạnh thì sự co thắt đó lan xuống vùng thắt lưng và lưng. Đau bụng xuất phát ở phần sâu của bụng dưới, nếu đưa tay nóng sờ vào thì cái đau dịu đi. Tiểu tiện luôn nhưng lượng tiểu tiện nhiều, đôi khi có phù thũng. Triệu chứng của những người dùng bài thuốc này là toàn thân mệt mỏi, chân cảm thấy lạnh, nặng đầu, chóng mặt, ù tai, tê mỏi vai, đau vùng thắt lưng, nhịp đập tăng vọt, v.v...

BÀI 159: ĐƯƠNG QUY THANG (TO KI TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 4-5g, Bán hạ 4-5g, Thược dược 3-4g, Hậu phác 2,5-3g, Quế chi 2,5-3g, Nhân sâm 2,5-3g, Can khương 1,5g (không được dùng Sinh khương); Hoàng kỳ 1,5g, Sơn tiêu 1,5g, Cam thảo 1g.

Cách dùng và lượng dùng: *Thang.*

Công dụng: Dùng cho những người cảm thấy lạnh ở lưng, bụng có cảm giác đầy trướng và đau bụng.

Giải thích:

Theo *Thiên kim phương*: Bài thuốc này dùng trị chứng đau lưng vùng ngực, cần phải coi đây là chứng hẹp van tim giả chứ không phải là thực sự hẹp van tim. Chủ trị trong *Thiên kim phương* là : "Đau thắt tim và bụng, các loại hư chứng, chứng lạnh, đầy và đau bụng".

Danh y Asada Sohaku nói: "Bài thuốc này công hiệu đối với những người cơ bụng bị co thắt và đau, cái đau đó lan đến lưng và vai gây ra rất đau".

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc có tác dụng đối với những người bị chứng lạnh, huyết sắc kém, cơ bụng chùng, mạch chậm và yếu, cái đau lan từ vùng lõm thượng vị lên ngực, chuyển sang cả vùng lưng. Cũng dùng thuốc này cho những bệnh nhân được coi là đau dây thần kinh liên sườn hoặc chứng hẹp van tim. Bài thuốc này còn được dùng trị chứng loét dạ dày, loét hành tá tràng.

Theo *Thực tế trị liệu*: Thuốc dùng trị đau lưng và ngực và nôn coi chứng này là hẹp van tim giả. Thuốc có tác dụng rất tốt đối với những người huyết sắc kém bị chứng lạnh, vùng bụng bị đầy hơi, đặc biệt là vùng bụng trên rất đau, do đó có chiều hướng vùng ngực bị chèn ép.

Những người bị đau thần kinh liên sườn hoặc hẹp van tim, tên bệnh không rõ, ngực và lưng bị đau trở thành mạn tính dùng thuốc này sẽ có hiệu quả rõ ràng.

BÀI 160: ĐƯƠNG QUY BÔI MẪU KHỔ SÂM HOÀN LIỆU (TO KI BAI MO KU JIN GAN RYO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3g, Bôi mẫu 3g, Khổ sâm 3g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị chứng đái khó.

Giải thích:

Theo *Kim quỹ yếu lược*: Đây là bài thuốc có tần số sử dụng thấp.

Sách *Kim quỹ yếu lược* viết: Những người có thai tiểu tiện khó khăn nhưng ăn uống vẫn tốt như cũ, dùng bài Quy bôi khổ sâm hoàn

BÀI 161: ĐỘC HOẠT CÁT CĂN THANG (DOK KATSU KAK KON TO)

Thành phần và phân lượng: Cát căn 5g, Quế chi 3g, Thược dược 3g, Ma hoàng 2g, Độc hoạt 2g, Sinh khương 2g, Địa hoàng 4g, Đại táo 1g, Cam thảo 1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị chứng mỗi tê vai ở tuổi già, chứng tê mỗi vai.

Giải thích:

Theo *Ngoại đài bí yếu*: Đây là bài Cát căn thang thêm Độc hoạt và Địa hoàng, thuốc này dùng "Trị nhụ trúng phong người đau đớn, chân tay mềm nhão, người khó cử động. Những người sau khi đẻ bị nhụ trúng phong cũng dùng bài thuốc này". Sách *Bệnh nguyên hậu luận* viết: "Nhụ trúng phong do phong tà nhập vào người cùng với cảm cúm nhân khi cả khí lẫn huyết đều hư, chân tay không cử động được, người không cử động được".

Theo tài liệu tham khảo *Chủ yếu hậu thế*: Thuốc được dùng cho những người bị nhụ trúng phong, huyết hư kiêm ngoại cảm, vai lưng cứng đờ, người đau, tứ chi bất toại. Thuốc cũng có hiệu quả trong các trường hợp cánh tay đau co thắt, ghê rợn phong hàn. Được chuyển sang dùng rộng rãi cho những người bị chứng đau tay và mỗi vai ở người có tuổi. Được ứng dụng trong các trường hợp chân tay đau đớn, lưng và vai co thắt vì tràn máu não, v.v...

BÀI 162: ĐỘC HOẠT THANG (DOK KATSU TO)

Thành phần và phân lượng: Độc hoạt 2g, Khương hoạt 2g, Phòng phong 2g, Quế chi 2g, Đại hoàng 2g, Trạch tả 2g, Đương quy 3g, Đào nhân 3g, Liên kiều 3g, Phòng kỷ 5g, Hoàng bá 5g, Cam thảo 1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: *Thang*, uống lúc nóng.

Công dụng: Trị chứng chân tay co duỗi khó do lạnh.

Giải thích:

Theo các tài liệu tham khảo như *Hán dược khảo chủ phương*: Thuốc dùng trị cước khí, chân tay khó co duỗi vì lạnh. Trị phong hư, mê man mất cảm giác do sốt rét.

BÀI 163: NHỊ TRUẬT THANG (NI JUTSU TO)

Thành phần và phân lượng: Bạch truat 1,5-2,5g, Phục linh 1,5-2,5g, Trần bì 1,5-2,5g, Thiên nam tinh 1,5-2,5g, Hương phụ tử 1,5-2,5g, Hoàng cầm 1,5-2,5g, Uy linh tiên 1,5-2,5g, Khương hoạt 1,5-2,5g, Bán hạ 2-4g, Thượng truat 1,5-3g, Cam thảo 1-1,5g, Can sinh khương 0,6-1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị chứng môi tê vai ở người có tuổi.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Đây là bài thuốc trị chứng môi tê vai ở người có tuổi, được coi là do Chu Đan Khê sáng tạo ra. Là bài thuốc trị thủy chứng có phần hư trạng, dùng cho các triệu chứng của bệnh về cổ tay, song đó là những người có thể chất thủy độc, vị tràng không khỏe lắm, những người đau tay và vai.

Trong *Tuyển tập Kagetsu Ushiyama* có ghi: "Đau vai và tay phần nhiều là thuốc đàm và nên dùng Nhị truat thang, hoặc dùng Nhị trần thang thêm Thương truat, Mộc qua, ý dĩ nhân, Chi thực, Điều đẳng câu sẽ rất tuyệt diệu".

Theo *Chẩn liệu y điển*: Dùng trị các triệu chứng ở cổ và tay ở những người có thể chất thủy độc, ứ nước, cơ nhão, mạch yếu và vị tràng cũng không khỏe lắm. Sách *Cổ kim phương vị* cho rằng đau vai là "thuộc đàm âm và Nhị truat thang trị đau hai cánh tay và đau bàn tay".

Theo *Liệu pháp Đông y thực dụng*: Trị đau thần kinh, bài thuốc này rất thích hợp đối với những người hơi béo, chắc chắn. Phạm vi ứng dụng của thuốc tương đối hẹp, những nếu đúng đối tượng thì thuốc rất hiệu nghiệm.

Theo *Chẩn liệu và trị liệu*: Bài thuốc này có công hiệu rõ ràng trị chứng môi tê vai ở người có tuổi mà nhiều bài thuốc khác không có hiệu quả.

BÀI 164: NHỊ TRẦN THANG (NI CHIN TO)

Thành phần và phân lượng: Bán hạ 5-7g, Phục linh 3,5-5g, Trần bì 3,5-4g, Sinh khương 2-3g, Cam thảo 1-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị buồn nôn và nôn mửa.

Giải thích:

Theo *Hòa tễ cục phương* (phần về Đàm ẩm): Bài thuốc này dùng cho những người bị ứ nước trong dạ dày sinh ra buồn nôn và nôn. Ngoài ra, bài thuốc còn được ứng dụng rộng rãi cho các bệnh do đàm ẩm (thủy độc) gây ra. Tức là thủy khí ở vùng bụng trên, nước ứ ở trong dạ dày sinh nhiệt, nước đó vận động gây ra buồn nôn, nôn mửa, hoặc chóng mặt, tim đập mạnh, có cảm giác khó chịu ở vùng bụng trên. Đây là một trong những bài thuốc hậu thế cơ bản, và trên cơ sở bài thuốc này người ta đã tạo ra nhiều bài thuốc trị đàm ẩm.

Bài thuốc này là Tiểu bán hạ gia phục linh thang thêm Trần bì và Cam thảo. Bán hạ là quân dược có tác dụng làm khô cái ẩm, lợi đàm; Phục linh là tá dược có tác dụng làm nước lưu thông, Trần bì là thần dược có tác dụng làm thuận khí và hạ đàm; Cam thảo là sứ dược có tác dụng bổ tỳ vị. Với những đối tượng trên, bài thuốc này được sử dụng rộng rãi trong các trường hợp buồn nôn, nôn mửa, chóng mặt, đau đầu, ồm nghén, khí uất, thượng thực, say lâu, tràn máu não, v.v...

Theo các tài liệu tham khảo: Khi dùng trị nôn mửa thì nên uống lạnh. Do tôn trọng Trần bì và Bán hạ dùng trong bài thuốc này là trần cửu cho nên bài thuốc này có tên là Nhị trần thang. Thủy khí ở phần bụng trên và nước ứ trong dạ dày sinh ra nhiệt dẫn tới các chứng buồn nôn, nôn mửa, hoặc chóng mặt, tim đập mạnh, phần bụng trên cảm thấy khó chịu, v.v... Bài thuốc này ít khi sử dụng đơn độc, mà người ta thêm một số vị vào bài thuốc này hoặc lấy bài này làm gốc để tạo ra nhiều bài thuốc khác để trị đàm ẩm. Trường hợp đờm màu xanh có ánh bóng là dạng phong đàm, đờm trong và lạnh là hàn đàm, đờm màu trắng là thấp đàm, đờm màu vàng là nhiệt đàm. Đại thể đờm do thấp sinh ra, cho nên Nhị trần thang là bài thuốc cơ bản trị chứng đờm vì nó có tác dụng làm tiêu thấp.

Ngoài ra, bài thuốc này cũng còn dùng trị chứng nước ứ trong dạ dày sinh ra buồn nôn và nôn mửa. Thuốc này cũng còn được ứng dụng trị các chứng do đàm ẩm gây ra. Bài thuốc này được dùng chủ yếu trị các chứng buồn nôn, nôn mửa, chóng mặt, đau đầu, ồm nghén, khí uất, thượng thực, say lâu và tràn máu não, và bài thuốc này được gia giảm thành nhiều bài thuốc khác nhau.

Đây là bài thuốc của túc thái âm (tỳ kinh) và túc dương minh, chủ lực trị các chứng đàm ẩm, nước uống vào dạ dày, do tỳ vị yếu khí không tới vùng trung tiêu, cho nên nước đó biến thành đờm. Nếu loãng gọi là ẩm, nếu đặc gọi là đàm. Đối tượng trị liệu của bài thuốc này là những người nước ứ trong dạ dày dẫn tới các hiện tượng buồn nôn, nôn mửa, chóng mặt, mạch tim tăng vọt, có cảm giác khó chịu trong dạ dày, hoặc phát nhiệt không định kỳ và gây ra các chứng quái lạ không rõ nguyên nhân khác. Mạch phần nhiều là tràm.

Thuốc này thêm Sa nhân, Hoàng cầm và Liên kiều mỗi vị 1,5g để ứng dụng trị các chứng buồn nôn, nôn mửa, chóng mặt, đau đầu và ồm nghén.

BÀI 165: NỮ THẦN THANG (NYO SHIN TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3-4g, Xuyên khung 3g, Truật 3g, Hương phụ tử 3-4g, Quế chi 2-3g, Hoàng cầm 2-4g, Nhân sâm 1,5-2g, Tân lang tử 2-4; Hoàng liên 1-2g, Mộc hương 1-2g, Đinh tử 0,5-1g, Cam thảo 1-1,5g, Đại hoàng 0,5-1g (Đại hoàng không có cũng được).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng trị các chứng thần kinh trước và sau khi đẻ, kinh nguyệt thất thường, các chứng về đường kinh ở những người bị thượng xung và chóng mặt.

Giải thích:

Đây là bài thuốc gia truyền của nhà Asada, thuốc còn có tên gọi khác là An vinh thang.

Bài thuốc này thích ứng đối với các chứng thượng xung và chóng mặt có kèm theo các chứng về máu, thuốc có tác dụng an thần cho những người phụ nữ bị chứng thần kinh trước và sau khi đẻ, kinh nguyệt dị thường, đau vùng thất lưng, các chứng về huyết đại và các chứng trong thời kỳ mãn kinh, thuốc được dùng rộng rãi trị các chứng tim đập mạnh, chóng mặt, tinh thần bất an, đau đầu, nặng đầu và các chứng thần kinh thực vật khác. Thuốc có tác dụng làm thuận hành khí, làm mát huyết nhiệt cho nên bài thuốc còn được gọi là An vinh thang, trị chứng thần kinh trệ trung. Những người không bị bí đại tiên, khi dùng bài thuốc này nên bỏ Đại hoàng. Bài thuốc này thích ứng đối với những người ít đặc trưng về thể chất, chứng ứ máu cũng không rõ ràng, mà là những người có thể lực loại trung bình, các chứng về mạch và bụng đều không hư.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Bài thuốc này có tác dụng thuận khí, giáng khí, giải uất, làm mát huyết nhiệt, cho nên thuốc đóng vai trò của thuốc an thần cho những phụ nữ trong thời kỳ mãn kinh. Đối tượng của thuốc là chứng thượng xung và chóng mặt, dùng cho những người bị những trở ngại trong thời kỳ mãn kinh và các chứng về đường kinh, chứng bệnh nửa thực nửa hư, hoặc bị chứng khí huyết thượng xung và chóng mặt, nguyên nhân của hội chứng rối loạn thần kinh thực vật trước và sau khi đẻ.

Theo *Thực tế ứng dụng* và các tài liệu tham khảo khác: Thuốc dùng cho những người ít có đặc trưng về thể chất thuộc loại người khá khỏe mạnh thể lực trên mức trung bình. Đặc trưng của sự ứ huyết cũng không rõ ràng, mà đại thể là có những sự dị thường trong đường kinh nguyệt. Thuốc trị các chứng thể hiện dưới dạng mạn tính, dai dẳng, mất ngủ kéo dài, đau đầu, nặng đầu, chóng mặt, mạch tim tăng vọt, cảm giác thượng nghịch, đau lưng, tinh thần bất an, tâm trạng u uất.

BÀI 166: NHÂN SÂM DƯỠNG VINH THANG (NIN JIN YO EI TO)

Thành phần và phân lượng: Nhân sâm 3g, Đương quy 4g, Thược dược 2-4g, Địa hoàng 4g, Truật 4g, Phục linh 4g, Quế chi 2,5g, Hoàng kỳ 1,5-2,5g, Trần bì 2-2,5g, Viễn chí 1,5-2g, Ngũ vị tử 1-1,5g, Cam thảo 1-1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng khi sức khỏe giảm sút sau khi ốm dậy, người mệt mỏi rã rời, ăn uống không ngon miệng, đổ mồ hôi trộm, chân tay lạnh, thiếu máu.

Giải thích:

Theo *Hòa tễ cục phương*: Đây là bài Thập toàn đại bổ thang bỏ Xuyên khung và thay vào đó thêm 3 vị là Ngũ vị tử, Trần bì, Viễn chí. Với ý nghĩa đây là bài thuốc kết hợp giữa các bài thuốc cổ Quy kỳ kiến trung thang, Linh quế truật cam thang, Linh quế ngũ vị cam thảo thang và Nhân sâm thang với các bài thuốc hậu thế Tứ vật thang và Tứ quân tử thang có thêm Trần bì và Viễn chí, cho nên đây là bài thuốc bồi bổ thể lực cho những người nước ứ dưới da, trong khí quản và trong vị tràng nhiều nước ứ và do những thủy độc này mà cả khí lẫn huyết đều hư, những người có thể chất hư nhược, bị các bệnh về đường tuyền, bị mệt mỏi, thiếu máu, suy nhược và ăn uống không ngon miệng sau khi ốm dậy. Thuốc còn được dùng cho những người bị chứng chóng quên, mất ngủ, nôn mửa, đổ mồ hôi trộm, bí đại tiện hoặc là có chiều hướng bị ỉa chảy, ngạt thở, ho vì da, đầu tóc thiếu dinh dưỡng. Thuốc được ứng dụng trị các chứng viêm niêm mạc vị tràng, mất trương lực dạ dày, giãn dạ dày, suy nhược sau khi ốm dậy hoặc sau khi đẻ, lao phổi, lao ruột, v.v...

Theo *Giải thích các bài thuốc chủ yếu hậu thế* và các tài liệu tham khảo khác: Đây là bài thuốc bồi bổ thể lực dùng cho những người cả tý lẫn phế đều hư, cả bộ máy hô hấp lẫn bộ ý-máy tiêu hóa đều bị bệnh, thêm vào đó lại do lao lực, hư tổn, âm dương suy nhược, khí ở ngũ tạng khô, nước bọt khô, suy dinh dưỡng, thiếu máu hoặc bị các chứng ác dịch chất, người vô cùng mỏi mệt. Bài thuốc này dùng trị 7 chứng: Rụng tóc, da mặt xìn, chóng quên, chỉ uống chứ không ăn, tim đập mạnh, mất ngủ, toàn thân cảm thấy khô, móng chân móng tay khô, cơ bắp cứng.

Bài thuốc này dùng có hiệu quả cho những người tân dịch khô và bí đại tiện hơn là những người ỉa chảy.

BÀI 167: NHÂN SÂM THANG (NIN JIN TO)

Thành phần và phân lượng: Nhân sâm 3g (không được dùng Nhân sâm đốt tre); Cam thảo 3g, Truật 3g; Can khương 2-3g (Chỉ dùng Can khương).

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* Ngày uống 3 lần, mỗi lần 2-3g.

2. *Thang.*

Công dụng: Trị các chứng vị tràng hư nhược, mất trương lực dạ dày, ỉa chảy, nôn mửa, đau dạ dày ở những người chân tay dễ bị lạnh, lượng tiểu tiện nhiều.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận* và sách *Kim quỹ yếu lược*: Bài thuốc này còn có tên gọi khác là Lý trung hoàn. Nhân sâm thang là một bài thuốc cơ bản trong đông y, ứng dụng của nó rất rộng rãi (tham khảo phần giải thích về bài Hương sa lục quân tử thang). Sách *Thương hàn luận* phần Hoắc loạn bệnh - thổ tả viết: "Những người bị bệnh hoắc loạn, đầu đau, phát nhiệt, người đau, nhiệt nhiều muốn uống nước nhiều là đối tượng của bài Ngũ linh tán. Những người hàn nhiều, không uống nhiều nước là đối tượng của Lý trung hoàn".

Trong phần Sai hậu lao dịch bệnh cũng trong sách *Thương hàn luận* viết: Thuốc dùng trị các chứng sa dạ dày, mất trương lực dạ dày, viêm dạ dày, loét dạ dày, chứng tự trúng độc ở trẻ em, òm nghén, đau dây thần kinh liên sườn, thổ tả cấp tính, xuất huyết có tính mất trương lực ở những người bị chứng lạnh, huyết sắc kém, vị tràng yếu, dễ bị ỉa chảy, đau bụng hoặc buồn nôn, nước bọt đọng lại trong miệng, hay đi tiểu và lượng nhiều.

"Lý trung" trong sách *Thương hàn luận* có nghĩa là thuốc có tác dụng trị chứng suy nhược chức năng của trung tiêu (vị tràng). Bài thuốc này nâng cao chức năng của dạ dày, loại trừ sự mỏi mệt của dạ dày, làm huyết lưu thông tốt và thúc đẩy quá trình trao đổi chất. Thuốc dùng cho những người ăn uống không ngon miệng mặc dầu nhai rất kỹ nhưng vừa ăn vào đã thấy đầy bụng không muốn ăn nữa, tức ngực do trục trặc của bộ máy tiêu hóa, hoặc do bộ máy tiêu hóa trục trặc dẫn tới chứng lạnh, những người bị bạch đới do chứng lạnh, những người hay đi đại mà lượng tiểu tiện lại nhiều, những người bị chứng mùa giạt.

BÀI 168: BÀI NÙNG TÁN (HAI NO SAN)

Thành phần và phân lượng: Chi thực 3-5g, Thược dược 3-5g, Cát cánh 1-3g, Lòng đỏ trứng 1 quả.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* Mỗi ngày uống 1-2 lần, mỗi lần 2-3g.

2. *Thang:* Thông thường bỏ lòng đỏ trứng.

Nghiền các vị thuốc sống thành bột, cứ 2-3g (lượng uống của một ngày) thì thêm 1 lòng đỏ trứng, quấy cho đều rồi uống với nước lã đun sôi. Mỗi ngày uống 1-2 lần.

Để phân biệt nước sắc của bài Bài nùng tán với thành phần của bài Bài nùng thang, nên nước thuốc này được gọi là Bài nùng tán liệu.

Giải thích:

Theo *Kim quỹ yếu lược*, *Thực tế chẩn liệu*: Thuốc dùng trị các mụn có mũ kèm theo đau đớn, chỗ bị mụn căng và cứng. Do đó, thuốc này có thể được dùng khi bị mụn, đinh, nốt, viêm tuyến bạch mạch, chín mé, v.v... không thích ứng với những mụn lở có tính hàn và mụn nhọt mạn tính.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc dùng trị các mụn nhọt có mũ kèm theo đau đớn, chỗ bị mụn căng và cứng. Tức là, đối tượng của bài thuốc này là những mụn nhọt thâm nhuận rất mạnh, không vỡ mũ, hoặc sau khi vỡ mũ mụn bị loét, sự thâm nhuận ở xung quanh mạnh, mụn vẫn căng và cứng. Đặc trưng của loại mụn này là sự ngưng trệ của khí huyết, chứng viêm thâm nhuận mạnh.

BÀI 169: BÀI NÙNG THANG (HAI NO TO)

Thành phần và phân lượng: Cam thảo 1,5-3g, Cát cánh 1,5-5g, Sinh khương 1-3g, Đại táo 2,5-6g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng trong giai đoạn đầu hoặc dạng nhẹ các bệnh da có mủ.

Giải thích:

Theo *Kim quỹ yếu lược*, *Thực tế trị liệu*: Bài thuốc này được dùng trước khi dùng Bài nùng tán. Đối tượng của Bài nùng tán là khi mụn đã chồi lên và cứng, trong khi đó Bài nùng thang dùng trong giai đoạn đầu khi mụn chưa nổi lên.

Theo *Giải thích các bài thuốc* và tài liệu tham khảo khác: Thuốc dùng trong giai đoạn rất sớm của chứng mụn nhọt có mủ, hoặc khi bệnh đã qua giai đoạn căng thẳng và đã bước sang giai đoạn dịu đi ở những người hư chứng và mụn nhọt ở dạng tính nhiệt, đặc biệt những mụn nhọt có thể phát triển rộng ra xung quanh.

Thuốc dùng trong các trường hợp đau dữ dội, vì mụn nhọt, lở loét, viêm tai giữa, viêm xoang, trĩ lậu, hoặc những mụn sưng còn nhẹ, hoặc vùng giữa của mụn bị lõm.

BÀI 170: MẠCH MÔN ĐÔNG THANG (BAKU MON DO TO)

Thành phần và phân lượng: Mạch môn đông 8-10g, Bán hạ 5g, Canh mễ 5-10g, Đại táo 3g, Nhân sâm 2g, Cam thảo 2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Sắc với 600 cc nước, lấy 300 cc, ban ngày uống 3 lần, ban đêm uống 1 lần lúc thuốc còn nóng. Nhìn chung, để tiện thì người ta chỉ uống làm 3 lần, nhưng người đề xuất bài thuốc này chỉ thị là chúng ho phát nhiều về ban đêm do đó nên uống 1 lần vào ban đêm.

Công dụng: Trị chứng ho khó ra đờm, viêm phế quản, hen phế quản.

Giải thích:

Theo *Kim quỹ yếu lược*: Đây là bài Trúc diệp thạch cao thang bỏ Trúc diệp, Thạch cao, thêm Đại táo, rất có tác dụng đối với các trường hợp ho có tính chất co thắt do khí thượng nghịch (người xưa coi hắt hơi và ho đều là những biến hình của đại nghịch thượng khí) ở những người hư chứng của thiếu dương bệnh, đặc biệt là có hiệu quả đối với những phụ nữ gây bị ho trong thời gian có thai.

Những người uống thuốc này vào mà ăn uống kém ngon, những người có chiều hướng bị ỉa chảy hoặc những người ho dễ ra nhiều đờm thì không được dùng bài thuốc này.

Sách *Y liệu thủ dẫn thảo* viết: Bài thuốc này có tác dụng hạ hư hỏa, trị đại nghịch thượng khí, trị cả hỏa nghịch thượng khí. Tóm lại, bài thuốc có tác dụng nhuận và dẫn khí xuống phần dưới của cơ thể.

Theo *Thực tế chẩn liệu*: Thuốc dùng cho những người bị viêm phế quản và viêm phổi, sau khi đã giải nhiệt, thì bị ho dồn dập, mặt đỏ gay, ho khó ra đờm, hoặc là vì vậy mà tiếng bị khàn, thuốc cũng còn được dùng cho những người bị khàn tiếng do viêm họng cấp và mạn tính, hoặc những người bị lao thanh quản, lao phổi.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Thuốc dùng cho những người bị hư chứng của thiếu dương bệnh, dùng để trị ho có tính chất co thắt do khí thượng nghịch gây ra. Thuốc được ứng dụng trong các trường hợp viêm phế quản cấp và mạn tính, xuyên, viêm phổi, viêm họng cấp và mạn tính, ho gà, khàn tiếng, lao thanh quản, lao phổi và ho trong thời gian có thai.

BÀI 171: BÁT VỊ ĐỊA HOÀNG HOÀN (HACHI MI JI O GAN)

Thành phần và phân lượng:

Bảng

	Thang	Tán		Thang	Tán
Địa hoàng	5-6	6-8	Phục linh	3	3
Son thù du	3	3-4	Mẫu đơn bì	3	3
Son đượ	3	3-4	Quế chi	1	1
Trạch tả	3	3-4	Gia công phụ tử	0,5-1	0,5-1

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán*: Luyện với mật ong: Ngày uống 3 lần, mỗi lần 2g.

2. *Thang*.

Công dụng: Thuốc dùng trị các chứng đau chân, đau lưng, tê, mờ mắt ở người già, ngứa, đái khó, đái rất, phù thũng ở những người dễ mệt mỏi, chân tay dễ bị lạnh, lượng tiểu tiện giảm hoặc do đái nhiều mà đôi khi khô cổ.

Giải thích:

Theo *Kim quỳ yếu lược*: Bài thuốc này còn có các tên gọi khác như Thận khí hoàn, Bát vị thận khí hoàn, Thôi thị bát vị hoàng là bài thuốc dùng cho thận hư, đối tượng của bài thuốc này là những người có chức năng thận bị suy nhược.

Bài thuốc này ít dùng cho thanh thiếu niên, mà là bài thuốc của bệnh người già, cho nên được dùng cho những người từ trung niên trở ra. Bài này phần nhiều kiêng đối với những người ngày thường vị tràng hư nhược, có chiều hướng bị ỉa chảy, những người bị ứ nước trong dạ dày, những người bị buồn nôn và nôn mửa. Tức là, có những người sau khi uống thuốc này thì ăn uống trở nên kém ngon. Những người như vậy không thích hợp với bài thuốc này và phải chuyển sang dùng thuốc khác.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Thuốc phần nhiều dùng cho những người có tuổi từ trung niên trở ra, những người bị các chứng bệnh về thận (như viêm thận, hư thận, sỏi thận, teo thận, viêm bể thận, abumin niệu, lượng tiểu tiện giảm do bị phù sau khi đẻ), miệng khát, đau cơ lưng v.v...

Thuốc dùng trị viêm bàng quang, teo bàng quang ở người già, sỏi bàng quang, tê cơ co khí bàng quang (constrictor), tiền liệt tuyến phì đại, bí đại tiện sau mổ ở phụ nữ mới đẻ hoặc có bệnh phụ khoa, liệt dương, bí đái hoặc đái không giữ được, tiểu tiện bất lợi hoặc đi niệu và bị chứng đái dầm, miệng khát, đau cơ lưng, đái ra máu v.v...

Theo *Các bài thuốc đơn giản*: Những đối tượng chủ yếu của bài thuốc này là:

- (1) Miệng khát.
- (2) Lượng tiểu tiện không bình thường (giảm hoặc tăng).
- (3) Khi lượng tiểu tiện tăng thì số lần đi đái nhiều.
- (4) Khi lượng tiểu tiện giảm thì hạ chi bị phù thũng.
- (5) Tê liệt ở phần bụng dưới hoặc phần dưới của cơ thẳng đứng của bụng bị căng.
- (6) Lòng bàn tay và gan bàn chân cảm thấy nóng hoặc lạnh.
- (7) Tình dục giảm.
- (8) Đau cơ lưng.
- (9) Bộ máy tiêu hóa không rối loạn (như ỉa chảy, nôn mửa hay không muốn ăn).
- (10) Cảm giác mệt mỏi.

Bài 172: Bát Vị Tiêu Dao Tán (HACHI MI SHO YO SAN)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3g, Thược dược 3g, Sài hồ 3g, Truật 3g, Phục linh 3g, Sinh khương 2g, Cam thảo 1,5g, Bạc hà diệp 1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Theo *Hòa tễ cục phương*: Các vị trên nghiền thành bột thô, mỗi lần uống dùng 2 tiền, sắc với 1 bát ô tô nước cùng với một lát gừng nướng, một nhúm nhỏ bạc hà lấy 7/10 bát, bỏ bã uống lúc thuốc còn nóng, không câu nệ về thời gian.

Công dụng: Trị các chứng lạnh, thể chất hư nhược, kinh nguyệt thất thường, kinh nguyệt khó, các chứng của thời kỳ mãn kinh, các chứng về đường kinh ở những người bị các chứng tinh thần thân kinh như đau tê vai, dễ mệt mỏi, tinh thần bất an và đôi khi có chiều hướng bị bí đại tiện.

Giải thích: Theo *Hòa tễ cục phương*: Bài thuốc này còn có tên gọi khác là Tiêu dao tán.

Đây là bài thuốc chủ yếu dùng cho phụ nữ, những người ở dạng thể chất hư nhược, có chứng lạnh, dễ mệt mỏi khi bị các chứng bệnh thân kinh. Bài thuốc này nếu thêm Mẫu đơn bì và Sơn chi tử thì trở thành Gia vị tiêu dao tán (hay Đơn chi tiêu dao tán), nhìn chung bài thuốc này rất hay được dùng.

Tên thuốc là Tiêu dao tán dùng trị chứng hư huyết, mỗi mệt, ngũ tâm phiền nhiệt, người và chân tay đau, nặng đầu chóng mặt, người bồn chồn, má đỏ, miệng khô, cổ khô, phát nhiệt và đồ mồ hôi trộm, ăn uống không ngon miệng, chỉ muốn nằm, hoặc huyết nhiệt tương truyền, kinh nguyệt không đều, vùng bụng quanh rốn căng và đau, hàn nhiệt như sốt rét, đại tiện táo bón, hoặc chữa cho những người phụ nữ huyết nhược âm hư, dần dần thành chứng cốt chùng ho đờm và sốt cơn, thân thể gầy còm.

Theo *Trung quốc đại từ điển*: Đây là bài Bát vị tiêu dao tán, tức là bài thuốc số 3 trong các bài Tiêu dao tán dùng để trị cho những người phụ nữ hư huyết, người mệt mỏi, ngũ tâm phiền nhiệt, người và chân tay đau nhức, nặng đầu chóng mặt, tâm trạng bồn chồn, má đỏ, miệng khô họng ráo, phát sốt, đồ mồ hôi trộm, kém ăn chỉ muốn nằm, hoặc huyết nhiệt tương truyền, kinh nguyệt không đều, vùng xung quanh rốn căng đau, hàn nhiệt như sốt rét, đại tiện táo bón, những phụ nữ huyết nhược âm hư, ho đờm và sốt cơn, người gầy, dần dần trở thành chứng cốt chùng (Cam thảo mỗi thang 5 tiền). Chế thành tán mỗi lần uống 3-4 tiền với một bát nước sạch và cho thêm 3 miếng, Sinh khương lùi, 20 hạt Mạch môn đông (mỗi thang cho 3 phân Bạc hà), sắc lấy 6/10 bát, bỏ bã, uống khi thuốc còn nóng, không câu nệ về thời gian.

Theo *Trị liệu theo triệu chứng*: Bài thuốc này rất có hiệu nghiệm đối với những người có mang bị rộp lưỡi. Meguro viết trong *San anh quán trị liệu tạp thoại* rằng: "Đối tượng của bài thuốc này là những người do những chứng bệnh khác nhau mà có hư nhiệt, mạch nhanh, khí uất, tâm trạng bức bối, dễ nổi cáu, đầy tức dưới tâm, hai bên nách co thắt, đặc biệt là co thắt mạnh ở nách trái, hoặc có tiếng máy động ở bên trái. Đối với những người có mụn trong miệng, lưỡi, họng thì phần nhiều là thực nhiệt, ít trường hợp hư chứng. Bài thuốc này thích hợp với những người có mụn trong miệng và lưỡi do hư nhiệt. Bài thuốc này chắc chắn có hiệu nghiệm với chứng đầu lưỡi hoặc trên lưỡi mọc nhiều mụn hoặc rộp lưỡi. Hiện tượng này là do hư nhiệt chủ thận và gan hoạt động dẫn tới bị mụn nhọt, cho nên cả mạch và cơ bụng đều không thực".

BÀI 173: BÁN HẠ HẬU PHÁC THANG (HAN GE KO BOKU TO)

Thành phần và phân lượng: Bán hạ 5-6g, Phục linh 5g, Hậu phác 3g, Tử tô diệp 2g, Sinh khương 3-4g.

Cách dùng và lượng dùng: *Thang.*

Thông thường người ta sắc như bình thường và chia uống làm 3 lần khi thuốc còn nóng, nhưng trong nguyên bản xuất xứ của bài thuốc hướng dẫn chia uống làm 4 lần, ban ngày 3 lần và đêm 1 lần.

Công dụng: Trị các chứng thần kinh bất an, viêm dạ dày do thần kinh, ốm nghén, ho, khàn tiếng kèm theo các hiện tượng tâm trạng bức bối khó chịu, hợng và thực quản như có dị vật, đôi khi tim đập nhanh, chóng mặt, nôn mửa v.v...

Giải thích:

Theo *Kim quỹ yếu lược*: Bài thuốc còn có các tên gọi khác như Tứ thất thang, Đại thất khí thang.

Đối tượng chủ yếu của bài thuốc này là những người có cảm giác như có vật gì chẹn ở trong hợng. Đây là bài khí tể tiêu biểu. Các bệnh trạng thần kinh của bài thuốc này là tâm trạng nặng nề, bức bối như muốn ngạt hơi.

Theo *Thực tế chẩn liệu*: Thuốc dùng cho những người vị tràng hư nhược, bụng hơi trương lên, bụng cảm thấy đầy trướng, nước ứ trong dạ dày. Thuốc cũng còn ứng dụng chữa các chứng vị tràng hư nhược, dạ dày mất trương lực, ăn xong đầy tức trong dạ dày, buồn nôn, bụng cảm thấy đầy trướng, rối loạn thần kinh chức năng, viêm phế quản, khàn tiếng.

Theo *Giải thích các bài thuốc* và các tài liệu tham khảo khác: Thuốc dùng cho những người thể chất hư nhược, tính cách mang nữ tính, thể hiện dưới dạng dễ bị kích thích, những người tâm trạng bức bối khó chịu. Thuốc được ứng dụng trị các chứng vị tràng hư nhược, sa dạ dày, mất trương lực dạ dày, hẹp thực quản, co thắt thực quản, ốm nghén, suy nhược thần kinh, hysteria, thần kinh dễ bị kích thích, rối loạn thần kinh chức năng, chứng hẹp thực quản do thần kinh, chứng hoang hốt, bệnh u buồn, viêm amidan, viêm phế quản, hen, ho gà, đau hợng kịch phát, khàn tiếng, cảm giác có dị vật trong hợng, cảm giác ngứa hợng.

Bài thuốc này có tác dụng trấn khí, loại nước ứ trong dạ dày. Thuốc có hiệu quả đối với những người có cảm giác dị thường trong hợng, những người bị các chứng thần kinh vì các bệnh đường của huyết, nhịp tim tăng vọt, nhịp thở gấp, tâm trạng hoang hốt lo sợ. Phần bụng trên mềm, ứ nước trong dạ dày. Người luôn có tâm trạng ưu uất, tiêu cực, thiếu máu, mệt mỏi, có cảm giác tắc ở hợng. Tất cả đều là hư chứng.

BÀI 174: BÁN HẠ TẢ TÂM THANG (HAN GE SHA SHIN TO)

Thành phần và phân lượng: Bán hạ 4-5g, Hoàng cầm 2,5-3g, Can khương 2-2,5g, Nhân sâm 2,5-3g, Cam thảo 2,5-3g, Đại táo 2,5-3g, Hoàng liên 1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Sắc với 600 ml nước, lấy 40 ml, bỏ bã, lại sắc tiếp còn 250 ml, chia uống làm 3 lần khi thuốc còn nóng. Nói chung người ta không sắc lại, nhưng nên sắc lại thì dễ uống.

Công dụng: Trị các chứng viêm niêm mạc dạ dày ruột cấp và mạn tính, ỉa chảy do lên men, tiêu hóa kém, sa dạ dày, viêm dạ dày do thần kinh, yếu dạ dày, say lâu, ợ, ợ nóng, viêm trong miệng, chứng thần kinh ở những người bị đầy tức ở vùng lõm thượng vị, thỉnh thoảng bị buồn nôn, nôn mửa, ăn uống không ngon miệng, sôi bụng, phân nhão hoặc có chiều hướng bị ỉa chảy.

Giải thích:

Theo *Thương hàn luận*: Thuộc nhóm bệnh thiếu dương, cấu tạo của bài thuốc tương tự với bài Hoàng liên thang (khác Quế chi được thay bằng Hoàng cầm), nhưng Hoàng liên thang chủ yếu có tác dụng đối với các bệnh về ruột, còn bài thuốc này lại có công dụng chủ yếu đối với các bệnh về dạ dày. Đau bụng ở đây nhẹ hơn trong Hoàng liên thang. ỉa chảy ở đây chỉ ở mức độ phân nhão, và dù có kiết lị thì chỉ đi một lần là hết.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Thuốc dùng cho những người bị buồn nôn, nôn mửa, ăn uống không ngon miệng. Thuốc còn được dùng trong các trường hợp viêm dạ dày cấp và mạn tính, viêm ruột, dạ dày quá thừa toan, giãn dạ dày, sa dạ dày, loét dạ dày, loét tá tràng, viêm niêm mạc vị tràng, dạ dày rối loạn do uống nhầm thuốc hoặc thuốc mới, đầy tức ở vùng bụng trên, ồm nghén, nôn mửa do thần kinh, trong mồm loét nát, viêm trong khoang miệng, ỉa chảy, thần kinh suy nhược v.v...

Theo *Trăm mầu chuyện Đông y*: Triệu chứng chủ yếu của những người dùng bài thuốc này là đầy tức ở vùng thượng vị, sôi bụng, chứng kèm theo là nôn mửa và ỉa chảy. Bài thuốc này có thể dùng cho các trường hợp đầy tức chứng ở vùng thượng vị. Trong bất kỳ trường hợp nào, điều kiện tất yếu của bệnh là nhiệt tà và thủy tà ứ đọng ở vùng thượng vị sinh ra hơi và gây ra đầy tức ở đây.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Thuốc dùng cho những người có thể chất và thể lực ở mức trung bình, thức ăn ứ đọng ở vùng thượng vị, người không muốn ăn, buồn nôn, nôn mửa và đôi khi bụng trên hơi đau, những người đó cảm thấy khó chịu ở vùng thượng vị, cảm thấy sự tồn tại của dạ dày, tinh thần bất an và thần kinh quá mất cảm. Thuốc còn được ứng dụng trong các trường hợp viêm niêm mạc dạ dày cấp và mạn tính, mất trương lực dạ dày, sa dạ dày, dạ dày quá thừa toan, loét dạ dày, mất ngủ và chứng thần kinh.

BÀI 175: BÁN HẠ BẠCH TRUẬT THIÊN MA THANG (HAN GE BYAKU JUTSU TEN MA TO)

Thành phần và phân lượng: Bán hạ 3g, Truật 3-6g, Trần bì 3g, Phục linh 3g, Mạch nha 1,5-2g, Thiên ma 2g, Sinh khương 0,5-2g, Thân khúc 2g, Hoàng kỳ 1,5g, Nhân sâm 1,5g, Trạch tả 1,5g, Hoàng bá 1g, Can khương 0,5-1g (cũng có trường hợp không có Thân khúc).

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng cho những người vị tràng hư nhược, lạnh chân, chóng mặt, đau đầu v.v...

Giải thích:

Theo *Tỳ vị luận*: Đúng như trong sách cổ điển nói bài thuốc này là bài thuốc bổ tỳ vị, Lục quân tử thang là bài thuốc chủ trị chức năng tiêu hóa của tỳ vị là nòng cốt của bài thuốc này. Các vị cấu thành bài thuốc như Nhân sâm, Bán hạ, Thương truật, Bạch truật, Trần bì, Phục linh đều có tác dụng loại trừ nước ứ trong dạ dày; Sinh khương và Can khương có tác dụng sưởi ấm cái hàn lạnh trong vị tràng và tăng cường chức năng của vị tràng. Hoàng kỳ có tác dụng loại thủy độc dưới da, Mạch nha và Thân khúc giúp cho tác dụng tiêu hóa và ngăn nôn mửa. Hoàng bá và Trạch tả hạ nhiệt ở thận và bàng quang, dẫn thủy độc ra ngoài theo niệu đạo. Thiên ma vào can kinh và có tác dụng ngăn chặn phong sự dao động do phong gây ra, chủ trị chứng chóng mặt. Thuốc dùng cho những người vị tràng yếu có kèm theo chóng mặt, đau đầu, nôn mửa. Có những chứng giống như trong bài Ngô thù du thang, nhưng triệu chứng của bài Ngô thù du thang có đặc trưng là rất buồn nôn, khô háo, khí huyết thượng xung, có lực căng ở bụng và độ thủy độc mạnh.

Theo *Cơ sở và chẩn liệu*: Đây là bài thuốc trị đau đầu, dùng cho những người bị chứng lạnh thường ngày vị tràng hư nhược, nước ứ trong dạ dày và nước này trở thành thủy độc gây ra đau đầu, những người này phần nhiều là khi đau đầu thường kèm theo chóng mặt, cái đau kéo từ đầu sống mũi thẳng tới tận giữa đỉnh đầu. Những người như vậy phần nhiều là sau khi ăn, chân tay rất mỏi chỉ muốn ngủ. Bài thuốc này cũng được ứng dụng trị các chứng đau đầu do huyết áp thấp và đau đầu vì tăng huyết áp do vị tràng gây ra.

Theo *Y học đông y*: Thuốc dùng cho những người vị tràng yếu và có chiều hướng bị mất trương lực chủ yếu với các triệu chứng chân lạnh, chóng mặt, đau đầu, buồn nôn. Thuốc cũng dùng cho những người sau khi ăn xong chân tay rất mỏi và chỉ muốn ngủ. Thuốc cũng được ứng dụng trị các chứng mất trương lực dạ dày, sa dạ dày, đau đầu thường xuyên và các hội chứng Ménière.

Theo *Thực tế chẩn liệu*: Thuốc dùng trị các chứng tê mỏi vai, mất trương lực dạ dày, sa dạ dày có kèm theo đau đầu và chóng mặt. Đau đầu kéo từ đỉnh sống mũi thẳng tới giữa đỉnh đầu, hơi quay cổ đã thấy rất chóng mặt, người có cảm giác như bay trên không trung

BÀI 176: BẠCH HỔ THANG (BYAK KO TO)

Thành phần và phân lượng: Tri mẫu 5g, Gạo tẻ 8g, Thạch cao 15g, Cam thảo 2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng cho những người bị miệng khát và nhiệt.

Giải thích:

Theo *Thương hàn luận*: Bạch hổ là thần hành kim canh giữ phía tây, một trong 4 loại thú thần canh giữ 4 phương ở Trung quốc. Đây là một trong những bài thuốc tiêu biểu của thuốc đông y. Trong 4 nguyên tắc trị liệu của đông y: phát hãn (cho đổ mồ hôi), thổ, hạ, trung hòa thì bài thuốc này là loại hàn lương có tác dụng trung hoà bệnh nhiệt. Tây phương cũng hàm nghĩa là mùa thu và giải nhiệt, và lại chủ dược trong bài thuốc này là Thạch cao có màu trắng cho nên bài thuốc này được đặt tên là Bạch hổ thang. Những bệnh nhiệt theo điều kiện có phát sốt đổ mồ hôi, phiền khát thì có rất nhiều như cảm mạo, trúng thử, say nắng, các bệnh nhiệt truyền nhiễm cấp tính, sởi, viêm da, đái đường, hen suyễn, đau răng, bệnh về mắt, đái dầm, các bệnh tinh thần, v.v... Nhưng nếu bất chấp các điều kiện phải có dương chứng và biểu chứng, nhiệt ở trong cơ mà cứ cho dùng thuốc chỉ căn cứ theo tên bệnh thì có nguy cơ càng làm cho bệnh thêm trầm trọng, cho nên trong phần công dụng trong bài thuốc này không ghi tên bệnh mà chỉ nêu bệnh trạng. Những bệnh nhân dùng thuốc này mạch phải hoạt, sắc và hồng đại còn những người có mạch trầm, huyết trệ và tiêu thì tuyệt đối cấm dùng thuốc này. Thuốc này dùng cho những người không ớn lạnh, cảm thấy người nóng như đốt, hoặc chạm vào sung thì thấp nóng như đốt.

Trong phần Quyết âm bệnh của *Thương hàn luận* có viết: "Những người bị thương hàn mạch hoạt mà quyết là nơi là phần lý có nhiệt và phải dùng Bạch hổ thang". Bài thuốc này cũng được dùng trong trường hợp nhiệt bị động ở phần lý, còn phần biểu lại lạnh, người ta gọi hiện tượng này là nhiệt quyết. Bài thuốc này cũng còn được dùng để trị chứng di niệu. Sách *Thương hàn luận* cũng nói bài thuốc này được dùng cho những người bị nhiệt, nói lầm nhảm, ý thức không rõ ràng, bị di niệu. Bạch hổ thang dùng cho những người miệng khát, đái nhiều.

Theo *Chẩn liệu y điển* và các tài liệu tham khảo khác: Thuốc có tác dụng giải nhiệt, trấn tĩnh, chống khát và được dùng trị các bệnh nhiệt như thân nhiệt, ghê nhiệt, phiền nhiệt v.v...

Đối tượng của bài thuốc này là những người phát sốt đổ mồ hôi, người phiền khát. Miệng lưỡi khô táo rất khát nước, lưỡi khô và có những rêu trắng, đổ mồ hôi, đái rất nhiều, đôi khi có triệu chứng tiểu tiện không dứt, khô háo thể dịch. Bụng không đầy lắm, nhưng cũng có trường hợp đầy bụng. Bài thuốc này được ứng dụng trong các trường hợp:

(a) Những người bị thương hàn, cảm cúm, sởi, những bệnh truyền nhiễm có phát ban, sốt cao, miệng khát, phiền táo, hoặc bị chứng nói mê sảng, bị các chứng về não.

(b) Những người bị sốt cao, miệng khô, háo người do bị say nắng, trúng thử, chứng uremia.

(c) Những người bị suyễn phát bệnh vào mùa hè, những người bị các chứng đái đêm, đái dầm, đau răng, đau mắt, đái đường.

(d) Những người bị các chứng bệnh tinh thần, trong mắt nóng như có lửa, quấy tháo, nói mê sảng, hát ngê ngao, cười to, chạy lung tung khát và uống nhiều.

(đ) Những người bị các bệnh da nói chung, bị ezêma rất ngứa, ngủ không ngon giấc, mồ hôi đổ như tháo, những người nhúng chân xuống nước thì chân bị tê.

BÀI 177: BẠCH HỔ GIA QUẾ CHI THANG (BYAK KO KA KEI SHI TO)

Thành phần và phân lượng: Tri mẫu 5g, Gạo tẻ 8g, Thạch cao 15g, Cam thảo 2g, Quế chi 2-4g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng cho những người miệng khát, có nhiệt.

Giải thích:

Theo *Thương hàn luận* và *Kim quỹ yếu lược*: Đây là bài Bạch hổ thang thêm Quế chi, cho nên thuốc dùng cho những người có các chứng bệnh như trong Bạch hổ thang nhưng biểu chứng và thượng xung mạnh hơn. Công dụng và hiệu quả của bài thuốc này ghi giống như trong Bạch hổ thang, nhưng cần chú ý rằng ở bài này mức độ thượng xung mạnh hơn.

Thuốc dùng cho những người bị sốt cao do các bệnh nhiệt, và được ứng dụng trị các chứng viêm cơ, viêm màng xương, viêm khớp, eczêma, ghê khô, bệnh ngứa sần ở trẻ em (strophulus) ngứa hạ bộ, đau đầu, đau mắt, đau răng v.v... Giống như Bạch hổ thang, bài thuốc này cũng thích ứng với các chứng say nắng, đái đường, đái đâm và các bệnh mày đay v.v...

Sách *Kim quỹ yếu lược* ghi: "Những người bị ôn ngược thì mạch bình, người không lạnh mà chỉ thấy nóng, gân cốt đau nhức, đôi khi bị nôn mửa". Khi dùng thuốc này để trị bệnh da thì cần phải chú ý là người không thấy lạnh mà chỉ thấy nóng.

Theo *Thực tế chẩn liệu, Thực tế ứng dụng* và các tài liệu tham khảo khác: Dùng cho những người nhiệt viêm quanh mạnh, chỗ bị thương tổn nóng rõ rệt. Dùng cho những người bị các chứng giống như trong Bạch hổ thang nhưng biểu chứng mạnh hơn và thượng xung rõ hơn. Bài thuốc này cũng được dùng cho những người bị các loại bệnh nhiệt bị sốt cao, những người bị viêm cơ, viêm màng xương, viêm khớp, eczêma, ghê khô, bệnh ngứa sùi trẻ con (strophulus), ngứa vùng hạ bộ, các chứng về mắt. Trong thực tế, bài Bạch hổ gia quế chi thang, Bạch hổ gia nhân sâm thang được sử dụng nhiều hơn bài Bạch hổ thang.

Thuốc có công dụng đối với chứng đau răng kèm theo nghịch thường và đau đầu. Những người đau đầu này có mạch hồng đại, miệng khát và lưỡi khô, đầu đau dữ dội từ phía dưới đau lên. Bài thuốc này cũng trị chứng eczêma dai dẳng, chứng ghê khô, chứng đen da.

**BÀI 178: BẠCH HỔ GIA NHÂN SÂM THANG (BYAK KO
KA NIN GIN TO)**

BÀI 179: BÁT HOÁN KIM CHÍNH KHÍ TÁN (FU KAN KIN SHO KI SAN)

Thành phần và phân lượng: Truật 4g, Hậu phác 3g, Trần bì 3g, Đại táo 1-3g, Sinh khương 2-3g, Bán hạ 6g, Cam thảo 1,5g, Hoắc hương 1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng viêm dạ dày cấp và mạn tính, mất trương lực dạ dày, tiêu hóa kém, ăn uống không ngon miệng ở những người bị đầy ở dạ dày, buồn nôn và có chiều hướng tiêu hóa kém.

Giải thích:

Theo *Hòa tễ cục phương*: (1) Đây là bài Bình vị tán thêm hai vị Hoắc hương và Bán hạ. Xuất xứ của bài thuốc là ở trong phần Thương hàn của sách *Hòa tễ cục phương*.

(2) Theo sách này thì "Thuốc này trị thương hàn tứ thời, thời khí chướng dịch, đau đầu sốt cao, lưng eo lưng co cứng, ngũ lao, thất thương, chướng khí lam sơn, hàn nhiệt, vãng lai, ngũ cánh, nghẹn, ho đờm dài. Những người bị miệng nôn trôn tháo, tạng phủ hư hàn, ỉa chảy kết lỵ thì nên dùng bài thuốc này. "Hoặc những người từ nơi khác đến không quen thủy thổ cũng nên dùng thuốc này, nếu dùng thường xuyên thì tránh được lam khí, điều hòa tỳ vị, làm cho ăn uống ngon miệng".

(3) Bài thuốc này dùng trị các chứng của Bình vị tán lại bị ngoại cảm (bị bệnh khí, cảm mạo, thương hàn, cảm cúm, v.v... do ngoại tà gây ra).

Theo các tài liệu tham khảo: Thuốc dùng cho những người đi du lịch đến các vùng xa xôi bị trúng thủy độc dẫn tới thổ tả, hoặc những người sống lộ thiên ở vùng đất ẩm thấp, vượt sông vượt núi bị phát nhiệt, thân thể nặng nề. Hoặc cũng có thể dùng cho những người vào ở nhà mới, tường còn ẩm thấp.

(4) Thuốc cũng còn được dùng cho những người bị trúng thủy (ngã nước), những người bị viêm vị tràng do uống phải nước không sạch, nước lã.

BÀI 180: PHỤC LINH ẨM (BUKU RYO IN)

Thành phần và phân lượng: Phục linh 5g, Truật 4g, Nhân sâm 3g, Sinh khương 1-3g, Trần bì 3g, Chi thực 1-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng viêm dạ dày, mất trương lực dạ dày, ứ nước ở những người buồn nôn, ợ nóng và lượng tiêu tiện giảm.

Bài thuốc này thêm 4-5g Bán hạ thì thành Phục linh ẩm gia bán hạ.

Giải thích:

Theo *Kim quỹ yếu lược*: Đây là bài Nhân sâm thang bỏ Cam thảo, thêm Trần bì (Quất bì), Chi thực và Sinh khương. Người ta cũng có thể coi đây là bài thuốc kết hợp giữa Quất bì chi thực sinh khương thang (trị chứng đầy tức vùng dạ dày và nôn mửa) với bài Tứ quân tử thang. Thuốc này dùng cho những người bị ợ dịch vị. Bài Phục linh ẩm gia bán hạ dùng cho những người bị ợ nóng và ợ hơi thức ăn nhiều hơn bài Phục linh ẩm.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Bài thuốc này có tác dụng loại nước ứ trong dạ dày và tiêu hơi sung mãn, cho nên bài thuốc này được dùng để trị các chứng viêm dạ dày, mất trương lực dạ dày và giãn dạ dày, v.v... Những người bị hơi sung mãn trong dạ dày khiến cho không thể ăn uống được thì dùng bài thuốc này. Những người đó cũng có khi có các triệu chứng ợ hơi thức ăn, buồn nôn, và ợ nóng. Những người dùng bài thuốc này bụng trên thường bị đầy cứng và là những người thực chứng hơn ở bài Nhân sâm thang.

Theo *Trị liệu theo triệu chứng*: Bài thuốc này dùng trong trường hợp có hơi sung mãn trong dạ dày khiến cho không thể ăn uống được, là không muốn ăn. Trường hợp bị nặng thì ngực đầy căng khiến cho thậm chí không thể nằm được. So với các chứng trong Tứ quân tử thang và Lục quân tử thang, thì bụng của bệnh nhân dùng bài thuốc này có lực hơn, căng hơn, ợ ra hơi thức ăn và nước ói ngược ra miệng. Trong những trường hợp như vậy thì dùng bài thuốc này.

Theo *Các bài thuốc đơn giản*: Bài thuốc này dùng để trị chứng đờm ẩm ở phần bụng trên, khí huyết cấp. Những người bị chứng này, đờm và nước ứ lại ở bụng trên, bị ói nước, hoặc bụng đầy không thể ăn uống được, được gọi là chứng đờm ẩm. Những người bị ói nước là do khí huyết cấp. Chứng này gần giống chứng của bài Phục linh trạch tả thang, nhưng hơi khác ở chỗ là bị ói nước nhưng không khát, bụng trên đầy tức và đau, nhưng bụng giữa không đau.

Theo *Tọa đàm nhập môn đông y*: Ođai tiên sinh viết: "Thuốc dùng để trị các chứng ợ chua, sôi bụng, đầy cứng ở vùng bụng trên, tiêu tiện bất lợi, hoặc đau ngực. Trị cho những người sáng nào cũng bị buồn nôn, ói nước chua hoặc đờm rãi. Thuốc cũng dùng cho những người già khô sở vì chứng đờm ẩm, đầy tức ở vùng bụng trên, ăn uống không tiêu, dễ ỉa chảy. Hoặc dùng cho những đứa trẻ bú sữa không tiêu trớ không ngừng, ho gà, bụng trên đầy tức, bị ói nặng. Dùng thêm với Bán hạ sẽ rất hiệu nghiệm".

BÀI 181: PHỤC LINH ÂM HỢP BÁN HẠ HẬU PHÁC THANG (BUKU RYO IN GO HAN GE KO BOKU TO)

Thành phần và phân lượng: Phục linh 5g, Truật 4g, Nhân sâm 3g, Sinh khương 3-4g, Trần bì 3g, Chỉ thực 1-2g, Bán hạ 5-6g, Hậu phác 3g, Từ tô điệp 2g.

Cách dùng và lượng dùng: *Thang.*

Cho 6 vị Phục linh, Nhân sâm, Bạch truật, Chỉ thực, Quất bì và Sinh khương vào sắc với 6 bát nước, lấy 1,8 bát, chia uống làm 3 lần khi thuốc còn nóng, cách nhau một khoảng thời gian để người đi bộ đi được 5-6 km.

Công dụng: Trị các chứng thần kinh bất an, viêm dạ dày do thần kinh, chứng lưu âm, viêm dạ dày ở những người tâm trạng bức bối khó chịu, họng và thực quản như có dị vật chẹn lại, đôi khi tim đập mạnh, chóng mặt, buồn nôn, ợ nóng, lượng tiêu tiện giảm.

Giải thích:

Theo sách *Bản triệu kinh nghiệm phương*:

Phần Trị liệu thủy khí thuộc chương Mạch chứng và trị liệu chứng đàm ẩm và ho trong sách *Kim quỹ yếu lược* được truyền đến các đời sau đã nêu các chứng của bài Phục linh âm của sách *Ngoại đài bí phương*: "người đờm, nước đọng tích tụ trong ngực, sau khi bị nôn mửa thì khí tràn đầy các khoảng trống trong ngực khiến cho ngực bị đầy không thể ăn uống được".

Trong mục Các bệnh vật của phụ nữ và trị liệu các bệnh đó trong chương Phụ nữ tạp bệnh dự trữ liệu, cũng trong cuốn *Kim quỹ yếu lược* lại nêu những chứng của bài Bán hạ hậu phác thang và nói rằng: "Những người phụ nữ cảm thấy như có cục thịt nướng chẹn trong họng thì dùng bài thuốc này". Phục linh âm bán hạ hậu phác thang là bài thuốc kết hợp hai bài thuốc này.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc dùng trị các chứng viêm dạ dày, sa dạ dày, mất trương lực dạ dày, chứng thần kinh, bệnh về đường kinh nguyệt, hen phế quản, viêm phế quản, ho gà, ồm nghén ở những người vị tràng yếu, dạ dày bị đầy hơi, bụng đầy trướng và do đó không muốn ăn.

Theo *Tập các bài thuốc đông y*: Thuốc dùng cho những người bị đàm ẩm, suy nhược thần kinh dạ dày, hẹp thực quản do thần kinh, các chứng của thời kỳ mãn kinh, hysteria, bệnh Basedow, viêm phế quản cấp và mạn tính, phù thũng thực quản, phù thũng thanh môn, phù bìu.

BÀI 182: PHỤC LINH TRẠCH TẢ THANG (BUKU RYO TAKU SHA TO)

Thành phần và phân lượng: Phục linh 4g, Trạch tả 4g, Truật 3g, Quế chi 2g, Sinh khương 3-5g (chỉ được dùng Sinh khương), Cam thảo 1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng viêm dạ dày, sa dạ dày ở những người bị nôn và cảm thấy khát.

Giải thích:

Theo sách *Kim quĩ yếu lược*: Bài thuốc này được coi là bài Linh quế truật cam thang được bỏ sung, hoặc bài Ngũ linh tán bỏ Tru linh, thêm Cam thảo và Sinh khương, người ta để lẫn bài thuốc này với các bài Trạch tả thang, Linh quế truật cam thang, Ngũ linh tán, Phục linh cam thảo thang v.v... Bài thuốc này dùng cho những người bị nôn mửa, cổ khô và tiểu tiện ít, còn triệu chứng của những người dùng Ngũ linh tán là thức ăn vào thì ói ra ngay lập tức.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Đây là bài Ngũ linh tán bỏ Tru linh mà thay vào đó là Cam thảo và Sinh khương. Cả hai bài thuốc đều trị chung một chứng là miệng khát, lượng tiểu tiện giảm, nôn mửa, nhưng tình trạng nôn mửa của hai bài thuốc khác nhau. Nôn mửa mà người ta thường gọi là ói nước trong bài Ngũ linh tán có đặc điểm là khát nước, uống vào lại ói ra ngay, còn trong Phục linh trạch tả thang thì miệng khát nước, nhưng uống vào hiếm khi bị ói ra ngay mà có một khoảng cách giữa ăn vào với ói ra, chẳng hạn ăn vào buổi sáng thì buổi chiều mới bị ói. Do đó, trong khi nôn mửa ở bài Ngũ linh tán diễn ra nhiều lần thì nôn mửa trong bài Phục linh trạch tả thang phần nhiều ngày chỉ nôn 1-2 lần.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Thuốc dùng cho những người bị ứ nước trong dạ dày, buồn nôn, sau khi ăn một thời gian thì bị nôn mửa, khát nước. Thỉnh thoảng có hiện tượng thượng xung, đau đầu, vàng đầu, chóng mặt, nhịp tim tăng vọt, lượng tiểu tiện giảm. Bụng toàn thể phần nhiều là mềm nhão, có tiếng nước óc ách ở vùng bụng trên.

Theo *Giải thích các bài thuốc cổ quan trọng*: Thuốc này trị chứng vùng bụng trên có tiếng đập thồn thục, tiểu tiện bất lợi, thượng xung, nôn, khát nước, uống nước nhiều. Sách *Y thánh phương cách* viết: "Thuốc này dùng cho những người bị nôn không dứt, khát nước, uống nước nhiều. Những người phát sốt, đổ mồ hôi đầu, chóng mặt, tiểu tiện bất lợi thì phải dùng bài Phục linh trạch tả thang".

BÀI 183: PHỤC LONG CAN THANG (BUKU RYU KAN TO)

Thành phần và phân lượng: Phục long can (Đất lòng bép) 4-10g, Bán hạ 5-8g, Sinh khương 5-8g, Phục linh 3-5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Theo *Thực tế chẩn liệu*: Cho 2 bát nước vào 4g Phục long can quấy kỹ, chờ cho lắng, lọc lấy 1,5 bát cho vào sắc với Tiểu bán hạ gia phục linh thang.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Cho 60 ml nước vào 4g Phục long can quấy kỹ, chờ cho lắng, lọc lấy 50 ml cho vào sắc với Tiểu bán hạ gia phục linh thang. Đề tiện lợi, người ta có thể cho 4g Phục long can vào sắc chung với Tiểu bán hạ gia phục linh thang. Thuốc uống lúc nguội.

Công dụng: Trị các chứng buồn nôn, nôn mửa, ồm nghén.

Giải thích:

Thuốc gia truyền nhà Asada. Trong sách này đã nêu ra rất nhiều bài thuốc chữa nôn, chẳng hạn như Ngũ linh tán, Sinh khương tả tâm thang, Bán hạ tả tâm thang, Cam thảo tả tâm thang, Can khương nhân sâm bán hạ hoàn, Tiểu bán hạ gia phục linh thang, Ngô thù du thang. Đối với những người bị chứng nôn nặng và dai dẳng, nhất là nôn trong thời gian có thai (ồm nghén), dùng những bài thuốc nói trên cũng có người không khỏi. Bài thuốc này là bài thuốc theo kinh nghiệm của Nhật Bản (chiết trung pháp) thích hợp với những người bị chứng nôn này mà gia đình danh y Asada rất thường dùng. Bài thuốc này dùng khi bị buồn nôn và nôn dữ hơn trong bài Tiểu bán hạ gia phục linh thang, có chứng viêm hoặc các bệnh về huyết. Bài thuốc này có thêm vị Phục long can (hoàng thổ). Phục long can là một vị thuốc đông y bào chế bằng cách gia nhiệt hoàng thổ của Trung Quốc (loại đất sét chứa ôxít sắt ở vùng bạng thổ thuộc phía bắc Trung Quốc), ở Nhật Bản người ta bào chế bằng cách gia nhiệt loại đất sét đỏ, cho nên các thầy thuốc đông y xưa nay rất ưa dùng đất do đun nhiều lâu ngày bị khô. Trong thời đại điện khí hóa ngày nay, khó có thể kiếm được những chiếc đầu rau như vậy, cho nên người ta hay dùng những bếp điện bằng gốm đã được dùng lâu, qua lửa nhiều. Trước hết người ta nghiền tơi hoàng thổ, cho nước vào ngâm một thời gian rồi lọc lấy nước đem sắc với các vị thuốc sống của bài Tiểu bán hạ gia phục linh thang, hoặc cho khoảng 10g Hoàng thổ vào sắc đồng thời với các vị thuốc sống của bài Tiểu bán hạ gia phục linh thang, nhưng nên dùng theo cách trên. Bài thuốc này uống nguội, những người bị nôn nặng không giữ lại trong bụng cái gì thì tránh uống trong 1 lúc lượng thuốc 1 lần mà chia làm nhiều lần, thậm chí hàng chục lần để uống và tăng dần khối lượng, và cuối cùng có thể uống cả lượng uống mỗi lần trong 1 lúc, chứng nôn này sẽ dần dần dịu xuống. Sinh khương ở trong phần lượng dùng là Sinh khương vắt, nếu dùng Can sinh khương thì dùng 1/3 khối lượng này.

Theo *Thực tế chẩn liệu*, *Chẩn liệu y điển*: Thuốc dùng trị chứng ồm nghén nặng, dùng Tiểu bán hạ gia phục linh thang không có hiệu quả.

BÀI 184: PHÂN TIÊU THANG (BUN SHO TO)

Thành phần và phân lượng: Truật 2,5-6g, Phục linh 2,5-3g, Trần bì 2g, Hậu phác 1-2g, Hương phụ tử 2g, Trư linh 1-3g, Trạch tả 2-4g, Chi thực 1g (không dùng chỉ xác); Đại phúc bì 1g, Súc sa 1-2g, Mộc hương 1g, Sinh khương 1g, Đẳng tâm thảo 1-2g.

Cách dùng và lượng dùng: *Thang.*

Công dụng: Dùng cho những người bị phù thũng, đái ít.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Đây là bài thuốc kết hợp Bình vị tán với Tứ linh thang và thêm Chi thực, Hương phụ tử, Đại phúc bì, Súc sa, Mộc hương, Đẳng tâm thảo. Bài thuốc này được dùng khi bị cổ trướng, bụng báng nước, phù thũng toàn thân. Phù thũng ở đây có đặc điểm là chỗ lõm bị ấn dễ trở lại trạng thái ban đầu (thực chứng). Đối với chứng phù thũng do viêm thận gây ra thì nên bỏ Sinh khương.

Bài thuốc này dùng cho những người hơi hư chứng, ứ nước nặng biểu hiện chủ yếu là cổ trướng và bụng báng nước.

Theo *Thực tế chẩn liệu*: Nhìn chung thuốc được dùng vào giai đoạn đầu của chứng cổ trướng, bụng báng nước trong các trường hợp thực chứng. Đối tượng của bài thuốc là vùng bụng trên bị đầy, cứng, tiểu tiện giảm, có chiều hướng bí đại tiện, và những người đầy bụng, ăn xong cảm thấy đầy tức, ợ hơi, ợ chua, ăn vào một chút đã thấy tức bụng rất khó chịu.

Theo *Trị liệu theo triệu chứng* và các tài liệu tham khảo khác: Đây là bài thuốc dùng trị các chứng thực thũng. Wada coi những người do thủy thũng mà dưới tim bị đầy tức, lượng tiểu tiện giảm, nếu dùng tay ấn lõm xuống nhưng khi buông tay ra thì vết lõm đó trở lại vị trí ban đầu, mạch trầm thực là thực thũng. Những người bị thực thũng có thể dùng bài Phân tiêu thang. Bài Phân tiêu thang này cũng còn được dùng trị chứng bụng báng nước.

Bài thuốc này dùng cho những người bị phù thũng, bụng báng nước, phần bụng trên bị đầy tức, nước giải hơi vàng, có chiều hướng bí đại tiện, bụng căng nước, chỗ ấn lõm khi buông tay ra trở lại vị trí cũ, ăn xong bụng căng, ợ hơi, ợ chua, mới ăn một chút đã thấy tức bụng rất khó chịu. Cả những người bị chứng phù ấn tay vào vết lõm không trở lại vị trí ban đầu và xem có vẻ như hư phù, nhưng xem mạch và các triệu chứng khác nếu có triệu chứng của thực phù thì dùng bài thuốc này cũng được. Cũng có những trường hợp hợp tử là hư phù nhưng thực ra lại là thực phù.

BÀI 185: BÌNH VỊ TÁN (HEI I SAN)

Thành phần và phân lượng: Truật 4g, Hậu phác 3g, Trần bì 3g, Đại táo 2g, Cam thảo 1g, Can sinh khương 0,5-1g.

Cách dùng và lượng dùng: Về nguyên tắc là dùng ở dạng *thang*.

Theo *Hòa tễ cục phương*: Nghiền tất cả các vị trong bài thuốc, trừ Sinh khương và Đại táo, thành bột tơi mịn cho vào sắc cùng với Sinh khương cắt lát và Đại táo phơi khô bỏ đôi, sau đó vớt bỏ Sinh khương và Đại táo, còn lại uống lúc thuốc còn nóng, hoặc cho bột thuốc, trừ Sinh khương và Đại táo, vào với một ít muối ăn hòa với nước nóng để uống khi bụng đói trước bữa ăn. Nhưng nói chung người ta chỉ dùng nước sắc của 6 vị thuốc trên.

Công dụng: Trị các chứng viêm niêm mạc dạ dày cấp và mạn tính, mất trương lực dạ dày, tiêu hóa không tốt, ăn không ngon miệng ở những người bị đầy bụng và có chiều hướng ăn không ngon miệng.

Giải thích:

Theo sách *Hòa tễ cục phương*: Đây là bài thuốc kiên vị dùng khi nước bị ứ trong dạ dày, tiêu hóa kém, vùng quanh thượng vị căng, không muốn ăn uống, nếu ăn vào bụng kêu óc ách.

Bài thuốc này là nòng cốt của bài thuốc Gia vị bình vị tán, Hương sa bình vị tán, Bất hoán kim chính khí tán, Hoắc hương chính khí tán, Phân tiêu thang và Ngũ tích tán.

Bài Vị linh thang là bài thuốc kết hợp của Ngũ linh tán với Bình vị tán, trị chứng tỳ vị bất hòa, không muốn ăn uống, bụng sườn căng và đau dữ, miệng đắng ăn gì cũng thấy nhạt nhẽo, tức ngực, thở gấp, buồn nôn và nôn mửa, ợ hơi và ợ chua, mặt vàng bệnh, người gầy yếu, mỗi mệt chỉ thích nằm, người cảm thấy nặng nề và khớp đau, đái nhiều hoặc thô tả. Nếu uống thường xuyên thì có tác dụng điều khí, ấm dạ dày, tiêu hóa thức ăn ứ trong dạ dày, tiêu đàm ẩm, tránh được phong hàn lãnh thấp và các chứng bệnh thời tiết.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Bài thuốc này dùng để tiêu hóa thức ăn ứ trong dạ dày, loại trừ nước ứ trong dạ dày. Các triệu chứng có thể tự mình nhận thấy là ăn uống không ngon miệng, đầy bụng, vùng bụng trên đầy tức, ăn xong sôi bụng và ỉa chảy. Thuốc dùng cho những người có mạch và cơ bụng chưa yếu lắm. Bài thuốc này không dùng cho những người bị thiếu máu, hư chứng, cơ bụng rất chùng. Với những mục tiêu nói trên, bài thuốc được ứng dụng trị các chứng viêm niêm mạc dạ dày cấp và mạn tính, mất trương lực dạ dày, giãn dạ dày v.v...

Theo các tài liệu tham khảo khác: Mục tiêu của bài thuốc là tiêu hóa thức ăn bị ứ trong dạ dày và đàm ẩm. Bài thuốc được đặt tên là Bình vị tán với ý nghĩa là bài thuốc có tác dụng san bằng thủy độ và thực độ (nước ứ và thức ăn ứ) trong bộ máy tiêu hóa, trong tỳ vị. Tức là, bài thuốc này dùng cho những người tiêu hóa không được, vùng bụng trên bị tắc cho nên hai cái độ là thức ăn và nước uống bị đọng lại trong vị tràng nhưng người ăn uống không ngon miệng, vùng bụng trên bị đầy tức, ăn vào bụng sôi và ỉa chảy, mạch và cơ bụng đều chưa hư nhược lắm.

BÀI 186: PHÒNG KỶ HOÀNG KỶ THANG (BO I O GI TO)

Thành phần và phân lượng: Phòng kỷ 4-5g, Hoàng kỳ 5g, Bạch truật 3,5g, Sinh khương 3g, Đại táo 3-4g, Cam thảo 1,5-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng béo bệu (bệu nước, cơ nhão), đau khớp và phù thũng ở những người da trắng bủng, dễ mệt mỏi và có chiều hướng dễ đổ mồ hôi.

Giải thích:

Theo sách *Kim quỹ yếu lược*: Thuốc dùng cho những người bị các chứng do thận yếu gây ra như biểu hư, hạ tiêu hư, bị thủy độc đình trệ ở bề mặt cơ thể, khí huyết không lưu thông được đến hạ chi, những người chứng lạnh trào lên trên và đổ mồ hôi, bệu nước, ở khớp cũng bị phù kèm theo đau. Ngoài Phòng kỷ và Hoàng kỳ là chủ dược, bài thuốc còn thêm cả thuốc lợi tiểu là Truật, bởi vì bài tiết kém và tiểu tiện ít cho nên cần phải làm cho lợi tiểu hơn và giảm đau đi liền với phù thũng và đổ mồ hôi. Là dương chứng và chân lạnh, cho nên mạch phù, nhưng phù nhược sắc.

Theo *Thực tế chẩn liệu*: Thuốc dùng cho những người da trắng bủng, bệu nước, nhão, dễ mệt và đổ nhiều mồ hôi. Thuốc còn được dùng cho những người chân phù, viêm khớp đầu gối, chứng phát phì, viêm khớp, lở loét chân, thông kinh. Mạch phần nhiều là phù nhược. Chứng bệnh béo trên thường xuất hiện nhiều ở những người phụ nữ giàu có.

Theo *Giải thích các bài thuốc chủ yếu hậu thế*: Thuốc dùng cho những người có thủy độc ở thể biểu, và lại biểu hư, khí huyết không lưu thông đến chân tay, với các chứng sau:

(1) Sau khi bị cảm mạo, da nhão, nhiệt không dứt, ghê gió, đổ mồ hôi liên tục, đau đầu, người đau, tiểu tiện kém.

(2) Viêm thận, hư thận, viêm thận khi có thai, bùi phù nề.

(3) Mụn, nốt, viêm cơ, viêm xương chân, viêm khớp đầu gối và ngón chân, lở loét, phù thũng.

(4) Những người bị béo bệu, cơ nhão.

(5) Các bệnh da, bệnh mày đay, ra mồ hôi nhiều, hôi nách.

(6) Chứng lạnh, khí uất, kinh nguyệt thất thường.

(7) Viêm khớp đầu gối dạng biến hình.

Theo *Thực tế chẩn liệu*: Đối tượng sử dụng của bài thuốc này là những người có chiều hướng bị béo bệu, cơ nhão, dễ mệt mỏi. Bài thuốc cũng có hiệu quả rõ rệt đối với chứng viêm khớp biến hình thuốc cũng được dùng trong trường hợp nước tụ ở khớp đầu gối, khi bị viêm khớp dạng thấp khớp. Thuốc rất có hiệu nghiệm đối với những người nửa dưới thân bị phù thũng nhiều, chân nặng

BÀI 187: PHÒNG KỶ PHỤC LINH THANG (BO I BUKU RYO TO)

Thành phần và phân lượng: Phòng kỷ 2,4-3g, Hoàng kỳ 2,4-3g, Quế chi 2,4-3g, Phục linh 4-6g, Cam thảo 1,5-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng đau và tê chân tay, phù thũng và chóng mặt ở những người chân tay bị phù thũng và có chiều hướng dễ bị lạnh.

Giải thích:

Theo sách *Kim quĩ yếu lược*: Là bài thuốc tương tự bài Phòng kỷ hoàng kỳ thang, đây là bài thuốc chữa phù thũng. Thuốc dùng cho những người có thể chất hư trạng, bệu nước thoát nước kém, nước bị ứ dưới da, biểu và hạ tiêu hư, khí huyết dưới chân bị trì trệ cho nên sinh ra các chứng phù thũng, đau đởn, lạnh, tê.

Phương hàm loại tị viết: "Bài thuốc này dùng cho những người da mọng nước, toàn thân béo phì, khó vận động. Đối với những người bụng bị trướng căng nước, xem ra thì không có nhuận trạch, da khô, đó là do dương khí bị thoát, những người đó khi dùng thuốc này cho thêm Phụ tử sẽ có hiệu nghiệm rõ rệt".

Theo *Giải thích các bài thuốc* và các tài liệu tham khảo khác: Đối tượng của bài thuốc này là âm chứng, chân tay phù thũng, thượng xung, đau đởn, hoặc bị liệt, người cảm thấy lạnh và thiếu máu.

Sách *Vật ngộ phương hàm khẩu quyết* viết: "Bài thuốc này dùng chủ yếu cho chứng phù nước dưới da, tương tự như trong bài Phòng kỷ hoàng kỳ thang. Nhưng, bài này bỏ Truật lại thêm Quế chi và Phục linh, cho nên càng có tác dụng với bệnh da. Bài này cũng sẽ rất hiệu nghiệm đối với những người toàn thân béo phì khó vận động, chân tay phù thũng mà trước đã dùng Linh quế, Truật cam, Chân vũ hoặc tương nhằm là bệnh đờm mà cho dùng thuốc dẫn đờm nhưng vẫn không có hiệu nghiệm, hoặc những người ỉa chảy kéo dài nhưng dùng thuốc ỉa chảy vẫn không dứt, dùng bài thuốc này cũng có khi khỏi. Những triệu chứng phức tạp ở da như chân tay phù thũng, trong tổ chức da mọng nước, cơ chân tay bị co dưới dạng co thắt (do nước bị nén) là những chỉ định của bài thuốc Phòng kỷ phục linh thang.

BÀI 188: PHÒNG PHONG THÔNG THÁNH TÁN (BO FU TSU SHO SAN)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 1.2g, Thược dược 1.2g, Xuyên khung 1.2g, Sơn chi tử 1.2g, Liên kiều 1.2g, Bạc hà diệp 1.2g ; Sinh khương 1.2g, Kinh giới 1.2g, Phòng phong 1.2g, Hoàng ma 1.2g, Đại hoàng 1.5g, Mang tiêu 1.5g, Bạch truat 2.0g, Cát cánh 2.0g, Hoàng cầm 2.0g, Cam thảo 2.0g, Thạch cao 2-3g, Hoạt thạch 3-5g.

Cách dùng và lượng dùng: Về nguyên tắc là *thang*.

Công dụng: Trị các chứng kèm theo của bệnh tăng huyết áp (tim đập mạnh, đau tê vai, thượng xung), chứng phát phì, phù thũng và bí đại tiện ở những người bụng đầy mỡ, hay bí đại tiện.

Giải thích:

Theo phân Trùng phong trong *Tuyên minh luận*: Phòng phong thông thánh tán trị các chứng trùng phong, các dạng phong nhiệt, bí đại tiện, nước giải đỏ và buốt, lở đầu lở mặt v.v...

Bài thuốc được giải thích: Các vị Đại hoàng, Mang tiêu và Cam thảo có tác dụng loại các thức ăn có trong vị tràng như trong Điều vị thừa khí thang, Phòng phong và Hoàng ma có tác dụng làm cho da mở để phát tán tà bệnh; Cát cánh, Sơn chi tử và Liên kiều có tác dụng giải độc tiêu viêm; Kinh giới và Bạc hà diệp thanh giải nhiệt ở phần đầu; Bạch truat cùng với Hoạt thạch có tác dụng bài tiết các loại thủy độc trong cơ thể ra ngoài theo đường thận và bàng quang, Hoàng cầm và Thạch cao có tác dụng tiêu viêm và trấn tĩnh; Đương quy, Thược dược và Xuyên khung có tác dụng điều chỉnh sự lưu thông của máu. Những người có thể chất như vậy thì máu thiên về tính acid và bài thuốc này có tác dụng kiềm hóa máu.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc hay dùng nhất cho những người phát phì có thể chất trùng phong thực chứng. Thuốc cũng có thể dùng cho những người vùng bụng quanh rốn đầy căng như chiếc trống. Thuốc không được dùng cho những người dù tăng huyết áp đến đâu đi nữa nhưng lại gầy, mặt xanh xao, cơ bụng không bị co thắt và rất chùng. Thuốc cũng kiêng đối với những người uống thuốc vào ăn uống thấy kém ngon hoặc bị đi ỉa chảy.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Bài thuốc này phần nhiều dùng cho những người có thể chất béo dễ bị trùng phong. Thuốc có tác dụng bài tiết và giải độc các loại độc bằng các cho tháo mồ hôi, qua đường tiểu tiện và đại tiện các loại thức ăn và nước uống bị ứ đọng trong cơ thể biến chứng thành các bệnh khác. Bài thuốc này được ứng dụng chữa các chứng thể chất phát phì, bí đại tiện thường xuyên, cao huyết áp, ngăn ngừa bị trùng phong, và các chứng tràn máu não, lở đầu, chứng viêm quầng, rụng tóc, đái đường.

BÀI 189: BỔ KHÍ KIẾN TRUNG THANG (HO KI KEN CHU TO)

Thành phần và phân lượng: Truật 5,5-7g, Phục linh 3-5g, Trần bì 2,5-3g, Nhân sâm 3g, Hoàng cầm 2g, Hậu phác 2g, Trạch tả 2-3g, Mạch môn đông 2-3g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng cho những người vị tràng yếu có cảm giác đầy trướng bụng.

Giải thích: Theo sách *Tể sinh phương* (xuất xứ của bài thuốc), *Giải thích các bài thuốc chủ yếu hậu thế* và *Chẩn liệu y điển* dùng chữ "kiện" chứ không phải chữ "kiến" và gọi bài thuốc là Bổ khí kiện trung thang. Bài thuốc này kết hợp bài Tứ quân tử thang và Bình vị tán bỏ Cam thảo, thêm các vị Hoàng cầm, Trạch tả, Mạch môn đông.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Đôi khi thuốc rất có hiệu quả đối với các chứng phù thũng hư chứng, bụng báng nước và cổ trằng. Khi bị thực thũng thì dùng các bài Sài linh thang, Phân tiêu thang, Ngũ linh thang, Mộc phòng dĩ thang, nhưng đối với những trường hợp hư chứng và sức khỏe suy yếu thì nên dùng bài thuốc này. Hoặc khi dùng các bài thuốc có vị ngọt như Tiểu kiến trung thang, Bổ trung ích khí thang càng bị phù hơn thì nên dùng bài Bổ khí kiện trung thang.

Theo *Giải thích các bài thuốc chủ yếu hậu thế*: Bài thuốc này dùng trị các chứng cổ trướng, bụng báng nước đôi khi rất hiệu nghiệm. Thuốc có tác dụng bổ trung, lợi tiểu. Thuốc cũng được dùng trị bụng báng nước do sơ gan biến chứng, viêm phúc mạc mạn tính và thận hư gây ra dùng các bài Phân tiêu thang, Mộc phòng kỷ thang và nhiều bài thuốc khác không hiệu nghiệm. Bài thuốc này cũng còn được dùng khi những người tỳ vị hư cho dùng Tiểu kiến trung thang, Bổ trung ích khí thang lại đâm ra phù thũng và bụng báng nước. Thuốc được ứng dụng trị các chứng bụng báng nước, phù thũng, cổ trằng, các biến chứng của sơ gan.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Thuốc được dùng trị các chứng cổ trướng, bụng báng nước và phù thũng hư chứng. Sức khỏe toàn thân bị giảm sút, phù thũng dưới dạng không có lực đàn hồi, mềm nhũn, vết lõm ấn xuống rất khó trở lại vị trí ban đầu. Đối tượng thích ứng với bài thuốc này là những người bị hư chứng không được dùng các bài Phân tiêu thang, Ngũ linh tán, Mộc phòng dĩ thang v.v... Như vậy, bài thuốc này được dùng cho những người thể chất bị hư nhược, bệnh trạng đã trở thành mạn tính và mất cơ hội sử dụng những bài thuốc dùng cho thực chứng.

BÀI 190: BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (HO CHU EK KI TO)

Thành phần và phân lượng: Nhân sâm 4g, Truật 4g, Hoàng kỳ 3-4g, Đương quy 3g, Trần bì 2g, Đại táo 2g, Sài hồ 1-2g, Cam thảo 1-1,5g, Can sinh khương 0,5g, Thăng ma 0,5-1g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng cho người thể chất hư nhược, mệt mỏi, suy nhược sau khi bị bệnh, ăn uống kém ngon, đờ mồ hôi trộm ở những người nguyên khí kém, chức năng vị tràng suy nhược và người dễ mệt mỏi.

Giải thích:

(1) Bài thuốc này còn có tên gọi khác là Y chủ thang bởi công hiệu đứng đầu trong các bài thuốc bổ của nó.

(2) Xuất xứ của bài thuốc là phần Nội thương trong Biện hoặc luận (của Lý Đông Viên).

(3) Bài thuốc có tên Bổ trung ích khí thang với ý nghĩa có tác dụng bổ trung, ích khí.

(4) Thuốc được dùng cho những người bị hư chứng hơn là ở Tiểu sài hồ thang, theo thứ tự Tiểu sài hồ thang > Sài hồ khương quế thang > Tiêu dao tán > Bổ trung ích khí thang.

(5) Nhân sâm, Truật, Trần bì và Cam thảo có tác dụng bổ vị làm cho vị khỏe ra; Hoàng kỳ và Đương quy tăng thêm dinh dưỡng cho da, trị chứng đờ mồ hôi trộm; Sài hồ và Thăng ma có tác dụng giải nhiệt, Sinh khương và Đại táo có tác dụng điều hòa các vị thuốc và làm tăng hiệu quả của bài thuốc.

Theo *Thực tế chẩn liệu*: Thuốc dùng cho những người hư chứng, dễ mệt mỏi, thành bụng đàn hồi kém. Thuốc được ứng dụng trị cảm mạo ở người hư nhược, viêm màng phổi, lao phổi, viêm phúc mạc, gầy về mùa hè, suy nhược sau ốm, lòi dom, liệt dương, bán thân bất toại, chứng tháo mồ hôi, v.v...

BÀI 191: BỔ PHẾ THANG (HO HAI TO)

Thành phần và phân lượng: Mạch môn đông 4g, Ngũ vị tử 3g, Quế chi 3g, Đại táo 3g, Cánh mễ 3g, Tang bạch bì 3g, Khoản đông hoa 2g, Sinh khương 2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Nghiền 8 vị trên, cho Tang bạch bì sắc trước với hơn 1 đấu nước, sôi 5 lần sau đó cho các vị thuốc kia vào sắc tiếp lấy 3 thăng, chia uống làm 3 lần.

Công dụng: Trị ho, khàn tiếng.

Giải thích:

Theo sách *Tiên kim phương*: Thuốc trị phổi thiếu khí (phế khí bất túc), nghịch mãn thượng khí, họng bị vướng, thở gấp, lạnh sống lưng, trong miệng lạnh như ngâm một cục tuyết, khàn mất tiếng, thổ huyết.

Thuốc trị phổi thiếu khí, bụng và ngực đầy tức, ho xuyên, khí nghịch lên, thổ ra máu, ngực và lưng đau, chân tay phiền nhiệt, sợ hoảng hốt da dựng lông, hoặc quát tháo, hát nghêu ngao hoặc cáu giận, nôn khan, tâm phiền, trong tai ù ù như có tiếng gió thổi mưa rơi, mặt trắng nhợt.

Theo các tài liệu tham khảo khác: Thuốc trị chứng phế khí bất túc, chứng ho do phế và vị hư hàn, nghịch mãn thượng khí, họng bị vướng tắc, thở gấp, lạnh sống lưng trong miệng lạnh như phải ngâm một cục tuyết, khàn mất tiếng, thổ huyết.

BÀI 192: MA HOÀNG THANG (MA O TO)

Thành phần và phân lượng: Ma hoàng 4-5g, Hạnh nhân 4-5g, Quế chi 3-4g, Cam thảo 1,5-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Sắc Ma hoàng với 360 cc nước lấy 260 cc, hớt bỏ bọt ở trên rồi cho các vị thuốc khác vào sắc tiếp lấy 100 cc, chia uống làm 3 lần.

Ma hoàng, nếu bỏ đốt thì lấy 3g.

Công dụng: Trị cảm mạo, ngạt mũi trong giai đoạn đầu bị phong tà có sốt, đau đầu, đau các khớp trong người.

Chú ý: Những người thân thể hư nhược không được dùng thuốc này.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*: Đây là bài thuốc trị thực chứng biểu nhiệt của thái dương bệnh. (1). Thuốc dùng cho những người ngày thường có thể chất khoẻ mạnh, chắc chắn và thể lực khá. Bệnh trạng là thực chứng, cho nên đó là những người có bệnh trạng nặng, kèm theo các triệu chứng phát sốt, ớn lạnh, nặng, đau đầu dữ, ho dữ, người rất đau. Các bệnh trạng này do thủy độc ở thể biểu gây ra, do đó, Ma hoàng thang là bài thuốc giải thủy độc ở thể biểu. Khác với Quế chi thang, bệnh nhân của bài thuốc này không đồ mồ hôi và giống với bài Cát căn thang ở chỗ mồ hôi không tự ra. Trường hợp thủy độc ở thể biểu trở thành mạn tính, lượng tiểu tiện giảm, phù thũng, nếu dùng bài thuốc này thì thêm 5g Truật gọi là Ma hoàng gia truật thang.

Sách *Phương hàm loại tự* viết: "Thuốc này trị chứng thương hàn không có mồ hôi, xuyên, hoặc những người hen bị cảm hàn. Ma hoàng thang (Thiên kim) gồm các vị: Ma hoàng, Độc hoạt, Xạ cam, Quế chi, Cam thảo, Mộc hương, Thạch cao, Hoàng cầm. 8 vị này trị đơn thũng cùng phong độc và phong chân ở trẻ em, thuốc cũng có công hiệu đối với những người bị phong chân, mê đay, sởi, phát sốt cao, bài tiết không được. Trẻ bị chứng viêm quầng (đơn độc) thì dùng thuốc này cùng với sài viên".

Theo *Chẩn liệu y điển*: Trước hết sắc Ma hoàng với 600 cc nước lấy 500 cc, hớt bọt trên rồi cho các vị thuốc khác vào sắc tiếp lấy 250 cc, bỏ bã, chia uống làm 3 lần khi thuốc còn nóng.

Đối tượng của bài thuốc là những người bị ớn lạnh, phát sốt, mạch phù khẩn, không ra mồ hôi và các chứng kèm theo với phát sốt như đau các khớp, đau vùng thắt lưng, ho xuyên, v.v... Những bệnh trạng này thường thấy trong thời kỳ đầu phát bệnh cảm mạo, cảm cúm và các bệnh nhiệt khác. Bài thuốc này có tác dụng cho ra mồ hôi và lợi tiểu, có người uống thuốc này vào ra mồ hôi và các chứng bệnh thấy giảm, người thoải mái, và cũng có người uống vào đi giải nhiều và bệnh giảm đi.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Đối tượng đầu tiên của bài thuốc này là những người khi bị bệnh nhiệt đau đầu, đau người, đau vùng thắt lưng, các khớp và ghê gió, v.v..., nhưng không ra mồ hôi. Những bệnh nhân đó, khi không sốt thì mạch cũng vẫn phù khẩn, có người bị ho và đổ máu cam.

Sách *Vật ngộ phương hàm khẩu quyết* viết: "Bài thuốc này dùng trị chứng thái dương thương hàn, không đồ mồ hôi. Những người bị cảm lạnh cảm phong sinh ra ho dùng thuốc này sẽ khỏi rất nhanh chóng. Asakawa suốt một đời dùng bài thuốc này để phòng xuyên". Sách *Cổ phương dược nang* viết: "Thuốc này dùng cho những người phát sốt, đau đầu, cổ, vai, lưng và vùng thắt lưng rất đau, hơi thở nóng, ho, tắc mũi hoặc đau họng hay nghe có tiếng thở khò khè, rét chứ không đồ mồ hôi, khí lực kém, mạch trầm. Những người bất kể có sốt hay không nhưng không có mồ hôi cũng nên dùng bài thuốc này".

BÀI 193: MA HẠNH CAM THẠCH THANG (MA KYO KAN SEKI TO)

Thành phần và phân lượng: Ma hoàng 4g, Hạnh nhân 4g, Cam thảo 2g, Thạch cao 10g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị hen ở trẻ em và hen phế quản.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*: Đây là bài Ma hoàng thang thay Quế chi bằng Thạch cao. Trong khi Quế chi loại trừ nhiệt ở bề mặt cơ thể (biểu) thì Thạch cao làm dịu nhiệt bên trong cơ thể. Kết hợp với Ma hoàng và Hạnh nhân, Thạch cao có tác dụng giải nhiệt và làm dịu đau, trị ho và độ ẩm hơi trộm. Ma hoàng và Hạnh nhân làm huyết lưu thông tốt, loại ứ nước và trị ho. Thuốc này có vị ngọt dễ uống cho nên dùng nhiều cho trẻ em. Bài thuốc này nếu thêm Tang bạch bì thành Ngũ hổ thang, có tác dụng chữa ho, ho xuyên và khó thở.

Theo *Chẩn liệu y điển* và *Thực tế ứng dụng*: Thuốc dùng cho những người ho dữ, khát hoặc tháo mồ hôi, người cảm thấy ngáy sốt. Bài thuốc cũng được dùng trị các chứng viêm phế quản và hen phế quản, nhất là hen và viêm phế quản dạng hen ở trẻ em, cảm mạo, viêm phổi, ho gà; ngoài ra, bài thuốc cũng có hiệu quả đối với những người đau trĩ và viêm tinh hoàn.

BÀI 194: MA HẠNH Ý CAM THANG (MA KYO YOKU KAN TO)

Thành phần và phân lượng: Ma hoàng 4g, Hạnh nhân 3g, dĩ nhân 10g, Cam thảo 2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị đau khớp, đau thần kinh và đau cơ.

Giải thích:

Theo sách *Kim quỹ yếu lược*: Đây là bài Ma hạnh cam thạch thang thay Thạch cao bằng ý dĩ nhân. ý dĩ nhân có tác dụng giảm bớt sự căng thẳng của cơ, loại trừ sự ứ trệ thủy độc và giảm đau, và cùng với Ma hoàng và Hạnh nhân, loại trừ cái đau ở khớp và cơ. Cam thảo hợp lực với ý dĩ nhân làm tăng hiệu quả của bài thuốc.

Theo *Chẩn liệu y điển*, *Thực tế ứng dụng*: Bài thuốc này dùng trị thấp cơ, thấp khớp, đau thần kinh, mụn cóc, tróc da ngón và lòng bàn tay, ghê. Ngoài ra, bài thuốc cũng còn được dùng trị chứng tê liệt, eczêma và xuyên.

BÀI 195: MA TỬ NHÂN HOÀN (MA SHI NIN GAN)

Thành phần và phân lượng: Ma tử nhân 4-5g, Thược dược 2g, Chi thực 2g, Hậu phác 2g, Đại hoàng 3,5-4g, Hạnh nhân 2-2,5g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Tán:* Ngày uống từ 1-3 lần, mỗi lần 2-3g.

Ma tử nhân bỏ vỏ. Nghiền tất cả các vị thuốc trên thành bột, dùng mật ong để luyện thành hoàn (mỗi hoàn khoảng 0,1g), mỗi lần uống 2-3g (20-30 hoàn). Hoặc là ngày uống 2-3 lần tùy theo mức độ bí đại tiện.

2. *Thang.*

Công dụng: Trị bí đại tiện.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận*: Đây là bài Tiểu thừa khí thang thêm các vị Ma tử nhân, Hạnh nhân và Thược dược.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Thuốc có tác dụng tốt đối với những người trong vị tràng có nhiệt, thiếu nước, phân khô cứng dạng cục, đi đại nhiều lần. Đối với những trường hợp táo bón hư hàn, nếu cho dùng Đại hoàng mang tiêu tể thì bụng bị đau, ỉa chảy dạng nước khiến người rất khó chịu. Trường hợp này phải dùng các loại ôn tể chẳng hạn như Nhân sâm, Phụ tử. Bài thuốc này nằm giữa hai dạng này.

Thuốc dùng cho các cụ già, những người hư chứng, tân dịch ít, máu táo, vị tràng có nhiệt bị bí đại tiện thường xuyên, song cũng có thể ứng dụng trị bí đại tiện và trĩ ngoại trong các trường hợp hay đi đại, đại dầm, thận teo.

Theo các tài liệu tham khảo khác: Đối tượng là người bí đại tiện thường xuyên, đại nhiều, những người da khô, người già thể lực suy nhược. Bài thuốc này kết hợp được tác dụng nhuận tràng của Ma tử nhân và tác dụng hoãn hạ của Tiểu thừa khí thang, để trị bí đại tiện có tính mất trương lực. Đối tượng của bài thuốc này là những người do đại nhiều, thành phần nước trong ruột bị thiếu dẫn tới bí đại tiện.

BÀI 196: DƯƠNG BÁCH TÁN (YO HAKU SAN)

Thành phần và phân lượng: Dương mai bì 2g, Hoàng bá 2g, Khuyển sơn tiêu 1g.

Cách dùng và lượng dùng: Dùng ngoài.

Công dụng: Trị bong gân và bị thương bị đòn.

Giải thích:

Theo sách *Các bài thuốc gia truyền nhà Asada*.

Bảng

Tên thuốc sống Tên tài liệu thảo khảo	Dương mai bì	Hoàng bá	Khuyển sơn tiêu	Thực tiêu	Nhai tiêu
Thực tế chẩn liệu (1)	2	2		1	
Chẩn liệu y điển (2)	2	2			1
Tập các bài thuốc	2	2	1		
Tập phân lượng các vị thuốc	2	2	1		

(1): Nếu dùng các vị thuốc này trộn với dấm ăn, hoặc lòng trắng trứng, hoặc cả hai đảo cho đều thành dạng nhuyễn đắp lên chỗ bị sưng và đau sau khi bị thương, bị đòn thì nó sẽ thúc đẩy sự hấp thu, giảm đau, đẩy nhanh quá trình hồi phục. Nếu da yếu thì dễ bị viêm lở do dấm ăn cho nên người ta rất ít khi dùng dấm ăn để trộn thuốc. Mỗi khi thay thuốc nên dùng Sinh khương thang để rửa. Hoặc không dùng dấm ăn, mà thêm bột tiểu mạch rồi dùng nước để nhào thuốc.

(2): Thuốc dùng khi bị bong gân, hoặc khi bị thương bị đòn.

BÀI 197: Ý DĨ NHÂN THANG (YOKU I NIN TO)

Thành phần và phân lượng: Ma hoàng 4g, Đương quy 4g, Truật 4g, ý dĩ nhân 8-10g, Quế chi 3g, Thược dược 3g, Cam thảo 2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị đau khớp, đau cơ.

Giải thích: Theo *Minh y chi chương*: ý dĩ nhân thang có trong cuốn Ngoại khoa chính tông, và trong sách Nhất quán đường cũng có ý dĩ nhân tán. Bài thuốc tiêu chuẩn này không thấy ghi trong các sách trên.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc thường được dùng trong trường hợp bệnh thấp khớp đã bước sang giai đoạn bán cấp và giai đoạn mạn tính. Thuốc cũng thường được dùng trị thấp khớp đa phát và viêm khớp dạng tương dịch, và được ứng dụng trị viêm khớp dạng lao, thấp cơ, cước khí.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Bài thuốc này thường được dùng trong trường hợp bệnh thấp khớp đã sang giai đoạn bán cấp và mạn tính. Thuốc dùng cho những người bệnh trạng nặng hơn trong các bài Ma hoàng gia truật thang, Ma hạnh ý cam thang, dùng thuốc này nhưng bệnh vẫn không khỏi, sốt và sưng khớp vẫn không tự khỏi theo thời gian. Bài thuốc cũng có thể dùng cho những người bệnh thấp khớp đã trở thành mạn tính và nặng hơn chút nữa sẽ phải dùng Quế thực tri mẫu thang. Thuốc dùng cho những người bị thấp khớp trong giai đoạn bán cấp, hoặc đã trở thành mạn tính, khớp không sưng và đau lắm nhưng không tự khỏi theo thời gian, và những người bị thấp cơ.

BÀI 198: ỨC CAN TÁN (YOKU KAN SAN)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3g, Điều đẳng câu 3g, Xuyên khung 3g, Truật 4g, Phục linh 4g, Sài hồ 2g, Cam thảo 1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng thần kinh, chứng mất ngủ, trẻ em đái dầm, cam ở trẻ em cho những người thể chất hư nhược, thần kinh bị hưng phấn.

Giải thích:

(1) Nghe nói bài này xuất hiện đầu tiên trong sách *Bảo anh toát yếu*.

(2) Bài thuốc này được dùng để trị chứng kinh giật ở trẻ em, đối tượng là những người can khí tăng, thần kinh quá mẫn cảm, hưng phấn, mất ngủ.

(3) Cái tên ức can tán xuất phát từ hiệu quả của bài thuốc là làm dịu bớt và trấn tĩnh sự hưng phấn của can khí.

(4) Đây là một bài biến dạng của Tứ nghịch tán, có tác dụng làm dịu sự kích thích của thần kinh não được gọi là cấp kinh phong ở những đứa trẻ hư nhược. Thuốc dùng trị chứng nghẹn cổ dạng thần kinh.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Dùng trị chứng động kinh, chứng thần kinh, suy nhược thần kinh, hysteria v.v... Thuốc còn được dùng để trị các chứng khóc đêm, mất ngủ, nghiến răng ban đêm, động kinh, phát sốt không rõ nguyên nhân, các chứng của thời kỳ mãn kinh, các chứng về đường của huyết, chân tay khẳng khiu, nghẹn cổ dạng thần kinh.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Thuốc dùng để trị các chứng thần kinh, mất ngủ, các chứng về đường của huyết, các di chứng của chảy máu não, trẻ em khóc đêm, bệnh gù, động kinh, nghiến răng ban đêm.

BÀI 199: ỨC CAN TÁN GIA TRẦN BÌ BÁN HẠ (YOKU KAN SAN KA CHIN PI HAN GE)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 3g, Điều đẳng câu 3g, Xuyên khung 3g, Truật 4g, Phục linh 4g, Sài hồ 2g, Cam thảo 1,5g, Trần bì 3g, Bán hạ 5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng thần kinh, mất ngủ, trẻ em khóc đêm, cam ở trẻ em, cho những người thể chất hư nhược, thần kinh bị hưng phấn.

Giải thích:

Theo *Bản triều kinh nghiệm phương*:

(1) Đây là bài biến dạng của Tứ nghịch tán.

(2) Hoặc là bài ức can tán thêm Trần bì và Bán hạ.

(3) Thuốc này có tác dụng trấn tĩnh những đứa trẻ hư chứng thần kinh não bị kích thích.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc trị các chứng suy nhược thần kinh, hysteria, các chứng thần kinh do các chứng của thời kỳ mãn kinh ở phụ nữ, trúng phong, khóc dạ đề, mệt mỏi, chân tay suy nhược (liệt nhẹ), ốm nghén, động kinh ở trẻ em, v.v...

Theo *Thực tế ứng dụng*: Thuốc dùng cho những người cơ bụng mềm nhão, nhịp đập động mạch bụng tăng vọt. Thuốc được ứng dụng để trị các chứng thần kinh, mất ngủ, các bệnh của huyết, chứng khóc đêm ở trẻ em, bệnh gù, di chứng của chảy máu não, động kinh, nghiến răng đêm (cả người lớn lẫn trẻ em), v.v...

BÀI 200: LẬP CÔNG TÁN (RIK KO SAN)

Thành phần và phân lượng: Tế tân 1,5-2g, Thăng ma 1,5-2g, Phòng phong 2-3g, Cam thảo 1,5-2g, Long đâm 1-1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Bài thuốc này ngâm rồi nuốt dần.

Công dụng: Trị đau răng và đau sau khi nhổ răng.

Giải thích:

Đây là bài thuốc của Lý Đông Viên trong *Chúng phương quy củ* và được coi là bài thuốc thần trị đau răng.

Bảng

Tên thuốc sống Tên tài liệu thảo khảo	Tế tân	Thăng ma	Phòng phong	Cam thảo	Long đâm
Chẩn liệu y điển	2	2	2	1.5	1
Số 11 quyển Hoạ thứ 10	1.5	1.5	3	2	1.5

BÀI 201: LỤC QUÂN TỬ THANG (RIK KUN SHI TO)

Thành phần và phân lượng: Nhân sâm 2-4g, Truật 3-4g, Phục linh 3-4g, Bán hạ 3-4g, Trần bì 2-4g, Đại táo 2g, Cam thảo 1-1,5g, Sinh khương 1-2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng viêm dạ dày, mất trương lực dạ dày, sa dạ dày, tiêu hóa kém, ăn uống không ngon miệng, đau dạ dày, nôn mửa ở những người vị tràng yếu, không muốn ăn, đầy tức ở vùng thượng vị, dễ mệt mỏi, chân tay dễ bị lạnh dạng thiếu máu.

Giải thích:

Theo sách *Vạn bệnh hồi xuân*: Đây là bài kết hợp giữa Tứ quân tử thang với Nhị trần thang. Bài thuốc được ứng dụng rộng rãi trị các chứng của Tứ quân tử thang đối với những người dịch vị tiết quá nhiều, nhưng người không đến mức suy nhược như trong Tứ quân tử thang, bệnh đã trở thành mạn tính.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Thuốc dùng cho những người vị tràng hư nhược có các chứng của bài Tứ quân tử thang nhưng có sức khỏe, bị ứ nước trong dạ dày. Đối tượng của bài thuốc này là những người hư chứng, vùng bụng trên bị đầy tức, ăn uống không ngon miệng, dễ mệt mỏi, thiếu máu, cả mạch lẫn bụng đều nhuễn nhược, ngày thường chân tay dễ bị lạnh.

Theo *Các tài liệu tham khảo và Thực tế ứng dụng*: Thuốc dùng cho những người thể chất hư nhược, da và cơ bắp không căng, phần nhiều là gầy và thiếu máu, nói chung người ta gọi là loại người thể chất yếu bị đầy tức ở vùng thượng vị, ăn uống không ngon miệng, sút cân. Người ta có thể nhận thấy ở những bệnh nhân đó mạch vô lực, bụng mềm nhão và yếu, vùng thượng vị và gân bên rốn có tiếng nước ọc ách.

BÀI 202: LONG ĐĂM TẢ CAN THANG (RYU TAN SHA KAN TO)

Thành phần và phân lượng: Đương quy 5g, Địa hoàng 5g, Mộc thông 5g, Hoàng cầm 3g, Trạch tả 3g, Xa tiền tử 3g, Long đăm 1-1,5g, Sơn chi tử 1-1,5g, Cam thảo 1-1,5g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng đái buốt, cảm giác đái không hết, nước tiểu đục, bạch đới ở những người thể lực tương đối khá, cơ bụng dưới có chiều hướng bị căng.

Giải thích:

Theo *Tiết thị lục thập chứng*: Bài thuốc này trị chứng viêm bàng quang và niệu đạo, là các loại bệnh thuộc thực chứng, thuốc được dùng chữa viêm niệu đạo dạng lậu cấp hoặc bán cấp, viêm bàng quang, dẫn tới đái buốt, hoặc bạch đới ở phụ nữ. Thuốc cũng dùng cho những người đái ra mù, vùng hạ bộ bị sưng và đau, tuyến háng bị sưng. Nói chung, đối tượng của bài thuốc này là những người thể lực chưa bị suy yếu, cả mạch lẫn bụng đều tương đối khỏe.

Theo *Chẩn liệu y điển*: Bài thuốc này còn dùng điều trị viêm màng trong tử cung (bạch đới), viêm tinh hoàn, sung bạch hạch, eczêma vùng hạ bộ, hôi nách, chứng vô sinh và hạ cam dạng nhuyễn do lậu mạn tính gây ra.

Theo *Thực tế trị liệu*: Ngoài tác dụng lợi tiểu, bài thuốc còn được dùng để tiêu viêm, giải nhiệt, trấn tĩnh.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Bài thuốc còn dùng điều trị trichomonas, biến chứng của xơ gan.

Tham khảo:

Bài Long đăm tả can thang ghi trong *Hòa tễ cục phương* gồm có 10 vị: Long đăm thảo, Sài hồ, Trạch tả mỗi vị một tiền, Xa tiền, Mộc thông, Sinh địa hoàng, Đương quy vĩ, Chi tử, Hoàng cầm, Cam thảo mỗi vị 5 phân. Nghiền thành bột rồi cho vào 3 bát nước để sắc lấy 1 bát, uống nóng trong bữa ăn.

BÀI 203: LINH KHƯƠNG TRUẬT CAM THANG (RYO KYO JUTSU KAN TO)

Thành phần và phân lượng: Phục linh 6g, Can khương 3g (không được dùng Sinh khương), Truật 3g, Cam thảo 2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng đau vùng thắt lưng, lạnh vùng thắt lưng, đái dầm ở những người bị đau và lạnh vùng thắt lưng và lượng tiểu tiện nhiều.

Giải thích:

Theo sách *Kim quỹ yếu lược*: Có thể coi Cam thảo can khương thang là nguồn gốc của bài thuốc này. Đây là bài thuốc trị chứng lạnh vùng thắt lưng. Quê chi của bài Linh quế truật cam thang được thay bằng Can khương, Nhân sâm trong Nhân sâm thang được thay bằng Phục linh. Do đó người ta có thể hiểu được công dụng của bài thuốc này. Bài thuốc này dùng cho những người không bị thương xung, thủy độc tập trung ở nửa dưới cơ thể. Do đó Can khương có tác dụng trợ ôn chống lại chứng hàn lãnh cũng khá mạnh. Cho nên đối tượng của bài thuốc này là lý hàn, những người từ sống lưng trở xuống rất lạnh, nước tiểu loãng như nước và lượng tiểu tiện nhiều. (Bài Cam thảo can khương thang gồm Cam thảo 4g, Can khương 2g dùng trị chứng đi niệu và hay đi đái).

Theo các tài liệu tham khảo khác: Thuốc dùng cho người vùng thắt lưng hoặc từ thắt lưng trở xuống cảm thấy lạnh. Đúng như người ta thường nói "như ngồi trong nước", hoặc "như thắt đai ngũ thiên kim". Vùng thắt lưng không chỉ cảm thấy lạnh mà còn cảm thấy nặng như thắt đai ngũ thiên kim, hoặc vừa lạnh vừa đau. Mạch thì trầm tế, lưỡi không có rêu, miệng không khát, nhìn chung là thành bụng mềm, tiểu tiện bất lợi và hay đi đái. Thuốc cũng dùng cho những người bị eczêma kèm theo chất bài tiết loãng giống như bị lãnh thấp và âm hạ thấp.

Phần Ngũ tạng phong hàn tích tụ bệnh của sách *Kim quỹ yếu lược* viết: "Những người bị bệnh gọi là thận trừ (bệnh từ vùng thắt lưng trở xuống), người cảm thấy nặng nề khó chịu, vùng thắt lưng lạnh như ngồi trong nước, người giống như phù thũng nhẹ, trong khi đó miệng không khát, tiểu tiện nhiều, bệnh thuộc vùng hạ tiêu giống như những bệnh do ăn uống gây nên, người mệt mỏi, đồ mồ hôi, biểu lý (trong và ngoài) lãnh thấp, nếu bệnh kéo dài thì vùng từ thắt lưng trở xuống lạnh và đau, thắt lưng nặng như thắt đai ngũ thiên kim, những người như vậy phải dùng bài Cam khương linh truật thang".

BÀI 204: LINH QUẾ CAM TÁO THANG (RYO KEI KAN SO TO)

Thành phần và phân lượng: Phục linh 6g, Quế chi 4g, Đại táo 4g, Cam thảo 2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Dùng cho những người mạch đập mạnh, thần kinh hưng phấn.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận* và sách *Kim quỹ yếu lược*: Đây là bài Linh quế truật cam thang bỏ Truật, thêm Đại táo. Thuốc dùng cho những người có vùng tức bụng dưới trở lên máy động và đau kịch phát như dồn ép lên trên.

Theo *Giải thích các bài thuốc*: Đối tượng số một của bài thuốc này là mạch vùng dưới rốn đập mạnh, đôi khi những cơn mạch đập đó dâng lên phía trên hoặc có cảm giác bị nghẹt ở vùng ngực, hoặc gây ra đau dữ ở hạ bộ và vùng bụng dưới, gây ra nôn mửa, hoặc đau đầu. Thuốc còn dùng để trị các chứng bệnh khác như nhịp tim tăng vọt, chóng mặt, đổ mồ hôi trán, thượng xung, v.v... Mạch phần nhiều là phù sắc, song cũng có trường hợp mạch trầm. Các triệu chứng ở bụng thể hiện dưới dạng co thắt ở vùng bụng dưới, và giật ở cơ thẳng đứng bên phải của bụng.

Phần Thái dương bệnh của sách *Thương hàn luận* viết: " Những người sau khi phát hãn vùng dưới rốn máy động mạnh và muốn phát chứng bồn đôn thì phải dùng bài Phục linh quế chi cam thảo đại táo thang ".

Theo *Thực tế ứng dụng* và các tài liệu tham khảo khác: Thuốc dùng cho những người mạch đập mạnh ở dưới rốn đột nhiên dâng lên phía ngực gây ra hiện tượng đánh trống ngực dồn dập. Mạch đập mạnh ở phần dưới rốn dâng lên tới tận họng và mạnh tới mức hầu như muốn nẹt thở. Khi bệnh này diễn ra, người bệnh có cảm giác như có vật gì dâng lên chèn lầy ngực, và khi bệnh nặng thì có thể gây ra bất tỉnh nhân sự. Khi đó nhịp đập ở vùng bụng rất mạnh, cả vùng bụng máy động, vùng thượng vị như bị chẹn lại, nhịp thở gấp gáp, có trường hợp gây ra kinh giật ở chân và tay.

BÀI 205: LINH QUẾ TRUẬT CAM THANG (RYO KEI JUTSU KAN TO)

Thành phần và phân lượng: Phục linh 6g, Quế chi 4g, Truật 3g, Cam thảo 2g.

Cách dùng và lượng dùng: Thang.

Công dụng: Trị các chứng thân kinh dễ bị kích thích, rối loạn thần kinh chức năng, chóng mặt, tim đập mạnh, tức thở, đau đầu ở những người chóng mặt, người lão đảo, tim đập mạnh và lượng tiểu tiện giảm.

Giải thích:

Theo sách *Thương hàn luận* và sách *Kim quỹ yếu lược*: Đây là bài thuốc loại trừ nước giống như Ngũ linh tán, bài thuốc này được dùng trị các thủy chứng do nước ứ trong dạ dày gây ra. Bệnh trạng được biểu hiện dưới các dạng thủy chứng, chóng mặt, tức thở, mạch tim tăng vọt, cảm giác người lao đao, ứ nước trong dạ dày, lượng tiểu tiện giảm do nước ứ cùng với khí thượng xung gây ra. Do đó bài thuốc này khác với Ngũ linh tán ở chỗ bệnh nhân của bài thuốc Ngũ linh tán do có lý nhiệt nên có ứ nước trong dạ dày bị đẩy ngược trở ra dẫn tới nôn mửa, khát nước, còn trong những chứng này thì không có chứng nhiệt. Bài Liên châu ẩm dùng cho những bệnh nhân bị các chứng bệnh của bài thuốc này cộng thêm chứng hư huyết, là bài thuốc kết hợp với bài thuốc này với Tứ vật thang. Có khá nhiều bài thuốc tương tự với bài thuốc này: Linh khương truật cam thang thay Quế chi trong bài thuốc này bằng Can khương, Phục linh cam thảo thang thay Bạch truật bằng Sinh khương, Linh quế cam thảo thang thay Bạch truật bằng Đại táo, Linh quế vị cam thang thay Bạch truật bằng Ngũ vị tử, v.v...

Sách *Phương hàm loại tụ* viết: "Mục đích của bài thuốc này là loại trừ nước ứ. Khí thượng xung lên họng, hay chóng mặt cũng như run chân tay, tất cả đều là do nước ứ mà ra. Những người chóng mặt mà vùng thượng vị nghịch mẫn, buồn nôn thì dùng thuốc này. Nếu dùng thuốc này mà vẫn không khỏi thì dùng Trạch tả thang. Những người đó tuy không còn chóng mặt, nhưng dạ dày vẫn còn yếu, do đó mặt vẫn nhăn nhó khó chịu. Bài thuốc này thêm một vị Thục tử để trị xuyên. Thuốc cũng có tác dụng đối với những người chân bị teo do thủy khí, ngoài ra thuốc còn được dùng cho những người chân run, vùng thắt lưng đau, khí nằm xuống thì vùng xương sống chuyển rần rật hoặc mạch trên toàn thân chuyển, những người bị ù tai và nôn".

Theo *Chẩn liệu y điển*: Bài thuốc này được dùng cho các đối tượng thủy độc bị ứ đọng ở vùng bụng trên, lượng tiểu tiện giảm, khí thượng xung, chóng mặt người cảm thấy lao đao, mạch đập tăng vọt. Các triệu chứng này giống triệu chứng của bài Chân vũ thang, nhưng Chân vũ thang thì âm chứng còn bài thuốc này thì dương chứng, cho nên mạch khỏe, bụng tuy có tiếng nước óc ách nhưng cơ bụng khỏe chứ không mềm nhão.

Theo *Thực tế ứng dụng*: Thuốc dùng cho những người có thủy độc ứ ở phần bụng trên gây ra mạch đập mạnh và chóng mặt. Có nhiều mức chóng mặt khác nhau: ngồi xuống đứng lên chóng mặt hoa mắt, người cảm thấy lao đao, song hoa mắt là triệu chứng chủ yếu của loại bệnh này. Đồng thời, bị tức thở, mạch đập tăng vọt, đau đầu thượng xung, lượng tiểu tiện giảm. Mạch trầm khẩn, phần bụng nhìn chung là mềm nhão, vùng bụng trên có tiếng nước óc ách, hơi căng. ở xung quanh rốn, phần nhiều là mạch đập của động mạch vùng bụng tăng mạnh.

Sách *San anh tân trị liệu tạp thoại* viết: "Bài thuốc này có tác dụng trị bệnh động kinh, tiếng đập thồn thục trong bụng mạnh, khí dâng từ bụng dưới lên ngực, thở gấp, chân tay co thắt. Đối tượng của bài thuốc là vùng bụng trên bị chướng ngồi xuống đứng lên bị choáng đầu, mạch đập nhanh, còn những người sắc mặt tươi, mạch không trầm và căng thì bài thuốc này không có hiệu quả. Đó là bí quyết của gia đình nhà Wada".

BÀI 206: LỤC VỊ HOÀN (ROKU MI GAN)

Thành phần và phân lượng:

1. *Thang*: Địa hoàng 5-6g, Sơn thù du 3g, Sơn dược 3g, Trạch tả 3g, Phục linh 3g, Mẫu đơn bì 3g.
2. *Tán*: Địa hoàng 6-8g, Sơn thù du 3-4g, Sơn dược 3-4g, Trạch tả 3g, Phục linh 3g, Mẫu đơn bì 3g.

Cách dùng và lượng dùng:

1. *Thang*: Có thể sắc uống như Bát vị địa hoàng thang.
2. *Tán*: Dùng mật ong luyện thành hoàn, mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 2g.

Công dụng: Trị các chứng đái khó, đái rắt, phù thũng và ngứa ở những người dễ mệt mỏi, lượng tiểu tiện giảm hoặc đái rắt, đôi khi miệng khát.

Giải thích:

Theo sách *Tiểu nhi trực quyết*: Thuốc này còn có tên là Lục vị địa hoàng hoàn. Các triệu chứng của bài thuốc này lấy triệu chứng của bài Bát vị hoàn làm tiêu chuẩn, song nó được bổc cho những người khó xác định đó là âm chứng và không dùng được Phụ tử. Do đó bài thuốc này là bài Bát vị hoàn bỏ các vị Quế chi, Phụ tử. Những người ăn uống không ngon miệng và có chiều hướng ỉa chảy tuyệt đối không được dùng bài thuốc này.

Theo *Giải thích các bài thuốc hậu thế*: Bài thuốc này dùng cho những người sức khỏe yếu, sinh lý suy nhược, liệt dương, di tinh, ù tai, những người bước sang tuổi già, lưng đau, mắt mờ và thị lực giảm sút. Bài thuốc này cũng có thể dùng dưới dạng sắc uống như Bát vị địa hoàng thang. Trong trường hợp khó phân biệt nên dùng bài thuốc này hay Bát vị hoàn bỏ Phụ tử mà thêm Hoàng bá.

Theo *Liệu pháp đông y thực dụng*: Thuốc dùng cho những người dễ bị mệt, vai dễ mỏi, đôi khi bị chóng mặt, nặng đầu, có cảm giác bải hoải ở vùng từ thắt lưng trở xuống, đầu gối dễ bị trẹo, đêm đi tiểu nhiều lần và mỗi lần tiểu tiện thường lại muốn uống nước, dùng tay nắn phía trên và dưới rốn người ta thấy cơ bụng phía dưới rốn yếu hơn ở phía trên rốn rất nhiều. Những người bị các chứng như vậy thì bài thuốc này rất hiệu nghiệm.